

Lược Giảng Giáo Nghĩa Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên
(nguyên tác: Phổ Hiền Đại Sĩ Hạnh Nguyên Đích Khải Thị)



Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không
Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
(dịch theo bản in của Hoa Tạng Tịnh Tông Học Hội, năm 2001)

Nguồn

<http://niemphat.net>

Chuyển sang ebook 18-6-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

Lời Nói Đầu

A. Dẫn nhập

B. Giải thích kinh văn

I. Phần trường hàng

1. Mười đại nguyện vương

1.1. Nguyện thứ nhất: Lễ kính chư Phật

1.2. Nguyện thứ hai: Xưng tán Như Lai

1.3. Nguyện thứ ba: Rộng tu cúng dường (23)

1.4. Nguyện thứ tư: Sám hối nghiệp chướng

1.5. Nguyện thứ năm: Tùy hỷ công đức

1.6. Nguyện thứ sáu: Thỉnh chuyên pháp luân

1.7. Nguyện thứ bảy: Thỉnh Phật trụ thế

1.8. Nguyện thứ tám: Thường tùy Phật học

1.9. Nguyện thứ chín: Hằng thuận chúng sanh

1.10. Nguyện thứ mười: Phổ giai hồi hướng (21)

II. Trùng tụng

1. Tụng mười đại nguyện vương

1.1. Kệ tụng lễ kính chư Phật

1.2. Kệ tụng xưng tán Như Lai

1.3. Kệ Tụng Quảng Tu Cúng Dường

- 1.4. Kệ tụng sám hối nghiệp chướng
- 1.5. Kệ tụng tùy hỷ công đức
- 1.6. Kệ tụng thỉnh chuyên pháp luân
- 1.7. Kệ tụng thỉnh Phật trụ thế
- 1.8. Kệ tụng thường tùy Phật học
- 1.9. Kệ tụng hằng thuận chúng sanh
- 1.10. Kệ tụng phổ giai hồi hướng
 - 1.10.1. Nguyên thọ trì
 - 1.10.2. Nguyên tu hành được hai thứ lợi ích
 - 1.10.3. Nguyên thành thực chúng sanh
 - 1.10.4. Nguyên chẳng lìa
 - 1.10.5. Nguyên cúng dường
 - 1.10.6. Nguyên lợi ích:
 - 1.10.7. Nguyên chuyển pháp luân
 - 1.10.8. Nguyên Tịnh Độ
 - 1.10.9. Nguyên thừa sự
 - 1.10.10. Nguyên thành Chánh Giác

Lời Nói Đầu

Nhờ công sức dịch thuật và hoằng truyền của hòa thượng Trí Tịnh, phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên được trì tụng rất phổ biến trong giới Phật Tử Việt Nam, tiếc là từ trước đến nay, ít có vị tôn túc nào dành thời gian giảng giải tỉ mỉ cho hàng Phật tử sơ cơ được thấu hiểu phần nào huyền nghĩa bao la của kinh Hoa Nghiêm được cô đọng trong phẩm kinh này.

Do vị trí đặc biệt của phẩm kinh này đối với pháp môn Tịnh Độ (cư sĩ Ngụy Mặc Thâm xếp phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên vào Tịnh Độ Ngũ Kinh), chúng tôi luôn mong mỏi được đọc một bản chú giải hay giảng ký nào xiển dương thật rõ giáo nghĩa phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên. Trong Đại Tạng Kinh không thiếu các bản chú giải, sơ giải phẩm này, nhưng đa phần vẫn nghĩa quá rộng, chú trọng nhiều về mặt Lý nên hầu như chỉ thích hợp cho những hành giả thượng căn thuộc Hoa Nghiêm Tông hay dành riêng cho các vị đại tri thức, học giả nghiên cứu. Khi thử đọc tác phẩm chú giải lừng danh Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm Biệt Hành Sở Sao (tác phẩm được coi là bản chú giải đặc sắc nhất, tinh vi nhất của phẩm kinh này), chúng tôi hoàn toàn choáng ngợp và buồn tủi nhận thấy mình khó thể lãnh hội được chút phần. Những lời Sao của ngài Khuê Phong Tông Mật và lời Sở của ngài Trừng Quán quá cao siêu, tinh vi, uyên áo, câu văn quá súc tích, nếu chúng

tôi không lượng sức, cứ dịch bừa ra, chắc chắn sẽ không tránh khỏi tình trạng diễn dịch sai lạc ý kinh, ý Tổ, tự mình làm, khiến người làm, gây tội nghiệt nặng nề khó thể cứu vãn.

Thử tìm đọc những trước tác của các tôn đức Trung Hoa cận đại, chúng tôi thấy tác phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm Tập Yếu Sớ của ngài Đệ Nhàn rất uyên áo, nhưng quá thiên trọng về Lý, câu văn lại quá súc tích, khó lòng chuyển ngữ đầy đủ, gây gọn sang tiếng Việt được. Thêm nữa, để hiểu được lời Sớ của Ngài, nếu không hiểu biết đôi chút về giáo nghĩa Hoa Nghiêm và giáo nghĩa Thiên Thai, hành nhân sơ cơ không dễ gì lãnh hội được. Những bản giảng ký của các vị như trưởng lão Từ Châu, pháp sư Từ Hàng, pháp sư Viên Anh, pháp sư Văn Châu cũng thiên nhiều về luận giải giáo nghĩa của kinh văn theo quan điểm của tông Hoa Nghiêm, hơn là chú ý đến khía cạnh ứng dụng tu tập các hạnh nguyện ấy một cách cụ thể; cũng như chưa hiển thị rõ ràng mối quan hệ thân thiết giữa phẩm kinh này với ba kinh Tịnh Độ.

Riêng bản Phổ Hiền Đại Sĩ Hạnh Nguyên Đích Khải Thị của lão pháp sư Tịnh Không rất đặc biệt. Ngài chỉ chú trọng đến những ý chính của kinh văn, dùng những ngôn từ mộc mạc rất dễ hiểu khiến người đọc hiểu ngay cốt tủy từng lời nguyện và làm thế nào để vận dụng tu tập những hạnh nguyện ấy trong cuộc sống thường nhật. Điểm đặc sắc là từng lời nguyện, từng lời kệ được lão pháp sư giải thích dưới lăng kính Tịnh Độ nên rất khế cơ đối với hành giả Tịnh Độ. Những lời lão hòa thượng giảng giải sẽ giúp họ củng cố niềm tin, nhất tâm chuyên tu, tránh khỏi cảnh đứng núi này trông núi nọ. Vì thế, trong ba bản giảng ký về Bồ Tát Phổ Hiền của Ngài, chúng tôi chọn dịch bản này vì tính cách giản dị, thiết yếu và hỗ trợ hoàng dương Tịnh Tông của nó.

Ngoài ra, để giúp cho những hành nhân Tịnh nghiệp sơ cơ như chúng tôi có dịp hiểu sâu hơn kinh văn và học thêm những thuật ngữ đặc thù của Hoa Nghiêm hay kinh điển Đại Thừa nói chung, chúng tôi chọn dịch những lời giải thích của lão cư sĩ Hoàng Trí Hải trong tác phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm Bạch Thoại Giải Thích để làm cước chú cho những từ ngữ trong kinh không được Hòa Thượng Tịnh Không nhắc đến trong bài giảng này.

Ngưỡng nguyện dịch phẩm thô lậu này sẽ giúp cho các đồng tu củng cố niềm tin nơi pháp môn Tịnh Độ và ngày càng tinh tấn dững mãnh chuyên tu.
Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa kính bạch

A. Dẫn nhập

Chư vị đồng tu!

Hôm nay chúng tôi có nhân duyên thù thắng phi thường được báo cáo cùng quý vị những lời khai thị trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện của kinh Hoa Nghiêm. Tuy vậy, do thời gian không đủ, chẳng thể giảng chi tiết, nhưng bằng phương thức nghiên cứu, học tập rồi báo cáo này, tôi tin tưởng các đồng tu nhất định sẽ thấu hoạch nhiều hơn là nghe giảng kinh bình thường. Hiện tại, con người bận rộn công việc, dù kinh điển nhà Phật rất hay, rốt cuộc vẫn chẳng thể hoàn toàn phù hợp nhu cầu con người hiện đại. Bởi thế, nghiên cứu, học tập để báo cáo có mối quan hệ thân thiết đối với cuộc sống, đức hạnh, tu trì, gia đình mỹ mãn, xã hội yên ổn, tốt đẹp. Nêu ra cách nghiên cứu, tu tập, gạn lấy những tinh hoa, khiến cho những ý nghĩa trọng yếu trong kinh được phô bày rõ ràng, chúng ta nghe xong chắc chắn sẽ đạt được lợi ích chân thật.

Trước khi báo cáo, trước hết hãy giới thiệu kinh Hoa Nghiêm.

Đại Tạng Kinh là hết thảy những pháp Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm; rốt cục, đức Phật giảng cho chúng ta những gì? Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật nói đến ba thứ chân thật:

- 1) Chân thật tế.
- 2) Chân thật trí huệ.
- 3) Chân thật lợi ích.

Trong bốn mươi chín năm, đức Phật giảng cho chúng ta hết thảy kinh là giảng “Thật Tướng của các pháp”. Nói theo ngôn ngữ hiện đại, Thật Tướng của các pháp chính là chân tướng của nhân sanh vũ trụ. Nhân sanh chính là bản thân con người chúng ta; vũ trụ là hoàn cảnh sanh sống của chúng ta. Đức Thế Tôn xuất hiện trong thế gian, những điều Ngài giảng trong bốn mươi chín năm chính là chân tướng và hoàn cảnh chúng ta đang sống. Phật giáo về bản chất chính là những điều răn dạy của Thích Ca Mâu Ni Phật đối với hết thảy chúng sanh trong mười pháp giới; Phật giáo không phải là tôn giáo, mà là giáo dục. Giáo dục Phật giáo cứu cánh viên mãn, giúp chúng ta phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Phá mê khai ngộ là chân thật trí huệ, lìa khổ được vui là chân thật lợi ích. Lão hòa thượng Hư Vân dạy chúng ta:

“Học Phật phải tin sâu nhân quả, nghiêm trì giới luật, tín tâm kiên cố, quyết định hành môn”.

Giáo dục Phật giáo bác đại tinh thâm, bất cứ học thuật hay tôn giáo nào cũng đều chẳng thể sánh bằng được. Chúng ta thời gian, tinh lực một đời hữu hạn, làm sao tu học được? Vì thế phải tinh tuyển (chọn lấy những tinh hoa). Phải chọn lựa, phải hiểu nghĩa. Những đạo lý Phật dạy, những phương pháp đức Phật đã trao, chúng ta phải hiểu rõ ràng để ứng dụng vào cuộc sống thường nhật. Nền giáo học nhà Phật nhằm đem lại cho chúng ta lợi ích chân thật, nói cụ thể là cả một đời hạnh phúc, sung sướng, gia đình mỹ mãn, sự nghiệp thuận lợi, xã hội yên ổn, tốt đẹp, quốc gia giàu mạnh, thế giới hòa bình, nền giáo dục của Phật Đà đều thực hiện được hết. Đó chỉ là Hoa Báo, tức là quả báo trong đời này; quả trong đời sau gọi là Quả Báo, càng thù thắng hơn nữa. Đặc biệt là Hoa Nghiêm quả báo thù thắng, chúng ta không cách gì tưởng tượng nổi đâu!

Kinh Hoa Nghiêm là kinh bậc nhất trong nhà Phật, là pháp luân viên mãn của đức Phật. Bộ kinh này chính là cương lĩnh của toàn bộ Phật pháp, là khái luận của toàn bộ Phật học. Hết thấy kinh đều là quyền thuộc của kinh Hoa Nghiêm, đều là một bộ phận nào đó của kinh Hoa Nghiêm. Bộ kinh này giảng toàn thể nhân sanh vũ trụ; kinh này viên mãn như thế nào? Đến tối hậu, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc thì kinh này mới là viên mãn rất ráo.

Cổ nhân nói: *“So trong hết thấy kinh, kinh Hoa Nghiêm là bậc nhất. Dem kinh Hoa Nghiêm so với Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ bậc nhất. Hoa Nghiêm đến tối hậu, Phổ Hiền dùng mười nguyện dẫn về Cực Lạc mới là viên mãn, kinh Vô Lượng Thọ từ đầu đến cuối chữ nào câu nào cũng giảng về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Bởi thế, kinh Vô Lượng Thọ là chỗ quy túc của kinh Hoa Nghiêm”.*

Đại sư Thiên Đạo đời Đường nói: *“Hết thấy chư Phật Như Lai thị hiện trong nhân gian thuyết pháp chỉ nhằm giới thiệu công đức lợi ích của Tây Phương Cực Lạc thế giới cho mọi người”.*

Kinh Hoa Nghiêm có ba bản dịch (1): bản dịch đời Tấn gồm sáu mươi quyển, bản dịch đời Đường gồm tám mươi quyển, bản dịch bốn mươi quyển thuộc niên hiệu Trinh Nguyên đời Đường Đức Tông (thường gọi là Tứ Thập Hoa Nghiêm). Tứ Thập Hoa Nghiêm bao gồm toàn văn phẩm Phổ Hiền Bồ

Tát Hạnh Nguyên. Đại sư Thanh Lương phán định kinh Hoa Nghiêm gồm “thất xứ cửu hội” (chín pháp hội giảng kinh ở bảy nơi) (2).

Nội dung kinh này theo đại sư Thanh Lương phán định gồm bốn khoa lớn “tín, giải, hạnh, chứng” (3), chúng ta cần phải hiểu rõ. Nội dung kinh này ngoài bốn phần trên ra, còn có năm tầng nhân quả (ngũ châu nhân quả): Mười một quyển đầu là Sở Tín Nhân Quả; bốn mươi một quyển giữa trước hết giảng về Nhân Quả Sai Biệt, phần sau giảng về Nhân Quả Bình Đẳng; bảy quyển giảng về Thành Hạnh Nhân Quả, tức là phẩm Ly Thế Gian, hoàn toàn giảng về phương pháp tu hành; hai mươi một quyển sau cùng giảng về Chứng Nhập Nhân Quả (trong Tứ Thập Hoa Nghiêm, phần này thuộc quyển bốn mươi).

Ngoài ra, còn nói đến Lục Tướng, Thập Huyền Môn, Tứ Pháp Giới (4), đây chính là chân tướng nhân sanh vũ trụ, tức là chân tướng của chúng ta và hoàn cảnh sanh hoạt. Nói đến đại thế giới, nói đến vũ trụ thì trong kinh này đức Phật giảng hai mươi tầng Hoa Tạng thế giới; nói như bây giờ là Vũ Trụ Quan. Về phương diện hành môn, kinh này đặc biệt chú trọng “trải sự để luyện tâm”. Tu hành từ đâu? Tu hành ngay trong sanh hoạt thường nhật, ngay trong những lúc mặc áo, ăn cơm, xử sự, đãi người, tiếp vật mà luyện tập cái tâm thanh tịnh, tâm quảng đại, tâm bình đẳng, tâm đại từ đại bi của chính mình thì mới là thọ dụng chân thật.

Thiện Tài đồng tử tham phỏng năm mươi ba lần là điểm đặc sắc của kinh Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm chẳng những có lý luận viên mãn, phương pháp châu đáo tường tận mà còn có Thiện Tài và Văn Thù, Phổ Hiền... năm mươi ba vị đại Bồ Tát biểu diễn cho chúng ta, dạy chúng ta tu hành như thế nào. Năm mươi ba vị thiện tri thức đại diện nam, nữ, già, trẻ, các hạng, các nghiệp trong xã hội hiện tại. Đại Thừa Phật pháp ai cũng học được, ai cũng tu được, ai cũng thành tựu được. Hễ chân chánh phát tâm học Phật thì chỉ có mỗi một mình ta là học trò. Thiện Tài đồng tử không có đồng bạn, không có đồng học, gặp ai cũng đều là thiện tri thức; nói như bây giờ: Ai cũng là thầy mình cả. Không Tử nói: “Ba người cùng đi, ắt có người là thầy ta”. Người tốt lẫn kẻ xấu đều là thầy mình.

Người tốt làm chuyện tốt, chúng ta phải học theo; họ là thầy của mình. Kẻ ác làm chuyện gì chúng ta phải cảnh tỉnh, chẳng được học theo; họ cũng là thầy của ta. Khi tham phỏng bậc Bồ Tát Cửu Trụ là Thắng Nhiệt Bà La Môn, ông ta ngu si, Thiện Tài chẳng học theo cái ngu si đó. Khi tham phỏng Đệ Thất Hạnh Vị Bồ Tát là Cam Lộ Hòa Vương, tâm sân khuể nặng nề; bậc

Đệ Ngũ Hồi Hương Bồ Tát là Phật Tô Mật Đa nữ là một cô gái điếm, đại biểu cho tham ái. Ba vị đại Bồ Tát tượng trưng cho ba độc phiền não Tham - Sân - Si. Trong xã hội hiện thời, bậc trí thức có đủ Tham - Sân - Si chẳng ít, nếu chúng ta có được trí huệ như Thiện Tài, có bản lãnh như Thiện Tài, chúng ta hành xử giống như Ngài thì sẽ thành được Vô Thượng Đạo chẳng trở ngại gì.

Kinh này cho thấy hành Bồ Thí chẳng trở ngại viên dung, viên dung chẳng trở ngại việc hành Bồ Thí. Đại Thừa Phật pháp tu học siêu việt quốc giới, chủng tộc, tôn giáo, còn siêu việt cả thiện ác, siêu việt mười pháp giới; đó là những điều chúng ta phải nhận thức, thể hội từ kinh Hoa Nghiêm. Mỗi một địa vị, giai cấp có một thiện hữu đại biểu, chỉ mình Đức Sanh đồng tử và Hữu Đức đồng nữ là cùng hiện diện trong một hội: Đức Sanh đồng tử đại biểu trí huệ, Hữu Đức đồng nữ đại biểu từ bi. Bi - Trí song vận mới hồng mau chóng đạt đến cảnh giới rốt ráo viên mãn. Đây là dạy chúng ta trong cuộc sống, đối người xử vật phải có trí huệ, phải có phương tiện thiện xảo.

Thiện Tài đồng tử tham phòng Di Lạc Bồ Tát, thăm viếng lầu gác của ngài Di Lạc - [lầu gác ấy] nói như bây giờ là thư viện - chẳng những chứa sách phong phú mà băng ghi âm, băng ghi hình cũng rất phong phú. Vì sao vậy? Vì trong lầu gác đó có thể nhìn thấy vô lượng vô biên các cõi nước Phật giống như hình ảnh xuất hiện trên màn bạc. Bởi thế, thư viện đó chính là “thị thính đồ thư quán” (thư viện có đủ phương tiện, tài liệu âm thanh lẫn hình ảnh). Thiện Tài đến đó đại khai viên giải, hiểu viên mãn. Cuối cùng, vị thiện trí thức thứ năm mươi ba là Phổ Hiền Bồ Tát, dạy đồng tử mười đại nguyện, mười đại nguyện tiêu biểu cho hạnh môn viên mãn. Thư viện của ngài Di Lạc là học vấn viên mãn, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền đại sĩ là đức hạnh viên mãn. Học vấn và đức hạnh đều viên mãn là thành Phật, đạt đến đó là thành tựu vô thượng Phật đạo. Đây chính là điều khai thị viên mãn rốt ráo vĩ đại của kinh Hoa Nghiêm.

Trong kinh này, đức Phật dạy chúng ta: Chẳng học theo hạnh nguyện Phổ Hiền sẽ chẳng thể viên thành Phật đạo. Sau khi tham phòng Di Lạc Bồ Tát, Thiện Tài đồng tử bèn tiếp nhận lời Phổ Hiền Bồ Tát dạy răn. Do đây ta biết rằng: hạnh nguyện Phổ Hiền là những việc phải tu tập của bậc Đăng Giác Bồ Tát, chẳng phải là chuyện dễ người tầm thường tu tập. Nói rộng ra, hạnh nguyện ấy là chuyện phải tu của bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ. Trong bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ, địa vị thấp nhất là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo; trước khi đạt đến Sơ Trụ vẫn có thể phát tâm tu học hạnh nguyện Phổ Hiền nhưng nhất định chưa thể làm được. “*Phổ Hiền Bồ*

Tát sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thì mười đại nguyện mới viên mãn”. Câu này rất đáng để chúng ta suy nghĩ. Văn Thù và Phổ Hiền đều phát nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, Phổ Hiền là Pháp Vương Tử của đức Tỳ Lô Giá Na Phật trong Hoa Tạng thế giới, là bậc Đẳng Giác Bồ Tát trong Viên Giác, Ngài sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới để làm gì? Do câu này ta tìm được đáp án, Ngài về đó để tu cho viên mãn mười đại nguyện vương.

Mục đích duy nhất của Tịnh tông học nhân là cầu sanh Tịnh Độ. Sanh về Tịnh Độ bất thoái thành Phật là lợi ích chân thật của Tịnh tông. Giải môn (mặt lý luận, giáo nghĩa) của Tịnh tông y vào năm kinh một luận, hạnh môn (mặt tu tập, thực hành, phương pháp tu tập cụ thể) là một câu A Di Đà Phật. Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối là Chánh Hạnh. Ngoài Chánh Hạnh, còn cần phải có Trợ Hạnh, Chánh Trợ Song Tu. Trợ Hạnh của Tịnh Tông gồm năm khoa mục: ba phước, sáu hòa kính, lục độ, Phổ Hiền thập đại nguyện vương.

Cơ sở của Phổ Hiền hạnh là ba phước. Phước thứ nhất trong ba phước là tu phước báo nhân thiên. Muốn được thành Phật, thành Bồ Tát thì trước hết phải làm người cho tốt. Bắt đầu học từ đâu? Phước thứ nhất là *“hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu Thập Thiện nghiệp”*, học Phật bắt đầu từ đó. Toàn bộ Phật pháp chỉ là dạy hai chữ Hiếu Kính mà thôi!

“Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng”: Chỉ có thành Phật mới có thể hiếu với cha mẹ, tôn kính sư trưởng viên mãn được. Chẳng kính cha mẹ là bất hiếu, chẳng kính sư trưởng cũng là bất hiếu. Anh em bất hòa khiến cha mẹ đau lòng cũng là bất hiếu. Làm việc không tròn trách nhiệm, chẳng có lòng thành đối với người khác, làm việc chẳng nỗ lực, thân thể không khỏe thường sanh bệnh, tự mình ngày ngày phiền não, một câu A Di Đà Phật niệm không tròn, đều là bất hiếu. Không có chuyện gì ra ngoài hiếu kính cả, bởi thế Phật căn cứ dạy chúng ta đại căn đại bản là *“hiếu thân tôn sư”* (hiếu với cha mẹ, tôn kính thầy). Chúng ta tự mình thành Phật chẳng những độ được cha mẹ trong đời này mà còn độ được cha mẹ trong đời đời kiếp kiếp quá khứ, đây mới là tận hết đại hiếu.

“Từ bi bất sát”: Từ cơ sở hiếu kính, phát triển thành đại từ đại bi, từ tâm đối với hết thảy chúng sanh. Bất sát là Từ, chẳng trộm cắp, chẳng tà dâm, chẳng nói dối, chẳng uống rượu cũng là Từ. Từ tâm ấy bao gồm hết thảy Tam Học Giới - Định - Huệ. Mở rộng ra, toàn bộ pháp giới đều bao gồm trong ấy; Bất Sát chỉ là nêu lên một thí dụ. Phạm hạnh làm cho chúng sanh

sanh phiền não thì tâm địa chúng ta chẳng Từ, chính mình sanh phiền não cũng là chẳng Từ.

“*Tu Thập Thiện nghiệp*”: Thập Thiện chẳng phải là Giới mà là thiện nghiệp. Ba điều thiện nơi thân: chẳng sát sanh, chẳng trộm cắp, chẳng tà dâm; bốn điều thiện nơi miệng: không vọng ngữ (chẳng dối người), không lưỡng thiệt (chẳng khêu gọi thị phi), không ỷ ngữ (chẳng hoa ngôn xảo ngữ), không ác khẩu (chẳng nói năng thô lỗ); ba điều thiện nơi ý: chẳng tham, chẳng sân, chẳng si. Đức Phật dạy chúng ta tu học mười loại thiện hạnh lớn nơi thân - ngữ - ý. Ai thực hiện tốt những điều ấy mới gọi là hảo nhân.

Phước thứ nhất là cơ sở, có hiếu thân, tôn sư, từ tâm, thập thiện thì mới có tư cách vào cửa Phật học Phật, làm học trò của Phật Thích Ca.

Phước thứ hai: “*Thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi*”. Phước thứ hai là chuyện phải tu của người tu Nhị Thừa, chân chánh bước vào cửa Phật. Người Nhị Thừa tu Tam Học Giới - Định - Huệ.

“*Thọ trì Tam Quy*”: Quý vị bước vào cửa Phật, trước hết đem phương pháp, lý luận tu học nhà Phật truyền cho quý vị, đó gọi là “truyền thọ Tam Quy”. Tam Quy Y: Quy là quay đầu, Y là nương tựa. Quy y Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng); Tam Bảo trong tự tánh. Lục Tổ nói: “*Nào ngờ tự tánh vốn sẵn có đủ*”. Tự tánh vốn sẵn đủ Tam Bảo, nay ta quy y là quy y Tự Tánh Tam Bảo. Tam Quy:

1) Quy y Phật: Phật là Tự Tánh Giác, giác chứ không mê. Từ hết thấy mê hoặc điên đảo quay trở về nương dựa vào Tự Tánh Giác, nên gọi là “quy y Phật”.

2) Quy y Pháp: Pháp là chánh tri chánh kiến nơi tự tánh. Kinh Pháp Hoa nói: “*Nhập Phật tri kiến*”; Phật tri Phật kiến là tư tưởng chánh xác, kiến giải chánh xác, hoàn toàn hiểu rõ chân tướng nhân sanh vũ trụ, chẳng hiểu sai lầm một điểm gì. Từ chỗ suy nghĩ lầm lạc, kiến giải lầm lạc trước kia, nay quay lưng với những lầm lạc ấy, về nương dựa nơi chánh tri chánh kiến của tự giác thì gọi là “quy y Pháp”.

3) Quy y Tăng: Tăng là tự tánh thanh tịnh, sáu căn thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần. Lục Tổ nói: “*Nào ngờ tự tánh vốn sẵn thanh tịnh*”. Từ hết thấy nhiễm ô quay đầu trở lại, nương vào tâm thanh tịnh sẵn có, thì gọi là “quy y Tăng”.

Quy y Phật giác chứ không mê, quy y Pháp chánh chứ chẳng tà, quy y Tăng tịnh chứ chẳng nhiễm. Tu học Phật là Giác - Chánh - Tịnh. Tựa đề kinh Vô Lượng Thọ là **Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh**. Tam Bảo cũng nằm trong tựa đề kinh. Giác là Phật Bảo, Bình Đẳng là Pháp Bảo, Thanh Tịnh là Tăng Bảo. Năm chữ “*Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác*” chính là Tụ Tánh Tam Bảo. Chúng ta nương vào năm chữ này tu hành mới là thọ trì Tam Quy chân chánh, mới thật là đệ tử Phật. Sau khi hiểu rõ cương lĩnh tu hành rồi, đối trước tượng Phật, Bồ Tát, phát thệ nguyện sâu nặng: “Mong trở thành học trò đức Phật, xin được tiếp nhận lời Phật răn dạy, từ nay trở đi, con nhất định tu hành thanh tịnh”. Thỉnh một vị pháp sư chứng minh, cử hành nghi thức Tam Quy. Thật sự trọng yếu là phải quy y Tụ Tánh Tam Bảo. Tam Quy xong, đức Phật dạy chúng ta phải có đủ các giới, chẳng phạm oai nghi.

“*Đầy đủ các giới*”: Trì giới là giữ pháp. Chẳng riêng gì những giới điều đức Phật đã nói như Ngũ Giới, Thập Giới, Tỳ Kheo Giới, Bồ Tát Giới, mà phạm hết thấy những răn dạy trong hết thấy các kinh luận, mỗi mỗi đều là giáo giới cả. Hiến pháp, pháp luật, quy định, hiến chương đều thuộc phạm vi của giới luật, đều phải tuân thủ; phong tục, tập quán và quan niệm đạo đức mỗi nước cũng phải tuân thủ.

“*Chẳng phạm oai nghi*”: Oai nghi là lễ tiết, lễ mạo. Chúng ta không những giữ pháp mà còn phải hiểu lễ thì mới được đại chúng hoan nghênh, mới có thể làm cho Phật pháp được lưu truyền rộng rãi các nơi. Phước thứ hai là việc thiện của Nhị Thừa.

Phước thứ ba: “*Phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả*” là việc thiện của Đại Thừa Bồ Tát.

“*Phát Bồ Đề tâm*”: Bồ Đề là tiếng Phạn, có nghĩa là Giác, chân chánh giác ngộ. Chân chánh giác ngộ lục đạo luân hồi rất khổ, chẳng được tự tại. Chân chánh giác ngộ sự giáo dục của đức Phật giúp chúng ta giải quyết hết thấy vấn đề, vấn đề hiện tại, vấn đề tương lai, vấn đề tự thân, vấn đề gia đình, vấn đề sự nghiệp, vấn đề xã hội, cho đến vấn đề sau khi chết đi sẽ sanh trong thế giới nào, thấy đều giải quyết hết. Chân chánh giác ngộ đạt đến Tây Phương Cực Lạc thế giới ngay trong lúc còn sống là chuyện nhất định chúng ta có thể làm được. Sau khi giác ngộ như vậy mới gọi là “*phát Bồ Đề tâm*”. Chân chánh giác ngộ mới có hy vọng xuất ly luân hồi.

“*Tin sâu nhân quả*”: Nhân quả ở đây chẳng phải là nhân quả kiểu việc lành có quả lành, việc ác có ác quả, đức Phật dạy hàng Bồ Tát tin sâu nhân quả là ngụ ý “*niệm Phật là nhân, thành Phật là quả*”. Loại nhân quả này rất nhiều vị Bồ Tát chẳng biết, cũng chẳng tin tưởng. Niệm A Di Đà Phật, vãng sanh bất thoái thành Phật là quả báo, là phương pháp tu học thù thắng. Nếu chúng ta tin sâu chẳng nghi, quyết định thọ trì, trong một đời này sẽ nhất định thành Phật. Pháp môn Niệm Phật vạn người tu vạn người đạt, cốt sao quý vị tin thật nguyện thiết, lấy một câu Phật hiệu làm sự việc trọng đại của cả một đời, trong mười hai thời từ sáng đến tối trong tâm chẳng buông bỏ Phật hiệu, chân chánh thực hiện chẳng hoài nghi, chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp, không một ai chẳng thành công. Đó gọi là “*tin sâu nhân quả*”.

“*Tụng đọc Đại Thừa*”: Tôi khuyên các đồng tu chỉ đọc một bộ Vô Lượng Thọ là nhằm dụng ý đoạn phiền não. Lúc chẳng niệm kinh bèn suy nghĩ bậy bạ, sanh ra phiền não. Phật nói chúng sanh có hai thứ Chướng: Phiền Não Chướng và Sở Tri Chướng. Hai Chướng này do đâu mà có? Phẩm Xuất Hiện trong kinh Hoa Nghiêm nói: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ đức tướng của Như Lai, chỉ vì vọng tưởng chấp trước nên chẳng thể chứng đắc*”. Một lời đức Phật vạch trần gốc bệnh của chúng ta.

Vọng tưởng phát triển thành Sở Tri Chướng; chấp trước phát triển thành Phiền Não Chướng. Mục đích của đọc kinh là phá hai Chướng đó, khôi phục tâm địa thanh tịnh, rồi mới dùng cái tâm thanh tịnh, tâm chân thành, tâm cung kính, tâm từ bi chấp trì danh hiệu thì danh hiệu ấy mới có cảm ứng. Kẻ lợi căn trong vòng năm mươi năm đắc thanh tịnh tâm, sau đây mới có thể thực hiện “*pháp môn vô lượng thế nguyện học*”, mới có thể ngao du trong kinh luận Đại Thừa. Kẻ căn tánh trung hạ, nếu mười năm tâm vẫn chưa thanh tịnh, thì phải phát nguyện suốt đời niệm một bộ kinh, pháp môn vô lượng thế nguyện học đợi đến lúc sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới mới học cũng chẳng muộn. Tập trung tinh lực trong thời gian một đời chuyên cầu Tây Phương Tịnh Độ, hoàn toàn chẳng phân tâm. Tây Phương Cực Lạc thế giới thọ mạng vô lượng, hết thấy kinh điển viên mãn đầy đủ giống hệt như của mười phương chư Phật đã nói chẳng thiếu gì. Lúc đó, A Di Đà Phật là thầy mình, Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền là đồng học, là bầu bạn, quý vị nhất định phải thành tựu. Nếu thật sự có tâm từ bi thì cũng phải đảm bảo mình được vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi mới ngao du trong các kinh luận Đại Thừa khác.

Nếu chưa nắm chắc chuyện vãng sanh, thì phải bớt làm chuyện hồng pháp lợi sanh, nếu không sẽ bị uổng mất chuyện vãng sanh. Kinh Vô Lượng

Thọ dạy: “*Giả linh cúng dường hằng hà sa thánh, bất như kiên dũng cầu Chánh Giác*” (Ví như cúng dường hằng hà sa số bậc thánh, cũng chẳng bằng kiên định, dũng mãnh cầu đắc Chánh Giác), ý nói: Tự độ cầu vãng sanh là chuyện trọng yếu. Tự mình đã nắm chắc chuyện vãng sanh mới có thể phát tâm rộng độ chúng sanh; vãng sanh chưa nắm chắc thì niệm Phật nhiều phải là chuyện khẩn yếu hơn. Độ chúng sanh phải có duyên phận và năng lực. Có ba phước, sáu hòa kính, Tam Học (Giới - Định - Huệ), Lục Độ làm cơ sở, tu học mười nguyện Phổ Hiền mới hòng đạt lợi ích.

Thế nào là hạnh nguyện Phổ Hiền? Nơi quả đức Như Lai viên mãn, nhất định phải tu đại hạnh thì phước đức mới hòng viên mãn. Mỗi một hạnh môn đều tương ứng với tự tánh, nhưng mỗi một hạnh môn lại trọn khắp pháp giới. Đã thế, mỗi một hạnh môn lại bao trùm hết thủy hạnh; hết thủy hạnh cũng đều bao gồm trong một hạnh. Đây chính là bản thể của Phổ Hiền hạnh, mà cũng là hạnh Phổ Hiền Bồ Tát thực hành. Nói cách khác, do phương pháp tu hành này mà thành tựu Phổ Hiền Bồ Tát. Cổ đức quy nạp thành mười điều:

1) **Sở cầu phổ**: Cầu được chứng đắc bình đẳng với hết thủy Như Lai. Chúng ta tương lai thành Phật phải bình đẳng với hết thủy chư Phật trong mười phương ba đời, chẳng sai biệt mảy may. Đây là điều chúng ta mong cầu.

2) **Sở hóa phổ**: Hóa là giáo hóa chúng sanh, Chư Phật Như Lai giáo hóa vô lượng vô biên chúng sanh trong pháp giới, chúng ta cũng phải phát nguyện như vậy.

3) **Sở đoạn phổ**: Đoạn phiền não. Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, Vô Minh phiền não đều phải đoạn, chẳng thể còn lại mảy may phiền não nào.

4) **Sự hành phổ**: Trong sanh hoạt thường nhật, bất luận chuyện lớn việc nhỏ, mảy may tơ tóc cũng đều nên xứng với pháp giới, giống hết như Bồ Tát.

5) **Lý hành phổ**: Mỗi một việc làm nào cũng đều tương ứng với tự tánh.

6) **Vô ngại hành phổ**: lý sự vô ngại.

7) **Dung thông hành phổ**: sự sự vô ngại.

8) **Sở khởi đại dụng phổ**: đức dụng trọn khắp pháp giới.

9) **Sở hành xứ phổ**: theo chiều ngang thì cùng khắp pháp giới, hết thấy các cõi nước Phật và thân tâm của mình không hai, không khác.

10) **Tu hành thời phổ**: Nói trên phương diện thời gian thì một niệm và cả kiếp dung thông. Mỗi một nguyện Phổ Hiền đều “*hư không giới tận, chúng sanh giới tận, nguyện tôi mới tận*”. Nhưng hư không giới, chúng sanh giới, chúng sanh nghiệp chẳng có cùng tận, hạnh nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát cũng chẳng có cùng tận; chẳng mệt, chẳng chán!

Đây là Phổ Hiền hạnh, hạnh môn đạt đến mức độ đăng phong tạo cực.

Duyên do của phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện: Xưa kia, lúc đức Thế Tôn thị hiện thành Phật; lúc ban sơ, nhập định dưới cội Bồ Đề, giảng kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm; giảng thuyết lý sự vô ngại, sự sự vô ngại, cảnh giới một niệm và cả kiếp viên dung. Nói cách khác, siêu việt cả thời gian lẫn không gian, chẳng có thời gian dài hay ngắn, chẳng có không gian xa hay gần. Đây chính là cảnh giới giải thoát chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật, Bồ Tát chứng đắc.

Phật giảng bộ kinh này, nếu dịch theo nguyên văn tiếng Phạn thì tựa đề kinh là “*Đại Phương Quảng Giác Giả Tạp Hoa Trang Nghiêm kinh*”. Người Trung Quốc thích đơn giản, đổi chữ Giác Giả thành Phật, bỏ bớt chữ Tạp, lược bớt chữ Trang, thành ra tựa đề kinh hiện thời là “*Đại Phương Quảng Hoa Nghiêm kinh*”. Nhìn từ ý nghĩa của tựa đề kinh, bộ kinh do đức Phật nói đây thật ra chính là hết thấy kinh chúng ta thường giảng:

“**Đại Phương Quảng**” (5) là Pháp, cũng như kinh Đại Thừa thường nói là Thể, Tướng, đức dụng của Chân Như Tự Tánh.

“**Phật**” là người chứng đắc; người viên mãn công đức thể, tướng, tác dụng của tự tánh thì gọi là “thành Phật”, ta gọi người ấy là Phật Đà.

“**Hoa Nghiêm**” là tỷ dụ. Tạp Hoa: Tạp là nhiều màu, có các thứ phẩm lượng, giống như một đại hoa viên, hết thấy các loài hoa đều có mặt hết, cũng chẳng thiếu khuyết gì cả. Trang Nghiêm nghĩa là đẹp đẽ. Hết thấy các pháp đức Phật chứng giống như hoa nhiều màu trang nghiêm. Do đây biết rằng: tựa đề kinh này chẳng phải là tựa đề của riêng một bộ kinh mà là đề mục chung của hết thấy kinh.

Đức Thế Tôn sau khi thành Phật, trong mười bốn ngày (*), đem toàn bộ cảnh giới Ngài chứng đắc viên mãn giảng cho Bồ Tát nghe. Hàng Bồ Tát nghe kinh trong hội Hoa Nghiêm thuộc bốn mươi địa vị Pháp Thân đại sĩ, chẳng phải kẻ tầm thường. Hạng người tầm thường há có năng lực vào trong Định của đức Thế Tôn để nghe kinh ư? Chẳng có Định công (công tu tập thiền định) thì chẳng có duyên phận. Phật nói kinh này, Quyền Giáo Bồ Tát và Thanh Văn, Duyên Giác như đui, như điếc, thấy chẳng được, nghe cũng chẳng được.

Giảng kinh xong, Đại Long Bồ Tát đem kinh này cất giấu dưới Long Cung. Trong vòng sáu trăm năm sau khi Phật diệt độ, thế gian chẳng có ai thấy được kinh này. Long Thọ Bồ Tát thông minh tuyệt đỉnh, xem khắp kinh luận thế gian và kinh điển của chín mươi sáu thứ ngoại đạo ở Ấn Độ, sanh tâm ngạo mạn. Lúc ấy, Đại Long Bồ Tát hóa thân độ Long Thọ, bảo Long Thọ: “Long cung còn có rất nhiều kinh điển khác ông chưa từng thấy qua”. Khi đến Long cung, Long Thọ thấy Đại Long Bồ Tát cất giữ Đại Bản Hoa Nghiêm, có mười tam thiên đại thiên thế giới vi trần bài kệ (mỗi một bài kệ có bốn câu) (6), một tứ thiên hạ vi trần phẩm. Long Thọ Bồ Tát sửng sờ, tập khí ngạo mạn tan tành.

Tam thiên đại thiên thế giới thật ra là một đại thiên thế giới, đại thiên thế giới là khu vực hóa độ của một đức Phật. Địa cầu xoay quanh Thái Dương, lấy Thái Dương làm trung tâm, gọi là Thái Dương Hệ. Thái Dương Hệ lại xoay quanh Ngân Hà hệ. Trong quá khứ, có nhiều người cho rằng Thái Dương Hệ là một đơn vị thế giới. Một đại thiên thế giới có một trăm ức đơn vị thế giới như thế. Gần đây, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nêu lên quan điểm, cho rằng: *“Mỗi một hệ Ngân Hà là một đơn vị thế giới. Đơn vị thế giới lấy núi Tu Di làm trung tâm, núi Tu Di chẳng thuộc địa cầu, cũng chẳng nằm trong Thái Dương Hệ, mà là do nhiều hằng tinh xoay tròn [tạo thành]. Núi Tu Di chính là lỗ đen (black hole) do các nhà thiên văn phát hiện, là trung tâm của một Ngân Hà hệ”*.

Nếu nói như vậy thì một đại thiên thế giới do một trăm ức Ngân Hà hệ tạo thành. Phật nói: Trong vũ trụ có vô lượng vô biên đại thiên thế giới. Nhưng bây giờ, giả sử đem các tinh cầu trong một trăm ức Ngân Hà Hệ mài nát thành vi trần, mỗi một vi trần tượng trưng cho một bài kệ, thì bộ kinh này có mười đại thiên thế giới vi trần kệ. Phân lượng quá lớn, địa cầu không chứa nổi. Phật chỉ cần hai tuần giảng xong kinh này, Phật trí thần thông vĩ đại, khiến chúng ta năm vóc sát đất bội phục.

Trung Bản Hoa Nghiêm có bốn mươi chín vạn tám ngàn tám trăm bài kệ, một ngàn hai trăm phẩm. Trung Bản là phần trích yếu của Đại Bản, phân lượng cũng quá nhiều. Hạ Bản Hoa Nghiêm là mục lục đại cương trích yếu, tổng cộng mười vạn bài kệ (bốn mươi vạn câu), bốn mươi tám phẩm. Long Thọ Bồ Tát đem Hạ Bản Hoa Nghiêm ra khỏi Long cung. Từ đó, thế gian mới có kinh Hoa Nghiêm. Cho đến thời đại Đông Tấn, tức là sau khi Long Thọ Bồ Tát viên tịch ba, bốn trăm năm, bộ kinh này được truyền đến Trung Quốc.

Thời cổ, kinh điển chép trên lá Bối, dễ bị thất lạc. Kinh Hoa Nghiêm truyền đến Trung Quốc, kinh văn bị thiếu sót, chỉ còn ba vạn sáu ngàn bài tụng (kệ). Đời Tấn, ngài Phật Đà Bạt Đà La (7) dịch sang Hán văn, chia làm sáu mươi quyển, gọi là Lục Thập Hoa Nghiêm. Đời Đường, bà Võ Tắc Thiên phái người sang Ấn Độ tìm bản kinh này, thỉnh ngài Thật Xoa Nan Đà (8) sang Trung Quốc dịch kinh Hoa Nghiêm, so với bản sáu mươi quyển tăng thêm chín ngàn bài tụng, tổng cộng có bốn vạn năm ngàn bài tụng, gọi là Bát Thập Hoa Nghiêm. Trong niên hiệu Trinh Nguyên đời Đường Đức Tông, Ô Đồ quốc vương tâu cống hoàng đế Trung Quốc một bộ Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm (**), là phẩm cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm. Phẩm này vô cùng hoàn chỉnh, chẳng bị khiếm khuyết, dịch sang tiếng Hán, tổng cộng bốn mươi quyển, gọi là Tứ Thập Hoa Nghiêm.

Tứ Thập Hoa Nghiêm là Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, toàn bộ kinh văn là bốn mươi quyển. Khi Tứ Thập Hoa Nghiêm được phiên dịch, Thanh Lương đại sư (9) tham gia dịch trường. Dịch xong, hoàng đế thỉnh đại sư Thanh Lương viết chú giải. Ngài Thanh Lương chuyên chú nơi kinh Hoa Nghiêm, cả một đời giảng kinh Hoa Nghiêm năm mươi lượt. Tứ Thập Hoa Nghiêm và Bát Thập Hoa Nghiêm gộp lại, trừ khử những phần trùng lặp, tổng cộng gồm chín mươi sáu quyển.

Cổ nhân nói: *“Chẳng đọc Hoa Nghiêm, chẳng biết nhà Phật phú quý”*. Nói cách khác, chẳng đọc Hoa Nghiêm, chẳng hiểu được cái hay của việc thành Phật. Biết được cái hay của việc thành Phật thì không thành Phật không xong. Đối với việc tu học Phật pháp, kinh này là một bộ kinh vô cùng trọng yếu. Tôi có được lòng tin ngưỡng nơi Tịnh Độ Tông là do từ kinh Hoa Nghiêm mà có. Thoạt đầu, tôi theo thầy cư sĩ Lý Bình Nam chuyên hoằng Tịnh Độ, đối với việc giảng kinh tôi vô cùng thích thú, còn đối với việc Niệm Phật chẳng mặn mòi cho lắm. Thầy khuyến khích tôi:

- Từ xưa đến nay, không ít tổ sư đại đức đều tu học pháp môn Niệm Phật, chẳng ngại gì ông không thử thực hành xem. Nếu chẳng thể thành tựu thì từ trước đến giờ nhiều người bị mắc lừa, chúng ta bị lừa một phen cũng không sao!

Thầy nói câu này đúng là rát miệng xót lòng. Khi đó, tôi chẳng hiểu triệt để Tịnh Độ Tông, tín tâm chưa sanh khởi. Mãi đến năm Dân Quốc sáu mươi (1971), tôi mới bắt đầu giảng kinh Hoa Nghiêm, giảng suốt mười bảy năm. Đột nhiên có một ngày, tôi nghĩ đến một vấn đề: trong hội Hoa Nghiêm, Phổ Hiền là trưởng tử, Văn Thù là con trai thứ, hai vị Đẳng Giác Bồ Tát là trợ thủ của Tỳ Lô Giá Na, các Ngài tu pháp môn gì? Nguyên lai các vị Bồ Tát này niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nhận ra như vậy, tôi vô cùng kinh ngạc; hơn nữa, Thiện Tài đồng tử cũng tu pháp môn Niệm Phật. Hoa Nghiêm đến cuối cùng, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Hiểu rõ điều này trong hội Hoa Nghiêm rồi tôi mới phát sanh tín tâm chân chánh đối với Tịnh Độ tông. Đối với tôi, kinh Hoa Nghiêm có ân sâu rất lớn.

[Phân kinh văn được] báo cáo lần này là quyển cuối cùng của Tứ Thập Hoa Nghiêm. Trong toàn bộ kinh Hoa Nghiêm, quyển này trọng yếu vô cùng, Thanh Lương đại sư gọi nó là “*Hoa Nghiêm quan kiển*” (mâu chốt của kinh Hoa Nghiêm); cương lĩnh tu học Hoa Nghiêm hoàn toàn nằm trong quyển này. Nó cũng là tổng kết luận của toàn bộ kinh Hoa Nghiêm. Thanh Lương đại sư đem quyển này lưu hành riêng; niệm một quyển giống như niệm toàn bộ kinh Hoa Nghiêm. Bản chú giải quyển kinh này tốt nhất là cuốn Hoa Nghiêm Kinh Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm Biệt Hành Sớ Sao, Sớ là Thanh Lương đại sư chú giải lời kinh; Sao là do Tông Mật đại sư (10) chú giải lời Sớ. Thanh Lương đại sư chú giải đơn giản nhưng sâu xa, học trò Ngài là Tông Mật sợ hậu học nghiên cứu, xem đọc gặp khó khăn, nên lại chú thích tường tận một lần nữa. Đề tài lần giảng này là “*Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyện đích khai thị*”, không giải thích theo từng câu văn mà chỉ báo cáo tường tận đại ý từng đoạn mà thôi.

B. Giải thích kinh văn

I. Phần trường hàng

1. Mười đại nguyện vương

Chánh kinh:

Nhĩ thời, Phổ Hiền Bồ Tát Ma Ha Tát xưng tán Như Lai thắng công đức dĩ, cáo chư Bồ Tát cập Thiện Tài ngôn:

- Thiện nam tử! Như Lai công đức, giả sử thập phương nhất thiết chư Phật, kinh bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát cực vi trần số kiếp, tương tục diễn thuyết, bất khả cùng tận. Nhược dục thành tựu thử công đức môn, ưng tu thập chủng quảng đại hạnh nguyện. Hà đẳng vi thập?

Nhất giả, lễ kính chư Phật.

Nhị giả, xưng tán Như Lai.

Tam giả, quảng tu cúng dường.

Tứ giả, sám hối nghiệp chướng.

Ngũ giả, tùy hỷ công đức.

Lục giả, thỉnh chuyển pháp luân.

Thất giả, thỉnh Phật trụ thế.

Bát giả, thường tùy Phật học.

Cửu giả, hằng thuận chúng sanh.

Thập giả, phổ giai hồi hướng.

(Lúc bấy giờ, Phổ Hiền Bồ Tát Ma Ha Tát khen ngợi công đức thù thắng của đức Như Lai xong, bảo các Bồ Tát và Thiện Tài (11) rằng:

- Nay thiện nam tử! Công đức Như Lai giả sử mười phương hết thảy chư Phật trong các số kiếp (12) nhiều như số cực vi trần (13) trong bất khả thuyết bất khả thuyết (14) Phật sát (15), diễn nói liên tục, cũng chẳng thể nói cùng tận. Nếu muốn thành tựu môn công đức này, hãy nên tu mười thứ hạnh nguyện rộng lớn. Những gì là mười?

Một là lễ kính chư Phật.

Hai là xưng tán Như Lai.

Ba là rộng tu cúng dường.

Bốn là sám hối nghiệp chướng.

Năm là tùy hỷ công đức.

Sáu là thỉnh đức Phật chuyển pháp luân.

Bảy là thỉnh đức Phật ở lại nơi đời.

Tám là thường học theo đức Phật.

Chín là hằng thuận chúng sanh.

Mười là hồi hướng khắp tất cả).

“Phổ Hiền Bồ Tát khen ngợi công đức thù thắng của Như Lai xong”: đây là câu đề tiếp ý quyển trước. Phẩm này thuộc quyển thứ bốn mươi. Nửa phần sau quyển thứ ba mươi chín là bài kệ tụng rất dài của Phổ Hiền Bồ Tát ca ngợi công đức thù thắng của Như Lai. Chữ “Như Lai” ở đây chỉ chân tâm tự tánh của mỗi người chúng ta, công đức của chân tâm mỗi người chúng ta là vô lượng vô biên; lời ca tụng của Phổ Hiền Bồ Tát chỉ là một giọt nước trong biển cả đó thôi. Phổ Hiền Bồ Tát nói nhiều như vậy cũng nói không hết, mới chuyển đề tài, bảo cùng các Bồ Tát trong hội và Thiện Tài rằng: *“Công đức Như Lai giả sử mười phương hết thấy chư Phật trong các số kiếp như số cực vi trần trong bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát, diễn nói liên tục, cũng chẳng thể nói cùng tận”*.

Một câu nói của Phổ Hiền Bồ Tát đã vạch trần chỗ hay của việc thành Phật. Công đức của tự tánh chúng ta, mười phương hết thấy chư Phật trải vô lượng kiếp cùng xung nói cũng chẳng thể nói hết được. Học Phật là để minh tâm kiến tánh, kiến tánh bèn thành Phật; phải làm sao cho vô lượng vô biên công đức trong tự tánh chúng ta đều hiện tiền, đều hưởng được tác dụng của những công đức đó. Tự tánh khởi tác dụng thì có ích lợi gì? Khiến cho chúng ta ngay trong một đời này đạt được hạnh phúc, khoái lạc chân chánh, vĩnh viễn chẳng có phiền não, chẳng khởi vọng tưởng, gia đình mỹ mãn, sự nghiệp thuận lợi, xã hội yên ổn, tốt đẹp, thế giới hòa bình; những lợi ích nhỏ nhặt như thế đều có thể đạt được. Lợi ích lớn nhất là trường sanh bất lão, vĩnh viễn chẳng chết. Đấy đều là những lợi ích công đức sẵn có nơi tự tánh. Chẳng thể không học Phật pháp là do lý do này, vì thế nhất định phải nỗ lực

tu học. Câu nói này của Phổ Hiền Bồ Tát khiến chúng ta nhận thức rõ: Công đức của tự tánh chẳng thể nghĩ bàn.

Phổ Hiền Bồ Tát lại bảo cùng chúng ta: Muốn chứng đắc công đức của tự tánh thì phải tu mười thứ hạnh nguyện rộng lớn, công đức của tự tánh mới hiện tiền viên mãn. Trong năm khoa mục Tịnh Tông Học Hội thực hành thì khoa mục cuối cùng là mười đại nguyện vương. Mười đại nguyện vương là tầng lầu thứ năm, là tốt đỉnh viên mãn. Tầng thứ năm cất dựa trên tầng thứ tư; tầng thứ tư là Bồ Tát Lục Độ. Tầng thứ ba là Tam Học Giới - Định - Huệ. Tầng thứ hai là Lục Hòa Kính. Tầng thứ nhất là ba phước. Ba phước là cơ sở. Cứ y chiếu theo phương pháp này mà nỗ lực tu học thì ngay trong một đời sẽ đạt đến cảnh giới viên mãn.

1.1. Nguyện thứ nhất: Lễ kính chư Phật

Chánh kinh:

Thiện Tài bạch ngôn:

- Đại Thánh! Vân hà lễ kính, nãi chí hồi hướng?

Phổ Hiền Bồ Tát cáo Thiện Tài ngôn:

- Thiện nam tử! Ngôn lễ kính chư Phật giả: Sở hữu tận pháp giới, hư không giới, thập phương tam thế, nhất thiết Phật sát, cực vi trần số chư Phật Thế Tôn, ngã dĩ Phổ Hiền hạnh nguyện lực cố, thâm tâm tín giải, như đối mục tiền, tất dĩ thanh tịnh thân ngữ ý nghiệp, thường tu lễ kính. Nhất nhất Phật sở, giai hiện bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát cực vi trần số thân; nhất nhất thân biến lễ bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát cực vi trần số Phật.

Hư không giới tận, ngã lễ nãi tận. Dĩ hư không giới bất khả tận cố, ngã thử lễ kính vô hữu cùng tận. Như thị nãi chí chúng sanh giới tận, chúng sanh nghiệp tận, chúng sanh phiền não tận, ngã lễ nãi tận, nhi chúng sanh giới nãi chí phiền não vô hữu tận cố, ngã thử lễ kính vô hữu cùng tận. Niệm niệm tương tục, vô hữu gián đoạn. Thân ngữ ý nghiệp vô hữu bì yếm.

(Thiện Tài bạch rằng:

- Thưa đại thánh! Thế nào là lễ kính cho đến hồi hướng?

Phổ Hiền Bồ Tát bảo Thiện Tài rằng:

- Nay thiện nam tử! Nói “lễ kính (16) chư Phật” là: [Đối với] chư Phật Thế Tôn nhiều như số cực vi trần trong tất cả hết thấy cõi Phật tốt cùng pháp giới, hư không giới (17), mười phương ba đời, tôi do sức hạnh nguyện Phổ Hiền, thâm tâm tín giải (18), như đối trước mắt, đều dùng thân ngữ ý nghiệp thanh tịnh, thường tu tập sự lễ kính. Nơi mỗi một đức Phật, đều hiện thân như số cực vi trần trong bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật, mỗi một thân lễ khắp chư Phật nhiều như số cực vi trần trong bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật.

Hư không có tận, sự lễ kính của tôi mới tận. Vì hư không chẳng thể tận nên sự lễ kính này của tôi chẳng có cùng tận. Như thế cho đến chúng sanh giới tận, chúng sanh nghiệp tận, chúng sanh phiền não tận, sự lễ kính của tôi mới tận. Nhưng chúng sanh giới cho đến phiền não chẳng có cùng tận, nên sự lễ kính này của tôi chẳng có cùng tận. Niệm niệm tiếp nối, chẳng hề gián đoạn. Thân ngữ ý nghiệp chẳng hề mệt chán).

Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng là hiếu kính; hiếu kính đến mức viên mãn rốt ráo là lễ kính chư Phật. Trong Đại Thừa Giới Kinh, đức Phật khai thị rõ ràng: “Hiếu thuận phụ mẫu, sư tăng, hiếu thuận với hết thấy chúng sanh. Hiếu gọi là Giới”. Giới luật Đại Thừa tạo dựng trên cơ sở hiếu đạo. Chữ Hiếu thuộc loại Hội Ý: phía trên là chữ Lão, phía dưới là chữ Tử, ghép thành chữ Hiếu. Trong chữ Hiếu, các đời tương thông, đời chữ Lão và đời chữ Tử cùng một thể. Một đời trên (Lão) còn có một đời trên nữa, quá khứ vô thi; một đời dưới lại có một đời dưới nữa, vị lai vô chung. Vô thi vô chung là một chỉnh thể. Nhìn theo chiều dọc, tổ tiên và con cháu đời sau là một thể; nhìn theo chiều ngang là anh em, thân thích, bè bạn; anh em của anh em, thân thích của thân thích, bè bạn của bè bạn, ngang khắp mười phương. Dọc suốt ba đời, ngang cùng mười phương là toàn thể của pháp giới. Chữ Hiếu là một phù hiệu tiêu biểu toàn thể pháp giới. Chỉ có thành Phật mới có thể tốt cùng viên mãn đạo Hiếu.

Vì sao chúng ta phải học Phật? Vì chúng ta muốn viên mãn tốt cùng đạo Hiếu, vì biết tận hư không, khắp pháp giới chỉ là chính mình mà thôi! Bởi thế, chính Phổ Hiền Bồ Tát tự nói: Muốn “lễ kính chư Phật” thì phải sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới mới có thể viên mãn được nguyện ấy. Phổ Hiền Bồ Tát là một nhân vật đại biểu cho những người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới trong mười phương thế giới. Phổ Hiền Bồ Tát còn như thế, huống gì chúng ta? Chúng ta muốn viên mãn tốt cùng đạo Hiếu, chỉ

còn cách noi theo Phổ Hiền Bồ Tát; không noi theo Ngài mà toan thành Phật, chẳng có hy vọng gì đâu!

Trong kinh Phật dạy, từ Sơ Phát Tâm cho đến khi thành Phật là ba đại A Tăng Kỳ kiếp, trong quá khứ chúng ta đã tu cả vô lượng A Tăng Kỳ kiếp, có sao chẳng thành Phật? Là vì phiền não không đoạn, đời đời luân hồi lục đạo. Nhận thức Tịnh Độ từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta biết kinh Hoa Nghiêm cuối cùng là niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, vì thế ta mới chết một lòng khăng khăng niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, Phổ Hiền Bồ Tát độ chúng ta vậy.

Lễ kính chư Phật, chư Phật là ai? Phật dạy minh bạch: *“Hết thảy chúng sanh vốn là Phật”*; phạm các hiện tượng do các duyên hòa hợp mà sanh khởi thì gọi là “chúng sanh”. Chúng ta nghĩ coi: Có pháp nào chẳng phải là do các duyên hòa hợp sanh ra hay không? Chỉ có hư không mới chẳng phải là do các duyên hòa hợp sanh ra. Thân thể của chúng ta, khăn mặt, giảng đường đều là do các duyên hòa hợp sanh ra, đều gọi là chúng sanh. Kinh Hoa Nghiêm có một câu rất trọng yếu như sau: *“Tinh dữ vô tình, đồng viên chủng trí”*. Tinh là hữu tình chúng sanh, chi động vật, hữu tình chúng sanh trong mười pháp giới. Vô Tình là vô tình chúng sanh, chi thực vật, khoáng vật. *“Đồng viên chủng trí”* là thành Phật. Hữu tình chúng sanh có thể tu hành, có thể niệm Phật, có thể thành Phật, còn vô tình chúng sanh làm sao thành Phật được? Khăn mặt, bàn ghế, khi nào chúng mới thành Phật?

Giờ đây nhờ phẩm Hạnh Nguyên này chúng ta mới vỡ lẽ: hữu tình chúng sanh là chư Phật, vô tình chúng sanh cũng là chư Phật. Khi nào vô tình thành Phật vậy? Y báo chuyển theo chánh báo. Ngày nào chúng ta thành Phật, liền nhận thấy sơn hà đại địa, hết thảy cỏ cây, vi trần thảy đều thành Phật cả, đó là hiện tượng thành Phật. Nếu ngày nào tự thấy mình thành Phật, thấy người khác vẫn chưa thành Phật, thì nói thật ra, quý vị đang nằm mộng, quý vị khởi vọng tưởng, chắc chắn chẳng phải là thành Phật. Những điều kinh Hoa Nghiêm dạy hoàn toàn là cảnh giới hiện lượng của Phật, Bồ Tát, là những điều các Ngài chính mắt thấy, chính tai nghe, hoàn toàn là chân tướng sự thật, chẳng phải là cảnh giới của phàm phu.

Làm thế nào để học tập pháp môn này? Pháp môn ấy là pháp của Pháp Thân đại sĩ tu tập; chúng ta là phàm phu, một phẩm phiền não chưa đoạn, chúng ta có thể tu được chăng? Được chứ! Sách giáo khoa thuộc phân ban tiến sĩ trong nhà Phật, chúng ta là học trò mẫu giáo cũng áp dụng được, rất kỳ diệu! Kinh điển Phật giáo chẳng thể nghĩ bàn, là kinh điển viên dung.

Sách giáo khoa cho kẻ sơ học chính là kinh điển để thành Phật, pháp môn bắt đầu từ việc học cung kính. Dùng tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm cung kính đối đãi hết thảy mọi người, đó là lễ kính chư Phật. Chúng ta đối với Phật, Bồ Tát cung kính phi thường, nhưng đối với người khác kém hơn một tí, thì chẳng phải là hạnh Phổ Hiền. Hạnh Phổ Hiền là hạnh bình đẳng.

Mỗi khóa kinh sáng chúng ta dùng tâm kiên thành cung kính nhất để lễ Phật, sau đây, dùng cái tâm đó đối đãi người khác. Bất luận đối đãi cha mẹ, người nhà, quyến thuộc, bằng hữu, đồng sự, hết thảy người thiện kẻ ác trong xã hội, đều dùng một tấm lòng chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, cung kính để đối đãi, đó là hạnh Phổ Hiền. Ngoài con người ra, cũng phải dùng cái tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm cung kính để đối đãi hết thảy vạn vật. Khăn mặt là chư Phật, dùng khăn xong dùng vo thành một cục vút lung tung, phải xả sạch, phơi khô, xếp ngay ngắn, đó là thể hiện lòng cung kính đối với nó. Bàn ghế cũng là chư Phật, phải chùi sạch, xếp ngay ngắn đó là lòng cung kính đối với nó. Đối với sự, bất cứ sự việc nào mình đảm trách cũng phải tận tâm tận lực làm cho viên mãn, đó là cung kính đối với sự, chẳng thể qua loa tắc trách, dùng đòn đẩy lẫn nhau.

Pháp môn này khó, chẳng dễ tu, nó vốn là pháp tu của Đẳng Giác Bồ Tát; chúng ta học lớp mẫu giáo, phải gắng hết sức mình dẫu chưa thể thực hiện viên mãn. Học được một phần là được một phần lợi ích; lợi ích lớn lao chẳng thể nghĩ bàn. Nêu một thí dụ: Nếu có thể dùng cái tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, cung kính để đối đãi người và sự vật thì quý vị vĩnh viễn chẳng sanh phiền não, trong tâm khoáng lạc khôn sánh, ngay lập tức đạt được hạnh phúc, khoáng lạc. Hiện tại vì sao quý vị chẳng hạnh phúc, sung sướng? Là vì trong tâm quý vị phân biệt kẻ này tốt, người kia xấu, suốt một ngày từ sáng đến tối phân biệt, chấp trước, phiền não vọng tưởng chẳng ngừng, làm sao quý vị hạnh phúc, sung sướng cho được? Nếu muốn tu hạnh phúc, sung sướng thì hạnh Phổ Hiền là nhanh chóng hữu hiệu nhất. Quý vị cứ thử mở rộng tâm lượng đi. Chỉ cần quý vị chân chánh phát tâm, Phổ Hiền Bồ Tát bèn gia trì quý vị. Kinh dạy: *“Tôi do sức hạnh nguyện Phổ Hiền, thâm tâm tín giải, như đối trước mắt”*. Thần lực Phổ Hiền Bồ Tát gia trì, chúng ta nỗ lực đôi chút, gắng sức đôi chút, cũng có thể đạt được mấy phần.

“Đều dùng thân ngữ ý nghiệp thanh tịnh, thường tu tập sự lễ kính”: Lễ là lễ mạo, lễ tiết. Chẳng những đối với người phải có lễ, mà đối với vật cũng phải có lễ. Nếu tâm chí thành cung kính, biểu hiện bên ngoài sẽ hợp với lễ tiết. Tâm thanh tịnh là chân tâm, trong tâm thanh tịnh chẳng có thị phi nhân

ngã, phân biệt, chấp trước. Bồ Tát dùng tâm thanh tịnh để tu tập lễ kính thường chẳng gián đoạn. Tu học Phật pháp thành hay bại cốt ở tâm nhẫn nại. Có nhiều người lúc mới phát tâm rất dũng mãnh, được mấy ngày bèn ngã lòng. Nếu có thể giữ được cái tâm ban đầu chẳng thoái chuyển thì không có một ai chẳng thành Phật chỉ trong một đời. Ở đây, Phổ Hiền Bồ Tát làm gương, khuyến khích chúng ta phải gìn giữ cái tâm ban đầu. Ngài nói: *“Hư không giới tận, sự lễ kính của tôi mới tận”*. Hư không giới chẳng thể tận, chúng ta phát nguyện tu đại hạnh Phổ Hiền, cũng chẳng thể thoái chuyển. Ngài lại nói: *“Chúng sanh giới tận, chúng sanh nghiệp tận, chúng sanh phiền não tận, sự lễ kính của tôi mới tận”*. Thế giới nhân khẩu ngày càng tăng trưởng, chúng sanh giới chẳng tận. Phiền não của chúng sanh cũng mỗi ngày một nhiều hơn. Chỉ có học Phật đặc lực, phiền não mới giảm thiểu. Phiền não ít đi, trí huệ bèn tăng trưởng. Phiền não của chúng sanh chẳng thể tận, chúng ta bắt chước Phổ Hiền Bồ Tát lễ kính, đương nhiên cũng chẳng có ngày cùng tận.

Phổ Hiền Bồ Tát lại khuyên lon chúng ta: *“Niệm niệm tiếp nối, chẳng có gián đoạn”*. Đây là bí quyết công phu. Người niệm Phật thực hiện được hai câu này trong vòng từ ba tháng đến nửa năm, công phu niệm Phật đặc lực, quyết định đạt được công phu thành phiền. Hai câu này ý nghĩa hoàn toàn tương đồng với câu *“nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối”* của Đại Thế Chí Bồ Tát trong hội Lăng Nghiêm.

“Thân ngữ ý nghiệp chẳng hề chán mệt”: Thân phải thực hiện; chúng ta thấy ai cũng phải lễ kính; ngôn ngữ phải cân nhắc, tâm phải thật sự thanh tịnh, bình đẳng, cung kính. Phổ Hiền Bồ Tát dụng tâm thanh tịnh cho nên chẳng mệt mỏi, chẳng buồn phiền. Chúng ta dụng tâm phân biệt, tâm nhiễm ô, nên trong một thời gian dài sẽ mệt mỏi. Trong công việc hằng ngày dùng tâm thanh tịnh, tâm hoan hỷ, tâm lợi ích chúng sanh mà làm, dù công việc vừa nhiều vừa nặng nề, cũng chẳng thấy mệt mỏi, chán nản. Đó là được mấy phần lợi ích do công phu tu học Phổ Hiền hạnh.

Cảnh giới của Phổ Hiền Bồ Tát rộng lớn, đây chính là điểm khác biệt so với hạnh của các Bồ Tát khác. Phổ Hiền hạnh là hạnh xứng tánh. Bản tánh Chân Như rộng lớn phi thường, Phật thường nói: *“Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới”* (tâm gồm khắp hư không, lượng trọn các cõi nước nhiều như cát). Mỗi một hạnh nguyện của Phổ Hiền hạnh đều tương ứng với tự tánh; bởi thế, mỗi một hạnh nguyện đều bao trùm hư không pháp giới. Chẳng những tâm địa Phổ Hiền Bồ Tát chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, mà

còn rộng lớn vô lượng. Dùng cái tâm như vậy để tu hành thì hạnh môn ấy mới gọi là Phổ Hiền Hạnh!

1.2. Nguyên thứ hai: Xưng tán Như Lai

Chánh kinh:

Phục thứ, thiện nam tử! Ngôn xưng tán Như Lai giả, sở hữu tận pháp giới, hư không giới, thập phương tam thế, nhất thiết sát độ, sở hữu cực vi, nhất nhất trần trung, giai hữu nhất thiết thế gian cực vi trần số Phật. Nhất nhất Phật sở, giai hữu Bồ Tát hải hội vi nhiều. Ngã đương tất dĩ thậm thâm thắng giải, hiện tiền tri kiến, các dĩ xuất quá Biện Tài thiên nữ vi diệu thiết căn. Nhất nhất thiết căn xuất vô tận âm thanh hải. Nhất nhất âm thanh, xuất nhất thiết ngôn từ hải, xưng dương tán thán nhất thiết Như Lai chư công đức hải, cùng vị lai tế, tương tục bất đoạn, tận u pháp giới vô bất châu biến.

Như thị hư không giới tận, chúng sanh giới tận, chúng sanh nghiệp tận, chúng sanh phiền não tận, ngã tán nãi tận, nhi hư không giới nãi chí phiền não vô hữu tận cố, ngã thử tán thán vô hữu cùng tận. Niệm niệm tương tục, vô hữu gián đoạn. Thân ngữ ý nghiệp vô hữu bì yếm.

(Lại nữa thiện nam tử! Nói “xưng tán Như Lai” là: Tất cả cực vi trần trong tất cả hết thảy cõi nước cùng tận pháp giới, hư không giới, mười phương ba đời. Trong mỗi một vi trần đều có chư Phật nhiều như số cực vi trần trong hết thảy thế gian, nơi mỗi đức Phật đều có hải hội (19) Bồ Tát vây quanh. Tôi sẽ đều dùng sự hiểu biết thù thắng (20) rất sâu, tri kiến hiện tiền (21), [trước mỗi đức Phật] đều hiện lười vi diệu hơn lười của Biện Tài thiên nữ (22). Mỗi một lười phát xuất vô tận biển âm thanh. Mỗi một âm thanh phát xuất hết thảy biển ngôn từ, xưng dương tán thán biển công đức của hết thảy Như Lai đến cùng tận đời vị lai liên tục chẳng ngừng, tốt cùng pháp giới không đâu chẳng trọn khắp.

Như thế hư không giới tận, chúng sanh giới tận, chúng sanh nghiệp tận, chúng sanh phiền não tận, tôi khen ngợi mới tận. Nhưng vì hư không giới cho đến phiền não chẳng có cùng tận, sự tán thán này của tôi chẳng có cùng tận. Niệm niệm tiếp nối, chẳng có gián đoạn, thân ngữ ý nghiệp chẳng hề mệt chán)

Như Lai khác với chư Phật như thế nào? Vì sao không nói “xưng tán chư Phật”? Chư Phật và Như Lai có sai khác. Kinh nói Phật, nói đến chư Phật là

nói từ mặt Tướng, nói trên mặt Sự. Nói đến Như Lai là nói từ Tánh (bản tánh). Trên mặt sự tướng chúng ta phải bình đẳng cung kính, chẳng phân biệt, chấp trước. Chúng ta tôn kính Phật, Bồ Tát; phàm phu, quỷ thần chúng ta cũng phải tôn kính. Tâm tôn kính và lễ mạo và tôn kính chư Phật chẳng sai khác, cho đến kính sự, kính vật cũng chẳng sai biệt. Đó gọi là “*lễ kính chư Phật*”.

Xung tán không giống như thế. Lễ kính là vô điều kiện, xung tán có điều kiện. Kẻ ác làm chuyện ác, chẳng thể khen ngợi việc họ làm là rất tốt. Sát sanh và trộm cắp cũng chẳng thể khen ngợi. Kẻ sát sanh và trộm cắp chúng ta phải lễ kính, nhưng việc họ làm chúng ta chẳng thể khen ngợi được. Xung tán là có điều kiện, phải là thiện hạnh và tương ứng với tự tánh thì mới xung tán. Chẳng tương ứng tự tánh thì chúng ta lễ kính nhưng không xung tán.

Phương pháp tu hành này có thể thấy từ năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử. Năm mươi ba vị thiện tri thức thị hiện các hạnh, các nghiệp, có những hạnh nghiệp đáng nên tán thán, có những hạnh nghiệp chẳng thể tán thán. Thiện Tài đồng tử lễ kính năm mươi ba vị thiện tri thức, đánh lễ ba lạy, hữu nhiều ba vòng, thái độ cung kính hoàn toàn tương đồng như kính Phật và tán thán bọn họ. Thế nhưng, đối với ba người, Thiện Tài chỉ bình đẳng đánh lễ nhưng không tán thán: Thắng Nhiệt Bà La Môn đại diện cho ngu si, Cam Lộ Hòa Vương nóng tánh, đại diện cho sân khuê; Phật Tô Mật Đa nữ là kỹ nữ, đại diện tham ái. Tham - Sân - Si là ba độc phiền não, Thiện Tài chẳng xung tán.

Xung tán là khen ngợi cái hay, ngôn hạnh của người đó rất đáng học theo, đáng làm gương cho chúng ta thì mới được đại chúng tán thán. Ngôn hạnh chẳng đáng cho mọi người bắt chước theo thì chẳng thể tán thán. Sự xung tán của Phổ Hiền Bồ Tát là xứng tánh, chẳng giống với việc khen ngợi bình thường, bởi lễ dụng tâm chẳng tương đồng, mục đích chẳng tương đồng, cảnh giới cũng chẳng tương đồng, giống như chư Phật khen ngợi nhau. Chủ - bạn chứa đựng lẫn nhau, hết thầy chư Phật cũng khen ngợi lẫn nhau. Kinh A Di Đà vốn là kinh “*được hết thầy chư Phật hộ niệm*”. Không vị Phật nào chẳng giảng kinh A Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ. Giảng kinh là tán thán A Di Đà Phật, tán thán y chánh trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Cùng một đạo lý đó, A Di Đà Phật cũng tán thán mười phương hết thầy chư Phật Như Lai.

Trong Phật pháp thường nói đến pháp môn Tổng Trì, Tổng Trì là nắm giữ vững tổng cương lãnh. Tổng trì tán thán thì ngôn ngữ rất đơn giản nhưng

ý nghĩa sẽ viên mãn như giảng kinh. Tổng trì tán thán là chấp trì danh hiệu. Hết thầy các kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật giảng trong bốn mươi chín năm đều nằm trong một câu Phật hiệu “A Di Đà Phật”. Niệm câu Phật hiệu này là niệm hết tất cả hết thầy kinh đức Thế Tôn đã giảng trong bốn mươi chín năm, phương tiện đơn giản, mới biết danh hiệu có công đức to lớn như thế. Niệm A Di Đà Phật là xưng tán Như Lai.

Xưng tán Như Lai lại còn có một tầng ý nghĩa sâu phi thường. Như Lai là Chân Như bản tánh. Chân Như bản tánh của hết thầy chư Phật và Chân Như bản tánh của chính chúng ta là một, chẳng phải hai. Xưng tán Như Lai là xưng tán tánh đức của Chân Như bản tánh của chính mình. A Di Đà Phật chính là chúng ta, Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng là chính chúng ta, nên nói: “*Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*”. Tự tánh là Như Lai, duy tâm cũng là Như Lai. Niệm Phật là luôn phép xưng tán Như Lai cao nhất. Niệm kinh Vô Lượng Thọ, kinh A Di Đà cho đến đọc tụng hết thầy kinh điển Đại Thừa đều là xưng tán Như Lai. Chúng ta dùng cái tâm thanh tịnh chân thành rộng lớn khôn sánh để xưng niệm, đọc tụng sẽ tương ứng với nguyện này.

Muốn xưng tán đến mức viên mãn chẳng dễ dàng gì. Dẫu chẳng dễ dàng chúng ta vẫn phải nỗ lực, làm được một phần là tốt một phần. Chân chánh phát tâm tu học sẽ được Phổ Hiền Bồ Tát, A Di Đà Như Lai, hết thầy chư Phật gia trì. Học Phật chẳng những nhằm để chính mình tu học đạt được lợi ích chân thật, mà còn là để báo ân Phật, ân cha mẹ, ân sư trưởng, ân hết thầy chúng sanh, phải đem những điều hay chân thật phổ biến, đề cao, giới thiệu cho mọi người. Đề cao, giới thiệu là xưng tán Như Lai. Tổ chức pháp hội diễn giảng kinh điển là xưng tán, khuyên người niệm Phật là xưng tán, cho đến tại bất cứ thời gian, địa điểm nào, chúng ta chấp tay niệm một câu A Di Đà Phật đều là xưng tán cả. Xưng tán như thế được oai thần của Phật gia trì, được cảm ứng hiện tiền là biện tài. Trước kia chẳng khéo ăn nói, nay nói rất khéo, đó là Phật lực gia trì. Còn có một sự thật do chính tôi thể nghiệm: Kinh điển Phật pháp (thiện pháp) tôi nói rất dễ, ác pháp một câu nói không được. Với thiện pháp có biện tài, với ác pháp không có vậy!

Cảnh giới của nguyện này cũng rộng lớn giống như nguyện trước. Phổ Hiền Bồ Tát nói: “*Xưng dương tán thán biến công đức của hết thầy Như Lai đến tận cùng đời vị lai, liên tục chẳng đoạn, tột cùng pháp giới, không đâu chẳng trọn khắp*”. Chúng ta có làm được như thế hay không? Điều này thật sự tùy thuộc tâm lượng của chúng ta. Giống như sóng vô tuyến điện, chỉ cần chẳng bị núi cao ngăn trở, sóng điện phát xạ truyền xa vô lượng vô biên; nếu trong khoảng đó bị chướng ngại thì sóng điện bị gián cách. Tâm của chúng

ta cũng giống như thế: Trong tâm có phân biệt, có chấp trước, có phiền não như núi cao, âm ba xung dương liền bị chướng ngại, bèn có phạm vi, chẳng thể trọn khắp pháp giới tốt cùng hư không. Nếu tâm quý vị rất thanh tịnh, chẳng có phân biệt, chấp trước, chẳng có vọng tưởng, công đức xung dương đúng là trọn khắp pháp giới, tốt cùng hư không. Do đây biết rằng: mấu chốt thật sự là Nhất Tâm, dùng ba tâm (tức tâm vọng tưởng, chấp trước, phân biệt) thì chướng ngại trùng trùng, chẳng thể trọn khắp.

Phật dạy chúng ta: Quyển Giáo Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, lục đạo phàm phu đều dùng tám Thức. Tám Thức quy nạp lại là ba tâm hai ý. Ba tâm là A Lại Da Thức, Mạt Na Thức và Đê Lục Thức. Nhị Ý chỉ Mạt Na Thức (thức căn) và Đê Lục Thức (ý thức). Chẳng dùng tam tâm nhị ý là dùng Chân Như bản tánh, chỉ cần dùng được Chân Như bản tánh quyết định sẽ trọn khắp pháp giới. Sách Lăng Nghiêm Chánh Mạch chú giải kinh Lăng Nghiêm của Giao Quang đại sư căn cứ vào nghĩa kinh, dạy chúng ta “*bỏ Thức dùng Căn*”. Bồ Thức là trong sanh hoạt thường nhật, thấy Sắc nghe Tiếng chớ dùng tám Thức mà phải dùng Chân Tánh. Phàm phu mắt thấy là dùng Nhãn Thức để thấy, tai nghe là dùng Nhĩ Thức để nghe, tức là dùng sáu Thức. Đại sư dạy chúng ta dùng tánh Thấy để nhìn, dùng tánh Nghe để nghe, xoay trở lại như vậy, lập tức thành Phật. Bồ Thức, dùng Tánh của Căn. Tánh của Căn là thật, chẳng phải hư vọng. Đại Sư đề xướng rất hay, đích thực là bốn ý giảng kinh Lăng Nghiêm của Thế Tôn, chẳng hiểu sai lạc.

Trong phần Tự, đại sư Giao Quang có kể một câu chuyện đáng cho chúng ta thức tỉnh, học theo. Giao Quang đại sư mắc bệnh nặng, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn Ngài vãng sanh. Công phu niệm Phật chẳng làm, Phật đến tiếp dẫn, Ngài sức nghĩ các bản chú giải kinh Lăng Nghiêm từ cổ đến nay đều chưa nói lên được bốn ý của Phật. Ngài hướng về A Di Đà Phật xin hẹn, mong ở lại thế gian để viết bản chú giải mới cho kinh Lăng Nghiêm, chú giải xong mới đi. A Di Đà Phật gật đầu cho phép, Sư được lành bệnh. Đó cũng là sanh tử tự tại, đến đi tự do. Bởi thế, âm thanh xung tán chẳng thể trọn khắp pháp giới thì chúng ta phải coi lại mình đang dùng cái tâm gì. Cổ đại đức dạy chúng ta hai nguyên tắc lớn để học Phật:

1) Nghe kinh phải “*tiêu quy tự tánh*”: nghe xong phải tương ứng với tự tánh, trọn chẳng được vừa nghe vừa suy nghĩ lung tung.

2) Tu hành chẳng quản là niệm Phật, trì chú hay tham thiền, tám vạn bốn ngàn pháp môn đều phải “*chuyển Thức thành Trí*”. Đây cũng như nói chẳng

dùng tám Thức, chẳng dùng ba tâm hai ý, phải dùng Tự Tánh, dùng căn tánh của sáu căn vậy.

“Vì hư không giới cho đến phiền não chẳng có cùng tận, sự tán thán này của tôi chẳng có cùng tận. Niệm niệm tiếp nối, chẳng có gián đoạn”: Bồ Tát dạy chúng ta nhất tâm xưng niệm, chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp, chẳng hoài nghi mà tu học pháp môn này. *“Thân ngữ ý nghiệp chẳng hề mệt chán”*: chẳng có chán nản, mệt mỏi. Nếu dụng công đắc lực đúng pháp, xác thực là chẳng mệt, chẳng chán. Có đồng tu niệm Phật đắc lực, một câu Phật hiệu trong lúc ngủ vẫn niệm, mệt mỏi cũng vẫn niệm, niệm đến thân tâm tự tại, khoái lạc khôn sánh. Người chân chánh niệm Phật, càng niệm tinh thần càng phấn chấn, thân thể càng khỏe mạnh.

Thân thể chúng ta do vì có vọng tưởng, chấp trước, phiền não nên thân thể phát sanh biến hóa, biến thành chẳng bình thường, có bệnh tật. Hiện tại, địa cầu bị môi trường ô nhiễm, mất cân bằng sanh thái, địa cầu đổ bệnh cũng chẳng bình ổn. Xú khí tầng (tầng ozone) bị lủng, trời cũng bất bình thường. Thân thể có bệnh mà thể chất biến đổi sẽ tự nhiên khôi phục bình thường. Thế nào là tự nhiên? Trong tâm chẳng có sự là tự nhiên. Tâm vốn là vô sự. Lục Tổ đại sư nói: *“Bỏ lại vô nhất vật”* (vốn không có một vật). Vốn không có một vật là tự nhiên. Nếu như tâm quý vị thanh tịnh, chẳng có vật gì, thân quý vị sẽ tự nhiên khôi phục, tế bào nơi thân thể đổi mới tổ chức, trở thành ổn định vô cùng, thân thể bền kháng kiện, cũng chẳng đổ bệnh, sống lâu.

Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới ai nấy vô lượng thọ, ai nấy trường sanh bất lão, nguyên nhân là do họ vĩnh viễn giữ gìn tự nhiên. Muốn biến đổi thể chất chỉ có tu tâm thanh tịnh. Thế gian bàn chuyện thuốc men, tẩm bổ đều chẳng đáng tin. Người tánh tình ôn hòa thiện lương chẳng dễ sanh bệnh; người nóng nảy, hung hăng, tánh tình bất hảo thường hay đau bệnh. Biết được chân tướng sự thật, liền hiểu nên làm như thế nào. Thân ngữ ý nghiệp không mệt chán là cương lĩnh tu học, cũng là công phu chân chánh, phải nỗ lực học tập.

1.3. Nguyên thứ ba: Rộng tu cúng dường (23)

Chánh kinh:

Phục thứ, thiện nam tử! Ngôn quảng tu cúng dường giả: Sở hữu tận pháp giới, hư không giới, thập phương tam thế nhất thiết Phật sát, cực vi trần trung, nhất nhất các hữu nhất thiết thế giới cực vi trần số Phật, nhất

nhất Phật sở, chủng chủng Bồ Tát hải hội vi nhiều, ngã dĩ Phổ Hiền hạnh nguyện lực cố, khởi tâm tín giải, hiện tiền tri kiến, tất dĩ thượng diệu chư cúng dường cụ, nhi vi cúng dường.

Sở vị: hoa vân, man vân, thiên âm nhạc vân, thiên tán cái vân, thiên y phục vân, thiên chủng chủng hương, đồ hương, thiêu hương, mật hương. Như thị đẳng vân, nhất nhất lượng như Tu Di Sơn vương. Nhiên chủng chủng đẳng: tô đẳng, du đẳng, chư hương du đẳng, nhất nhất đẳng chú như Tu Di sơn, nhất nhất đẳng du như đại hải thủy. Dĩ như thị đẳng chư cúng dường cụ, thường vi cúng dường.

Thiện nam tử! Chư cúng dường trung, pháp cúng dường tối. Sở vị: Như thuyết tu hành cúng dường, lợi ích chúng sanh cúng dường, nhiếp thọ chúng sanh cúng dường, đại chúng sanh khổ cúng dường, cần tu thiện căn cúng dường, bất xả Bồ Tát nghiệp cúng dường, bất ly Bồ Đề tâm cúng dường.

Thiện nam tử! Như tiền cúng dường vô lượng công đức, tỷ pháp cúng dường nhất niệm công đức, bách phân bất cập nhất, thiên phân bất cập nhất, bách thiên câu-chi na-do-tha phần, ca-la phần, toán phần, số phần, dụ phần, u-ba-ni-sa-đà phần diệc bất cập nhất. Hà dĩ cố?

Dĩ chư Như Lai tôn trọng pháp cố, dĩ như thuyết hành xuất sanh chư Phật cố. Nhược chư Bồ Tát hành pháp cúng dường, tắc đắc thành tựu cúng dường Như Lai. Như thị tu hành, thị chân cúng dường cố. Thử quảng đại tối thắng cúng dường, hư không giới tận, chúng sanh giới tận, chúng sanh nghiệp tận, chúng sanh phiền não tận, ngã cúng nãi tận, nhi hư không giới, nãi chí phiền não bất khả tận cố, ngã thử cúng dường diệc vô hữu tận. Niệm niệm tương tục, vô hữu gián đoạn. Thân ngữ ý nghiệp vô hữu bì yểm.

(Lại này thiện nam tử! Nói rộng tu cúng dường là: Tất cả hết thấy các cõi Phật trong mười phương ba đời tận cùng pháp giới, hư không giới, trong mỗi một cực vi trần đều có chư Phật nhiều như số cực vi trần trong hết thấy thế giới, nơi mỗi đức Phật có các hải hội Bồ Tát vây quanh. Tôi do sức hạnh nguyện Phổ Hiền khởi tín giải sâu, tri kiến hiện tiền, thấy đều dùng vật cúng dường thượng diệu để cúng dường.

Như là: mây hoa, mây tràng hoa, mây âm nhạc trời, mây tàn lọng trời, mây y phục trời, các thứ hương trời: hương xoa (24), hương đốt, hương bột (25). Các mây như thế mỗi một mây lượng như núi chúa Tu Di. Thấp các thứ

đèn: đèn thắp bằng chất tồ (26), đèn dầu, các loại đèn dầu thom. Mỗi một tim đèn như núi Tu Di, dầu trong mỗi đèn như nước biển cả. Dùng các vật cúng dường như thế để thường cúng dường.

Này thiện nam tử! Trong các pháp cúng dường, pháp cúng dường quý nhất. Ấy là: cúng dường bằng cách tu hành đúng theo lời dạy, cúng dường bằng cách làm lợi chúng sanh, cúng dường bằng cách nhiếp thọ chúng sanh, cúng dường bằng cách chịu khổ thế cho chúng sanh, cúng dường bằng cách siêng tu thiện căn, cúng dường bằng cách chẳng xả nghiệp Bồ Tát, cúng dường bằng cách chẳng lìa Bồ Đề tâm.

Này thiện nam tử! Vô lượng công đức cúng dường như trên so với công đức của pháp cúng dường trong một niệm chẳng bằng một phần trăm, chẳng bằng một phần ngàn, cũng chẳng bằng được một phần của trăm ngàn câu-chi na-do-tha, ca-la phân, toán phân, số phân, dụ phân, ưu-ba-ni-sa-đa phân (27). Vì sao thế?

Vì các Như Lai tôn trọng pháp, vì tu hành đúng như lời dạy sẽ sanh ra chư Phật. Nếu các Bồ Tát hành pháp cúng dường thì được thành tựu cúng dường Như Lai. Tu hành như thế là chân cúng dường vậy. Sự cúng dường rộng lớn tới thắng này, hư không giới tận, chúng sanh giới tận, chúng sanh nghiệp tận, chúng sanh phiền não tận, sự cúng dường của tôi mới hết. Nhưng vì hư không giới cho đến phiền não chẳng thể tận nên sự cúng dường này của tôi cũng chẳng có tận. Niệm niệm nối tiếp, chẳng có gián đoạn. Thân ngữ ý nghiệp chẳng hề mệt chán)

Cúng dường là tu phước. Con người chẳng thể không có phước, không có phước thường gặp khổ sở. Có phước báo, cuộc sống của quý vị sẽ tự tại vô cùng, hạnh phúc sung sướng vô cùng. Phước báo do đâu có? Phước báo là do tu bố thí cúng dường mà được. Trong Lục Độ của Đại Thừa Bồ Tát, thứ nhất là Bố Thí. Sự bố thí của Phổ Hiền Bồ Tát gọi là Cúng Dường. Tâm bố thí của Phổ Hiền Bồ Tát chân thành, thanh tịnh, rộng lớn, bình đẳng, dùng tâm như thế để bố thí thì gọi là Cúng Dường; không có tâm như thế thì gọi là Bố Thí. Bố thí phước báo nhỏ, cúng dường phước báo lớn; bởi lẽ tâm lượng bố thí nhỏ, tâm lượng cúng dường rất lớn. Phước báo tỷ lệ thuận với tâm lượng, tâm lượng lớn thì phước báo lớn.

Có rất nhiều thứ phước báo, kinh Phật quy nạp thành ba loại lớn: giàu có, thông minh trí huệ, mạnh khỏe sống lâu. Sống lâu mạnh khỏe chẳng cần

đến người khác trông nom, săn sóc, thật sự là phước báo. Phật dạy chúng ta: ba thứ phước báo là quả báo, chẳng tu nhân làm sao quý vị có được quả báo?

a) *“Tài bố thí”* (bố thí bằng tài vật) được giàu có. Người đại phú quý trong thế gian vận may, mạng tốt, làm gì cũng sanh lợi; quý vị làm gì cũng lỗ lã, cụt vốn. Nói thật ra, chẳng phải do cơ hội, chẳng phải là vận may, cũng chẳng phải do thông minh trí huệ, mà do trong đời quá khứ họ tu nhân, nên trong đời này đương nhiên họ được phước báo đó. Dùng tài vật của chính mình bố thí cúng dường sẽ hưởng thọ quả báo giàu có vĩnh viễn chẳng hết. Hiện tại, nhờ cây con cái nuôi mình lúc tuổi già là chuyện khó mong, người thế gian cứ nghĩ bên mình phải có chút tiền của mới chắc ăn, vạn nhất gặp phải tai nạn ngoài ý muốn như hỏa tai, nước lụt, bị giặc cướp đoạt mất, tiền của mất hết, quý vị làm cách nào đây? Vẫn chẳng chắc ăn chi hết. Gởi trong ngân hàng cũng chẳng chắc ăn, ngân hàng cũng có thể bị đóng cửa. Chắc ăn nhất là tu Bố Thí, dùng của cải bố thí cúng dường hết thầy đại chúng, tích trữ như vậy mới chắc ăn; lúc mình cần đến sẽ có người cho mình, cúng dường mình. Rất nhiều người chẳng hiểu rõ đạo lý này, cho là không chắc ăn, chẳng dám làm. Chẳng dám làm là không tin Phật, bởi lẽ bố thí được giàu có là do chính đức Phật nói. Có tiền bèn bố thí, bố thí sạch sành sanh, trong tâm thật là khoái lạc, đến lúc đó *“trong nhà Phật, có cầu ắt ứng”*, nghĩ đến cái gì, cái đó bèn đến.

Tôi học Phật hai mươi sáu năm, Chương Gia đại sư dạy tôi: *“Trong nhà Phật có cầu ắt ứng là thật đấy, nhưng phải biết tu, phải biết tu nhân! Anh chẳng cần phải sợ hãi, phải tin tưởng Phật, Phật chẳng lừa dối chúng ta”*. Tôi nghe lời thầy, sanh hoạt vô cùng tiết kiệm, bớt tiền ra bố thí, dùng để phóng sanh, giúp đỡ tiền thuốc men cho người nghèo, tiền dư nhiều mới mua sách. Cho đến tận bây giờ vẫn bố thí như vậy. Năm trước, ở Đức Châu (Texas), Mỹ quốc, các đồng tu tại đó muốn lập đạo tràng, là chuyện tốt, nhưng tôi không có tiền. Vừa mới nghĩ vậy, chưa đầy ba tháng sau, có rất nhiều người gởi tiền cho, đương nhiên có tiền lập Phật đường. Phòng ốc đó là do Phật, Bồ Tát kiến tạo. Nếu dùng tiền tài để hoằng pháp lợi sanh là thích đáng nhất. Tôi học Phật, nghe theo lời thầy, y giáo phụng hành bốn mươi năm, chính tôi được cảm ứng, đúng là *“hữu nguyện tất thành”*. Phước nhất định phải gieo nơi ruộng phước; hoằng pháp lợi sanh là phước điền. Tiền của tôi đều dùng để in kinh,

b) *“Pháp bố thí”*: Nếu có cơ duyên đem phương pháp lý luận tu học của chính mình, những điều hay mình đạt được trình bày với mọi người, khiến mọi người cũng chiếu theo phương pháp lý luận tu học ấy. Ấy gọi là Pháp

Bồ Thí. Mấy năm gần đây, tôi đến các nơi trên thế giới giảng kinh, phổ biến giới thiệu Tịnh Độ Tông, đó là Pháp Bồ Thí.

c) “*Vô Úy Bồ Thí*”: Trong tâm chúng sanh có ngờ vực, có sợ hãi, có khó khăn, nếu chúng ta có năng lực bèn giúp họ giải quyết, khiến tâm họ được bình an, thân được an ổn; sự giúp đỡ như thế gọi là Vô Úy Bồ Thí.

Tu Tài Bồ Thí được giàu có, tu Pháp Bồ Thí được thông minh trí huệ, tu Vô Úy Bồ Thí được sống lâu mạnh khỏe, ba thứ quả báo ấy chúng ta đều cần; vì vậy, phải nỗ lực tu học ba thứ Bồ Thí thì mới có quả báo thù thắng. Nếu chẳng tu nhân, mỗi ngày cầu Phật, Bồ Tát, cúng dường hương, hoa, nước, quả, nịnh nọt Phật, Bồ Tát hồng các Ngài bảo hộ ban cho quý vị phước báo, chẳng hề có chuyện như vậy đâu! Phật, Bồ Tát dạy chúng ta tu nhân, tu nhân mới được quả!

“*Trong các cúng dường, pháp cúng dường quý nhất*”: mọi người chỉ biết Tài Bồ Thí được giàu có, Pháp Bồ Thí được thông minh trí huệ, chẳng biết sự viên dung trong quả báo đề chuyên tâm tu Pháp Bồ Thí. Có trí huệ, quý vị chẳng bàn cùng, có trí huệ nhất định quý vị có thể điều thân điều tâm, nên bèn được khỏe mạnh trường thọ. Do đây biết rằng: Cái quý báu nhất trong thế gian chẳng phải là giàu có mà là trí huệ. Một lời của Phổ Hiền Bồ Tát nói toạc ra: Trong các cúng dường, pháp cúng dường thù thắng nhất.

Phạm vi của Pháp Cúng Dường rộng lớn vô biên, Bồ Tát nêu tượng trưng bảy loại:

1) Cúng dường bằng cách tu hành đúng theo lời dạy:

Những đạo lý đức Phật giảng trong kinh điển, chúng ta phải hiểu rõ, phải thể hội. Phật, Bồ Tát dạy chúng ta nên làm những việc gì, chúng ta phải làm theo đó, những việc nào chẳng nên làm, chúng ta tuyệt đối chẳng làm. Chiếu theo lời Phật, Bồ Tát giáo huấn, sửa đổi cho đúng cách nghĩ, cách nhìn, cách nói, cách làm lầm lạc của chúng ta. Đó gọi là “*cúng dường bằng cách tu hành đúng theo lời dạy*”. Cúng dường bằng hương, hoa, nước, trái cây chỉ nhằm biểu hiện lòng cung kính của chúng ta mà thôi, Phật, Bồ Tát chẳng cần đến những thứ ấy đâu!

Trong mỗi niệm, Phật, Bồ Tát hy vọng chúng ta mau thành Phật, trở thành giống như các ngài. Chúng ta học Phật với mục đích thành Phật, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là một phương cách trọng yếu để thành Phật. Kinh điển để y cứ trong Tịnh Độ Tông là Tịnh Độ Ngũ Kinh và một

Luận, những điều nói trong đó chúng ta đều có thể hiểu được, đều có thể làm theo được, đó là “*cúng dường bằng cách tu hành đúng theo lời dạy*”. Năm ngoái, ở Tân Gia Ba có một bà cụ nghe nói pháp môn Niệm Phật, hoan hỷ vô cùng, ở nhà suốt một ngày từ sáng đến tối niệm A Di Đà Phật, niệm bảy tháng biết trước lúc mất, chẳng bệnh, ngồi vãng sanh. Bởi thế, hiện tại ở Tân Gia Ba và Mã Lai Á người niệm Phật rất đông. Đài Loan cũng có người niệm Phật nửa năm, đứng mà qua đời. “*Như thuyết tu hành*” là y giáo phụng hành, là cúng dường chân chánh vậy.

2) Cúng dường bằng cách lợi ích chúng sanh:

Bồ Tát niệm niệm độ chúng sanh, niệm niệm đều muốn giúp đỡ chúng sanh khiến cho chúng sanh đạt lợi ích tốt nhất. Lợi ích tốt nhất là giúp họ niệm Phật, giúp người khác biết trước lúc mất, giúp người khác chẳng đổ bệnh, đứng hay ngồi vãng sanh, đó mới là lợi ích lớn nhất; còn hết thầy những hưởng thọ vật chất hay tinh thần khác, chết đi đều phải luân hồi trong lục đạo. Quý vị ban cho họ những lợi ích khác, bất quá họ hưởng thụ mấy mươi năm rồi thôi, sau mấy mươi năm, lưu chuyển dài lâu. Giúp họ thoát ly biển khổ, vượt thoát luân hồi, thành Phật, làm Tồ, đó là lợi ích tối thù thắng.

Lợi ích chúng sanh chính là phổ độ chúng sanh. In kinh điển, đắp tượng, hoặc ấn loát hình Phật, giảng kinh, thuyết pháp (bất luận quy mô lớn nhỏ), lưu thông băng ghi âm hoặc băng ghi hình giảng pháp, dùng truyền hình truyền bá hoằng dương Phật pháp đều là cúng dường bằng cách lợi ích chúng sanh. Tu loại cúng dường này là chân thật cúng dường chư Phật. Chúng ta đem Phật pháp giới thiệu cho chúng sanh, tạo cơ hội cho chúng sanh học Phật, giúp họ mau được thành Phật, là phù hợp bản nguyện của hết thầy chư Phật trong mười phương, bởi thế chư Phật dùng bản nguyện lực gia trì quý vị, quý vị sẽ được ba thứ tự tại: Tài tự tại, Huệ tự tại, mạnh khỏe trường thọ tự tại.

3) Cúng dường bằng cách nhiếp thọ chúng sanh:

Lợi ích chúng sanh là phổ biến, đề cao, giới thiệu rộng khắp, còn nhiếp thọ chúng sanh không giống như thế. Chẳng những chỉ giới thiệu Phật pháp cho họ mà còn chỉ đạo họ tu hành, lãnh đạo họ, khiến họ cùng tu hành. Nhiếp thọ là quan hệ vô cùng thân thiết, thật sự thiết lập quan hệ thầy trò hoặc đạo hữu cùng tu học với nhau. Chẳng những dùng ngôn ngữ giúp đỡ họ, ta còn dùng hành động để giúp đỡ, làm gương tu học Phật pháp cho họ thấy. Đó gọi là cúng dường bằng cách nhiếp thọ chúng sanh.

4) Cúng dường bằng cách chịu khổ thay cho chúng sanh:

Bồ Tát có lời nguyện chịu tội chịu khổ thế cho chúng sanh. Chịu khổ thay cho quý vị, về mặt Sự, mỗi người tạo nghiệp, mỗi người phải hứng lấy quả báo; chư Phật, Bồ Tát không cách gì chịu khổ thay cho quý vị. Thế nhưng, đúng là Bồ Tát có thể chịu thay cho quý vị một phần. Chẳng hạn như, sáng sớm đi mua thức ăn, dự tính mua năm mươi đồng, trong tâm nghĩ: “Người khổ sở rất nhiều, ta mua ít đi một chút, mua cái gì rẻ một chút, tốn hai mươi lăm đồng thôi, bớt ra hai mươi lăm đồng để giúp người khác”. Đó là chịu khổ thay cho người khác. Quý vị vốn có thể ăn hết năm mươi đồng, ăn những thứ rất ngon, bây giờ bớt mồm bớt miệng một nửa, quý vị ăn thứ dở một chút, đó là chịu khổ thế cho chúng sanh. Vốn có thể ở nhà xa hoa lộng lẫy, đổi sang ở cái nhà nhỏ che nắng đụt mưa là được rồi, dành bớt tiền để giúp chúng sanh khốn khó; cho thấy đúng là có thể chịu khổ thế một phần.

Mỗi ngày bớt xài một đồng bèn có thể dùng một đồng tu phước; bớt xài mười đồng bèn có thể dùng mười đồng để bố thí cúng dường. Tự mình tiết kiệm để giúp đỡ người khác; đó là chịu khổ thay cho chúng sanh; còn như chúng sanh tạo nghiệp thiện hay ác, ta chẳng thể chịu thay cho họ được. Chính mình tiết kiệm một chút, có chút ít dư ra để hỗ trợ hoằng dương Phật pháp, giúp đỡ chúng sanh khốn khó; đó là Bồ Tát cúng dường bằng cách phát nguyện chịu khổ thế cho chúng sanh.

5) Cúng dường bằng cách siêng tu thiện căn:

Trong một đời này, tu hành có thể thành công hay không là do mầu chót này. Thiện căn: tất cả hết thảy thiện pháp do từ cái gốc này sanh ra [nên gọi là thiện căn]. Căn có nghĩa là sanh ra, [chữ Căn] dùng với ý nghĩa tỷ dụ. Giống như thực vật có rễ thì mới có thể tăng trưởng, nảy mầm, nở hoa, kết trái. Bồi dưỡng thiện căn là một đại sự tu học trọng yếu phi thường. Thiện căn có thiện căn thế gian và thiện căn xuất thế gian.

Thiện căn xuất thế gian lấy thiện căn thế gian làm cơ sở. Thiện căn thế gian là không tham, không sân, không si, đó gọi là ba thiện căn. Đức Phật dạy chúng ta siêng tu ba thiện căn, đó là cúng dường. Đối với hết thảy pháp thế gian, danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, chẳng khởi tâm tham. Đối với hết thảy những hoàn cảnh chẳng như ý, ác nhân, ác sự, chẳng khởi tâm sân khúe. Đối với hết thảy sự lý, thông đạt, hiểu rõ, chẳng mê hoặc, chẳng điên đảo, chẳng nghĩ lầm, chẳng thấy lầm, chẳng ngu si. Đó gọi là ba căn

bản của thiện pháp thế gian. Người học Phật phải tích cực nỗ lực tu học, chẳng tham, chẳng sân, chẳng si, tin tưởng nhân quả báo ứng sâu xa.

Vì sao mọi người nghe Phật giảng thiện nhân thiện quả lại chẳng dám làm? Là vì chưa hiểu rõ sự và lý của nhân quả, chưa đủ tín tâm. Chứ nếu hiểu rõ sẽ tận sức dốc lòng thực hành. Ví như Tài Bố Thí, mọi tài vật của mình đều đem bố thí hết sạch, ngày mai lấy gì ăn đây? Điều này rất hiện thực, ngày mai ăn ở đâu đây? Vừa nghĩ đến ngày mai, tiền bố thí bèn sót lại một chút, ngày mai còn phải ăn mà! Nghĩ đến ngày hôm sau nữa, lại còn có ngày sau nữa, bèn chẳng dám bố thí. Đây là chưa rõ sự lý. Tôi thường khuyên đồng tu bồi dưỡng ba thiện căn thì trước hết phải đọc sách Liễu Phàm Tứ Huấn ba trăm bận, sẽ có tín tâm, sẽ tận tụy đối với sự lý nhân quả báo ứng. Bố thí là tu nhân, phước báo tự nhiên hiện tiền, nhân duyên quả báo may chẳng sai. Quý vị càng lo sợ càng chẳng dám bố thí, thì phước báo càng có hạn lượng.

Thiện căn xuất thế gian là điều Bồ Tát tu, chỉ có một điều thôi: Tinh Tấn. Tinh Tấn là thiện căn của Bồ Tát. Tu hành dựa theo phương pháp lý luận chẳng sai lầm thì càng tinh tấn càng sung sướng, càng giống như Phổ Hiền Bồ Tát, chẳng có mệt chán. Quý vị nghĩ xem: đời người nhiều tự tại, lắm khoái lạc là do tinh tấn mà có. Chẳng tinh tấn bèn biếng nhác, bê trễ, công phu tu hành không đặc lực, phiền não lắm, khổ nạn cũng nhiều. Bởi thế, đâm ra hoài nghi Phật pháp, tín tâm dao động, thoái chuyển đọa lạc.

Tinh Tấn: Tấn là cầu tiến bộ, Tinh là thuận chẳng tạp. Tiến bộ như thế mới hữu dụng. Trong chuyện này, có bạn đồng tu rất nỗ lực, dụng công phi thường, nhưng chẳng phải là tinh tấn! Họ học rất nhiều, nên là tạp tấn. Phí rất nhiều thời gian, tinh thần, hiệu quả chẳng lý tưởng mấy. Phật pháp đáng quý nhất là tinh tấn!

6) Cúng dường bằng cách chẳng bỏ Bồ Tát nghiệp:

Nghiệp là sự nghiệp, sự nghiệp của Bồ Tát là giáo hóa chúng sanh. Bồ Tát trong thế gian làm giáo viên, chỉ có một mục tiêu: giúp đỡ hết thầy chúng sanh phá mê khai ngộ, lia khổ được vui. Bồ Tát thị hiện trong thế gian có thể dùng các thứ thân phận bất đồng, thân phận tại gia, xuất gia, và các thân phận già, trẻ, nam, nữ, các hạnh, các nghiệp. Nếu Bồ Tát thị hiện trong giới thương nhân bèn là lãnh tụ của thương nhân, dạy quý vị kiếm lời như thế nào, dùng tiền ra sao. Các Ngài có trí huệ: kiếm tiền lời như thế nào rất khổ, kiếm lời như thế nào rất sung sướng, tiêu tiền như thế nào mà tiêu rất

đau khổ, tạo rất nhiều tội nghiệp; tiêu tiền như thế nào mà tu được rất nhiều công đức, tương lai được đại phước báo, vị thương nhân Bồ Tát hiểu rõ. Già, trẻ, trai, gái, các hạnh, các nghiệp đều có Bồ Tát, Bồ Tát chỉ vẽ khuôn phép cho quý vị.

Trong nhà Phật, sự nghiệp của Bồ Tát được tượng trưng bằng việc “hoằng pháp lợi sanh”, chẳng thể buông bỏ việc này. Gia nghiệp của Phật là hoằng dương Phật pháp, tận tâm tận lực làm tốt việc ấy, đó là sự nghiệp của Bồ Tát. Có nhiều người nói: “Tôi chẳng có tiền, chẳng thể cất đạo tràng. Đối với đạo tràng cũng chẳng giúp gì được. Tôi cũng chẳng có trí huệ, chẳng thể giảng kinh, thuyết pháp, làm sao hoằng pháp lợi sanh cho được?” Quý vị đem lịch trình giảng kinh ở chỗ này báo cho người khác biết, khuyên bạn bè, người nhà, quyến thuộc, hàng xóm đi nghe kinh, đó là sự nghiệp của Bồ Tát quý vị thừa sức làm được. Họ đến rất tốt, không đến cũng chẳng sao, sự nghiệp Bồ Tát ta đã làm được rồi. Có thể thấy là sự nghiệp Bồ Tát ai cũng làm được, chẳng khó!

Ta thấy người khác bèn chấp tay niệm A Di Đà Phật, đó là sự nghiệp Bồ Tát, chẳng cần biết họ thích nghe hay không, họ đều nghe tiếng niệm lọt qua. “*Nhật lịch nhĩ căn, vĩnh vi đạo chủng*” (một phen lọt qua, vĩnh viễn trở thành giống đạo); chúng tử A Di Đà Phật gieo chắc nơi A Lại Da Thức của kẻ đó, đây là sự nghiệp Bồ Tát. Sự nghiệp cốt tại tận tâm tận lực, chẳng khó tu đâu!

7) Cúng dường bằng cách chẳng lìa Bồ Đề tâm

Bồ Đề là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Trung Quốc nghĩa là Giác Ngộ. Trong sanh hoạt thường nhật, đối người, đối sự, đối vật, giữ gìn tâm tỉnh giác cao độ, chẳng mê hoặc, đó là cúng dường bằng cách chẳng lìa Bồ Đề tâm. Một niệm chẳng giác bèn mê, niệm niệm bất giác bèn tạo tội nghiệp, bởi thế phải thời thời khắc khắc giữ vững tâm tỉnh giác. Giữ vững bằng cách nào? Một ngày từ sáng đến tối, một câu A Di Đà Phật ghim chắc trong tâm, chẳng hề bỏ mất, quý vị bèn giữ vững được tâm tỉnh giác cao độ. A Di Đà Phật vừa mất, vọng tưởng tạp niệm bèn khởi lên. Vọng tưởng tạp niệm là mê, một câu Phật hiệu là giác.

Trong hết thảy pháp môn, vì sao chư Phật riêng xưng tán Niệm Phật? Pháp môn Niệm Phật này dễ dàng, đi, đứng, nằm, ngồi, bất luận ở nơi đâu, hoàn cảnh nào, một câu A Di Đà Phật trong tâm quý vị đều chẳng để dứt, tu học thuận tiện. Xin thưa cùng quý vị đó là phương cách vô cùng cụ thể để

cúng dường bằng cách chẳng lìa Bồ Đề tâm. Do đây biết rằng: Trên cúng mười phương hết thầy chư Phật, dưới cúng hết thầy chúng sanh trong chín pháp giới, tất cả đều cúng dường hết. Một câu Phật hiệu cúng dường trọn khắp. Công đức lợi ích của Phật hiệu rất ít người biết. Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện này từ đầu đến cuối đều là xưng tán danh hiệu công đức chẳng thể nghĩ bàn, từng câu từng chữ trong kinh văn đều kết quy công đức của danh hiệu.

Cảnh giới tu học cũng giống như phần trên. Hư không giới, chúng sanh giới, chúng sanh nghiệp, chúng sanh phiền não chẳng thể cùng tận, sự rộng tu cúng dường của chúng ta cũng chẳng có cùng tận; cũng là nhất tâm nhất ý, niệm niệm tiếp nối chẳng có gián đoạn. Thân ngữ ý nghiệp chẳng có một chán. Phải tích cực nỗ lực, phải tinh tấn tu học.

Nguyện “rộng tu cúng dường” này trọng yếu vô cùng. Hạnh môn Bồ Tát lấy Lục Độ làm cương lĩnh, pháp thứ nhất trong Lục Độ là Bố Thí. Vì sao đặt Bố Thí làm pháp đầu tiên trong Lục Độ? Thật ra, chư Phật Như Lai không có pháp nào có thể nói được, hết thầy pháp nói ra không gì chẳng phải là “đôi bệnh cho thuốc” đó thôi! Chúng sanh có bệnh gì bèn trao thuốc chữa trị bệnh đó, bệnh lành, thuốc cũng chẳng cần đến nữa! Bệnh chúng sanh rất nhiều, gốc của tất cả hết thầy bệnh đều là keo tham. Hết thầy chúng sanh tu hành chẳng thể khai ngộ chứng quả, tạo lục đạo luân hồi, đọa tam ác đạo đều vì bị bệnh tham làm hại. Vì thế, bố thí là một liều thuốc hay để trị bệnh keo tham. Không tham - sân - si thì hết thầy thiện pháp sanh; có tham - sân - si thì hết thầy thiện pháp chẳng sanh, hết thầy ác pháp bèn sanh.

Trong các cúng dường, pháp cúng dường thù thắng nhất. Trong các pháp cúng dường, “*tu hành đúng theo lời dạy*” là trọng yếu nhất, tức là y giáo phụng hành. Mục đích học Phật bất đồng, sở cầu bất đồng, chọn lựa pháp môn cũng bất đồng. Đạo tràng này của chúng ta chọn lựa Tịnh Độ tông, mục đích là hy vọng tương lai có thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Kinh điển để chúng ta y cứ là năm kinh một luận. Nhất định phải chiếu theo kinh điển mà nỗ lực thực hiện, đó gọi là Tu Hành. Tu là “tu chánh” (sửa đổi cho đúng), Hành là hành vi. Tu Hành là sửa đổi hành vi của chúng ta cho đúng. Tiêu chuẩn của Chánh là gì? Tất cả những gì Phật giáo huấn trong kinh đều là tiêu chuẩn đúng đắn cả.

Cách nghĩ, cách nhìn, cách làm của Phật quyết định là chánh xác; hãy buông bỏ tư tưởng, hiểu biết của chúng ta, chiếu theo cách nghĩ, cách nhìn của Phật để sửa đổi quan điểm, hành vi của chính mình thì gọi là Tu Hành.

Tu hành ở ngay nơi khởi tâm động niệm, ngay nơi đãi người tiếp vật, chớ chẳng phải là mỗi ngày niệm kinh, gõ mõ, xướng tán, dập đầu, chấp tay. Làm ra vẻ tu hành, nhưng trong tâm khởi vọng tưởng thì chẳng phải là tu hành thật sự.

Cúng dường bằng cách như thuyết tu hành có thể nói là sự bố thí cúng dường mà hết thấy Bồ Tát đã tu đến mức rốt ráo viên mãn. Chẳng hạn như chúng ta thọ trì kinh Vô Lượng Thọ, tất cả hết thấy giáo huấn của Phật trong kinh, mỗi một điều, mỗi một câu chúng ta đều thực hiện được thì Sáu Ba La Mật, Mười Ba La Mật, mười đại nguyện vương đều hoàn toàn viên mãn.

1.4. Nguyện thứ tư: Sám hối nghiệp chướng

Chánh kinh:

Phục thứ, thiện nam tử! Ngôn sám trừ nghiệp chướng giả: Bồ Tát tự niệm, ngã u quá khứ, vô thí kiếp trung, do tham sân si, phát thân khẩu ý, tác chư ác nghiệp vô lượng vô biên. Nhược thử ác nghiệp hữu thể tướng giả, tận hư không giới, bất năng dung thọ. Ngã kim tất dĩ thanh tịnh tam nghiệp, biến u pháp giới cực vi trần sát, nhất thiết chư Phật, Bồ Tát chúng tiền, thành tâm sám hối, hậu bất phục tạo, hằng trụ tịnh giới, nhất thiết công đức. Như thị hư không giới tận, chúng sanh giới tận, chúng sanh nghiệp tận, chúng sanh phiền não tận, ngã sám nãi tận, nhi hư không giới nãi chí chúng sanh phiền não bất khả tận cố, ngã thử sám hối vô hữu cùng tận. Niệm niệm tương tục, vô hữu gián đoạn, thân ngữ ý nghiệp, vô hữu bì yếm.

(Lại này thiện nam tử! Nói sám trừ nghiệp chướng là: Bồ Tát tự nghĩ, tôi trong quá khứ, trong vô thí kiếp, do tham - sân - si, tạo vô lượng vô biên các nghiệp ác nơi thân, khẩu, ý. Nếu những ác nghiệp đó có thể tướng, cùng tận hư không giới chẳng thể chứa đựng được. Tôi nay đều dùng ba nghiệp thanh tịnh đối trước hết thấy chư Phật, Bồ Tát chúng trong cực vi trần số cõi trong khắp pháp giới thành tâm sám hối, về sau chẳng gây tạo nữa, luôn trụ tịnh giới, hết thấy công đức. Như thế hư không giới tận, chúng sanh giới tận, chúng sanh nghiệp tận, chúng sanh phiền não tận, tôi sám hối mới tận. Nhưng vì hư không giới cho đến phiền não của chúng sanh chẳng thể tận nên sự sám hối này của tôi chẳng có cùng tận. Niệm niệm tiếp nối, chẳng có gián đoạn. Thân ngữ ý nghiệp chẳng có một chán)

Nghiệp là tạo tác. Tạo tác là Nghiệp. Phạm vi của tạo tác rộng lớn phi thường. Nhất cử nhất động nơi thân: tạo tác nơi thân là thân nghiệp, nói

năng là khẩu nghiệp, trong tâm khởi ý niệm vọng tưởng từ sáng đến tối chẳng ngớt, đó là ý nghiệp. Chúng ta tạo nghiệp dẫu nhiều, nhưng quy nạp lại, chẳng ngoài ba nghiệp thân - ngữ - ý. Hễ ba loại nghiệp lớn này động bèn là tạo tác. Trong tạo tác có thiện, có ác.

Nghĩ đến một việc tốt, việc lợi ích chúng sanh thì là hảo sự, là thiện nghiệp. Nghĩ đến một chuyện xấu, niệm niệm chỉ vì mình thì là ác nghiệp. Vì tự mình thì có gì không tốt? Vì sao đức Phật nói đó là ác nghiệp? Mục đích học Phật là vượt thoát tam giới, khởi tâm động niệm chỉ vì mình thì quý vị không cách gì vượt thoát tam giới, thành Phật, thành Bồ Tát được! Bởi lẽ quý vị tạo nghiệp gây chướng ngại chính mình. Kinh Kim Cang nói: *“Nếu Bồ Tát có tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả thì chẳng phải là Bồ Tát”*. Niệm niệm có Ngã, chấp vào tướng Ta, đó là Ngã Chấp. Ngã Chấp chẳng phá thì đừng nói đến Bồ Tát, ngay cả quả A La Hán cũng chẳng đạt được. Tu học Phật pháp thành tựu quả báo thấp nhất là A La Hán. Phá Ngã Chấp bèn chứng A La Hán. Phá Pháp Chấp bèn chứng Pháp Thân đại sĩ, tức là minh tâm kiến tánh, chứng quả vị Bồ Tát. Đức Phật dạy chúng ta từ đầu đến cuối chỉ là phá Ngã Chấp và Pháp Chấp mà thôi. Khởi tâm động niệm đều nghĩ đến mình là ngày ngày tăng trưởng Ngã Chấp, chẳng thể vượt thoát tam giới; như vậy, niệm niệm vì mình chính là Ác. Khởi tâm động niệm nghĩ đến người khác, Ngã dần dần mất đi, Ngã Chấp bị phá. Niệm niệm nghĩ đến người khác là thiện, còn niệm niệm nghĩ đến mình là ác, đó là nghiệp chướng.

Có một loại chướng gọi là Phiền Não Chướng, khởi tâm động niệm đều là phiền não. Lại có một thứ chướng gọi là Sở Tri Chướng. Phiền Não Chướng và Sở Tri Chướng tánh chất bất đồng: Bản thân phiền não là chướng ngại; Sở Tri là trí huệ, bản thân nó chẳng phải là chướng ngại. Phật nói: Quá khứ, hiện tại, vị lai mười phương vô lượng vô biên thế giới, sự lớn việc nhỏ không gì quý vị chẳng biết, không gì quý vị chẳng làm được. Trí huệ của chúng ta vốn có năng lực lớn lao như thế, lớn như hư không pháp giới. Sở Tri chẳng phải là chướng, vấn đề là Sở Tri biến thành bất tri. Nói cách khác, nhất định có một thứ chướng ngại khiến cho đức năng của trí huệ bị ngăn trở, chướng ngại đó gọi là Sở Tri Chướng. Thứ chướng ngại ấy rốt cục là gì? Chướng ngại ấy chính là vô minh. Hiện tại chúng ta cái gì cũng không hiểu, cái gì cũng không rõ ràng. Vô minh là Sở Tri Chướng. Vô minh từ đâu mà có? Kinh Lăng Nghiêm dạy: *“Tri kiến lập tri, thị vô minh bốn”*: nếu cho mình là thông minh, có trí huệ, người khác chẳng hiểu biết như mình, Phật gọi đó là vô minh; thật ra, cái gì quý vị cũng chẳng biết cả. Bởi lẽ những gì tưởng là hiểu đó chỉ là Thế Trí Biện Thông (biện tài thế gian), chẳng phải là

trí huệ chân chánh. Thế Trí Biện Thông chẳng những không phải là trí huệ, trong quá trình tu học, nó còn là một trong tám nạn. Mắc nạn là chướng ngại, tô sư đại đức thường khuyên nhắc kẻ sơ học chẳng cần phải xem kinh điển nhiều, cũng chẳng cần phải nghe nhiều người giảng kinh thuyết pháp. Xem kinh càng nhiều, vọng niệm càng nhiều, biến thành Sở Tri Chương, chướng ngại bốn tánh, chướng ngại quý vị mở mang trí huệ. Phật dạy chúng ta hãy từ một môn mà thâm nhập, tu định. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, môn nào cũng đều tu Định. Niệm A Di Đà Phật là tu Định, tôi dạy quý vị niệm kinh Vô Lượng Thọ không cần phải niệm kinh gì khác cũng là tu Định.

Sám hối là gì? Sám là Sám-ma, là dịch âm tiếng Phạn. Hối là tiếng Trung Quốc. Chữ Sám Ma có ý nghĩa rất gần với chữ Hối Cải, bởi thế các vị pháp sư dịch kinh dùng chữ Sám Hối để dịch chữ Sám Ma, tức là Hoa - Phạn hợp dịch. Biết lỗi ắt sửa, sau này chẳng tái phạm, là chân sám hối. Trong nhà Phật có không ít nghi quỹ sám hối, do cổ đức từ bi thương xót kẻ sơ học, dạy chúng ta phương pháp, nguyên tắc sám hối. Chúng ta cần phải hiểu tinh thần sám hối: Sám hối chẳng phải là đối trước Phật, Bồ Tát kể lại một lượt những lỗi lầm mình đã phạm hôm qua, ngày nay, cầu Phật, Bồ Tát tha thứ, xóa hết tội lỗi. Làm như vậy là sai rồi, nghĩ đến tội nghiệp một lượt thì cũng giống như lại tạo tội ấy một lần nữa. Làm thế nào để sám trừ nghiệp chướng được? Bất luận trót tạo tội nghiệp gì cũng đừng nghĩ đến nữa, cứ chắc thật niệm A Di Đà Phật, nhất định về sau chẳng tái phạm nữa thì nghiệp chướng mới thật sự sám trừ được.

“Bồ Tát tự nghĩ, tôi trong quá khứ, trong vô thí kiếp, do tham - sân - si, tạo vô lượng vô biên các nghiệp ác nơi thân, khẩu, ý. Nếu những ác nghiệp đó có thể tướng, cùng tận hư không giới chẳng thể chứa đựng được”: Đây là Phổ Hiền Bồ Tát tự nói về chính mình, Ngài còn như thế huống gì chúng ta? Chúng ta đời đời kiếp kiếp chất chứa ác nghiệp vô lượng vô biên. May là chúng tử ác nghiệp chất chứa trong A Lại Da Thức chẳng có thể tích. Nếu chúng có thể tích nhỏ bằng một hạt vi trần thôi thì những hạt vi trần chất chứa từ vô thí kiếp đến nay, hư không chẳng chứa đựng được nổi. Chúng ta tạo nghiệp, một ngày hai mươi bốn tiếng, chẳng gián đoạn phút giây nào. Lúc ngủ cũng nằm mộng tạo nghiệp! Trong những nghiệp đã tạo, ác nghiệp nhiều, thiện nghiệp ít. Nói chung, khởi tâm động niệm nghĩ đến mình thì nhiều, nghĩ đến người khác thì ít. Quá nửa là tổn người lợi mình, được mấy lúc tổn mình lợi người? Phản tỉnh kỹ càng, lời Bồ Tát quả là thiên chân vạn xác (ngàn vạn phần đúng đắn), chúng ta ác nghiệp rất nhiều, từ hôm nay trở đi, phải phát nguyện tu sám hối.

“Tôi nay đều dùng ba nghiệp thanh tịnh đối trước hết thầy chư Phật, Bồ Tát trong cực vi trần số cõi trong khắp pháp giới thành tâm sám hối, về sau chẳng gây tạo nữa, luôn trụ tịnh giới, hết thầy công đức”: Đây là Bồ Tát dạy chúng ta phương pháp sám hối. Trước hết, quý vị phải có ba nghiệp thân - khẩu - ý thanh tịnh. Đó là cơ sở để sám hối nghiệp chướng. Nếu không, nghiệp chướng chỉ càng tăng thêm, chẳng thể giảm thiểu. Ba nghiệp lấy ý nghiệp làm chủ. Tâm thanh tịnh thì thân và ngữ tự nhiên thanh tịnh.

Lục Tổ Thiên Tông là Huệ Năng đại sư sau khi đắc pháp nơi ngài Hoàng Mai, do huynh đệ của Sư chẳng phục, rượt đuổi muốn đoạt lại y bát. Trong số ấy có sư Huệ Minh, trước khi xuất gia là tướng quân tứ phẩm. Huệ Năng bị ông ta đuổi kịp, ẩn vào lùm cỏ bên đường, bỏ y bát trên tảng đá cho Huệ Minh lấy đi. Huệ Minh giơ tay nắm lấy y bát, giơ lên không được. Y bát rất nhẹ, Tứ Phẩm tướng quân cầm chẳng nổi, trong tâm liền cảnh giác, biết là do thân hộ pháp giữ gìn nên sức người chẳng thể lay động nổi, bèn năn nỉ Huệ Năng đại sư bước ra, nói:

- Tôi chẳng vì y bát, vì cầu pháp mà đến.

Thấy chiều gió xoay bánh lái thật lạ! Trước hết Huệ Năng đại sư dạy ông ta tịnh lại, định cái tâm lại đã. Sau khi tâm Huệ Minh định rồi, bèn hỏi Huệ Minh:

- Chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác (tâm thanh tịnh thì chẳng còn có ý niệm thiện hay ác), chính ngay trong lúc đó, cái gì là bản lai diện mục của thượng tọa Huệ Minh?

Do lời nói đó, Huệ Minh bèn đại ngộ. Ba nghiệp của ông ta thanh tịnh, nhân đó bèn đại ngộ. Ý niệm thiện ác chẳng khởi, tâm thanh tịnh hiện tiền. Huệ Minh ba nghiệp thanh tịnh, bèn đối trước Huệ Năng sám hối nghiệp chướng, nghiệp chướng thật sự tiêu trừ, tâm thanh tịnh hiện tiền, bèn minh tâm kiến tánh. Chỉ cần chuyển được ý niệm bèn khai ngộ chứng quả.

Tại gia cư sĩ lúc làm việc phải nỗ lực làm việc, làm việc xong, buông hết thầy vọng niệm xuống, điều gì cũng chẳng cần nghĩ tới nữa, thiện hay ác đều chẳng suy lường, dùng cái tâm thanh tịnh đó niệm Phật, một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật, nghiệp chướng của quý vị sao không thể tiêu trừ cho được! Nghiệp chướng tiêu trừ, tâm thanh tịnh hiện tiền, tâm thanh tịnh khởi tác dụng là trí huệ, đối với công việc bình thường của quý vị, quý vị làm càng được viên mãn, càng tự tại. Lúc trước làm việc rất khổ, nay làm rất sung sướng. Trước kia thấy công việc rất phiền

não, nay thấy công việc rất tự tại. Vì sao vậy? Là vì nghiệp chướng tiêu trừ rồi.

“*Về sau chẳng gây tạo nữa*”: Bình thường tiểu Bồ Tát tu hành, dạy quý vị sau này chẳng tái tạo nữa, còn Phổ Hiền Bồ Tát nói “*về sau chẳng gây tạo nữa*” có nghĩa là từ nay trở đi, phải gìn giữ cái tâm thanh tịnh, chẳng còn có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nữa! Thiện hay ác đều chẳng suy lường, vĩnh viễn gìn giữ cái tâm thanh tịnh, vĩnh viễn dùng cái tâm thanh tịnh ấy để chấp trì danh hiệu, đó là chân chánh “*về sau chẳng gây tạo nữa*” thì mới có thể sám trừ nghiệp chướng; từ vô thủy kiếp đến nay, nghiệp chướng dù nhiều dù nặng đều có thể sám trừ.

“*Hằng trụ tịnh giới, hết thấy công đức*”: Hằng là thường hằng, vĩnh viễn. Trụ là tâm ta an trụ trong giới thanh tịnh. Giới là pháp, trì giới là giữ pháp. Hằng trụ tịnh giới là vĩnh viễn dùng cái tâm thanh tịnh giữ pháp, dùng tâm thanh tịnh tuân thủ giáo pháp của Phật, tuân thủ pháp luật, quy định của quốc gia và quan niệm đạo đức của phong tục tập quán dân gian. Giữ pháp nhưng chẳng mất tâm thanh tịnh thì gọi là “*hằng trụ tịnh giới, thành tựu hết thấy công đức*”. Một phần công phu được một phần thâm hoạch, mười phần công phu được mười phần thâm hoạch.

Bồ Tát phát nguyện tu khoa mục “*sám hối nghiệp chướng*” này giống như phần trên “*niệm niệm tiếp nối, chẳng có gián đoạn*” dũng mãnh tinh tấn tu học, “*thân ngữ ý nghiệp chẳng có một chán*”: Ngài thành tựu vô lượng công đức thù thắng, tự nhiên chẳng có cảm giác mệt mỏi, chẳng thấy chán nản. Ngài đạt được công đức chân thật nên pháp hỷ sung mãn, đồng thời lại còn được hết thấy Như Lai oai thần gia trì. Chúng ta chiếu theo phương pháp này tu học cũng sẽ nhất định được chư Phật gia trì.

Lược Giảng Giáo Nghĩa Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, phần 1 hết

Chú thích:

Trong phần chú thích này, những phần nào không phải lời chú thích của lão cư sĩ Hoàng Trí Hải sẽ được ghi rõ xuất xứ.

(*) Ở đây, chúng tôi không rõ có sự nhầm lẫn trong ấn loát hay không, đa số các sách ghi là hai mươi một ngày (hoặc “tam thất” (3 lần bảy ngày)). Bản in này ghi là “nhị thất nhật”, nên chúng tôi dịch theo là “mười bốn ngày”.

(**) Nếu gọi đầy đủ là Nhập Bất Tư Nghị Giải Thoát Cảnh Giới Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm, tương ứng với phẩm Nhập Pháp Giới trong bản Tứ Thập Hoa Nghiêm; phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên là quyển thứ 40 của phẩm này.

(1) Bản Lục Thập Hoa Nghiêm dịch vào đời Đông Tấn được ngài Phật Đà Bạt Đà La dịch vào thời Đông Tấn, gồm 7 xứ, 8 hội, 34 phẩm. Bản này gọi là Cựu Dịch.

Bát Thập Hoa Nghiêm do ngài Thật Xoa Nan Đà dịch dưới thời Đường, nhằm trào Võ Tắc Thiên. Khi Sư dịch xong, chính Võ Hậu đã cầm bút ngự phê bài Khai Kinh Kệ “*Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp...*” lên bìa cuốn kinh này (theo Hòa Thượng Tịnh Không). Bản này gọi là Tân Dịch. Bản Tứ Thập Hoa Nghiêm tuy ghi là một phẩm, đặt tên là Nhập Bất Tư Nghị Giải Thoát Cảnh Giới Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm, nhưng thật ra gồm hai phần: phần thứ nhất (39 quyển đầu) tương ứng với phẩm Nhập Pháp Giới trong Bát Thập Hoa Nghiêm và Phổ Hiền Thập Chung Hạnh Nguyên (quyển này là quyển 40, thường được tách ra lưu truyền như một phẩm riêng, thường gọi là Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm). Tứ Thập Hoa Nghiêm do ngài Bát Nhã Tam Tạng xứ Kế Tân dịch từ Phạn sang Hán.

(2) Cách phân chia các hội ở đây dựa theo bản Bát Thập Hoa Nghiêm, Hòa Thượng Tịnh Không cho biết:

1) Hội thứ nhất tại Bồ Đề đạo tràng gồm sáu phẩm, mười một quyển. Phổ Hiền Bồ Tát giảng về y báo nhân quả của đức Tỳ Lô Giá Na Phật.

2) Hội thứ hai giảng tại điện Quang Minh, cũng là do Phổ Hiền Bồ Tát nói về chánh báo nhân quả của Phật, gồm ba phẩm. Nửa phần sau hội thứ hai, Văn Thù Bồ Tát giảng Thập Tín, địa vị Thập Tín, giảng phát tâm, giảng về Sơ Phát Tâm, tổng cộng ba phẩm.

3) Hội thứ ba trên trời Dao Lợi, giảng trên cung trời Dao Lợi do Pháp Hội Bồ Tát chủ giảng. Vì thế, hội thứ ba do Pháp Hội Bồ Tát giảng Thập Trụ, có sáu phẩm, ba quyển.

4) Hội thứ tư tại trời Dạ Ma, do Công Đức Lâm Bồ Tát giảng pháp môn Thập Hạnh, cũng gồm bốn phẩm, ba quyển.

5) Hội thứ năm trên trời Đâu Suất – Di Lạc Bồ Tát sống trên trời Đâu Suất – Hội này do Kim Cang Tạng Bồ Tát giảng pháp môn Thập Hồi Hương, có ba phẩm, gồm mười hai quyển.

6) Hội thứ sáu tại trời Tha Hóa Tự Tại, do Kim Cang Tạng Bồ Tát làm hội chủ, giảng pháp môn Thập Địa. Hội này chỉ có một phẩm, nhưng là một phẩm rất dài đến cả sáu quyển.

7) Hội thứ bảy lại là điện Phổ Quang Minh, trong hội này, đức Phật làm chủ, giảng về Đẳng Giác, về Diệu Giác. Phần này gồm mười một phẩm, mười ba quyển.

8) Hội thứ tám cũng tại điện Phổ Quang Minh, Phổ Hiền Bồ Tát giảng, chủ yếu nói về các pháp môn tu hành. Phổ Hiền Bồ Tát nói hai ngàn pháp môn tu hành. Phần này chỉ có một phẩm, gồm bảy quyển.

9) Hội thứ chín tại rừng Thệ Đa, tức là vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, diễn tả cuộc cầu pháp tham học với năm mươi ba vị thiện tri thức của Thiện Tài Đồng Tử.

(3) Theo đại sư Thanh Lương phán định, kinh Hoa Nghiêm chia làm bốn khoa:

a) Cử Quả Khuyến Yêu Sanh Tín Phần (Phần nêu quả để khuyến phải sanh lòng tin), tức là Tín phần: Gồm hai hội đầu trong mười hội, giảng về Y Báo, Chánh Báo trang nghiêm của Phật Tỳ Lô Giá Na, thuyết minh thế giới của đức Phật để hành nhân từ Sơ Địa Bồ Tát trở lên ngưỡng mộ quả báo, phát sanh lòng tin chân thật.

b) Tu Nhân Khế Quả Sanh Giải Phần (phần tu nhân, khế nhập quả, sanh hiểu), còn gọi là Giải Phần: Giảng về lý luận, nhân như thế nào, quả như thế nào. Phần này gồm các hội thứ ba, tư, năm, và sáu.

c) Thác Pháp Tấn Tu Thành Hạnh Phần, tức là nói về Hạnh của bậc Diệu Giác, Đẳng Giác, gồm toàn bộ kinh văn thuộc hội thứ bảy và hội thứ tám.

d) Y Nhân Chứng Nhập Thành Đức Phần, tức Chứng Phần, nói về cách dùng Tu Đức để hiển Tánh Đức, cụ thể là việc tham học của Thiện Tài Đồng Tử và mười đại nguyện Phổ Hiền

(4) Lục Tướng: sáu tướng của sự vật trong vạn hữu:

a) Tổng tướng: một pháp duyên khởi đầy đủ nhiều đức, như thân người đầy đủ các căn.

b) Đồng tướng: nhiều đức hòa hợp nương nhau tạo thành một pháp, nhưng không chống trái nhau.

c) Dị tướng: nhiều đức khác nhau tạo thành một pháp, như các căn tạo thành thân người, nhưng mỗi căn mỗi khác.

d) Thành tướng: nhiều đức nương nhau tạo thành một tướng, như sáu căn hợp thành thân người.

d) Hoại tướng: mỗi căn đều trụ nơi bản vị, không dời đổi, nên không thành tổng tướng.

Thập Huyền Môn: xin xem phần Chú Giải kinh Vô Lượng Thọ của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, quyển thứ nhất.

Tứ pháp giới: tức Sự vô ngại, Lý vô ngại, Lý Sự vô ngại và Sự Sự vô ngại.

(5) Đại Phương Quảng: Đại gồm ba nghĩa:

a) Pháp thân của Phật rộng lớn vô lượng vô biên. Tất cả hết thảy cảnh giới thảy đều trọn khắp đầy đủ. Bởi thế gọi là Đại.

b) Các môn trí huệ của Phật vừa cao vừa rộng, nhiều vô cùng vô tận nên gọi là Nhất Thiết Chung Trí (thấu đạt chân tánh của hết thảy pháp), nên gọi là Đại.

c) Đức Phật chứng được diệu pháp tối thắng, không cảnh giới Bồ Tát nào vượt trội hơn được, chỉ mình đức Phật có khả năng hóa độ mọi chúng sanh ứng theo căn cơ nên gọi là Đại.

Phương là quỹ tắc (Quỹ là đường xe đi). Ý nói đạo lý chân thật, hết thảy chúng sanh tuân thủ, thực hành theo thì mới mong được giải thoát, mới khỏi bị đọa lạc.

Chữ Quảng ý nói kinh Phật ý nghĩa rộng sâu không thể suy lường được.

Hợp ba chữ này, Đại Phương Quảng ý nói: Tâm tánh Phật và tâm tánh chúng sanh đồng một thể, tâm tánh ấy bao trùm pháp giới, phủ trọn mười phương; Phật thụ dụng được tâm ấy, chúng sanh do mê hoặc nên vẫn là phàm phu. Phải nương theo tâm tánh ấy để được chân thật thọ dụng như chân Phật.

Nếu luận về Thể - Tướng - Dụng thì Đại là Thể của tâm tánh: Tâm tánh ấy thanh tịnh, chẳng ô nhiễm mảy may, chưa hề tăng giảm. Phương là Tướng của tâm tánh, còn có thể nói là Lượng của tâm tánh. Tướng ấy còn lớn hơn cả hư không, có thể nói là không ngăn mé. Tướng ấy nói rộng ra là ngang khắp mười phương, dọc suốt ba đời. Quảng là Dụng của Tánh: Tâm ấy có thể tạo lập hết thảy pháp, bao gồm cả mười pháp giới, chẳng thể nghĩ bàn.

(6) Theo Hòa Thượng Tịnh Không, chữ Kệ ở đây phải hiểu là cách tính kích thước một văn bản của Ấn Độ thời cổ, một bài kệ là bốn câu, như nay ta nói kinh Hoa Nghiêm có mười vạn kệ, mười vạn tức là bốn mươi vạn câu, bốn mươi vạn câu dài ngắn khác nhau. Chữ Kệ này khác với Kệ Tụng là một thể loại văn vần nhằm trùng tuyên ý nghĩa đã được giảng trong phần Trường Hàng.

(7) Phật Đà Bạt Đà La (Buddhabhadra 359-429): Hán dịch là Giác Hiền, cao tăng Ấn Độ, sống vào thế kỷ thứ 5, người ở thành Na Ha Lợi, con cháu họ Thích, thuộc dòng dõi Cam Lộ Phạm Vương. Sư xuất gia năm bảy tuổi, đặc biệt giỏi về Thiên và Luật. Cùng với Tăng Già Bạt Đà La, Sư đến Kế Tân thọ pháp với ngài Phật Đại Tiên. Sau nhận lời thỉnh của Trí Nghiêm, ngài đến Trường An hoằng pháp năm 408. Vì không quen với phong tục Trường An và không hợp với các đệ tử của La Thập nên Sư cùng hơn 40 đệ tử rời Trường An đến ở Lô Sơn với Sơ Tổ Tịnh Độ Huệ Viễn. Năm 415, Sư đến chùa Đạo Tràn, Kiến Khang (nay là Nam Kinh), dịch Lục Thập Hoa Nghiêm; cùng ngài Pháp Hiền dịch Luật Ma Ha Tăng Kỳ, Đại Bát Nê Hoàn kinh, tất cả gồm 13 bộ, 125 quyển. Sư thị tịch năm 429 đời Lưu Tống, thọ 71 tuổi.

(8) Thập Xoa Nan Đà (Siksananda 652-710): Người xứ Vu Điền (nay thuộc tỉnh Tân Cương), năm 652, Sư đem bản kinh Hoa Nghiêm đến Trung Quốc, cùng Bồ Đề Lưu Chi, Nghĩa Tịnh... dịch sang Hán văn tại chùa Đại Biển Không. Sư còn dịch nhiều bản kinh Đại Thừa khác. Năm 705, Sư trở về nước, sau Sư lại được nghênh thỉnh ba lần. Sư mất năm 710, sau khi trà tỳ

cuồng lưỡi không hư hoại, học trò Sư đưa kinh cốt về Vu Điền xây tháp cúng dường (theo Huệ Quang tự điển).

(9) Thanh Lương đại sư: Pháp húy Trùng Quán (738-839), tổ thứ tư tông Hoa Nghiêm. Còn có hiệu là Đại Hưu, được phong Thanh Lương quốc sư. Sư xuất gia năm 14 tuổi, với Bái thiên sư chùa Bảo Lâm. Tuy tinh tường Luật, Thiền, Mật, ngài đặc biệt chú trọng giáo nghĩa của ngài Pháp Tạng. Năm 776, Sư chuyên tu Phương Đẳng Sám Pháp tại chùa Đại Hoa Nghiêm ở Ngũ Đài, giảng kinh Hoa Nghiêm rất nhiều lượt. Sư tham gia dịch trường Tứ Thập Hoa Nghiêm của ngài Bát Nhã và viết Trinh Nguyên Tân Dịch Hoa Nghiêm Kinh Sớ 10 quyển. Năm 799, Sư được vua thỉnh vào điện, giảng kinh Hoa Nghiêm, vua bỗng nhiên giác ngộ, cho rằng “diệu pháp làm mát lòng trần” nên ban đức hiệu Thanh Lương Quốc Sư. Chú sớ của đại sư về kinh Hoa Nghiêm rất nhiều, rất đồ sộ (theo Huệ Quang tự điển).

(10) Tông Mật đại sư (780-841): Gọi đủ là Khuê Phong Tông Mật, tổ thứ năm của tông Hoa Nghiêm. Năm 806, Sư đi thi, giữa đường qua Toại Châu, nghe Hòa Thượng Đạo Viên thuyết pháp, bèn xuống tóc xuất gia. Năm 810, sư tham bái ngài Thanh Lương Trùng Quán, thọ trì giáo học Hoa Nghiêm. Chú giải kinh Viên Giác của Sư được coi là khuôn mẫu cho các tác phẩm chú giải kinh Viên Giác sau này. Sư đề xướng Thiền Giáo Nhất Trí và được coi là một thiền sư nổi danh thuộc dòng thiền Thần Hội (theo Huệ Quang tự điển).

(11) Thiện Tài đồng tử: là đương cơ của pháp hội này. Theo phẩm Nhập Pháp Giới của bản Bát Thập Hoa Nghiêm, ở Phước Thành có một vị trưởng giả có năm trăm con trai, trong đó có một đứa bé tên là Thiện Tài. Lúc mới sanh ra, các thứ của cải trên dĩa từ đất vọt lên, do vậy đặt tên là Thiện Tài. Của cải ấy do công đức tu tập từ nhiều đời nên cảm ứng. Khi Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát giảng pháp tại An La Lâm thuộc phía Đông phước Thành, Thiện Tài đến nghe, nghe xong bèn phát đại tâm. Tuân lời Bồ Tát dạy, Thiện Tài cứ đi mãi về phương Nam tham bái năm mươi ba vị thiện tri thức. Vị thiện tri thức số 28 chính là Quán Âm Bồ Tát. Vị thiện tri thức cuối cùng là Phổ Hiền Bồ Tát. “Đương cơ” hay còn gọi là đối cơ nghĩa là người có tánh tình tư chất có thể lãnh thọ được pháp đang giảng trong pháp hội ấy.

(12) Kiếp: Một tiểu kiếp là một ngàn sáu trăm tám mươi vạn năm. Hai mươi tiểu kiếp là một trung kiếp. Bốn trung kiếp là một đại kiếp, tức mười ba vạn bốn ngàn bốn trăm vạn năm. ($134.400 \times 10.000 = 1.344.000.000$)

(13) Cực vi trần: Vi trần là một hạt bụi rất nhỏ. Cực vi trần nghĩa là phân chia ra rất nhỏ của một vi trần. Có thể hình dung như thế này: Gộp bảy cực vi trần lại ta có một kim trần, gộp bảy kim trần ta được một thủy trần, gộp bảy thủy trần lại ta được một thổ mao trần (tức là vừa bằng đầu cọng lông con thỏ).

(14) Bất khả thuyết bất khả thuyết: một con số cực lớn. Theo phẩm A Tăng Kỳ bản Bát Thập Hoa Nghiêm, một trăm lạc-xoa (tức một trăm ngàn) là một câu-chi, câu-chi lần câu-chi là một A Du Đa. A Du Đa lần A Du Đa là một Na Do Tha. Na Do Tha lần Na Do Tha là một Tần Bà La... Cứ tính lần như thế cho đến Bất Khả Lượng lần Bất Khả Lượng là một Bất Khả Lượng Chuyển. Bất Khả Lượng Chuyển lần Bất Khả Lượng Chuyển là một Bất Khả Thuyết. Bất Khả Thuyết lần Bất Khả Thuyết là một Bất Khả Thuyết Chuyển. Bất Khả Thuyết Chuyển lần Bất Khả Thuyết Chuyển là một Bất Khả Thuyết Bất Khả Thuyết.

(15) Phạt sát: khu vực hóa độ của một đức Phật. Sát gọi đủ là Sát-độ (ksetu), nhỏ nhất là một tam thiên đại thiên thế giới.

(16) Lễ là biểu hiện của sự tôn kính. Thể hiện sự tôn kính đức Phật bằng những cách chấp tay, cúi đầu, cúc cung (cung là thân thể, gập mình lại thì gọi là cúc cung), phủ phục (thân thể nằm rạp xuống đất), phản chưởng (ngửa hai lòng bàn tay hướng lên trên), đánh lễ (đầu mặt chạm xuống đất), tiếp túc (hai tay đặt hai bên mặt mình, lòng bàn tay ngửa lên, đầu áp sát đất, như ôm lấy chân đức Phật). Kính là lòng chí thành. Đây là cách hiểu theo mặt văn tự của chữ “lễ kính”.

(17) Giới có thể hiểu là giới hạn. Bất cứ vật gì có thể nêu tên được thì đều gọi là Pháp. Như vậy bất cứ cảnh giới, sự vật, sự tình nào đều có thể gọi là pháp. Pháp giới hàm ý tất cả vạn hữu. Hư không giới tức là toàn thể hư không.

(18) Thâm tâm là tâm thiết tha sâu đậm. Tín là tin, giải là hiểu biết rõ ràng. Dùng lòng tin hiểu sâu đậm, hiểu biết tường tận nên thấy chư Phật rõ ràng giống như các Ngài đang hiện diện trước mặt.

(19) Hội ở đây là pháp hội, tức là nơi Phật thuyết pháp. Hội ấy rộng lớn đông đảo vô cùng nên thêm chữ Hải đằng trước để hình dung hội ấy to lớn như biển cả. Hải hội vây quanh nghĩa là các vị Bồ Tát, Thanh Văn, các loài chúng sanh đến nghe pháp, đông không thể tính đếm được. Kinh Hoa

Nghiêm hay dùng chữ Hải để hình dung những gì rộng lớn, phạm vi quá rộng.

(20) Giải nghĩa là hiểu rõ, phân biệt rành rẽ; Thắng là thù thắng (tốt đẹp đặc biệt). Nghĩa là khéo hiểu biết, phân biệt hết thảy mọi sự, mọi pháp trong thế giới một cách thù thắng.

(21) Tri kiến hiện tiền: Dùng ý thức để phân biệt là Tri, dùng nhãn thức để phân biệt gọi là Kiến. “Hiện tiền” là những gì hiện diện trước mắt.

Gộp ý hai câu này có nghĩa là dùng tâm khéo quyết định, dùng sức thấy biết rõ ràng như sự vật đang đối ngay trước mắt.

(22) Biện Tài thiên nữ (Shri Devi): Là một thiên nữ trong cung Tự Tại Thiên Vương (trời Tự Tại thuộc tầng thứ sáu trong hai mươi tám tầng trời, tính từ dưới lên), còn gọi là Thiện Khẩu. Cô này có thể biến hóa đủ loại tướng lười, mỗi một lười phát ra vô cùng vô tận các thứ âm thanh, mỗi một âm thanh phát ra lại có cả mấy trăm thứ tiếng nhạc hòa theo. Trong các âm thanh của Biện Tài thiên nữ phát ra, lại còn có những lời lẽ hay khéo ca ngợi công đức Phật.

(23) Quảng tu cúng dường: Quảng có nghĩa là rất nhiều, rất rộng. Cúng dường (đúng ra phải đọc là Cung Dưỡng): Cung là cung phụng, Dưỡng là hiếu dưỡng như con cái đối với cha mẹ.

(24) Hương xoa (Đồ hương): loại hương để bôi lên thân, có hai loại dùng gỗ Chiên Đàn Hương nghiền thành bột trộn với sáp để bôi. Loại thứ hai là dùng các thứ hương nghiền thành bột để tạo thành sáp bôi hoặc xông quần áo cho thơm tho. Ở Ấn Độ do khí hậu nóng, mồ hôi nhiều nên các loại đồ hương nhằm khử mùi hôi nơi thân thể rất thịnh hành. Chiên Đàn là tiếng Phạn, Tàu dịch là Dữ Lạc (ban cho sự vui vẻ). Gỗ loại cây này rất thơm, cũng có thể dùng để chế hương đốt, có hai loại đỏ và trắng. Loại trắng trị bệnh nhiệt, loại đỏ trị bệnh phong. Do trừ được bệnh, khiến cho thân thể nhẹ nhàng thơ thới nên gọi là Dữ Lạc.

(25) Hương bột (Mạt hương): Hương nghiền thành bột dùng để đốt, hay dùng để hòa với đất sét thành bùn thơm để đắp đàn tràng, nặn tượng.

Chú ý các vật cúng ở đây được gọi là Mây hàm ý: vật cúng nhiều xếp tầng tầng lớp lớp dày đặc chật kín cả không trung như mây. Số lượng vật cúng quá nhiều không thể tính kê được nên nói “lượng như núi Tu Di”.

(26) Tô: chất tinh luyện từ sữa, vừa ăn được, vừa dùng để thắp đèn.

(27) Đây đều là danh mục những con số. Câu-chi (koti) là mười vạn, tức một trăm ngàn; cũng có thuyết nói một câu-chi là một ngàn vạn. Một ngàn vạn ức là một na-do-tha (một Úc là một ngàn vạn). Ca-la phần là một con số cực nhỏ, theo sách Huệ Uyển Âm Nghĩa: “*Chẻ một sợi lông trên người làm trăm phần thì gọi là Ca La*”. Toán phần là con số nhỏ nhất có thể tính được bằng toán học. Số phần là con số nhỏ nhất có thể tìm được bằng các công thức số học. Dụ phần là con số nhỏ nhất có thể hình dung được bằng thí dụ. Ưu-ba-ni-sa-đà, dịch là Cận Phần, tức là một hạt vi trần chẻ thành bảy phần, mỗi phần lại chẻ thành bảy, gần bằng với một Lân Hư Trần. Ý của đoạn này là công đức của Tài Cúng Đường chẳng bằng được một phần nhỏ nhất của Pháp Cúng Đường.

1.5. Nguyện thứ năm: Tùy hỷ công đức

Chánh kinh:

Phục thứ, thiện nam tử! Ngôn tùy hỷ công đức giả: Sở hữu tận pháp giới, hư không giới, thập phương tam thế, nhất thiết Phật sát, cực vi trần số chư Phật Như Lai, tòng sơ phát tâm, vị Nhất Thiết Trí, cần tu phước tu, bất tích thân mạng, kinh bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát cực vi trần số kiếp, nhất nhất kiếp trung, xả bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát cực vi trần số đầu, mục, thủ, túc. Như thị nhất thiết nan hành khổ hạnh, viên mãn chủng chủng Ba La Mật môn, chứng nhập chủng chủng Bồ Tát trí địa, thành tựu chư Phật vô thượng Bồ Đề, cập bát Niết Bàn, phân bố xá-lợi.

Sở hữu thiện căn ngã giai tùy hỷ, cập bỉ thập phương nhất thiết thế giới, lục thú, tứ sanh, nhất thiết chủng loại, sở hữu công đức, nãi chí nhất trần, ngã giai tùy hỷ. Thập phương tam thế, nhất thiết Thanh Văn, cập Bích Chi Phật, hữu học, vô học, sở hữu công đức, ngã giai tùy hỷ. Nhất thiết Bồ Tát sở tu vô lượng nan hạnh khổ hạnh, chí cầu vô thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, quảng đại công đức, ngã giai tùy hỷ. Như thị hư không giới tận, chúng sanh giới tận, chúng sanh nghiệp tận, chúng sanh phiền não tận, ngã thử tùy hỷ vô hữu cùng tận. Niệm niệm tương tục vô hữu gián đoạn, thân ngữ ý nghiệp vô hữu bì yếm.

(Lại này thiện nam tử! Nói tùy hỷ công đức là: Tất cả chư Phật Như Lai nhiều như số cực vi trần trong hết thảy cõi Phật trong mười phương ba đời tận pháp giới, hư không giới, từ sơ phát tâm vì Nhất Thiết Trí (1) mà siêng

tu khỏi phước (2), chẳng tiếc thân mạng, trải các kiếp nhiều như số cực vi trần trong bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật, trong mỗi một kiếp, xả đầu, mắt, chân, tay nhiều như số cực vi trần trong bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật. Hết thấy khổ hạnh khó làm như thế, viên mãn đủ mọi môn Ba La Mật, chứng nhập mọi thứ trí địa (3) Bồ Tát, thành tựu vô thượng Bồ Đề của chư Phật, và nhập Niết Bàn (4), phân chia xá-lợi (5). Tất cả thiện căn, tôi đều tùy hỷ. Và tất cả công đức của hết thấy chủng loại thuộc sáu đường bốn loài trong mười phương hết thấy thế giới, thậm chí [công đức nhỏ bằng] một hạt bụi, tôi đều tùy hỷ. Tất cả công đức của mười phương ba đời hết thấy Thanh Văn và Bích Chi Phật, hữu học, vô học (6), tôi đều tùy hỷ. Hết thấy Bồ Tát đã tu vô lượng khổ hạnh khó làm, chỉ cầu vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, công đức rộng lớn tôi đều tùy hỷ.

Như thế, hư không giới tận, chúng sanh giới tận, chúng sanh nghiệp tận, chúng sanh phiền não tận, nhưng sự tùy hỷ này của tôi chẳng có cùng tận. Niệm niệm tiếp nối chẳng có gián đoạn. Thân ngữ ý nghiệp chẳng hề mệt chán)

“Tùy hỷ chúng sanh” đối trị bệnh ganh ghét. Điều này được đặc biệt nêu ra đối với hàng Pháp Thân đại sĩ, cho thấy ghen ghét không phải là căn bệnh nhỏ, bệnh nhẹ. Thấy chỗ hay của người khác, trong tâm khó chịu, nghĩ cách chướng ngại phá hoại, đó là bệnh rất nặng. Chẳng riêng gì người thế gian mắc chứng bệnh nặng này, người học Phật cũng không tránh khỏi. Bồ Tát cũng chẳng tránh khỏi, thấy người khác có chỗ thù thắng, trong tâm khó chịu. Nếu Bồ Tát chẳng mắc bệnh này, thì mười nguyện Phổ Hiền sẽ chẳng có điều nguyện này.

Sau khi Lục Tổ Huệ Năng được truyền y bát, rất nhiều sư huynh, sư đệ muốn đoạt y bát là vì ghen ghét. Lúc Phật tại thế, Đề Bà Đạt Đa ganh ghét Phật, luôn tìm cách phá hoại chuyện hoằng pháp lợi sanh của Phật, nghĩ cách hại chết Phật. Phật giáo truyền đến Trung Quốc, tổ tổ tương truyền, chúng ta cũng thấy có rất nhiều chuyện ghen ghét chướng ngại. Nghĩ đến bản thân chúng ta, có ý niệm và hành vi ghen ghét hay chẳng? Ghen ghét là phiền não bấp sanh của chúng sanh, chẳng dễ đoạn trừ. Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta tùy hỷ công đức nhằm nhổ tận gốc ghen ghét từ vô thủy kiếp đến nay. Thấy người khác có thiện hạnh, thiện sự, chúng ta tùy hỷ, họ được công đức rất lớn thì chúng ta cũng được công đức lớn giống hệt như vậy.

Cảnh giới tu nguyện này của Bồ Tát là tốt cùng hư không, khắp pháp giới. Học tùy hỷ theo cách nào? Trong kinh có nêu một thí dụ: “*Chư Phật*

Như Lai từ sơ phát tâm vì Nhất Thiết Trí mà siêng tu khỏi phước, chẳng tiếc thân mạng”. “Phát tâm” là phát vô thượng Bồ Đề tâm (phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề), cũng tức là phát tâm cầu trí huệ viên mãn rốt ráo. Có trí huệ viên mãn rốt ráo thì mới có thể thấu hiểu triệt để chân tướng của nhân sanh vũ trụ. Sau khi phát tâm, phải siêng tu phước huệ. Phật còn được gọi là Nhị Túc Tôn, chữ Nhị chỉ phước và huệ, Túc là trọn đủ, viên mãn. Thành Phật tức là phước đức và trí huệ viên mãn. Vì tu phước và tu huệ bèn chẳng tiếc thân mạng, làm được chuyện khó làm, tu được chuyện khó tu, dũng mãnh tinh tấn, chừ Phật Như Lai thành tựu như thế đó. Sau khi thành Phật, rộng độ chúng sanh chẳng ngưng nghỉ, thị hiện trong sáu đường. Nên dùng thân nào để được độ, bèn hiện thân đó, nên dùng thân Phật để độ bèn hiện thân Phật để thuyết pháp.

Phật từ sơ phát tâm thẳng đến khi độ sanh, bao nhiêu công đức chúng ta đều phải tùy hỷ, phải học tập. Ngài làm như thế nào, ta cũng làm theo như thế ấy. Người ta phát tâm được thì ta cũng phát tâm được, người ta tu hành được thì ta cũng tu hành được. Chúng ta chẳng những không ghen ghét mà còn tận tâm tận lực giúp đỡ, thành toàn cho người ta. Mọi người tu trì thì chúng ta có thật sự bị chướng ngại gì chẳng? Chẳng chướng ngại gì! Nếu lắng lòng quan sát, [sẽ thấy] chẳng chướng ngại người khác; thật ra, chỉ có mình chướng ngại chính mình mà thôi. Phật từng thí dụ: Ví như có kẻ ngâm nước phun lên trời, có phun được lên trời hay không? Chẳng những không phun được mà trái lại nước còn rớt trúng mặt mình. Phải chuyển đổi ý niệm, thành toàn sự tốt đẹp cho người, người ta có việc gì tốt mình phải giúp đỡ, phải thành tựu cho người ta. Người ta tốt, trong xã hội ai nấy đều tốt, ta cũng hưởng lây, ta cũng tốt luôn. Tinh thần chủ yếu của nguyện này là dạy chúng ta hiểu rõ đạo lý này, nỗ lực tu học, thành tựu công đức chân thật cho chính mình.

Nhìn lại xã hội trước mắt, tùy hỷ công đức phải có trí huệ, chẳng thể làm việc theo tình cảm; nếu không, sẽ thường mắc hại. Nêu một ví dụ thật: Ở Đạp Lạp Tư (Dallas) có một đồng tu đang lái xe thấy một đứa bé đi theo người lớn bị té, do hảo tâm bèn dừng xe đỡ đứa bé dậy, hỏi nó có bị thương hay không. Lúc đó, người lớn chạy tới, đổ hô vị đồng tu ấy xô đứa bé té bị thương, nhờ luật sư thưa ra tòa, bắt bồi thường tám vạn Mỹ kim. Tại Mỹ quốc, trông thấy người già hoặc trẻ con té, lập tức gọi điện thoại báo cảnh sát, kêu cảnh sát đến đỡ người đó.

Nho gia dạy người: “Thành tựu điều tốt đẹp cho người, chẳng thành toàn điều xấu cho người”. Ai làm việc gì bất hảo đối với đại chúng, xã hội,

chúng ta đừng giúp đỡ kẻ đó. Còn nếu ai làm việc gì có lợi cho xã hội, cho đại chúng thì chúng ta chớ nên ngăn trở, chớ ngại người ấy, chớ ghen ghét họ mà phải tùy hỷ. Tùy hỷ chẳng phải là trông thấy vui mừng là xong, phải tận tâm tận lực giúp đỡ kẻ đó, khiến cho sự nghiệp của kẻ đó được thành tựu viên mãn. Tận tâm tận lực là tu tùy hỷ công đức viên mãn.

Bản thân mình không có tiền, chạy com ba bữa đã là vấn đề, nên về tài lực chẳng thể giúp đỡ người khác được, nhưng chúng ta có thể khen ngợi người khác: “Ông X. đó là người tốt, làm việc tốt. Quý vị có năng lực hãy nên giúp đỡ ông ta”. Đó cũng là tùy hỷ công đức. Cho thấy tùy hỷ công đức là chuyện ai cũng có thể tu được, lúc nào, chỗ nào cũng có thể tu được. Trong cửa Phật, công đức của Phật, Bồ Tát, công đức của tổ sư đại đức, còn trong thế pháp thì công đức của chính phủ (thay thế bá tánh thực hiện sự nghiệp phước lợi), bậc thiện nhân trưởng giả dùng tài sản và năng lực tạo phước cho xã hội đại chúng đều đáng tùy hỷ, khen ngợi. Bồ Tát dạy chúng ta phải nỗ lực tinh tấn tu học, phải niệm niệm tiếp nối, chẳng hề gián đoạn, thân ngữ ý nghiệp chẳng hề chán mệt.

1.6. Nguyên thứ sáu: Tỉnh chuyển pháp luân

Chánh kinh:

Phục thứ, thiện nam tử! Ngôn tỉnh chuyển pháp luân giả: Sở hữu tận pháp giới, hư không giới, thập phương tam thế nhất thiết Phật sát, cực vi trần trung, nhất nhất các hữu bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát cực vi trần số quảng đại Phật sát. Nhất nhất sát trung, niệm niệm hữu bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát cực vi trần số nhất thiết chư Phật, thành Đẳng Chánh Giác. Nhất thiết Bồ Tát hải hội vi nhiều. Nhi ngã tất dĩ thân khẩu ý nghiệp, chủng chủng phương tiện ân cần khuyến tỉnh chuyển diệu pháp luân. Như thị hư không giới tận, chúng sanh giới tận, chúng sanh nghiệp tận, chúng sanh phiền não tận, ngã thường khuyến tỉnh nhất thiết chư Phật chuyển chánh pháp luân vô hữu cùng tận. Niệm niệm tương tục, vô hữu gián đoạn, thân ngữ ý nghiệp vô hữu bì yếm.

(Lại này thiện nam tử! Nói tỉnh chuyển pháp luân: Tất cả hết thảy cõi Phật mười phương ba đời cùng tột pháp giới hư không giới, trong mỗi một cực vi trần đều có cõi Phật rộng lớn nhiều như số cực vi trần trong bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật, trong mỗi một cõi Phật, niệm niệm đều có hết thảy chư Phật thành Đẳng Chánh Giác nhiều như số cực vi trần trong bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật, hết thảy Bồ Tát hải hội vây quanh. Tôi

đều dùng thân ngữ ý nghiệp, mọi thứ phương tiện, ân cần khuyên mời chuyển pháp luân mâu nhiệm. Như thế hư không giới tận, chúng sanh giới tận, chúng sanh nghiệp tận, chúng sanh phiền não tận, tôi thường khuyên mời hết thảy chư Phật chuyển chánh pháp luân chẳng có cùng tận. Niệm niệm tiếp nối, chẳng có gián đoạn, thân ngữ ý nghiệp không có mệt chán)

“Thỉnh chuyển pháp luân” là một đại sự rất trọng yếu. Pháp luân đại biểu cho thuyết pháp lợi sanh. Luân (bánh xe) là tướng trạng viên mãn, biểu thị hết thảy pháp đức Phật nói đều viên mãn rốt ráo, chẳng mảy may khiếm khuyết gì. Hết thảy pháp đức Phật giảng “*chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải vô chẳng phải hữu*”; Luân rất thích hợp tượng trưng cho những nghĩa này. Luân có hình tròn, tròn trặn khép kín, cũng có cái tâm, nhưng cái tâm ấy không thể lấy được. Hết thảy pháp đức Phật đã nói là Chân Không Diệu Hữu, Diệu Hữu nhưng là Chân Không, Chân Không chính là Diệu Hữu, không - hữu bất nhị. Từ Luân thấy được Không - Hữu bất nhị, Tánh - Tướng nhất như, nên Luân được dùng để tượng trưng cho hết thảy pháp đức Phật đã nói. Nếu Luân bất động thì vô ích, Luân nhất định phải động. Nói cách khác, Phật pháp nhất định phải được hoằng dương, nếu không chúng sanh chẳng được lợi ích. Nhất định phải vì chúng sanh thuyết pháp, thuyết pháp rất giống như xoay bánh xe.

Thỉnh chuyển pháp luân là thỉnh pháp sư đại đức giảng kinh thuyết pháp. Phật tại thế, thỉnh Phật giảng kinh, thuyết pháp, hướng dẫn chúng ta phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Không có Phật ở đời thì thỉnh vị pháp sư đại đức hữu tu hữu chứng giảng kinh thuyết pháp cho chúng ta. Các đồng tu trẻ tuổi phải thật sự phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, tiếp nối huệ mạng của Phật, bất luận xuất gia hay tại gia đều phải học giảng kinh, phát tâm một đời theo đuổi công tác giáo dục của Phật giáo.

Phát tâm giảng kinh là đại sự nghiệp, đại nhân duyên, nhất định sẽ được chư Phật Như Lai gia trì, hộ pháp long thiên bảo hộ. Nếu tự mình đứng theo lời dạy tu hành chân chánh, đem tinh thần thể lực trí huệ của cả một đời cống hiến cho Phật giáo, cho hết thảy chúng sanh, thì sanh mạng một đời này mới không luống uổng, hữu ích khôn sánh. Các đồng tu trẻ tuổi hãy buông bỏ danh vọng lợi dưỡng, vứt bỏ ngũ dục lục trần, phát tâm theo đuổi sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh thần thánh, đó là sự nghiệp vĩ đại khôn sánh vậy.

1.7. Nguyên thứ bảy: Tỉnh Phật trụ thế

Chánh kinh:

Phục thứ, thiện nam tử! Ngôn tỉnh Phật trụ thế giả: Sở hữu tận pháp giới, hư không giới, thập phương tam thế, nhất thiết Phật sát, cực vi trần số chư Phật Như Lai, tương dục thị hiện bát Niết Bàn giả, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, hữu học, vô học, nãi chí nhất thiết chư thiện tri thức, ngã tất khuyến tỉnh mặc nhập Niết Bàn, kinh u nhất thiết Phật sát cực vi trần số kiếp, vị dục lợi lạc nhất thiết chúng sanh. Như thị hư không giới tận, chúng sanh giới tận, chúng sanh nghiệp tận, chúng sanh phiền não tận, ngã thử khuyến tỉnh vô hữu cùng tận. Niệm niệm tương tục, vô hữu gián đoạn. Thân ngữ ý nghiệp vô hữu bì yếm.

(Lại này thiện nam tử! Nói mời đức Phật ở lại đời là chư Phật Như Lai mười phương ba đời nhiều như số cực vi trong hết thủy côi Phật tận pháp giới hư không giới sắp thị hiện (7) nhập Niết Bàn, và các Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, hữu học, vô học, cho đến hết thủy thiện tri thức, tôi đều khuyến mời chớ vào Niết Bàn, mà hãy ở lại đời trong số kiếp nhiều như số cực vi trần trong hết thủy côi Phật vì muốn lợi lạc hết thủy chúng sanh. Như thế hư không giới tận, chúng sanh giới tận, chúng sanh nghiệp tận, chúng sanh phiền não tận, sự khuyến tỉnh này của tôi chẳng có cùng tận, niệm niệm tiếp nối không có gián đoạn, thân ngữ ý nghiệp chẳng hề chán mệt).

Phàm phu rốt cuộc vẫn là phàm phu, nghe giảng kinh thuyết pháp tựa hồ có thâm hoạch, có giác ngộ, nhưng đôi ba ngày sau bèn quên tuốt luốt. Nghe kinh một lần mà khai ngộ tựa hồ chẳng có ai, chỉ có mình Lục Tổ Huệ Năng mà thôi. Chân chánh ngộ nhập là một chuyện khó, nên cần phải thường mời thiện tri thức ở luôn nơi này, ngày ngày giảng kinh thuyết pháp giáo hóa chúng ta, chúng ta ngày ngày được Phật pháp huân tập, thời gian lâu sau sẽ vô hình trung giác ngộ.

Phật pháp thường trụ thế gian thì người thế gian bèn có phước báo. Phật pháp chẳng thường trụ thế gian, người thế gian gặp nhiều tai nạn. Thiên tai, tai nạn tự nhiên thuộc về y báo, y báo chuyển theo chánh báo, cũng là do tâm con người chiêu cảm. Bởi thế, người có phước báo sống nơi phước địa. Chúng ta muốn tu phước hành thiện nhưng rốt cục việc gì là phước, chuyện gì là thiện thường chưa thể phân biệt được. Thiện và phước tầng lớp khác nhau, phạm vi của chúng rộng hay hẹp chỉ có Phật, Bồ Tát mới có thể thấu

hiểu triết để chân tướng sự thật. Bởi thế, quý Ngài có năng lực trí huệ dạy chúng ta, chúng ta mới có thể thật sự biết đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức, thế giới này mới hòa bình, nhân dân mới thật sự yên vui.

Thỉnh chuyển pháp luân và thỉnh Phật trụ thế nhìn thì đơn giản, nhưng trên thực tế lại chẳng dễ dàng. Vào thời đại Lương Võ Đế và sư Bảo Chí Công có câu chuyện như sau: Ở Tứ Xuyên có một vị cao tăng thật sự đặc đạo, tên là Bảo Hương thiên sư. Ngài ở Tứ Xuyên rất nhiều năm, dùng đủ mọi pháp phương tiện khuyên người đoạn ác tu thiện. Phong tục xứ ấy mỗi khi gặp dịp tế lễ phải sát sanh; mỗi năm pháp sư khổ công khuyên họ đừng tạo sát nghiệp, chẳng ai thềm nghe, trái lại còn cười nhạo Ngài. Pháp sư khó chịu vô cùng. Có một năm, có một vị cư sĩ lên kinh thành bái kiến ngài Bảo Chí Công, Bảo Chí Công là hóa thân của Quán Âm Bồ Tát. Lương Hoàng Sám do ngài Bảo Chí Công soạn. Bảo Chí Công hỏi vị cư sĩ Tứ Xuyên ấy:

- Hương Tứ Xuyên quý hay không?

Vị cư sĩ đáp:

- Hương Tứ Xuyên rất rẻ.

Ý ngài Bảo Chí Công hỏi Bảo Hương thiên sư quý hay không quý, có nghĩa là mọi người có tôn trọng, quý mến ông ta hay không? Ông cư sĩ nghe hỏi, tưởng Ngài hỏi hương để đốt của tỉnh Tứ Xuyên có quý hay không, bèn đáp hương xứ đó rất rẻ. Bảo Chí Công nói:

- Đã rẻ thì sao không đi đi?

Ông cư sĩ nghe không hiểu lời ngài Chí Công. Mấy hôm sau, ông ta trở về Tứ Xuyên, gặp Bảo Hương thiên sư. Thiên sư hỏi ông ta:

- Bảo Chí Công nói những gì?

Cư sĩ đáp:

- Ngài nói hương của tỉnh Tứ Xuyên ta quý hay không, tôi đáp rất rẻ. Bảo Chí Công nói: “Đã rẻ thì sao không đi đi?” Tôi nghe không hiểu gì cả!

Bảo Hương nghe nói vậy, gật đầu. Mấy hôm sau, lại có pháp hội tế lễ. Mọi người vẫn giết nhiều bò dê để cúng tế như cũ. Ngày hôm ấy, Bảo Hương chẳng giống như khi trước, Ngài đào một cái hố rất to, to như cái ao

ở cổng chùa, đồ đầy nước. Ngài cũng tham dự pháp hội tế lễ, cũng theo họ ăn cá, ăn thịt. Trước đây Ngài khuyên người khác chớ sát sanh, nay lại theo họ ăn cá ăn thịt, mọi người vô cùng ngạc nhiên. Ăn uống xong, Thiền Sư đến bên cái hồ, há miệng, những con cá Ngài ăn vào đều sống lại, được Ngài mưa ra bơi lội trong nước. Những con gà vịt Ngài ăn vào đều sống lại hết. Thần thông vừa hiện, mọi người sững sờ. Mưa hết xong, Ngài bèn đứng vắng sanh. Bậc cao tăng đắc đạo hoằng pháp lợi sanh ở địa phương này, chúng ta chẳng tôn trọng, Ngài đi mất rồi!

Câu chuyện này cảnh tỉnh chúng ta: Thỉnh chuyên pháp luân, thỉnh Phật tại thế, phải dùng phương pháp nào đây? Trọn chẳng phải vì tiền bạc, hưởng thọ, giả danh. Đem chùa miếu to cúng dường pháp sư để giữ Ngài ở lại được chẳng? Chẳng giữ được! Dùng danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần giữ chẳng được! Chỉ có một phương pháp giữ lại được là dùng tâm chân thành, tâm thanh tịnh tiếp nhận sự dạy răn của pháp sư, y giáo phụng hành. Thỉnh pháp sư đến hoằng pháp lợi sanh, giáo hóa chúng sanh một phương thì lại càng phải nỗ lực tinh tấn bội phần, tu hành đúng như lời dạy. Có được cái tâm như thế, cái nguyện như thế, hành trì như thế nhất định có cảm ứng, sẽ cầu được bậc hữu tu hữu chứng ở lại địa phương ấy.

Mười đại nguyện vương tuy có mười điều, nhưng trên thực tế, Phổ Hiền đại nguyện chỉ có bảy điều, bảy điều đã giảng viên mãn. Ba điều sau đều là nói về hồi hướng. Thông thường trong hồi hướng kệ, thường nói đến hồi hướng Bồ Đề, hồi hướng Phật đạo, hồi hướng chúng sanh.

1.8. Nguyện thứ tám: Thường tùy Phật học

Chánh kinh:

Phục thứ, thiện nam tử! Ngôn thường tùy Phật học giả: Như thử Sa Bà thế giới, Tỳ Lô Giá Na Như Lai từng sơ phát tâm, tinh tấn bất thoái, dĩ bất khả thuyết bất khả thuyết thân mạng, nhi vì bố thí: bác bì vi chỉ, tích cốt vi bút, thích huyết vi mặc, thư tả kinh điển, tích như Tu Di. Vị trọng pháp cố, bất tích thân mạng, hà huống vương vị, thành ấp, tụ lạc, cung điện, viên lâm, nhất thiết sở hữu? Cập dư chủng chủng nan hành khổ hạnh, nãi chí thọ hạ thành đại Bồ Đề, thị chủng chủng thần thông, khởi chủng chủng biến hóa, hiện chủng chủng Phật thân, xử chủng chủng chúng hội: hoặc xử nhất thiết chư đại Bồ Tát chúng hội đạo tràng, hoặc xử Thanh Văn, cập Bích Chi Phật chúng hội đạo tràng, hoặc xử Chuyển Luân Thánh Vương, tiểu vương quyền thuộc chúng hội đạo tràng, hoặc

xử Sát-lợi, cặp Bà La Môn, trưởng giả, cư sĩ chúng hội đạo tràng, nữ chí hoặc xử thiên long bát bộ, nhân phi nhân đẳng chúng hội đạo tràng. Xử như thị chúng chúng hội, dĩ viên mãn âm như đại lôi chấn, tùy kỳ nhạo dục, thành thực chúng sanh, nữ chí thị hiện nhập u Niết Bàn. Như thị nhất thiết, ngã giai tùy học như kim Thế Tôn Tỳ Lô Giá Na.

Như thị tận pháp giới, hư không giới, thập phương tam thế, nhất thiết Phật sát, sở hữu trần trung, nhất thiết Như Lai, giai diệc như thị. U niệm niệm trung, ngã giai tùy học. Như thị hư không giới tận, chúng sanh giới tận, chúng sanh nghiệp tận, chúng sanh phiền não tận, ngã thử tùy học, vô hữu cùng tận. Niệm niệm tương tục, vô hữu gián đoạn. Thân ngữ ý nghiệp, vô hữu bì yếm.

(Lại này thiện nam tử! Nói thường học theo Phật nghĩa là: Như đức Tỳ Lô Giá Na (8) trong thế giới Sa Bà này, từ sơ phát tâm, tinh tấn chẳng lùi, dùng bất khả thuyết bất khả thuyết thân mạng để bố thí: lột da làm giấy, chẻ xương làm bút, chích máu làm mực, biên chép kinh điển, chất như núi Tu Di. Vì tôn trọng pháp nên chẳng tiếc thân mạng, huống gì ngôi vua, thành, ấp, xóm, làng, cung điện, vườn, rừng, hết thấy sở hữu và đủ mọi khổ hạnh khó làm. Cho đến ngồi dưới gốc cây thành đại Bồ Đề, thị hiện thần thông, khởi mọi thứ biến hóa, hiện các thứ thân Phật ở trong các chúng hội: Hoặc ở giữa chúng hội đạo tràng của hết thấy các đại Bồ Tát, hoặc ở giữa chúng hội đạo tràng của Thanh Văn và Bích Chi Phật, hoặc ở giữa chúng hội đạo tràng của Chuyển Luân Thánh Vương (9), tiểu vương, và quyến thuộc, hoặc chúng hội đạo tràng của Sát-lợi (10), Bà La Môn, trưởng giả, cư sĩ, cho đến chúng hội đạo tràng của thiên long bát bộ (11), nhân phi nhân v.v... Ở trong đủ mọi chúng hội như thế, dùng tiếng viên mãn như sấm rền lớn, tùy lòng ưa thích của mỗi loại mà thành thực (12) chúng sanh, cho đến thị hiện nhập Niết Bàn. Hết thấy như thế, tôi đều học theo như đức Thế Tôn Tỳ Lô Giá Na ngày nay.

Như thế tận hư không giới, chúng sanh giới, mười phương ba đời hết thấy cõi Phật, trong tất cả vi trần, hết thấy Như Lai cũng đều như thế. Trong niệm niệm tôi đều học theo. Như thế tận hư không giới, chúng sanh giới tận, chúng sanh nghiệp tận, chúng sanh phiền não tận, sự tùy học này của tôi chẳng có cùng tận. Niệm niệm tiếp nối chẳng có gián đoạn. Thân ngữ ý nghiệp chưa hề chán mệt).

“Thường học theo Phật” là hồi hướng Bồ Đề. Bồ Đề là Phật. Học Phật muốn thật sự thành tựu nhất định phải có thầy tốt chỉ dạy; lại còn phải có đồng học, đồng tham đạo hữu tốt thường ra sức dùi mài nghiên cứu thảo luận. Ngoài ra, còn phải có những gương tốt khiến cho chúng ta tu học thật sự có mục tiêu. Như Mạnh Tử học Khổng Tử là một thí dụ: Mạnh Tử chiếu theo trước tác của Khổng Tử, tu hành đúng theo lời dạy, có điều gì không hiểu bèn thỉnh giáo đệ tử của Khổng Tử. Thiện tri thức khó cầu, chẳng tìm được thiện tri thức thì cầu nơi cổ nhân. Như Ngẫu Ích đại sư học Liên Trì đại sư: Đương thời Liên Trì đại sư đã vãng sanh, ngài xem Liên Trì Đại Sư Toàn Tập, thờ Liên Trì đại sư làm thầy, nghe theo lời răn dạy của Liên Trì đại sư, tu hành theo đúng lời thầy dạy, bèn thành công, trở thành vị tông sư đương thời.

Thầy Lý Bình Nam dạy tôi lấy Ấn Quang pháp sư làm thầy, dạy tôi đọc Ấn Quang Văn Sao, y chiếu lời Ấn Quang pháp sư răn dạy mà tu hành. Phổ Hiền Bồ Tát là Đẳng Giác Bồ Tát, dạy chúng ta thường học theo Phật, bảo chúng ta học theo Phật. Phật đã tu chứng đến mức viên mãn rốt ráo, chúng ta lấy Phật làm gương hòng un đúc chính mình. Phật dùng tâm như thế nào, dùng thái độ như thế nào để xử sự, đãi người tiếp vật, chúng ta học theo Ngài. Thường nhật Phật sanh hoạt như thế nào, chúng ta cứ học theo Ngài. Quý vị học đức Phật đúng từng bước, từng nét thì xin chúc mừng quý vị, quý vị đã thành Phật rồi đây!

Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta học theo đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai tu học trong thế giới Sa Bà này, nhưng không giới thiệu A Di Đà Như Lai cho chúng ta. Mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, rõ ràng là khuyên chúng ta đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thân cận A Di Đà Phật, nhưng ở đây thường học theo Phật, Ngài bèn dạy chúng ta học theo Tỳ Lô Giá Na Phật. Nghĩa này phải hiểu như thế nào? Chư vị phải nhớ kỹ: Học Phật tiếp nhận sự giáo dục của Phật, tối khẩn yếu là đừng quên mất gốc. Phổ Hiền Bồ Tát là học trò của Tỳ Lô Giá Na, bởi thế Ngài dạy chúng ta học theo thầy Ngài. Tỳ Lô Giá Na là Báo Thân Phật, Thích Ca Mâu Ni là Ứng Hóa Thân Phật, là thân ứng hóa của Tỳ Lô Giá Na Phật. Đây là lấy Phật làm tấm gương tu hành cho chúng ta. Chúng ta phải học theo đúng như Ngài.

“*Từ sơ phát tâm*”: Lúc Phật phát tâm tối sơ, chúng ta phải học theo Ngài phát tâm. Sau khi đức Phật đã phát tâm, trong một thời gian dài “ *tinh tấn chẳng lui*”, chúng ta cũng học làm theo đúng như thế. Thành Phật chẳng phải một hai ngày là đạt được, cũng chẳng phải là một hai đời thành tựu được đâu. Mỗi một vị Phật tu hành chứng quả đều là vô lượng kiếp. Thời

gian dài lâu không cách gì tưởng tượng được. Bởi thế chúng ta phải phát tâm dài xa, phải có tâm nhẫn nại, việc này chẳng thể gấp rút được, phải nghiêm túc nỗ lực tu học. Lúc Phật còn tu nhân, sau khi phát tâm, thời gian tu hành dài lâu, phương pháp tu hành vô lượng vô biên.

Ở đây, Phổ Hiền Bồ Tát nêu ra một thí dụ: “*Dùng thân mạng để bố thí*”, tức là Nội Tài Bố Thí. Trong truyện ký có ghi lại những chuyện tu hành của Thích Ca Mâu Ni Phật trong đời đời kiếp kiếp, rất đáng để học theo. Lúc còn tu nhân, Phật tu Bồ Tát đạo, vì lưu thông kinh điển, trong chốn núi sâu tìm không ra giấy, Ngài tự lột da mình làm giấy, tách đầu xương làm bút, chích huyết làm mực để biên chép kinh giáo các vị cổ Phật đã nói để lưu truyền cho hậu thế ngõ hầu khỏi bị thất truyền. Đời đời kiếp kiếp tu hành như thế, biên chép kinh điển chồng chất cao như núi Tu Di, đời đời kiếp kiếp chẳng coi trọng nhục thân của chính mình, vị pháp vong thân. Thân thể còn chẳng coi trọng, huống gì vật ngoại thân? Vật ngoại thân càng chẳng để vào mắt. Khổ hạnh khó làm như thế, Ngài làm được. Nghĩ đến bản thân chúng ta học Phật, gặp phải chút khó khăn gì bèn bỏ cuộc ngay; so với Phật lúc tu nhân, chúng ta kém xa quá! Chẳng lạ gì Ngài thành Phật, chúng ta vẫn cứ luân hồi trong lục đạo.

Tôi giới thiệu A Di Đà Phật cùng quý vị đồng tu. Bởi lẽ Tỳ Lô Giá Na Phật chẳng dễ học, kinh điển của Ngài là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Một ngày niệm tám tiếng, chỉ niệm một lần thôi cũng phải mất nửa tháng [mới niệm xong toàn bộ kinh Hoa Nghiêm]. Chúng ta thờ A Di Đà Phật làm thầy, Thích Ca Mâu Ni Phật, Tỳ Lô Giá Na, mười phương hết thấy chư Phật Như Lai thấy quý vị chọn lựa như vậy mỗi Ngài đều vỗ tay, hoan hỷ rằng quý vị đã chọn đúng. Từ vô lượng kiếp đến nay, đời đời kiếp kiếp chúng ta chưa từng chọn lựa đúng, lần này chọn lựa đúng. Chọn đúng thì phải tu hành đúng như lời dạy, một đời này quyết định thành Phật, lẽ nào chư Phật chẳng hoan hỷ, chẳng tán thán?

Đối với chính mình phải có tín tâm, A Di Đà Phật chẳng khó học, kinh điển của ngài là kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Hoa Nghiêm là cốt tủy của Đại Tạng Kinh, kinh Vô Lượng Thọ là cốt tủy của kinh Hoa Nghiêm. Quá khứ, Hoàng Nhất đại sư khuyên người học Phật nên nhập môn bằng Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao. Đáng tiếc con người hiện đại chẳng rành văn ngôn cho lắm, đọc Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao chẳng hiểu. Kinh Vô Lượng Thọ nói rõ ràng, gần gũi dễ hiểu, có thể nói là vô cùng khế cơ đối với người hiện thời. Hôm nay tôi khuyên các vị thường học theo Phật là học Phật A Di Đà, tu học theo sự giáo huấn của kinh Vô Lượng Thọ.

Kinh Vô Lượng Thọ phải thường xuyên niệm, phải niệm cho thật thuộc. Niệm Phật, niệm kinh là niệm cho hết vọng niệm, chẳng tạo nghiệp luân hồi sáu nẻo. Kinh điển niệm thuộc thì trong sanh hoạt thường nhật, khởi tâm động niệm đều nghĩ đến những điều kinh giáo huấn: Chúng ta có nên khởi những ý niệm này hay không? Chúng ta có nên nói lời này hay không? Chúng ta có nên làm việc này hay không? Phải tích cực tu học lời Phật A Di Đà giáo huấn, lâu ngày chầy tháng, quý vị sẽ tự nhiên biến đổi. Tâm phàm phu, tập khí phàm phu dần dần giảm thiểu, tập khí A Di Đà Phật ngày dần càng sâu, càng gần với đức Phật. Kinh điển chẳng thuộc, chúng ta khởi tâm động niệm chẳng có tiêu chuẩn; niệm thuộc thì mới có thể thường tùy Phật học.

Phải học phát tâm như Phật, phải học tu trì như Phật, phải học chứng quả như Phật, phải học hoằng pháp lợi sanh như Phật, mọi thứ đều phải học theo Ngài như thế. Cho đến tám tướng thành đạo chúng ta cũng phải học tập theo. Tám tướng thành đạo là diễn kịch, là biểu diễn cho hết thầy chúng sanh xem, chẳng những chỉ có ngôn giáo mà còn có thân giáo. Học A Di Đà Phật là học mười phương ba đời hết thầy Phật; bởi Phật Phật đạo đồng, một tức là nhiều, nhiều chính là một. Biết được đạo lý này, chúng ta bèn rất an tâm, tâm lý yên ổn, chẳng hoài nghi, chẳng lo lắng, dùng tâm chân thành cung kính để học.

1.9. Nguyên thứ chín: Hằng thuận chúng sanh

Chánh kinh:

Phục thứ thiện nam tử! Ngôn hằng thuận chúng sanh giả: Vị tận pháp giới, hư không giới, thập phương sát hải, sở hữu chúng sanh chủng chủng sai biệt, sở vị: noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh, hoặc hữu y u địa, thủy, hỏa, phong nhi sanh trụ giả, hoặc hữu y không, cập chư măng mộc nhi sanh trụ giả, chủng chủng sanh loại, chủng chủng sắc thân, chủng chủng hình trạng, chủng chủng tướng mạo, chủng chủng thọ lượng, chủng chủng tộc loại, chủng chủng danh hiệu, chủng chủng tâm tánh, chủng chủng tri kiến, chủng chủng dục lạc, chủng chủng ý hạnh, chủng chủng oai nghi, chủng chủng y phục, chủng chủng ẩm thực, xử u chủng chủng thôn doanh, tụ lạc, thành ấp, cung điện, nãi chí nhất thiết thiên long bát bộ, nhân phi nhân đẳng, vô túc, nhị túc, tứ túc, đa túc, hữu sắc, vô sắc, hữu tướng, vô tướng, phi hữu tướng phi vô tướng. Như thị đẳng loại ngã giai u bỉ, tùy thuận nhi chuyển chủng chủng thừa sự, chủng chủng cúng dường, như kính phụ mẫu, như phụng sự trưởng, cập

A La Hán, nữ chí Như Lai, đấng vô hữu dị. Ư chư bệnh khổ, vị tác lương y. Ư thất đạo giả, thị kỳ chánh lộ. Ư ám dạ trung, vị tác quang minh. Ư bản cùng giả, linh đắc phục tạng. Bồ Tát như thị bình đẳng, nhiều ích nhất thiết chúng sanh.

Hà dĩ cố? Bồ Tát nhược năng tùy thuận chúng sanh, tắc vì tùy thuận cúng dường chư Phật. Nhược u chúng sanh tôn trọng thừa sự, tắc vì tôn trọng, thừa sự Như Lai. Nhược linh chúng sanh sanh hoan hỷ giả, tắc linh nhất thiết Như Lai hoan hỷ.

Hà dĩ cố? Chư Phật Như Lai dĩ đại bi tâm nhi vi thể cố. Nhân u chúng sanh, nhi khởi đại bi. Nhân u đại bi, sanh Bồ Đề tâm. Nhân Bồ Đề tâm, thành Đẳng Chánh Giác. Thí như khoáng dã, sa tích chi trung, hữu đại thọ vương. Nhược căn đắc thủy, chi diệp hoa quả tất giai phồn mậu. Sanh tử khoáng dã, Bồ Đề thọ vương, diệp phục như thị. Nhất thiết chúng sanh nhi vi thọ căn. Chư Phật Bồ Tát nhi vi hoa quả. Dĩ đại bi thủy nhiều ích chúng sanh, tắc năng thành tựu chư Phật Bồ Tát trí huệ hoa quả.

Hà dĩ cố? Nhược chư Bồ Tát dĩ đại bi thủy nhiều ích chúng sanh, tắc năng thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề cố. Thị cố Bồ Đề thuộc u chúng sanh. Nhược vô chúng sanh, nhất thiết Bồ Tát chung bất năng thành Vô Thượng Chánh Giác.

Thiện nam tử! Nhữ u thử nghĩa, ưng như thị giải. Dĩ u chúng sanh tâm bình đẳng cố, tắc năng thành tựu viên mãn đại bi. Dĩ đại bi tâm tùy chúng sanh cố, tắc năng thành tựu cúng dường Như Lai. Bồ Tát như thị tùy thuận chúng sanh, hư không giới tận, chúng sanh giới tận, chúng sanh nghiệp tận, chúng sanh phiền não tận, ngã thử tùy thuận vô hữu cùng tận. Niệm niệm tương tục, vô hữu gián đoạn. Thân ngữ ý nghiệp vô hữu bì yếm.

(Lại này thiện nam tử! Nói hằng thuận chúng sanh nghĩa là tận pháp giới, hư không giới, mười phương biến cõi Phật, tất cả chúng sanh mọi thứ sai biệt, tức là: noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh (13), hoặc có loài nương nơi đất, nước, gió, lửa mà tồn tại, hoặc có loài nương vào không trung và các thứ cỏ cây để tồn tại. Mọi thứ sanh loại, mọi thứ sắc thân (14), mọi thứ hình dạng, mọi thứ tướng mạo, mọi thứ tuổi thọ, mọi thứ tộc loại, mọi thứ danh hiệu, mọi thứ tâm tánh, mọi thứ tri kiến, mọi thứ dục lạc, mọi thứ ý hạnh, mọi thứ oai nghi (15), mọi thứ y phục, mọi thứ thức ăn, sống trong mọi thứ thôn doanh, làng xóm, thành ấp, cung điện, cho đến hết thấy

thiên long bát bộ, nhân phi nhân v.v... không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân, có sắc, không sắc (16), có tướng, không tướng, chẳng phải có tướng chẳng phải không tướng (17). Với những loài như thế, tôi đều ở nơi đó tùy thuận thực hiện mọi thứ thừa sự (18), mọi thứ cúng dường như kính cha mẹ, như thờ sư trưởng, và A La Hán, thậm chí giống như Như Lai chẳng sai khác. Với những kẻ bệnh khổ, tôi làm lương y. Với kẻ lạc đường, chỉ cho đường đúng. Trong nơi tăm tối, bèn làm quang minh. Với kẻ bần cùng khiến được kho tàng. Bồ Tát bình đẳng lợi ích hết thảy chúng sanh như thế.

Vì sao vậy? Nếu Bồ Tát có thể tùy thuận chúng sanh thì chính là tùy thuận cúng dường chư Phật. Nếu tôn trọng thừa sự chúng sanh chính là tôn trọng thừa sự Như Lai. Nếu làm cho chúng sanh hoan hỷ chính là khiến cho hết thảy Như Lai hoan hỷ.

Vì sao vậy? Vì chư Phật Như Lai lấy tâm đại bi làm thể. Nhân nơi chúng sanh mà khởi đại bi; nhân nơi đại bi, sanh tâm Bồ Đề; nhân tâm Bồ Đề thành Đẳng Chánh Giác. Ví như trong chốn đồng hoang sa mạc (19), có đại thọ vương (20), nếu rễ cây hút được nước thì cành, lá, hoa, quả thảy đều sum suê. Thọ vương Bồ Đề trong chốn đồng hoang sanh tử cũng giống như thế. Hết thảy chúng sanh là rễ cây, chư Phật, Bồ Tát là hoa quả. Dùng nước đại bi lợi ích chúng sanh thì có thể thành tựu hoa quả trí huệ Phật, Bồ Tát.

Vì sao vậy? Chư Phật, Bồ Tát dùng nước đại bi lợi ích chúng sanh thì có thể thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì thế Bồ Đề thuộc nơi chúng sanh. Nếu không có chúng sanh thì hết thảy Bồ Tát trọn chẳng thể thành Vô Thượng Chánh Giác.

Này thiện nam tử! Đối với nghĩa này ông nên hiểu như thế. Do tâm bình đẳng đối với chúng sanh nên có thể thành tựu viên mãn đại bi; vì dùng tâm đại bi tùy thuận chúng sanh nên có thể thành tựu sự cúng dường Như Lai. Bồ Tát tùy thuận chúng sanh như thế hư không giới tận, chúng sanh giới tận, chúng sanh nghiệp tận, chúng sanh phiền não tận, sự tùy thuận này của tôi chẳng có cùng tận. Niệm niệm tiếp nối, chẳng có gián đoạn. Thân ngữ ý nghiệp chẳng có chán mệt)

Nguyện thứ tám là hồi hướng Bồ Đề. Hằng thuận chúng sanh là hồi hướng chúng sanh. Nguyện thứ mười là hồi hướng pháp giới. Trong Đại kinh (kinh Vô Lượng Thọ) đức Phật dạy chúng ta phải đem công đức tu học hồi hướng về ba chỗ: Bồ Đề, chúng sanh, pháp giới. Vì sao phải hồi hướng?

Phàm phu chẳng thể thành Phật, thành Bồ Tát là do Ngã Chấp quá nặng, khởi tâm động niệm chỉ nghĩ đến mình. Do đấy, từ vô lượng kiếp đến nay chúng ta đời đời kiếp kiếp tu hành, dù chỉ Sơ Quả cũng chẳng chứng được. Đức Phật dạy chúng ta pháp môn Hồi Hướng chính là dạy chúng ta phải phá Ngã Chấp, khiến chúng ta khởi tâm động niệm chẳng nghĩ đến mình, khởi tâm động niệm chẳng vì tự mình, mà vì Bồ Đề, vì chúng sanh, vì pháp giới, mở rộng tâm lượng. Chỉ có mở rộng tâm lượng thì vọng tâm mới phá trừ, chân tâm mới hiện tiền, có vậy mới có thể vượt thoát tam giới, mới hồng thành Phật, thành Bồ Tát. Bởi vậy, pháp môn Hồi Hướng trọng yếu phi thường.

“Nguyện đem công đức này,

Trang nghiêm tịnh độ Phật,

Trên đền bốn ân nặng,

Dưới cứu khổ tam đồ.

Nếu có ai thấy nghe,

Đều phát tâm Bồ Đề,

Hết một báo thân này,

Cùng sanh nước Cực Lạc”.

Đấy là bài kệ hồi hướng chúng ta thường niệm mỗi khi niệm Phật, niệm kinh, giảng kinh xong.

“Nguyện đem công đức này, trang nghiêm tịnh độ Phật” là hồi hướng pháp giới.

“Trên đền bốn ân nặng, dưới cứu khổ tam đồ” là hồi hướng chúng sanh. Phật pháp niệm niệm chẳng quên hiếu kính. Tứ Ân: ân thứ nhất là ân cha mẹ. Phật pháp chẳng khéo học tức là bất hiếu. Lên đài giảng kinh, nếu chẳng giảng khéo, giảng sai lầm tức là bất hiếu đối với cha mẹ, bất kính đối với sư trưởng. Người nghe kinh dưới đài, nếu chẳng chú tâm nghe, cũng là bất hiếu bất kính. Ân thứ hai là ân thầy dạy. Phật là thầy của chúng ta, phải báo ân thầy. Ân thứ ba là ân quốc gia. Chính quyền cai trị tốt đẹp, ai nấy đều giữ pháp, người người đều hành thiện, mọi người an cư lạc nghiệp, đấy là ân đức

của chánh phủ. Ân thứ tư là ân chúng sanh, tức là ân đức của nhân dân. Com ăn áo mặc của chúng ta, hết thấy những thứ cần dùng cho cuộc sống đều phải dựa vào đại chúng trong xã hội, đại chúng trong xã hội có ân đức đối với lẫn nhau. “*Hạ tế tam đồ khổ*” (Dưới cứu khổ tam đồ): Tế là cứu tế, siêu độ. Tam Đồ là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Chúng ta nỗ lực tu học hồng có năng lực giúp họ lìa khổ được vui.

“*Nếu có ai thấy nghe, đều phát tâm Bồ Đề*” là hồi hướng Bồ Đề. Tám câu kệ hồi hướng đủ cả ba thứ hồi hướng. Niệm kệ hồi hướng phải từ nội tâm chân chánh phát nguyện, tâm và miệng tương ứng, công đức vô lượng vô biên. Câu cuối cùng quy kết thế giới Cực Lạc: “*Hết một báo thân này, cùng sanh nước Cực Lạc*”. Tám câu kệ này viên mãn phi thường.

Đức Phổ Hiền nói: “*Tất cả chúng sanh mọi thứ sai biệt*”, ở đây nói đến hữu tình chúng sanh trong chín pháp giới. Các thứ sanh loại: Sanh loại có bốn thứ khác nhau là noãn sanh, thai sanh, thấp sanh và hóa sanh. Các thứ sắc thân: thân thể, diện mạo khác nhau, chỉ nói tóm gọn trong phạm vi nhân loại thôi, màu da đã khác nhau, có người da trắng, người da vàng, người da đen. Các thứ hình dạng: Người thuộc chủng tộc nào, quốc gia nào chúng ta nhìn biết ngay, người Trung Quốc có hình dạng người Trung Quốc, người Ấn Độ có hình dạng người Ấn Độ. Các thứ tướng mạo: Tướng mạo bất đồng. Các thứ thọ lượng: Có kẻ trường thọ, có kẻ đoản mạng. Chủng tộc sai khác, danh hiệu bất đồng, những suy nghĩ trong tâm chẳng giống nhau, kiến giải chẳng tương đồng, tư tưởng sai khác, yêu thích khác biệt, cho đến những tập quán thói quen sanh hoạt cũng bất đồng, thức ăn cũng bất đồng. Bồ Tát dạy chúng ta: “*Với những loài như thế tôi đều tùy thuận theo họ*”: Đối với các loài chúng sanh sai khác đều phải tùy thuận hết. Tùy thuận như thế nào? Phải nhẫn. Nếu quý vị không nhẫn chịu, quý vị chẳng thể tùy thuận được.

“*Thường học theo Phật*” là đặt nặng Bồ Thí. Cái gì Phật cũng buông xuống hết thì trong Lục Độ đó chính là học Xả. “*Hằng thuận chúng sanh*” là học lấy Nhẫn Nhục trong Lục Độ. Chúng ta nhẫn được như thế, nhẫn được thì sẽ thuận được. Thuận theo chúng sanh, chúng sanh sẽ hoan hỷ. Đặc biệt là người học Phật, nếu chẳng thể nhẫn nại, ắt sẽ bị người trông thấy khinh cười. Nêu một thí dụ nông cạn dễ thấy nhất: Đến xứ nào thuận theo phong tục xứ đó. Anh ăn cái gì, tôi ăn cái đó; chớ đừng tôi thích ăn cái gì, anh phải thay tôi làm cái đó, gây thêm phiền phức cho người ta. Phải thuận theo chúng sanh!

Mình thích nằm giường cứng, đến xứ này, người ta cho quý vị nằm giường lò xo nệm mềm, quý vị cũng phải cam chịu, chẳng thể buộc người khác đổi giường chiếu khác cho quý vị được. Lễ tiết, thù tạc, mọi thứ phải tùy thuận. Đối với người ta phải dùng tâm hiếu kính mà tùy thuận, tùy thuận hết thấy mọi người giống như tùy thuận cha mẹ. Kính hết thấy chúng sanh giống như kính trọng thầy dạy. Tu hành nhất định phải tu cái tâm thanh tịnh của chính mình ngay nơi quảng đại quần chúng sai biệt. Trong hoàn cảnh cực bất thanh tịnh, tâm ta thanh tịnh thì công phu thành tựu rồi; chẳng phải là vào núi sâu hang thẳm tu hành, hoàn cảnh thanh tịnh, nhưng tâm suy bậy nghĩ bạ, tâm chẳng thanh tịnh đâu à! Tâm thanh tịnh phải tu trong chốn hồng trần. Tâm bình đẳng phải tu trong hoàn cảnh cực bất thanh tịnh.

Bình đẳng đối với kẻ oán người thân, không gì là bất bình đẳng cả. Bởi thế, oan gia là thiện tri thức, là thầy tốt, quý vị nhờ đó được bình đẳng. Tu hành như vậy chính là như kinh Hoa Nghiêm dạy: Dùng sự để luyện tâm, phải trải qua đủ mọi sự vật sai biệt, mọi chuyện sai biệt, ở trong đó mới có thể thật sự tu hành đến mức thanh tịnh bình đẳng. Đạt đến thanh tịnh bình đẳng thì Lục Độ của Bồ Tát viên mãn. Lục Độ là nhân, thanh tịnh bình đẳng giác là quả báo.

Phải coi hết thấy chúng sanh như chư Phật, như Bồ Tát. Trong mắt Phật, mọi chúng sanh đều là Phật. Lúc Phật thành Phật, Ngài thấy hết thấy chúng sanh nơi đại địa cùng thành Phật đạo. Điều này cũng như kinh Hoa Nghiêm đã nói: *“Tình và vô tình cùng viên mãn Chứng Trí”*, không có gì chẳng phải là Phật. Trong con mắt phàm phu, Phật, Bồ Tát cũng là phàm phu. Trong pháp giới có Phật hay chẳng? Có phàm phu hay chẳng? Không có chi cả! Không có Phật, không có phàm phu, pháp giới là bình đẳng. Vì sao lại có sai biệt?

Là vì tâm tưởng quý vị bất bình đẳng. Bởi thế pháp giới bình đẳng biến thành pháp giới sai biệt. Pháp giới bình đẳng là thật, pháp giới sai biệt là giả, là do vọng tâm phân biệt, chấp trước biến hiện. Học Phật phải trừ khử sai biệt thì cảnh giới bình đẳng thật sự mới hiện tiền. Mười nguyện Phổ Hiền có thể giúp chúng ta đạt đến cảnh giới rốt ráo viên mãn. Trong pháp giới bình đẳng thấy sai biệt là chư Phật, Bồ Tát đại từ đại bi hóa độ chúng sanh, là độ tha viên mãn. Trong pháp giới sai biệt thấy bình đẳng là chính mình tu hành chứng quả, là tự độ viên mãn.

Đối với hết thấy chúng sanh khổ nạn, chúng ta phải tận tâm tận lực giúp đỡ họ. Khổ nạn do đâu mà có? Chẳng tìm được bệnh căn thì chẳng có cách

gì để có thể triệt để giúp đỡ họ được. Tất cả hết thảy chúng sanh khổ nạn vốn là do mê hoặc, điên đảo. Nói cách khác, đối người, đối sự, đối vật, nghĩ sai, thấy sai, làm sai. Có lục đạo chúng sanh là do mức độ lầm lạc sâu hay cạn, rộng hay hẹp mà biến thành lục đạo. Trời người cách nghĩ, cách nhìn sai lầm khá cạn, còn súc sanh, ngạ quỷ cách nghĩ sai lầm sâu hơn; chúng sanh trong địa ngục cách nghĩ hoàn toàn lầm lạc. Phải nhờ vào giáo dục của đức Phật mới có thể dạy chúng sanh khôi phục Chánh Tri Chánh Kiến, có cách nghĩ, cách nhìn chánh xác đối với hết thảy sự lý nhân sanh vũ trụ. Muốn cứu vớt chúng sanh khổ nạn thì nhất định phải giúp họ phá mê khai ngộ. Nói cách khác, phải đem nền giáo dục của đức Phật giới thiệu cho họ, giúp họ tu học, tự nhiên họ sẽ giải quyết được vấn đề.

Tại gia cư sĩ làm lụng, buôn bán kiếm lời muốn làm nhiều việc tốt có được hay chăng? Nên làm việc tốt lớn lao là hoằng pháp lợi sanh! Làm bằng cách nào? In kinh sách, in các thiện thư dạy người sửa lỗi, sao chép băng thâu âm, thâu hình giảng kinh tặng người khác, đó là việc tốt nhất định phải làm, đó là hoằng pháp lợi sanh. Cũng có thể dùng danh nghĩa công ty, tên tiệm để in sách, đăng quảng cáo cho công ty trên băng ghi âm, ghi hình, kết duyên các nơi, thì cũng giống như thay cho công ty tuyên truyền quảng cáo, lợi tức nhất định tăng trưởng. Dem băng ghi âm, ghi hình giảng kinh phát trên đài phát thanh hay đài truyền hình, khiến nhiều người mở máy TV, bật radio bèn được nghe giảng kinh, thuyết pháp, công đức càng lớn. Chẳng nhất định phải là người có tiền mới làm được công đức lớn lao; người không tiền chẳng thể tu đại công đức, hiểu vậy là sai. Trong nhà Phật nói đến tu công đức là nói tu từ tâm, cốt sao tận tâm tận lực thì công đức bèn lớn. Tâm lực chưa dốc sạch thì công đức sẽ nhỏ. Viên mãn đại công đức mỗi cá nhân đều có thể tu được, đều có thể thành tựu viên mãn, đó gọi là tâm đại từ bi, là chân chánh hằng thuận chúng sanh. Muốn thật sự giúp chúng sanh giải quyết hết thảy khổ nạn thì phải dựa vào sự giáo dục của đức Phật.

Điểm đặc sắc của hạnh nguyện Phổ Hiền là mỗi một hạnh nguyện đều kiến lập trên cơ sở thanh tịnh bình đẳng quảng đại cung kính; đây là điểm khác biệt so với hạnh nguyện của các Bồ Tát khác. Bồ Tát có thể bình đẳng lợi ích hết thảy chúng sanh là vì có thể tùy thuận. Tùy thuận chẳng phải là chuyện dễ làm được. Người Trung Quốc nói đến hiếu đạo, bên chữ Hiếu lại thêm chữ Thuận. Chẳng Thuận tức là bất hiếu. Phải có trí huệ cao độ, từ bi chân chánh, thì mới có thể thật sự thuận theo hết thảy chúng sanh.

Phổ Hiền Bồ Tát lại dạy chúng ta: *“Nếu Bồ Tát có thể tùy thuận chúng sanh thì chính là tùy thuận cúng dường chư Phật”*. Phật đã nói hết thảy

chúng sanh vốn là Phật, do đây biết rằng: Hằng thuận chúng sanh đúng thực là tùy thuận cúng dường chư Phật. Dùng cái tâm lễ kính chư Phật ấy, thái độ ấy để tùy thuận hết thấy chúng sanh thì thật là phi thường; đó chính là tu hành đến nơi đến chốn. Nếu chẳng tu hành đến nơi đến chốn thì vẫn còn có tâm phân biệt, tâm chấp trước. Là Phật hay là Bồ Tát thì ta phải cung kính, nhưng với kẻ phạm phu, người bại hoại ta có phải cung kính hay chăng? Một niệm phân biệt, chấp trước, hạnh Phổ Hiền đánh mất ngay, bởi lẽ chẳng có tâm bình đẳng. Chư Phật coi chúng sanh như cha mẹ đối với con cái. Nếu có thể đối xử với hết thấy chúng sanh hòa mục như người một nhà, Phật tâm bèn hoan hỷ sẽ khiến cho hết thấy Như Lai hoan hỷ. Phật niệm niệm mong trông thấy chúng sanh viên thành Phật đạo. Điều đức Phật thích thấy chúng ta làm nhất là hằng thuận chúng sanh.

“Chư Phật Như Lai dùng tâm đại bi để làm thể”: Ở đây nói đến chỗ dụng tâm bất đồng giữa ta và Phật. Chúng ta dụng tâm: ý niệm đầu tiên là nghĩ đến mình, chẳng bao giờ nghĩ ngay đến người khác. Dù có nghĩ đến người khác thì kẻ đó phải là người thân thiết của mình, có dính líu đến mình. Người không quan hệ đời nào nghĩ đến! Huống hồ, lại còn súc sanh, ngựa quý, địa ngục, nếu quý vị thật sự nghĩ đến họ, còn ăn thịt chúng sanh được sao? Nhất định chẳng thể được!

Hằng thuận chúng sanh: Súc sanh, ngựa quý, địa ngục cũng là chúng sanh, đều phải bình đẳng tùy thuận. Từ chỗ này chúng ta mới thật sự nhận thấy hạnh Phổ Hiền khó tu. Chúng ta nỗ lực tu học, chỉ có thể học được ít phần, một phần trăm, hai phần trăm là cùng; nếu muốn tu được năm mươi phần trăm, chúng ta tu không nổi! Phật dùng cái tâm bình đẳng từ bi, chẳng có phân biệt. Lòng từ bi lìa hết thấy phân biệt chấp trước thì gọi là đại từ đại bi. Đối với hết thấy hữu tình chúng sanh trong chín pháp giới, Phật đều khởi từ bi, từ Từ Bi xuất sanh Bồ Đề tâm, do từ bi bèn triệt để giác ngộ, giác ngộ hết thấy chúng sanh và mình cùng một thể. Điều này chúng ta không biết được.

Nếu chúng ta biết được, tâm đồng thể đại bi sẽ tự nhiên sanh khởi, bởi lẽ hết thấy chúng sanh và ta là một thể. Đã là một thể, sao còn có thể tàn hại chúng sanh? Bởi vì tàn hại chúng sanh chính là tàn hại chính mình. Trong thế gian há có kẻ nào ngu ngốc đến nỗi chính mình tự hại mình? Biết *“hết thấy chúng sanh chính là mình”* là điều chư Phật Như Lai đã chứng, là cảnh giới khó thể lãnh hội, rất khó hiểu. Làm sao chúng sanh lại có biến thành chính mình cơ chứ! Trong kinh luận, Phật thường dùng tỷ dụ để thuyết pháp, hy vọng mọi người do tỷ dụ sẽ ngộ nhập cảnh giới ấy.

Ví như người nằm mộng, lúc tỉnh mộng thì vẫn nhớ rất rõ những sự tình, cảnh tượng trong mộng. Trong mộng thấy có chính mình, cũng mộng thấy rất nhiều người, rất nhiều chúng sanh, cũng mộng thấy sơn hà đại địa, cũng mộng thấy hư không, cảnh giới trong mộng phảng phất như cảnh giới hiện tiền, bản thân mình trong mộng ấy nào phải do cha mẹ sanh ra. Người, động vật, sơn hà đại địa, hư không trong mộng do đâu mà có? Toàn thể mộng cảnh đều do tự tâm quý vị biến hiện đó thôi. Tâm ấy chẳng phải là chân tâm mà là vọng tâm, bởi lẽ chân tâm chẳng có mộng. Công phu tu hành đạt đến mức độ tương đương hoặc niệm Phật đến mức Nhất Tâm Bất Loạn sẽ chẳng có mộng. Những người tu hành chứng quả A La Hán cũng không có mộng.

Do đó biết rằng: mộng là vọng tâm. Vọng tâm từ đâu có? Chân tâm và vọng tâm chúng ta đều tìm chẳng ra. Bởi lẽ tâm chẳng có tướng, chỉ là lúc nằm mộng bèn thấy được, lúc nằm mộng tâm biến thành tướng. Mộng cảnh chính là tâm của quý vị, cái tâm của quý vị biến ra mộng cảnh. Tất cả hết thấy cảnh giới trong mộng đều từ quý vị, đều là cảnh giới do cái tâm của chính quý vị biến hiện ra. Trừ chính mình, cái gì cũng chẳng có. Trong kinh luận, Phật thường nói: *“Toàn vọng tức chân, toàn chân tức vọng”*. Xuyên qua mộng cảnh, lắng lòng suy nghĩ, chúng ta sẽ hiểu đôi phần ý nghĩa hai câu Phật vừa nói trên. Vọng là hiện tượng. Hiện thời sơn hà đại địa, chúng sanh lăng xăng, động vật, thực vật, khoáng vật bày ra trước mắt chúng ta là do đâu mà có? Là do tự tánh của chúng ta biến hiện. Kinh Kim Cang chép: *“Phàm những gì có tướng đều là hư vọng”*. Tướng Vọng là do tự tánh của chúng ta sau khi bị mê bèn hiện ra tướng cảnh giới. Vĩnh Gia đại sư nói: *“Trong mộng rõ ràng có sáu nẻo, tỉnh rồi đại thiên trống rỗng”*. Đại triết đại ngộ, viên mãn thành Phật, đại thiên thế giới chẳng còn nữa, bởi lẽ chân tánh tỉnh mộng.

Mười phương thế giới rốt cục là thật hay giả? Giả hay thật đều chẳng thể nói được. Quý vị nói là thật ư, nó là giả đấy; bảo là giả ư, nó thật có đấy! Bởi thế, chớ khởi nghi tình là thật hay giả, cứ biết chân tướng sự thật là được rồi! Hư không pháp giới do tự tánh biến hiện, hết thấy hữu tình chúng sanh cũng do tự tánh biến hiện. Phật dạy: *“Mười phương ba đời, cùng chung một Pháp Thân”* là nói đến một sự thật. Phải thành Phật mới thật sự biết được.

Bởi thế, Phật giúp đỡ chúng sanh, vì hết thấy chúng sanh giảng kinh thuyết pháp, giúp họ khai ngộ, giúp họ tu hành chứng quả. Đối với Phật mà nói, đó là nghĩa vụ của Ngài, là chuyện Ngài phải làm. Ngài chẳng kể công, giống như mẹ hiền chăm sóc con thơ, không điều nhỏ nhặt nào lại chẳng quan tâm. Nếu quý vị hỏi Phật vì sao từ bi phổ độ hết thấy chúng sanh? Phật

sẽ đáp: “Vì họ đồng thể với ta”. Độ người chính là độ mình. Hiểu rõ chân tướng sự thật mới hiểu hăng thuận chúng sanh chính là cúng dường chư Phật, khiến cho hết thấy chư Phật hoan hỷ. Bởi vậy, Phật do đồng thể đại bi mà xuất sanh Bồ Đề tâm, triệt để giác ngộ. Do Bồ Đề tâm, thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đây chính là con đường quang minh rộng lớn để thành Phật của chư Phật. Bây giờ chúng ta cũng đi theo con đường này, ắt sẽ thành Phật.

Tùy thuận chúng sanh chẳng thiệt thời đâu. Trước mắt thấy tựa hồ thua thiệt, thật sự chẳng thua thiệt. Nhịn được, nhường được, tùy duyên được thì sẽ thành tựu đức hạnh cho chính mình. Nào ai biết chịu thiệt chính là chiếm tiện nghi. Với pháp thế gian, ta chịu thiệt một tí, nhưng trong Phật pháp ta chiếm đại tiện nghi.

Thế pháp chướng ngại Phật pháp. Với thế pháp, chúng ta lùi một bước, nhường một bước thì chướng ngại đối với Phật pháp bớt được một tầng, liền được đại tự tại. Trong kinh Vô Lượng Thọ, cương lĩnh tu hành là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng. Lìa khỏi hết thấy chúng sanh thì tu hành bình đẳng thanh tịnh ở chỗ nào? Không có chỗ nào để tu cả! Tâm thanh tịnh phải tu nơi nhiễm cảnh, tâm bình đẳng phải tu trong hoàn cảnh cực bất bình thì mới là công phu, mới hòng chân chánh thọ dụng. Ngày nào đó, chúng ta thấy thế giới này, thấy hết thấy chúng sanh tâm thật sự bình đẳng thì tâm đại từ đại bi sẽ hiện tiền.

Phải tu bao lâu mới đạt đến cảnh giới ấy? Mỗi người mỗi khác! Người lợi căn đạt cảnh giới này rất nhanh, kẻ độn căn thì mười năm, hai mươi năm, cũng có khi cả đời tu chẳng thành, nguyên nhân là vì chẳng buông xuống nổi. Muốn thật sự đạt được thanh tịnh bình đẳng thì nhất định phải thấy thấu suốt, buông xuống. Thân tâm, thế giới hết thấy buông xuống hết; pháp thế gian, pháp xuất thế gian cứ hễ còn có mảy may ý niệm, có mảy may chấp trước, nghi hoặc, là quý vị chưa buông xuống được. Phải thấy thấu suốt, buông xuống rồi thì mới có thể dùng tâm đại bi tùy thuận hết thấy chúng sanh, mới có thể được như Phổ Hiền Bồ Tát nói: thành tựu cúng dường hết thấy Như Lai.

1.10. Nguyên thứ mười: Phổ giai hồi hướng (21)

Chánh kinh:

Phục thứ thiện nam tử! Ngôn phổ giai hồi hướng giả: Tùng sơ lễ bái, nãi chí tùy thuận, sở hữu công đức giai tất hồi hướng, tận pháp giới, hư

không giới, nhất thiết chúng sanh, nguyện linh chúng sanh thường đắc an lạc, vô chư bệnh khổ. Dục hành ác pháp, giai tất bất thành. Sở tu thiện nghiệp, giai tức thành tựu. Quan bế nhất thiết chư ác thú môn, khai thị nhân thiên Niết Bàn chánh lộ. Nhược chư chúng sanh nhân kỳ tích tập chư ác nghiệp cố, sở cảm nhất thiết cực trọng khổ quả, ngã giai đại thọ, linh bỉ chúng sanh tất đắc giải thoát, cứu cánh thành tựu vô thượng Bồ Đề. Bồ Tát như thị sở tu hồi hướng, hư không giới tận, chúng sanh giới tận, chúng sanh nghiệp tận, chúng sanh phiền não tận, ngã thử hồi hướng vô hữu cùng tận. Niệm niệm tương tục, vô hữu gián đoạn; thân ngữ ý nghiệp vô hữu bì yếm.

(Lại này thiện nam tử! Nói hồi hướng khắp tất cả là từ sự lễ bái ban đầu cho đến tùy thuận, tất cả công đức thấy đều hồi hướng tận pháp giới, hư không giới hết thấy chúng sanh. Nguyện cho chúng sanh thường được yên vui, không có các bệnh khổ. Muốn làm chuyện ác thấy đều chẳng thành. Tu tập thiện nghiệp đều mau thành tựu. Đóng chặt hết thấy cửa [dẫn vào] các đường ác, mở bày đường chánh: trời, người, Niết Bàn. Nếu các chúng sanh do vì các nghiệp ác tích tập, cảm lấy hết thấy quả khổ rất nặng, tôi đều chịu thay, khiến các chúng sanh đó đều được giải thoát, rốt ráo thành tựu Vô Thượng Bồ Đề. Bồ Tát tu hồi hướng như thế, hư không giới tận, chúng sanh giới tận, chúng sanh nghiệp tận, chúng sanh phiền não tận nhưng sự hồi hướng này của tôi chẳng có cùng tận. Niệm niệm tiếp nối, chẳng có gián đoạn. Thân ngữ ý nghiệp không hề chán mệt)

Đây là hồi hướng pháp giới, mà cũng là tóm gộp cả chín điều nguyện trước: Từ lễ kính chư Phật, khen ngợi Như Lai, rộng tu cúng dường, sám hối nghiệp chướng cho đến tùy thuận chúng sanh, tất cả công đức thấy đều hồi hướng, trong tâm chẳng thêm nhiễm mảy may, có như thế tâm mới thanh tịnh. Có người tu công đức, chỉ sợ công đức bị người khác lấy mất, chẳng dám hồi hướng; vì tâm lượng nhỏ nhen nên chẳng thể thành tựu. Có người sợ đem công đức niệm Phật hồi hướng cho người khác, chính mình chẳng có công đức. Thật ra, đó là quan niệm sai lầm.

Công đức: Công là công phu tu hành của chính mình, Đức là cái mình thân hoạch [do công sức tu hành ấy]. Quý vị có một phần công phu, nhất định có một phần thân hoạch, người khác chẳng lấy được. Quý vị có muốn cho họ, họ cũng chẳng lấy được; còn phước đức có thể cho người khác. Chẳng hạn như của cải của chính mình có thể chia một nửa hoặc toàn bộ cho

người khác, người ta có thể hưởng thọ được. Nhà cửa cũng có thể cho người khác ở, họ cũng có thể thọ dụng được. Chỉ có công đức là không cách gì cho người khác được.

Công đức là Giới - Định - Huệ. Hãy nghĩ xem, công đức trì giới có chia cho người khác được chăng? Công đức niệm Phật của quý vị có đem cho người khác được hay chăng? Công phu quý vị tu định có cho người khác được không? Không có cách nào hết. Nếu công đức có thể cho được, chúng ta cần gì phải tu hành nữa, cứ đợi Phật chia cho chúng ta, chúng ta bèn thành Phật. Công đức là ông tu ông được, bà tu bà được, chẳng tu chẳng được, nhất định phải cậy vào chính mình, nhất định chẳng ý lại người khác được.

Công đức có thể hồi hướng. Đối với chính mình mà nói, hồi hướng nhằm mở rộng tâm lượng, nhằm quét sạch sẽ tập khí phân biệt chấp trước từ vô thủy đến nay. Công đức tôi tu tôi đều chẳng cần đến, công đức tôi tu tôi đều nhường cho mọi người hưởng. Chẳng cần đến công đức, công đức càng lớn. Chẳng những công đức không mất đi mà phước đức cũng chẳng mất. Số phận quý vị có một trăm vạn thì quý vị đem một trăm vạn bố thí hết, vài bữa sau, lại có một trăm vạn khác. Vì sao vậy? Là do số phận quý vị có; phận số có thì chẳng bị mất, mạng không có thì có giữ kỹ cũng chẳng giữ được.

Người Tàu Đại Lục thờ tài thần Phạm Lãi, vì ông này là tấm gương kiếm tiền và dùng tiền, vừa có trí huệ vừa có phước báo. Thời Xuân Thu Chiến Quốc, Việt vương Câu Tiễn có hai tay trợ thủ, một là Phạm Lãi, hai là Văn Chủng. Hai mươi năm sau, nước Việt phục hưng, diệt xong nước Ngô. Khi đó, Phạm Lãi biết quốc vương có thể cùng chịu hoạn nạn, nhưng chẳng thể cùng hưởng phú quý, bởi thế bèn đổi tên họ trốn đi, lưu lại một phong thư khuyên Văn Chủng cũng nên bỏ đi. Văn Chủng không tin, quả nhiên mấy ngày sau, Câu Tiễn ban cho Văn Chủng thanh bảo kiếm, buộc ông ta tự sát. Phạm Lãi đổi tên thành Đào Châu Công, buôn bán giàu có lớn, đem toàn bộ tài sản bố thí, cứu tế bần dân khốn khổ. Tiền tài xài hết, lại buôn bán, chẳng mấy năm, lại phát tài, cũng tán tài giống như cũ, ba lần tài tụ tài tán.

Điều này cho thấy một miếng ăn, một hớp uống không gì chẳng phải là tiền định. Số phận có thì quyết định là có, số phận không có chẳng thể cưỡng cầu, cầu không được đâu! Nếu số mạng đã có thì có bỏ đi cũng chẳng bỏ được. Bởi thế quý vị bố thí của cải sẽ trở lại, lại càng nhiều hơn nữa, giống như lợi tức vậy đó. Biết được sự thật này, quý vị mới can đảm phóng tâm mạnh dạn bố thí. Nhưng chớ có đem lòng cầu may để thử, cứ mong một vốn

vạn lời thì vừa thử của cải chẳng còn gì hết. Phải dùng tâm chân thành để bố thí cúng dường, đó là tu phước.

Sở dĩ công đức tu tập của chúng ta hồi hướng cho hết thảy chúng sanh, càng hồi hướng công đức càng lớn là vì tâm lượng to lớn. Tâm lượng to lớn, công đức cũng chuyển lớn theo, hết thảy tùy tâm chuyển mà! Nếu chẳng hồi hướng, niệm niệm chỉ vì mình, tâm lượng nhỏ nên công đức hữu hạn. Đức Phật dạy chúng ta, chẳng cần biết tu công đức lớn hay nhỏ, thậm chí điều thiện mảy may đều phải hồi hướng Bồ Đề, hồi hướng chúng sanh, hồi hướng pháp giới. Đây là mở rộng tâm lượng của chính mình, viên mãn công đức tu hành vậy.

“Nguyện cho chúng sanh thường được yên vui, không có các bệnh khổ”: Trong mỗi niệm, Bồ Đề đều hy vọng chúng sanh thường được yên vui. *“Hết thảy chúng sanh”* bao gồm động vật. Nếu chúng ta ăn động vật, sát hại động vật, những động vật ấy có bình yên sung sướng được chẳng? Kinh Lăng Già nói Bồ Tát chân chánh phát tâm chẳng ăn thịt chúng sanh. Tuy thế nhà Phật chẳng buộc quý vị trường trai, chỉ khuyên quý vị đừng sát sanh. Hễ nói đến lòng đại từ đại bi thì Phật nói chẳng ăn thịt hết thảy chúng sanh. Lương Võ Đế đọc đến đoạn kinh văn này, cảm động sâu xa, phát tâm ăn chay trường, đề xướng phong trào ăn chay trong nhà Phật. Thật sự mang lòng thích thấy hết thảy chúng sanh bình yên sung sướng, quý vị sẽ chẳng thể nhẫn tâm tổn hại chúng nó, càng chẳng thể nhẫn tâm ăn thịt chúng.

Mong mọi hết thảy chúng sanh không có bệnh khổ; bệnh khổ do đâu mà có? Tất cả hết thảy bệnh khổ từ vọng tưởng mà ra. Trừ được vọng tưởng chấp trước khiến cho thân tâm thanh tịnh, khôi phục tự nhiên, thể chất biến đổi, có thể cả đời chẳng sanh bệnh. Y học chỉ trị đặng ngọn chứ không trị gốc, Phật pháp trị liệu tận gốc rễ: Dạy quý vị đừng khởi vọng tưởng. Do đây biết rằng: Phải đem Phật pháp giới thiệu cho hết thảy chúng sanh, phổ cập đến mỗi tầng lớp xã hội thì mới có thể thật sự giúp cho chúng sanh lìa khỏi hết thảy bệnh khổ.

“Muốn làm chuyện ác thảy đều chẳng thành”: Họ có ác niệm, muốn làm chuyện bậy, Bồ Tát, thần Hộ Pháp ngăn trở, khiến họ chẳng thể thành công được. *“Tu tập thiện nghiệp đều mau thành tựu”*. Động một niệm thiện tâm (tâm lợi ích hết thảy chúng sanh), Phật, Bồ Tát phù trợ quý vị, bởi lẽ điều đó ứng với tâm Phật, tâm Bồ Tát, cảm ứng đạo giao. Nếu chỉ vì chính mình, chỉ vì một nhà, bèn chẳng tương ứng với tâm Phật, Bồ Tát. Tâm Phật rộng lớn

không ngần mé, quý vị cứ quanh quẩn trong phạm vi rất nhỏ chẳng thể khởi cảm ứng được.

“*Đóng chặt hết thảy cửa [dẫn vào] các ác thú*”: Chữ “ác thú” được nói trong kinh đây phạm vi rất rộng. Ba đường ác, ba đường lành (do vẫn luân hồi trong lục đạo), A La Hán, Bích Chi Phật (dù có thiền định rất sâu, nhưng chưa kiến tánh), Bồ Tát (tuy kiến tánh, nhưng chưa viên mãn) đều là Ác Thú cả. Kinh này để nói với hàng Đẳng Giác Bồ Tát. Nói cách khác, từ Thập Địa trở xuống đều có thể gọi là “ác thú”. Hiện tại chúng ta chẳng thể đặt tiêu chuẩn cao như thế được, chỉ cần biết tam đồ lục đạo đích thật là ác thú, nhất tâm nhất ý phải vượt thoát trong một đời này, như vậy là tốt rồi! Vượt thoát chỉ có một đường duy nhất là đối nghiệp vãng sanh. Đường dẫn vào ác thú phải bít chặt. Bít chặt bằng cách nào? Xa lìa nó.

“*Mở bày đường chánh: trời, người, Niết Bàn*”: khuyên dạy chúng sanh niệm Phật vãng sanh, bất thoái thành Phật. Do đây tổ sư đại đức thường nhắc nhở chúng ta chuyên tu Tịnh nghiệp. Niệm Phật kỵ nhất là xen tạp. Nếu xen tạp danh lợi thế gian, ngũ dục, lục trần thì chẳng thể thành tựu. Người niệm Phật niệm rất nhiều loại kinh, lại còn niệm chú thì cũng là xen tạp. Tội trọng yếu là tinh tấn nơi một môn. Ấn Quang đại sư dạy chúng ta: Người chuyên tu niệm Phật chỉ cần niệm một bộ kinh A Di Đà, ba biến chú Vãng Sanh, rồi niệm Phật hiệu. Kỳ thật, công phu đều dồn vào Phật hiệu. Niệm một bộ kinh và ba biến Vãng Sanh chỉ nhằm để định tâm. Nếu tâm chúng ta suy nghĩ lung tung, niệm Phật hiệu sẽ chẳng có cảm ứng. Nếu dùng tâm thanh tịnh để chấp trì danh hiệu thì có cảm ứng.

Nếu tâm quý vị rất thanh tịnh, chẳng có tạp niệm, chẳng có vọng tưởng thì kinh lẫn chú chẳng cần niệm nữa. Thời xưa, tổ sư đại đức một ngày niệm mười vạn tiếng Phật hiệu, chẳng niệm kinh, niệm chú. Không ít người niệm Phật chỉ nhờ một câu A Di Đà Phật này, lúc lâm chung vãng sanh chẳng sanh bệnh, biết trước lúc đi, đứng vãng sanh hoặc ngồi vãng sanh rất nhiều. Đài Loan bốn mươi năm qua, có mười mấy vị đứng hoặc ngồi vãng sanh, quá nửa những người đó là những bà cụ rất già, không biết chữ, kinh lẫn chú đều chẳng niệm, tâm định. Bởi thế, người niệm Phật chẳng đọc sách báo, tạp chí, chẳng xem các kinh sách khác.

Dân Quốc năm thứ nhất (1912), Đàm Hu đại sư truyền giới tại chùa Cực Lạc ở Cáp Nhĩ Tân, thỉnh thầy của Ngài là Đế Nhân Lão Hòa Thượng làm Đắc Giới Hòa Thượng. Trong thời gian truyền giới, có một vị xuất gia tên là Tu Vô đến giới trường giúp việc. Vị này rất dốt nát, trước khi xuất gia làm

thợ nề, không biết chữ; gì cũng không biết, chỉ biết niệm A Di Đà Phật. Sư tình nguyện trong thời gian truyền giới sẽ săn sóc những bệnh nhân bị trúng gió, cảm mạo.

Được mấy ngày, Sư xin phép Hòa Thượng cho nghỉ, nói mình cần phải đi. Đàm Hư Đại Sư là người có hàm dưỡng, chẳng trách móc gì. Đương gia sư là Định Tây Pháp Sư tánh tình nóng nảy, nghe nói Sư phải đi, đối với Sư chẳng khách khí gì, nói ngay: “Chúng tôi truyền giới suốt mười ba ngày, vẫn chưa viên mãn, sao giữa chừng lại bỏ đi vậy?” Sư đáp: “Chẳng phải tôi đi qua chỗ khác đâu mà là về Tây Phương Cực Lạc thế giới”. Hai vị pháp sư ngần ngại, hỏi ngày nào Sư đi? Sư nói đại khái không hơn mười bữa nữa, xin chúng thường trụ sắp sẵn hai trăm cân củi khô chuẩn bị thiêu hóa.

Hòa Thượng rất bội phục, trông thấy Sư đầu óc đất sét, cái gì cũng không biết, thân thể khỏe mạnh, cũng chẳng đồ bệnh, biết trước lúc mất. Ngày hôm sau, Sư lại tìm hai vị pháp sư nói ngày hôm nay Sư sẽ đi, xin chuẩn bị gấp cho. Lại xin mấy vị tăng thường trụ đến trợ niệm giùm để đưa Sư đi. Sư trải đệm trong phòng chứa củi, ngồi xếp bằng. Những người trợ niệm tiến đưa xin Sư để lại một bài kệ làm kỷ niệm, thầy Tu Vô nói một câu: “*Năng thuyết bất năng hành, bất thị chân trí huệ*” (Nói được làm không được, chẳng phải chân trí huệ). Nói xong bèn im lặng.

Niệm Phật chừng mười lăm phút, Sư bèn đi, ngồi mà vắng sanh. Suốt đời chỉ một câu Phật hiệu, cái gì cũng chẳng biết, thật là niệm đến Nhất Tâm Bất Loạn. Sư tuy không biết chữ, chẳng thể giảng kinh thuyết pháp, lâm chung biểu diễn một phen, không biết là độ được bao nhiêu chúng sanh nữa! Ngài hiện thân thuyết pháp, làm gương vậy.

Quý vị tu thiện pháp, chư Phật, Bồ Tát nhất định giúp quý vị viên mãn thành tựu. Hết thấy ác pháp chúng ta phải xa lìa, vì hết thấy chúng sanh chỉ dạy con đường lớn niệm Phật vắng sanh bất thoái thành Phật.

“Nếu các chúng sanh do vì các nghiệp ác tích tập, cảm lấy hết thấy quả khổ rất nặng, tôi đều chịu thay, khiến các chúng sanh đều được giải thoát, rốt ráo thành tựu Vô Thượng Bồ Đề”: Chúng sanh mê hoặc tạo nghiệp, cảm lấy quả báo luân hồi.

Hoặc nghiệp khổ là mê hoặc tạo nghiệp chịu khổ. Khổ là chịu lấy quả báo. Tuy chịu khổ vẫn chẳng giác ngộ, vẫn cứ mê hoặc, nên nghiệp tạo ra càng nặng, đời sau càng khổ. Giống như nước xoáy, càng xoáy càng chìm xuống, chẳng thể trôi lên. Nếu một đời này chẳng thể vắng sanh Tây Phương

Cực Lạc thế giới, tiền đồ của chúng ta thật đáng lo ngại, ắt đời này chẳng biết đời sau ra sao, bởi lẽ chúng ta khởi tâm động niệm ác nhiều thiện ít.

Phải hiểu nỗi khổ của chúng sanh do đâu mà có, phải tìm ra căn nguyên; sau đây mới phát tâm chịu khổ thế cho chúng sanh. Chịu bằng cách nào? Thả chiếc bè từ phổ độ chúng sanh. Chúng sanh nên dùng thân nào để đắc độ, Bồ Tát bèn thị hiện thân phận đó. Quý vị là con người, Ngài cũng mang thân người. Quý vị đọa trong đường súc sanh, Ngài cũng biến thành súc sanh. Đó là chịu khổ thế cho chúng sanh, mục tiêu là giúp chúng sanh khai ngộ. Nói tóm lại, khuyên người niệm Phật, khuyên người cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Ngã quý, súc sanh cũng có thể độ được. Trong nhà Phật có một cuốn sách nhỏ mang tựa đề Vật Do Như Thử (Loài vật còn như thế) thuật chuyện động vật niệm Phật vãng sanh. Lúc Đế Nhân pháp sư làm trụ trì chùa Đầu Đà tại Ninh Ba, tỉnh Triết Giang, trong chùa có một con gà trống. Mỗi sáng lúc gà gáy, mọi người thức dậy tụng khóa sáng; gà trống cũng tham gia khóa lễ sáng tối. Lúc đại chúng niệm Phật, nó cũng kêu cục cục niệm theo. Giữa trưa đại chúng thọ trai, nó cũng đến, cơm rau vô ý rớt xuống đất, nó bèn ăn sạch sẽ. Có một ngày tụng kinh khóa tối xong, đại chúng đều đi xuống hết, con gà chẳng đi, vẫn niệm Phật. Thầy Hương Đăng xưa nó đi, nó mặc kệ thầy, nó đến giữa Phật đường lạy ba lạy: gật đầu ba lần, đứng yên vãng sanh. Gà trống còn có thể vãng sanh, nếu chúng ta không khéo học sẽ chẳng bằng được nó đấy! Đế Nhân pháp sư theo đúng lễ tiết dành cho người xuất gia chôn gà trống sau núi. Loài động vật này quá nửa phần đời trước là người xuất gia, đại khái lúc lâm chung do một niệm làm lạc bèn đọa thân súc sanh.

Trong lục đạo, Phật, Bồ Tát thị hiện mọi thứ thân hóa độ chúng sanh, giúp cho hết thảy chúng sanh niệm Phật vãng sanh thành Phật, đó mới là rốt ráo viên mãn. Tu các pháp môn khác, trong một đời chưa thấy có ai có thể chứng quả, chẳng thấy có ai có thể vượt thoát luân hồi lục đạo. Trong cuốn Niệm Phật Luận, Đàm Hư lão hòa thượng viết: *“Trong một đời, tôi gặp nhiều đấng Thiên Định, nhưng chưa gặp được ai khai ngộ. Học Thiên nếu chẳng khai ngộ thì chẳng thể liễu sanh thoát tử, chẳng thể thoát tam giới. Đấng Thiên Định chỉ có thể sanh lên trời Tứ Thiên”*. Chỉ riêng mình pháp môn Niệm Phật ôn hòa, thích đáng, nhanh chóng, ai cũng có thể tu được, ai cũng có thể thành tựu. Trong hội Hoa Nghiêm, sau cùng Bồ Tát Phổ Hiền cũng đặc biệt đề xướng pháp môn Niệm Phật.

“Hư không giới tận, chúng sanh giới tận, chúng sanh phiền não tận, sự hồi hướng này của tôi chẳng có cùng tận”: Nguyện thứ mười được kết thúc cũng giống như những nguyện trước. Phát tâm nhất định phải dài lâu, tu hành phải *“niệm niệm tiếp nối, chẳng có gián đoạn”*. Chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn. Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta *“tịnh niệm tiếp nối”*, bốn chữ này là bí quyết niệm Phật. Tịnh là chẳng xen tạp, nếu xen tạp tâm bèn chẳng thanh tịnh. Tối đơn thuần, tối tinh thuần là một câu Phật hiệu. Hiện tại chúng ta phải niệm thêm một quyển kinh là vì tâm chẳng thanh tịnh. Nếu tâm thanh tịnh, tuyệt đối chẳng xen tạp, ngay cả kinh A Di Đà cũng không cần đến nữa. Trong tâm từ sáng đến tối, trong mười hai thời, trừ một câu Phật hiệu ra, không nghĩ đến gì khác, người đó công phu thành phiền, đạt đến Nhất Tâm, đó là chân chánh thực hiện công phu. Đứng mất, đi mất, biết trước lúc mất là công phu đạt đến cảnh giới ấy.

Chúng ta chẳng bằng được những người ấy là vì chúng ta có tạp niệm, Phật hiệu vừa niệm một phen đã gián đoạn. Lúc làm việc, buông xuôi Phật hiệu, hùng hục gắng sức làm việc, làm việc xong, buông bỏ công tác, lập tức đề khởi Phật hiệu, chẳng có một tạp niệm. Lúc niệm Phật trong tâm chớ nên lẩn cẩn còn nhiều chuyện mình chưa làm, lúc làm việc lại niệm Phật hiệu. Nếu vậy, Phật hiệu niệm cũng không tốt, việc làm cũng chẳng ra gì, đôi bề đều mất cả.

Đến đây là giới thiệu xong mười nguyện. Phần sau, Phổ Hiền Bồ Tát lại có nhiều khai thị trọng yếu, cũng là đem những chỗ khấn yếu trong mười nguyện đặc biệt chỉ dạy cho chúng ta.

Lược Giảng Giáo Nghĩa Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, phần 2 hết

(1) Nhất Thiết Trí là trí thấy rõ tất cả hết thấy pháp trong mười phương pháp giới chỉ thuần là lý tánh Chân Không (gọi là lý tánh Chân Không có nghĩa là lìa khỏi hết thấy những tướng hư giả do cái thấy biết sai lầm, chẳng chấp vào những tướng hư giả ấy, chứ không phải là Ngoan Không, tức phủ nhận toàn bộ vạn hữu).

(2) Khối phước: Dịch chữ “phước tụ”. Tu tập bao nhiêu công đức tích lũy lại nên gọi là “phước tụ”.

(3) Trí địa: Chữ Trí chỉ Nhất Thiết Trí (trí thông hiểu tướng Không của hết thấy pháp, là trí của hàng Thanh Văn, Duyên Giác), Đạo Chung Trí (hiểu hết thấy đạo pháp sai biệt, là trí của hàng Bồ Tát), Nhất Thiết Chung Trí (hiểu rõ

tổng tướng, biệt tướng, đoạn Hoặc, giác Mê, là trí của Phật). Địa là địa vị. Nói là “các thứ trí địa của Bồ Tát” là vì có đến bốn mươi địa vị.

(4) Nhập Niết Bàn: Tiếng Phạn là Bát Niết Bàn (parinirvana), còn dịch là Diệt Độ. Diệt là diệt phiền não, diệt sanh tử; Độ là độ sanh. Có khi còn dịch là Viên Tịch hay Nhập Diệt.

(5) Xá-lợi: Những phần còn lại của xương đức Phật sau khi thiêu, rất kiên cố, đa phần hình tròn, nhiều màu. Sau khi đức Phật nhập diệt, A Nậu Lô Đà và Ma Ha Ca Diếp chủ trì việc thiêu kim thân, thiêu xong, thu được rất nhiều xá-lợi. Việc phân bố xá-lợi nhằm tạo cơ hội cho chúng sanh sau khi đức Phật nhập diệt, được gieo duyên đánh lễ thân Phật. Về sau thường được dùng theo nghĩa rộng để chỉ xương cốt còn lại sau khi thiêu hóa của các vị Tổ Sư, các cao tăng.

(6) Hữu học, vô học: Hữu học chỉ người tu hành còn chưa viên mãn, chưa liễu sanh thoát tử. Vô Học là bậc thánh giả đã chứng quả La Hán trở lên, đã học viên mãn, không còn phải học tập, tấn tu những cách để đoạn trừ phiền não như trước khi chưa chứng quả La Hán.

(7) Thị hiện: Thị là làm cho người khác thấy, Hiện là bày ra. Thị hiện là biến hiện, hóa hiện, làm theo một cách nào đó cho người khác thấy.

(8) Tỳ Lô Giá Na (Vairochana): Hán dịch là Biến Nhất Thiết Xứ, ý nói: quang minh của Phật chiếu thấu khắp hết thấy mọi nơi; hoặc còn dịch là Đại Nhật Như Lai. Tỳ Lô Giá Na là Pháp Thân của Phật Thích Ca, Thích Ca là Ứng Thân của Phật Tỳ Lô Giá Na. Lô Xá Na là Báo Thân. Ngoài ra, còn có mười loại thân:

1) Chúng sanh thân: thân tướng của chúng sanh trong lục đạo.

2) Quốc độ thân: Trong các thế giới khác nhau, vì thích ứng với căn cơ sai biệt của chúng sanh, Lô Xá Na Phật hóa hiện thân tướng khác nhau. Nói đúng ra, Quốc Độ Thân chính là thân Phật. Gọi là sai khác vì tùy theo thân lượng của chúng sanh từng quốc độ mà thân Phật lớn nhỏ, hào quang chiếu xa hay gần, chúng sanh chỉ thấy được Ứng Thân hay thấy được cả Báo Thân.

3) Nghiệp báo thân: Thân cảm ứng do nghiệp báo.

4) Thanh Văn Thân.

5) Duyên Giác thân.

6) Bồ Tát thân.

7) Như Lai thân.

8) Trí thân: thân do trí huệ tu chứng viên minh cảm thành.

9) Pháp Thân.

10) Hư không thân: tướng thanh tịnh lìa cấu, chẳng có hình tướng, nhưng thanh tịnh trọn khắp pháp giới, giống như hư không.

(9) Chuyển Luân Thánh Vương: Vị vua cai quản toàn bộ tam thiên đại thiên thế giới, oai lực rất lớn, hưởng thọ phước báo rất lớn, có ngàn con, có đủ bảy báu vật, một trong số đó là bánh xe báu (bảo luân); luân có khả năng xoay tròn, bay lên hư không, đưa vua đi khắp nơi. Ngôi Luân Vương có bốn loại: Kim, Ngân, Đồng, Thiết. Thiết Luân Vương chỉ cai quản được Nam Thiệm Bộ Châu (Diêm Phù Đề).

(10) Sát-lợi: Giai cấp thứ hai trong xã hội Ấn Độ, gọi đủ là Sát Đế Lợi (Ksatriya), Hán dịch là Điền Chủ hoặc Vương Chủng, giai cấp nắm quyền lực quân sự và chính trị, trực tiếp cai trị xã hội Ấn Độ cổ thời.

Bà La Môn: Hán dịch là Tịnh Hạnh, giai cấp thứ nhất của Ấn Độ, đa phần là người tu hành, nắm giữ đặc quyền tế lễ, biên chép, diễn giải kinh điển Ấn Độ Giáo.

Trưởng giả: Người đạo đức cao, tuổi lớn, giàu có thì gọi là Trưởng Giả.

(11) Thiên long bát bộ: Tám bộ chúng thường theo nghe giảng Phật pháp:

a) Thiên: các hữu tình thuộc hai mươi tám tầng trời.

b) Long: Loài rồng, thường sống trong biển cả, ao, hồ, sông, nước, có thần thông, tánh tình dữ dội nóng nảy.

c) Dạ Xoa: Loài quỷ bay được trên không, thích ăn người.

d) Càn Thát Bà: Nhạc thần của Đế Thích.

e) A Tu La: Người tu phước báo rất nhiều nhưng tâm sân hận quá lớn bèn đọa trong loài này, có phước báo như chư Thiên, nhưng thân hình thô xấu, thích đánh nhau với Đê Thích.

f) Ca Lô La: Giống chim to, rất hung bạo, thích ăn nuốt rồng.

g) Khẩn Na La: Cũng là nhạc thần của Đê Thích, nhưng chỉ tấu pháp nhạc, diễn giảng Phật pháp.

h) Ma Hầu La Già: Một loại rắn thần lớn.

(12) Thành thực: hiểu theo nghĩa đen là làm cho chín muồi, hiểu theo nghĩa rộng là tác động sự vật gì khiến cho thành công. Kinh dùng với ý nghĩa đức Phật quán sát căn cơ của chúng sanh, biết là đến lúc chúng sanh thành tựu chứng quả, bèn dùng các phương tiện thuyết pháp, giáo hóa, thị hiện khiến cho chúng sanh được thành tựu, chứng đắc đạo quả, công đức viên mãn.

(13) Noãn sanh: loài sanh bằng trứng, như các loài chim chẳng hạn.

Thai sanh: loài sanh con bằng cách mang thai, như thú, người.

Thấp sanh: loài sanh nơi ẩm ướt, như muỗi mòng.

Hóa sanh: loài sanh do biến hóa như chư Thiên, tội nhân trong địa ngục.

(14) Sắc thân: Nói theo quan điểm thế tục là thân có đủ mắt, tai, mũi, lưỡi... Nói theo Phật pháp, các thân do tứ đại (đất, nước, gió, lửa) và ngũ trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc) hợp thành.

(15) Dục lạc: Các thứ ham thích, ưa muốn.

Ý hạnh: Ý là các thứ suy nghĩ trong tâm, Hạnh là những hành vi biểu hiện ra ngoài.

Oai nghi: Oai là dáng vẻ trang nghiêm, tề chỉnh. Nghi là có nghĩa là lễ mạo, đúng lễ. Oai nghi ở đây thường được hiểu là bốn hành động đi, đứng, nằm, ngồi đều tuân thủ đúng lễ tiết, trang trọng, đúng mực.

(16) Có sắc: thuộc về Sắc Giới. Từ địa ngục lên đến Tụ Tại Thiên thuộc về Dục Giới, từ tầng trời phía trên Tụ Tại Thiên lên đến tầng trời hai mươi tám (Sắc Cứu Cảnh Thiên) thuộc về Sắc Giới. Chư thiên Sắc Giới chỉ có nam

nhân, không có nữ nhân, không có ý tưởng dâm dục, có sắc thân có thể trông thấy được, nên gọi là Sắc Giới.

Vô sắc: tức là Vô Sắc Giới, thuộc bốn tầng trời phía trên Sắc Cứu Cánh thiên. Người trong cõi trời này có tâm tưởng, sống bằng Thiền Định, không có sắc thân.

(17) Hữu Tướng: tức trời Thức Vô Biên Xứ, tầng trời thứ nhất của Vô Sắc Giới. Người cõi này trong năm Uẩn chỉ có Thức và Tướng,

Vô Tướng: Vô Sở Hữu Xứ Thiên, chư Thiên cõi này không có tâm phân biệt, vọng tưởng, nên gọi là Vô Tướng, đã khuất phục được thức thứ bảy (Mạt Na, tức chấp ngã).

Phi Hữu Tướng Phi Vô Tướng: Chư thiên trong cõi trời này công phu tu Định lực rất sâu, chế ngự được thức thứ tám, khiến cho thức thứ tám tưởng chừng như đã diệt nên gọi là Phi Hữu Tướng, nhưng thật ra thức thứ tám vẫn còn hiện hữu một cách vi tế nên gọi là Phi Vô Tướng.

(18) Thừa sự: hầu hạ, phụng sự.

(19) Nguyên văn: “*Khoáng dã sa tích*”, Khoáng là chỗ hoang vu, hiu quạnh. Tích là những khối đá nhỏ. Như vậy, khoáng dã sa tích là chỗ trống trải, hoang vu, đầy những cát đá.

(20) Cái gì to lớn nhất thường gọi là Vương, như núi Tu Di gọi là Sơn Vương; Thọ Vương là cái cây cực to trong các loài cây.

(21) Hồi hướng: Có bốn loại hồi hướng:

1) Hồi Sự Hướng Lý: chuyên hết thầy các sự tướng đã tu về nơi Lý. Chẳng hạn trong nguyện “rộng tu cúng dường”, Tài Bố Thí là sự tướng, tiếp đó nói đến Pháp Cúng Dường tức là Hồi Sự Hướng Lý.

2) Hồi Tự Hướng Tha: đem công đức mình đã tu hồi hướng cho mười phương ba đời hết thầy chúng sanh.

3) Hồi Nhân Hướng Quả: Lúc thoát đầu tu công đức là để cầu phước báo, nay cái nhân của tu công đức là cầu thành Phật.

4) Hồi Tiểu Hương Đại: Trước kia tu hạnh Tiểu Thừa nhỏ hẹp, chí nguyện tự độ, nay hướng đến hạnh Đại Thừa, rộng độ chúng sanh.

2. Tỏ rõ tánh đức thù thắng của kinh: Mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc

Chánh kinh:

Thiện nam tử! Thị vi Bồ Tát Ma Ha Tát thập chủng đại nguyện, cụ túc viên mãn. Nhược chư Bồ Tát u thử đại nguyện, tùy thuận thú nhập, tắc năng thành thực nhất thiết chúng sanh, tắc năng tùy thuận A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, tắc năng thành mãn Phổ Hiền Bồ Tát chư hạnh nguyện hải.

Thị cố thiện nam tử! Nhữ u thử nghĩa, ưng như thị tri.

(Này thiện nam tử! Đây là mười đại nguyện đầy đủ viên mãn của Bồ Tát Ma Ha Tát. Nếu các Bồ Tát đối với các đại nguyện này mà có thể tùy thuận, thú nhập thì sẽ có thể thành thực hết thảy chúng sanh, sẽ có thể tùy thuận Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, sẽ có thể thành tựu trọn vẹn biển các hạnh nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát.

Vì thế, thiện nam tử! Đối với nghĩa này, ông nên biết như thế)

Kinh này là kinh Đại Thừa. Thiện nam tử, thiện nữ nhân được nhắc đến trong Đại Thừa tiêu chuẩn rất cao. Phải làm được tất cả mọi điều trong mười câu nói về ba thứ phước của Quán kinh thì kinh Hoa Nghiêm mới gọi là thiện nam tử, thiện nữ nhân.

Đại ý của đoạn kinh văn này là: Những nguyện nói ở phần trên chính là mười đại nguyện của hàng đại Bồ Tát, cũng chính là các hạnh của Bồ Tát được quy nạp thành mười loại lớn (số Mười tượng trưng cho ý nghĩa viên mãn). Bồ Tát tích cực tu học mười nguyện thì sẽ có thể thành thực hết thảy chúng sanh. Thành thực hết thảy chúng sanh tức là có thể phổ độ trọn hết thảy chúng sanh. Phổ độ chưa chắc là độ thoát viên mãn, còn “thành thực” thì có thể nói là độ thoát gần như viên mãn.

Việc quy kết về Tây Phương Cực Lạc thế giới được biểu lộ qua ý nghĩa của hai chữ “thành thực”, tức là chân thật viên mãn. Nếu như chẳng dùng

đến pháp môn này, rất khó thể thành thực. Thành thực là ngay trong một đời này, quý vị sẽ thành Phật. Trong một đời này chẳng thành Phật thì chẳng được gọi là “thành thực”. Như chúng ta bây giờ có thể thành Phật được chẳng? Niệm Phật có thể thành Phật! Niệm Phật là nhân, thành Phật là quả; vấn đề là chúng ta có chịu niệm hay không, tâm chúng ta cầu vãng sanh có chân thành hay chẳng? Nếu lúc có lúc không, dù niệm Phật lâu ngày cũng chẳng cảm ứng!

Đồng thời, có thể tùy thuận Bồ Đề. Đây chính là nói “*một đời thành Phật*”. Người niệm Phật đúng là thành tựu ngay trong một đời; chưa tắt hơi đã thấy Phật đến tiếp dẫn, bảo với quý vị: “Phật đến rồi, ta theo Ngài đi thôi!”, liền tiêu sái ra đi. Đây là theo Phật ngay khi còn sống, thân thể hết như một bộ y phục rách, vất đi chẳng màng. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, một đời thành Phật. Bởi thế pháp môn này gọi là pháp môn “*thành tựu ngay trong một đời*”.

Ở đây, Phổ Hiền Bồ Tát nói chẳng sai, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới mới có thể thật sự tu viên mãn mười nguyện Phổ Hiền. Bởi lẽ, được bốn nguyện công đức của Phật A Di Đà gia trì, oai thần lực của Phổ Hiền Bồ Tát gia trì, về Tây Phương thì quý vị mới được tự tại tu mười đại nguyện vương.

Chánh kinh:

Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, dĩ mãn thập phương vô lượng vô biên bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát, cực vi trần số nhất thiết thế giới, thượng diệu thất bảo, cập chư nhân thiên tối thắng an lạc, bố thí nhĩ sở nhất thiết thế giới sở hữu chúng sanh, cúng dường nhĩ sở nhất thiết thế giới chư Phật, Bồ Tát, kinh nhĩ sở Phật sát cực vi trần số kiếp, tương tục bất đoạn, sở đắc công đức; nhược phục hữu nhân, văn thử nguyện vương, nhất kinh ư nhĩ, sở hữu công đức tỷ tiền công đức, bách phân bất cập nhất, thiên phần bất cập nhất, nãi chí u-ba-ni-sa-đà phần, diệc bất cập nhất.

(Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân đem bảy báu thượng diệu (1) và các sự an lạc tối thắng của trời người đầy khắp hết cả thế giới nhiều như số cực vi trần của mười phương vô lượng vô biên bất khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật để bố thí cho tất cả chúng sanh trong ngàn ấy hết cả thế giới, cúng dường chư Phật, Bồ Tát trong ngàn ấy hết cả thế giới, trải các kiếp nhiều như số cực vi trần của ngàn ấy những cõi Phật, liên tục chẳng ngắt,

đạt được công đức. Nếu lại có người nghe nguyện vương này một phen thoảng qua tai, thì công đức của người trước đạt được so với công đức người sau đạt được chẳng bằng một phần trăm, chẳng bằng một phần ngàn, cho đến một phần u-u-ba-ni-sa-đà cũng chẳng bằng được)

Ví như có người (ý nói người bình thường) lúc nghe pháp sư giảng kinh, nghe được mười đại nguyện vương, nghe thật rõ ràng, thật minh bạch, cũng hiểu được ý nghĩa, in dấu trong tám thức điền thì công đức ấy thật to lớn. Công đức ấy là công đức chân thật, bởi lẽ một phen thoảng qua tai, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo. Huống hồ là pháp môn đệ nhất, kinh bậc nhất của Phật đã nói, hạt giống ấy gieo vào A Lại Da Thức, tương lai gặp duyên, nhất định thành thực. Bởi vậy, công đức chẳng thể nghĩ bàn.

Chánh kinh:

Hoặc phục hữu nhân, dĩ thâm tín tâm, u thử đại nguyện, thọ trì, đọc tụng, nãi chí thư tả nhất tứ cú kệ, tốc năng trừ diệt Ngũ Vô Gian nghiệp, sở hữu thế gian thân tâm đẳng bệnh, chủng chủng khổ não, nãi chí Phật sát cực vi trần số nhất thiết ác nghiệp, giai đắc tiêu trừ. Nhất thiết ma quân, Dạ Xoa, La Sát, nhược Cưu Bàn Trà, nhược Tỳ Xá Xà, nhược Bộ Đa đẳng, ẩm huyết, đạm nhục, chư ác quỷ thần, giai tất viễn ly, hoặc thời phát tâm, thân cận thủ hộ.

(Nếu lại có người, do tâm tin tưởng sâu xa, đối với những đại nguyện này, thọ trì, đọc tụng (2), cho đến biên chép một bài kệ bốn câu, mau trừ diệt được nghiệp Ngũ Vô Gian (3); tất cả các thân bệnh, tâm bệnh trong thế gian, các thứ khổ não, cho đến hết thấy ác nghiệp nhiều như số cực vi trần của một cõi Phật, đều được tiêu trừ. Hết thấy ma quân, Dạ Xoa, La Sát, hoặc Cưu Bàn Trà, hoặc Tỳ Xá Xà, hoặc Bộ Đa (4) v.v... các loại quỷ thần uống máu ăn thịt, thấy đều tránh xa, hoặc có lúc phát tâm, thân cận, thủ hộ)

Tu hạnh nguyện Phổ Hiền lợi ích thù thắng như sau:

Thứ nhất là tiêu nghiệp chướng. Chúng ta tạo rất nhiều ác nghiệp, thân lẫn tâm đều có bệnh, phiền não nặng nề, lắm khổ não, làm sao tiêu trừ đây? Ba chữ “*thâm tín tâm*” là mấu chốt. Chúng ta mỗi ngày thọ trì, đọc tụng, biên chép (lưu thông) mười đại nguyện vương thì có thể tiêu trừ được nghiệp chướng hay chẳng? Có thể làm cho bệnh khổ được lành hay chẳng? Được chứ! Chỉ cốt sao chúng ta tin tâm sâu xa, tin sâu chẳng nghi sẽ được cảm ứng. Kinh Kim Cang dạy: “*Tín tâm thanh tịnh thời sanh Thật Tướng*”. Sanh Thật Tướng là minh tâm kiến tánh, là Lý Nhất Tâm Bất Loạn của người

niệm Phật. Nói cách khác, quý vị thành đại Bồ Tát, tội nghiệp nhất định phải tiêu trừ.

Tâm thâm tín rất trọng yếu, tâm thâm tín là một mảy lông cũng chẳng có. Bộ kinh mười đại nguyện vương này mỗi chữ đều là lời dạy răn chân thành của Như Lai; một câu nói sai trái, một câu giả dối cũng chẳng có, thật đáng tin tưởng, y giáo phụng hành. Tín tâm kiên định, tín tâm thanh tịnh như thế y chiếu phương pháp trong kinh điển mà hành, sẽ đạt được hiệu quả.

Hiệu quả thứ nhất là tiêu nghiệp chướng. Thứ hai là tất cả hết thấy bệnh khổ đều khỏi hẳn. Thứ ba, tất cả ma chướng, yêu ma, quỷ quái chẳng dám gần quý vị. Do đây biết rằng: Người gặp phải ma quái đều là vì tâm chẳng thanh tịnh, có tham, sân, si, mạn. Tâm chẳng thanh tịnh bèn cảm ứng ma, tâm thanh tịnh ma tự nhiên chạy mất. Tỷ như niệm danh hiệu Phật, danh hiệu Bồ Tát, niệm kinh điển, bái sám hữu hiệu, tất cả hết thấy kinh pháp đuổi ma đều nhằm giúp quý vị khôi phục cái tâm thanh tịnh, chẳng khôi phục được cái tâm thanh tịnh thì chẳng đuổi ma được. Người tin được bèn có phước, người không tin bèn đánh mất lợi ích thù thắng của việc tu học hạnh nguyện Phổ Hiền.

Chánh kinh:

Thị cố nhược nhân tụng thử nguyện giả, hành u thế gian vô hữu chướng ngại, như không trung nguyệt, xuất u vân ế. Chư Phật, Bồ Tát chi sở xưng tán, nhất thiết nhân thiên giai ưng lễ kính, nhất thiết chúng sanh tất ưng cúng dường. Thử thiện nam tử, thiện đắc nhân thân, viên mãn Phổ Hiền sở hữu công đức, bất cứu đương như Phổ Hiền Bồ Tát, tốc đắc thành tựu vi diệu sắc thân, cụ tam thập nhị đại trượng phu tướng. Nhược sanh nhân thiên, sở tại chi xứ, thường cư thắng tộc, tất năng phá hoại nhất thiết ác thú, tất năng viễn ly nhất thiết ác hữu, tất năng chế phục nhất thiết ngoại đạo, tất năng giải thoát nhất thiết phiền não, như sư tử vương tồ phục quần thú, kham thọ nhất thiết chúng sanh cúng dường.

(Vì thế, nếu ai tụng nguyện này đi trong thế gian chẳng bị chướng ngại, như vàng trắng trên không ra khỏi mây phủ, được chư Phật, Bồ Tát khen ngợi, hết thấy trời người đều nên lễ kính, hết thấy chúng sanh thấy nên cúng dường. Thiện nam tử ấy khéo được thân người, viên mãn tất cả công đức của Phổ Hiền, chẳng bao lâu sẽ như Phổ Hiền Bồ Tát, mau được thành tựu sắc thân vi diệu, đủ ba mươi hai tướng đại trượng phu. Nếu sanh trong trời người, ở bất cứ đâu, thường sanh trong dòng họ cao quý, thấy có thể phá

hoại hết thầy đường ác, đều có thể xa lìa hết thầy bạn ác, đều có thể chế phục hết thầy ngoại đạo, đều có thể giải thoát hết thầy phiền não, như sư tử chúa lân áp muôn thú, đáng nhận sự cúng dường của hết thầy chúng sanh)

Toàn văn Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm gồm bốn mươi quyển, mười đại nguyện vương thuộc cuốn cuối cùng, chỉ chiếm 1/40 của phẩm này. Hoàng Nhất đại sư lấy Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm làm khóa lễ sáng tối. Nếu ai có thể đọc tụng mười đại nguyện vương đây, tu hành theo đúng phương pháp trong bộ kinh này, thì trong thế gian này, người đó làm bất cứ việc gì chẳng bị chướng ngại; bởi lẽ trí huệ, phước đức viên mãn của người ấy thường lộ rõ trong sanh hoạt thường nhật. Đã thế, người ấy “*được hết thầy chư Phật, Bồ Tát khen ngợi, hết thầy trời người đều nên lễ kính*”. Phật, Bồ Tát xung dương khen ngợi quý vị, trời người tất nhiên cũng tôn kính người có đạo đức, học vấn. Đối với quý vị, họ tỏ ra lễ độ bởi quý vị là một đệ tử Phật tu học hạnh nguyện Phổ Hiền.

Không những thế, trong lục đạo, quý vị “*thường sanh trong dòng họ cao quý*”. Những chỗ quý vị sanh sống qua lại nhất định đều thuộc chủng tộc thù thắng, “*có thể phá hoại hết thầy đường ác, xa lìa hết thầy bạn ác, chế phục hết thầy ngoại đạo, giải thoát hết thầy phiền não, đáng nhận sự cúng dường của hết thầy chúng sanh*”. Lợi ích thật thù thắng! Tâm quý vị, sự tu trì của quý vị đều thuộc Bồ Đề chánh đạo, tự nhiên phá được hết thầy đường ác, xa lìa hết thầy bạn ác, bởi chí thú của họ khác với quý vị, nhất định chẳng thể cùng quý vị qua lại, nên chẳng bị họ gây chướng ngại. Quý vị có đạo đức, học vấn, biện tài, nhất định sẽ khuất phục được hết thầy ngoại đạo, đủ sức giải thoát hết thầy phiền não.

Bởi vậy, vị Bồ Tát như thế sống trong thế gian có thể tiếp nhận hết thầy chúng sanh cúng dường, bởi lẽ Ngài là phước điền của hết thầy chúng sanh. Chúng sanh chẳng cúng dường, Ngài bèn chẳng trụ thế, Ngài qua xứ khác, sanh tử tự tại. Không gian sanh hoạt của Ngài chẳng giống với chúng ta. Không gian sanh hoạt của chúng ta rất nhỏ, chỉ là một quả địa cầu mà thôi, không cách nào ra ngoài địa cầu được. Không gian hoạt động của chư Phật, Bồ Tát là tốt cùng hư không, trọn pháp giới, không cách gì tưởng tượng được.

Gặp hạng người như vậy, nếu ta chẳng cúng dường, cung kính, khéo học theo, họ sẽ đi mất, chẳng ở lại chốn này. Cúng dường là cúng dường bằng cách tu hành đúng theo lời dạy, nhất định phải tiếp nhận sự răn dạy, chỉ dẫn của họ, đó là điều trọng yếu nhất. Nếu không tu hành đúng như lời dạy, dù

có cứng đờng vật chất nồng hậu, họ cũng chẳng chịu ở lại nơi đây, bởi họ chẳng mong cầu hưởng thụ. Chỉ có một lý do khiến họ ở lại nơi đây: Tại chỗ này có rất nhiều người thật sự học theo họ, nên họ nhất định phải ở lại đây.

Chánh kinh:

Hưu phục thị nhân, lâm mạng chung thời, tối hậu sát-na, nhất thiết chư căn tất giai tán hoại, nhất thiết thân thuộc tất giai xả ly, nhất thiết oai thể tất giai thoái thất, phụ tướng, đại thân, cung thành nội ngoại, tượng, mã, xa thặng, trân bảo, phục tạng, như thị nhất thiết vô phục tướng tùy. Duy thử nguyện vương, bất tướng xả ly, ư nhất thiết thời, dẫn đạo kỳ tiền, nhất sát-na trung, tức đắc vãng sanh Cực Lạc thế giới. Đáo dĩ, tức kiến A Di Đà Phật, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Quán Tự Tại Bồ Tát, Di Lặc Bồ Tát đẳng, thử chư Bồ Tát sắc tướng đoan nghiêm, công đức cụ túc, sở cộng vi nhiều. Kỳ nhân tự kiến sanh liên hoa trung, môn Phật thọ ký.

Đắc thọ ký dĩ, kinh ư vô số bách thiên vạn ức na-do-tha kiếp, phổ ư thập phương bất khả thuyết bất khả thuyết thế giới, dĩ trí huệ lực, tùy chúng sanh tâm, nhi vi lợi ích. Bất cửu đương tọa Bồ Đề đạo tràng, hàng phục ma quân, thành Đẳng Chánh Giác, chuyển diệu pháp luân, năng linh Phật sát cực vi trần số thế giới chúng sanh, phát Bồ Đề tâm, tùy kỳ căn tánh giáo hóa thành thực, nãi chí tận ư vị lai kiếp hải, quảng năng lợi ích nhất thiết chúng sanh.

(Lại khi người ấy lâm chung, vào sát-na tối hậu, hết thấy các căn thấy đều tan hoại, hết thấy thân thuộc thấy đều bỏ lìa, hết thấy oai thể thấy đều lui mất, phụ tướng (5), đại thân, cung điện, thành quách trong ngoài, voi, ngựa, xe cộ, trân bảo, kho đụn, hết thấy những thứ như thế không gì theo mình nữa. Chỉ có mỗi nguyện vương này chẳng bỏ lìa, trong hết thấy thời nó thường dẫn đường đằng trước, trong một sát-na liền được vãng sanh thế giới Cực Lạc. Đến nơi rồi, liền thấy A Di Đà Phật, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Quán Tự Tại Bồ Tát, Di Lặc Bồ Tát v.v... Các đại Bồ Tát ấy sắc tướng đoan nghiêm, công đức trọn đủ, cùng chung vây quanh. Người ấy tự thấy sanh trong hoa sen, được Phật thọ ký.

Được thọ ký rồi, trải qua vô số trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp, khắp trong mười phương bất khả thuyết bất khả thuyết thế giới, dùng sức trí huệ, tùy tâm chúng sanh để làm lợi ích. Chẳng bao lâu sẽ ngồi nơi Bồ Đề Đạo Tràng (6), hàng phục ma quân, thành Đẳng Chánh Giác, chuyển pháp luân

màu nhiệm, có thể làm cho chúng sanh trong các thế giới nhiều như số cực vi trần trong một cõi Phật phát tâm Bồ Đề, tùy theo căn tánh mà giáo hóa thành thực, cho đến tột cùng biến vị lai kiếp, có thể rộng lợi ích hết thảy chúng sanh).

Phổ Hiền Bồ Tát lại dạy chúng ta một việc rất trọng yếu. Cổ đức chú giải kinh văn thường trích dẫn đoạn kinh này. Do đó biết đoạn kinh văn này rất trọng yếu. Đối với người niệm Phật cầu vãng sanh, nó lại càng trọng yếu hơn nữa. Sát-na tối hậu khi lâm chung (tức vào lúc hơi thở cuối cùng) là lúc quan trọng nhất của lúc sanh tử, thần thức ly khai thân thể (nói theo thể tục là “linh hồn lìa khỏi nhục thân”), nhục thân bị hủy hoại, hư nát. Điều này cho thấy thân thể vô cùng mỏng manh.

Người nhà, quyến thuộc ân ái sâu nặng cách mấy đến lúc này cũng chẳng thể không chia lìa, một phen xa nhau vĩnh viễn, đời sau chẳng gặp lại được nữa. Dẫu đời sau có gặp lại nhau, cả mình lẫn người đều đã thay đầu đổi mặt, có gặp cũng chẳng nhận ra. Bởi thế, duyên thế gian phải nhạt dần, chớ quá chấp trước; thế nhưng phải sẵn sóc hết thảy chúng sanh chu đáo, đây là Bồ Tát hạnh, tâm địa thanh tịnh chẳng bị nhiễm.

Lúc còn sống, anh hùng, hảo hán, oai phong lẫm lẫm, chết đi, thứ gì cũng chẳng còn, chỉ vừa vùi xuống đất, hết thảy oai thế mất sạch. Tại thế gian làm đế vương, chết đi, đại thần cũng chẳng thể đi theo. Ở trong cung điện, phương tiện di chuyển là voi, ngựa, xe cộ, chẳng mang theo được thứ gì. Lúc còn sống thâu chứa bao nhiêu của cải quý báu, cũng chẳng mang theo được gì. Thân thể còn phải mục nát, hưởng hồ những thứ ngoài thân!

Thấy thấu suốt những sự tình đó, sẽ chẳng lưu luyến hết thảy pháp thế gian. Chẳng còn tham ái, tâm quý vị sẽ thanh tịnh rất nhiều. Tâm thanh tịnh bèn sanh trí huệ, bèn hiểu trong thế gian nên làm người như thế nào, nên làm những chuyện gì, tự nhiên giống như Phật, Bồ Tát: Trong thế gian này chẳng vì chính mình, mà vì chúng sanh. Sanh ra chẳng mang theo cái gì đến, chết đi chẳng mang được cái gì đi, chỉ trần trụi một thân, cho nên chẳng vì chính mình. Công đức chân thật chỉ là lợi ích chúng sanh.

“Chỉ có nguyện vương này chẳng hề bỏ lìa”: Có thể mang theo công đức chính mình đã tu hành, chẳng hề lìa bỏ. Bởi lẽ, công đức do chân tâm tu, chẳng phải do tình ý hư dối tu tập. Vì sao chẳng thể mang theo tình người thế gian được? Là vì tình ý hư dối, chẳng phải chân tâm. Từ Quyền Giáo Bồ Tát trở xuống thảy đều vận dụng tình ý hư dối, chẳng hề dụng tâm chân thật.

Bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong hội Hoa Nghiêm đều dùng chân tâm. Chân tâm vĩnh viễn chẳng biến đổi, vọng tâm biến đổi theo từng sát-na. Bất cứ thứ gì trong thế gian cũng chẳng mang theo được, bởi lẽ chúng do tình ý hư dối tạo ra.

Quý vị giúp đỡ hết thảy chúng sanh, thành tâm thành ý mà làm thì công đức, phước đức đều mang theo được. Tục ngữ có câu: *“Vạn thứ đều bỏ sạch, chỉ mỗi nghiệp theo thân”*. Mang theo thiện nghiệp vào ba đường lành (trời, người, A Tu La) hưởng quả báo, mang ác nghiệp vào ba đường ác (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh) chịu quả báo. Bồ Tát thiện nghiệp lẫn ác nghiệp đều chẳng có, dấu đoạn hết thảy ác nhưng chẳng chấp tướng đoạn ác; dấu tu hết thảy thiện nhưng chẳng chấp tướng tu thiện, tam luân thể không. Ngày ngày làm lành, ngày ngày vì mọi người, nhưng trọn chẳng chấp tướng. Bởi thế, họ mang mười đại nguyện vương đã tu hành theo được.

Chẳng những mang theo mà còn trong *“hết thảy thời”*, nguyện vương vĩnh viễn theo họ, chẳng hề tách rời, dẫn đường cho họ *“trong một sát-na, liền được vãng sanh thế giới Cực Lạc”*. Mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Đến thế giới Cực Lạc, lập tức thấy A Di Đà Phật. Bởi thế, mười đại nguyện vương là pháp tối thượng thừa để Bồ Tát tu hành. Nói cách khác, nó là hạnh viên mãn của hết thảy Bồ Tát Lục Độ. Trong mười nguyện, nguyện nào cũng viên mãn, gồm trọn Lục Độ, là hạnh viên mãn của Bồ Tát. Đến Cực Lạc, đồng thời cũng thấy Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Quán Tự Tại Bồ Tát, Di Lạc Bồ Tát v.v... Những vị Bồ Tát ấy sắc tướng đoan nghiêm, công đức trọn đủ.

Người tu mười đại nguyện vương sanh về thế giới Cực Lạc, hoa lập tức nở, đó là vãng sanh bậc thượng. Nhân vì tu hạnh nguyện Phổ Hiền, tâm lượng giống như hư không pháp giới, mỗi một nguyện đều nói: *“Hư không giới tận, chúng sanh giới tận, chúng sanh nghiệp tận, chúng sanh phiền não tận, sự tu hành này của tôi chẳng có cùng tận”*. Tâm lượng chúng ta quá nhỏ nên phải học Phổ Hiền hạnh để tâm lượng lớn ra. *“Tâm trùm thái hư, lượng khắp các cõi nhiều như cát”*, không một pháp nào chẳng gồm chứa. Tâm lượng to lớn như thế, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ thì lẽ đương nhiên phải là Thượng Phẩm Vãng Sanh.

Bởi thế, sanh về đó, hoa sen hóa sanh, hoa nở thấy Phật, được Phật thọ ký. Sau khi được Phật thọ ký, ở Tây Phương Cực Lạc thế giới nỗ lực tinh tấn cầu học, đạo sư là A Di Đà Phật, giáo thọ là mười phương chư Phật Như Lai và các vị đại Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền... Bạn đồng học là các thượng

thiện nhân. Bởi thế, về đó cầu học mau chóng phi thường, chẳng lui sụt, một đời viên mãn thành tựu. Dù khi chưa tốt nghiệp, nghĩ muốn thả bè từ thì A Di Đà Phật dùng bốn nguyện lực công đức oai thần gia trì, quý vị bèn có thể nương theo ý nguyện trở về độ sanh mà chẳng bị lui sụt, chẳng đọa vào ác đạo. Đến mười phương thế giới độ chúng sanh, năng lực giống như Quán Âm Bồ Tát, tùy lòng chúng sanh, biết rõ nên dùng thân nào để độ bèn tự hiện thân ấy để độ. Nên dùng thân Phật để độ thì chính mình cũng có thể thị hiện tám tướng thành đạo giống như Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành Phật trong thế gian này. Chỉ cần sanh về thế giới Cực Lạc, được gặp gỡ Phật A Di Đà bèn có năng lực ấy. Năng lực ấy là do Phật gia trì, bởi chúng ta thật sự là học trò của Phật A Di Đà, hết thầy chư Phật, Bồ Tát đều giúp đỡ quý vị. Long thiên hộ pháp thần cũng đều hộ trì quý vị.

Nếu chẳng nghiêm túc nỗ lực tu học thì chẳng thể buông xuống vạn duyên, đối với pháp môn này vẫn nửa tin nửa ngờ, chẳng hoàn toàn tin tưởng. Nếu hiểu rõ chân tướng sự thật, nghi tình sẽ đoạn, tín tâm kiên lập. Pháp môn này chẳng khó tu. Đến lúc ấy mới là chân chánh báo ân Phật, báo ân cha mẹ, báo ân chúng sanh vì quý vị có năng lực lợi ích hết thầy chúng sanh.

3. Khuyến chúc thọ trì

Chánh kinh:

Thiện nam tử! Bĩ chư chúng sanh nhược văn, nhược tín thử đại nguyện vương, thọ trì, đọc tụng, quảng vị nhân thuyết, sở hữu công đức trì Phật Thế Tôn, dư vô tri giả. Thị cô nhữ đẳng văn thử nguyện vương, mặc sanh nghi niệm, ưng đương để thọ. Thọ dĩ năng đọc, đọc dĩ năng tụng, tụng dĩ năng trì, nãi chí thư tả, quảng vị nhân thuyết. Thị chư nhân đẳng u nhất niệm trung, sở hữu hạnh nguyện giai đắc thành tựu, sở hoạch phước tụ vô lượng vô biên; năng u phiền não đại khổ hải trung, bạt tế chúng sanh, linh kỳ xuất ly, giai đắc vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc thế giới.

(Này thiện nam tử! Các chúng sanh đó nếu nghe hoặc tin đại nguyện vương này, thọ trì, đọc tụng, rộng nói cho người, có được công đức trì Phật Thế Tôn ra, không ai biết được! Vì thế các ông nghe nguyện vương này chớ sanh lòng ngờ, phải nên chân thật nhận lấy, nhận rồi nên đọc, đọc rồi nên tụng, tụng rồi nên trì, cho đến biên chép, rộng nói cho người. Những người ấy trong một niệm, tất cả hạnh nguyện đều được thành tựu, đạt được khỏi

phước vô lượng vô biên, có thể ở trong biển khổ phiền não lớn cứu vớt chúng sanh khiến họ được xuất ly, đều được vãng sanh thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà).

Đoạn kinh này rất trọng yếu, cỡ vĩ chúng ta rất lớn. Ở đây, Bồ Tát nói: Nếu chúng ta nghe được pháp môn này, nghe xong bèn có thể tin tưởng, có thể tiếp nhận, thọ trì, đọc tụng, rộng nói cho người khác, thì đạt được công đức lớn lao không gì sánh ví được, chỉ mình đức Phật biết nổi thôi. Thọ trì: Thọ là tiếp nhận, Trì là làm theo. Như với “*lễ kính chư Phật*” bèn làm theo, dù chẳng thể thực hiện viên mãn, vẫn nỗ lực làm, nỗ lực học theo. Đối với người khác, ta đều dùng cái tâm cung kính, tâm chân thành; đối với sự, bất luận chuyện lớn, việc nhỏ, ta đều nỗ lực chịu trách nhiệm thực hiện, hoàn thành sự việc ấy thật tốt đẹp. Đối với vật, lau chùi bàn ghế sạch sẽ, sắp xếp ngay ngắn, đó là cung kính đối với vật. Như thế mới là chân chánh thọ trì Phổ Hiền hạnh.

“*Xưng tán Như Lai*”: Ai có chuyện gì lợi ích cho chúng sanh, ta phải khen ngợi, ai làm chuyện gì không tốt, ta đừng nói, [ấy là] “*ẩn điều ác, nêu điều lành*”. Người xấu làm chuyện xấu có tâm hổ thẹn, cảm thấy khó chịu; họ làm chút việc tốt nào, mọi người khen ngợi; làm việc xấu, mọi người tha thứ, đều không nhắc đến, trong tâm họ bèn hổ thẹn; lâu ngày chầy tháng sẽ sửa đổi lỗi lầm, biến thành người tốt. Ác nhân tự có ác báo, chẳng phiền chúng ta phải tuyên dương. Đoạn kinh này dạy chúng ta phải tin tưởng, thọ trì, đọc tụng, đó là tự tu, tự hành. Ngoài ra, lại còn phải tuyên truyền, rộng nói cho người khác, kinh điển phải lưu thông, ẩn hành với số lượng lớn, in cho thật đẹp đẽ, gửi các nơi tặng cho người khác.

Khuyên người học Phật, đem tinh nghĩa, tinh thần, giáo huấn, lợi ích của Phật pháp tùy thời, tùy chỗ nói cho người khác nghe. Đối phương nghe cũng tốt, không nghe cũng được (tối thiểu là nghe lọt mấy câu vào A Lại Da Thức). Khi nhận điện thoại, cầm điện thoại lên, trước hết niệm Nam Mô A Di Đà Phật, khiến A Di Đà Phật rót vào tai đối phương, đó là độ chúng sanh, rộng vì người khác nói. Khuyên người niệm Phật ít nói chuyện nhảm nhí. Công đức tự hành hóa tha ngoại trừ chư Phật Như Lai ra, không ai hiểu nổi công đức quý vị lớn lao đến mức độ nào đâu!

“*Vì thế các ông nghe nguyện vương này, chớ sanh lòng ngờ*”: Chữ “*các ông*” chỉ mọi người chúng ta. Nghe phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện này, chẳng phải ngẫu nhiên, mà là trong đời quá khứ, vô lượng kiếp trước, quý vị đã gieo thiện căn sâu dày, nhân duyên đại phước đức, ngày nay trọn đủ, mới

có cơ hội được nghe kinh này. Phước báo chẳng đủ, chẳng được nghe; bởi thế chớ tự coi thường mình. Nghe xong, phải tin sâu chẳng nghi. Biết Phổ Hiền Bồ Tát, Tỳ Lô Giá Na Như Lai giảng trong kinh điển, câu nào cũng là lời chân thật. Chúng ta “*phải nên để thọ*” (chân thật nhận lấy). “Đế” là tường tận, cẩn thận, kỹ càng, thấy đều minh bạch, rõ ràng, hiểu rõ, tiếp nhận hoàn toàn.

Sau khi tiếp nhận, bước công phu thứ nhất là đọc kinh, đọc rồi phải tụng thuộc, tụng thuộc rồi phải thực hiện. Đọc thuộc, nhớ kỹ rồi, trong sanh hoạt thường nhật, khởi tâm động niệm, hết thấy hành vi đều phải suy nghĩ. Chẳng hạn như, lau cái bàn nghĩ mình đang lễ kính chư Phật. Cái bàn là Phật, chúng ta phải lau cho thật sạch sẽ, rất cung kính nghiêm túc làm công việc ấy. Bất luận làm việc gì đều phải thành tâm, thành ý. Có tâm cung kính, có ý chân thành, việc gì mà chẳng làm tốt được? Chẳng thể tụng thuộc thì tu hành chẳng có tiêu chuẩn, chẳng có nguyên tắc; bởi thế, nhất định phải tụng thuộc kinh điển, sau đó đem những điều ấy thực hiện.

Làm được rồi, chính mình sẽ được thật sự thọ dụng lợi ích chân thật. Lợi ích ấy là phiền não nhẹ đi, trí huệ tăng trưởng, một ngày từ sáng đến tối khoái lạc khôn sánh. Tự mình có thể cảm nhận mình là người sung sướng hạnh phúc mỹ mãn bậc nhất trên thế giới, pháp hỷ sung mãn. Trong thế giới này, đã đầy đủ chân thiện mỹ huệ thì sanh mạng, cuộc sống của quý vị thật sự sung mãn. Chỉ những ai thật sự có công phu tu trì trong Phật pháp mới được sung mãn. “*Cho đến biên chép, rộng nói cho người*” là khuyên người. Phải lưu thông Phật pháp, tuyên truyền Phật pháp, đó là trách nhiệm của người đệ tử Phật. Chiếu theo pháp môn này mà tự hành, hóa tha, tận tâm tận lực thực hiện. Phải tự mình tận tâm tận lực tu hành và cũng phải tận tâm tận lực lưu thông, tuyên truyền.

Người như vậy, trong một niệm, tất cả hạnh nguyện đều được thành tựu. Đó là sự thật, kinh Đại Thừa từng nói đến: “*Một tức là hết thấy, hết thấy tức là một*”. Bởi tâm lượng quý vị viên mãn, bất cứ một hạnh nào cũng đều từ chân tâm, viên mãn tâm mà phát khởi. Một niệm phát khởi từ cái tâm viên mãn, há lẽ chẳng có đạo lý viên mãn? Há lẽ chẳng có đạo lý trọn khắp? Đây là cảnh giới Hoa Nghiêm, rất khó lãnh hội, rất khó hiểu, là sự thật chân chánh. Phước báo quý vị đạt được vô lượng vô biên. Cầu vô biên phước thù thắng từ nơi đây.

Nếu dùng các thứ vàng bạc, của cải để bố thí cầu phước, sẽ cầu được phước báo nhỏ nhoi, chẳng phải là tu đại phước rốt ráo viên mãn. Đại phước

rốt ráo viên mãn phải nhờ vào Phổ Hiền hạnh mới đạt được, mới có thể viên mãn thành tựu. Đối với hết thảy chúng sanh trong biển khổ phiền não, quý vị cũng có năng lực giống như chư Phật, Bồ Tát, giúp đỡ họ xử lý, dẫn dắt họ niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ thì Phổ Hiền hạnh nguyện mới đạt đến viên mãn.

II. Trùng tụng

Chánh

kinh:

Nhĩ thời, Phổ Hiền Bồ Tát Ma Ha Tát dục trùng tuyên thử nghĩa, phổ quán thập phương, nhi thuyết kệ ngôn:

(Lúc bấy giờ, Phổ Hiền Bồ Tát Ma Ha Tát muốn trùng tuyên nghĩa này, nhìn khắp mười phương, bèn nói kệ (7) rằng)

Kệ tụng giống như thi ca của Trung Quốc. Ở đây là loại kệ tụng bảy chữ, mỗi câu có bảy chữ, cứ bốn câu là một kệ. Tổng cộng có sáu mươi hai bài. Phần đầu là Trùng tụng đem hết thảy mười đại nguyện vương nhắc lại một lượt. Trong nhà Phật, thể lệ này rất nhiều, có hai dụng ý:

1) Phật giảng kinh, thính chúng tự do tham gia, có kẻ đến trước, người đến sau. Người đến sau cùng chưa nghe được những điều đã giảng mấy hôm trước, Phật rất từ bi, dùng kệ tụng để đơn giản nhắc lại những điều trọng yếu một lần nữa.

2) Kinh văn phải tụng thuộc, sợ kẻ độn căn khó thuộc nổi phần Trường Hàng, kệ tụng có thể dùng để xướng tụng, dễ ghi nhớ.

1. Tụng mười đại nguyện vương

1.1. Kệ tụng lễ kính chư Phật

Chánh kinh:

Sở hữu thập phương thế giới trung,

Tam thế nhất thiết Nhân Sư Tử,

Ngã dĩ thanh tịnh thân ngữ ý,

Nhất thiết biến lễ tận vô dư,

Phổ Hiền hạnh nguyện oai thần lực,

Phổ hiện nhất thiết Như Lai tiền,

Nhất thân phục hiện sát trần thân,

Nhất nhất biến lễ sát trần Phật.

(Trong tất cả mười phương thế giới,

Ba đời hết thấy Nhân Sư Tử,

Tôi dùng thân - ngữ - ý thanh tịnh,

Lễ khắp hết thấy chẳng còn sót,

Sức oai thần hạnh nguyện Phổ Hiền,

Hiện trước khắp hết thấy Như Lai,

Mỗi thân lại hiện sát trần (8) thân,

Mỗi mỗi lễ khắp sát trần Phật)

Bài tụng thứ nhất là “lễ kính chư Phật”. “Mười phương thế giới” là vô lượng vô biên các cõi Phật. Chúng ta lễ kính ai? Lễ kính “ba đời hết thấy Nhân Sư Tử”. Ba đời: đời quá khứ, đời hiện tại, đời vị lai. Nhân Sư Tử là Phật. Trong kinh Phật thường dùng chữ “*nhân trung sư tử*” (sư tử trong loài người) để ví đức Phật. Mười phương tam thế hết thấy Phật đều là đối tượng để chúng ta lễ kính. Phật dạy: “*Hết thấy chúng sanh vốn sẵn là Phật*”. Phàm những hiện tượng do các duyên hòa hợp mà sanh khởi đều gọi là “chúng sanh”. Hữu tình chúng sanh do các duyên Tứ Đại, Ngũ Uẩn hòa hợp; vô tình chúng sanh (thực vật, khoáng vật) cũng do các duyên hòa hợp, bởi thế cũng là chúng sanh. Kinh Hoa Nghiêm chép: “*Tình và vô tình cùng viên mãn Chứng Trí*”.

Vì sao nói “chúng sanh vốn đã là Phật”? Điều này thuộc về mối quan hệ giữa Tánh và Tướng. Phàm mọi Tướng đều do Tánh biến hiện. Phật là Tâm. Hết thấy hiện tượng chỉ do Tâm hiện, do Thức biến. Tâm chính là Phật, Phật chính là Tâm. Hữu tình chúng sanh có Phật tánh, vô tình chúng sanh có pháp tánh. Pháp tánh và Phật tánh cùng một tánh, chỉ là danh từ bất đồng.

Chúng ta đối với người, đối với sự, đối với vật đều phải thường tu cung kính, phải hoàn toàn cung kính giống hết như cung kính đức Phật. Ở nhà phải hiếu kính cha mẹ, ở trường phải lễ kính sư trưởng, dần dần mở rộng lòng lễ kính đến thân thích, quyến thuộc, cho đến hết thầy chúng sanh. Chẳng những mở rộng sự lễ kính đến hết thầy chúng sanh hữu tình mà còn phải mở rộng đến hết thầy chúng sanh vô tình. Trong con mắt người tu hành, giá nến, lư hương, bàn ghế, mọi thứ đều là Phật cả, đều phải cung kính. Bàn ghế lau chùi sạch sẽ, sắp xếp chỉnh tề, là tỏ lòng cung kính đối với chúng nó. Sách đặt trên bàn phải thứ tự chỉnh tề; nếu quăng vứt lung tung là bất kính vậy. Phật pháp kiến lập trên cơ sở tâm cung kính, phải cung kính với hết thầy, bình đẳng cung kính, thanh tịnh cung kính. Dầu cung kính đối với hết thầy, nhưng tâm địa thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần.

“*Tôi dùng thân ngữ ý thanh tịnh*” để biểu đạt lòng cung kính. Ba nghiệp thân - ngữ - ý thanh tịnh là cung kính chân chánh.

“*Lễ khắp hết thầy chẳng còn sót*”: đối với tam thế chư Phật, quý vị lễ một vị tức là lễ toàn bộ hết thầy. Vì sao vậy? Bởi tâm thanh tịnh chẳng có giới hạn. Tâm thanh tịnh là chân tâm, chân tâm tốt cùng hư không, trọn khắp pháp giới, chẳng có giới hạn. Bởi thế lễ một đức Phật là lễ hết thầy Phật, cung kính một đức Phật là cung kính hết thầy Phật. Ba nghiệp thân - ngữ - ý thanh tịnh, niệm niệm đều là lễ kính, chẳng phải là lễ Phật một cách hình thức.

Lễ Phật hình thức là mới học, đặc biệt là kẻ nghiệp chướng nặng nề, một ngày lễ ba ngàn lạy để tu thân - ngữ - ý thanh tịnh. Lễ Phật cũng là sám hối, để sám trừ tội nghiệp bất kính đối với hết thầy Phật, Bồ Tát và chúng sanh trong quá khứ. Lúc lễ Phật, tâm phải thanh tịnh, tâm phải không, chớ nên ôm đờm lấm nổi, tâm phải một niệm chẳng sanh (“*bỏn lai vô nhất vật*”), thân phải chiếu theo nghi thức mà làm. Lạy Phật là vận động, cũng là một phương pháp dưỡng sanh tốt nhất.

Trong sách Ảnh Trần Hồi Úc Lục có chép mẩu chuyện sau: Năm Dân Quốc thứ nhất (1911), thầy Hương Đăng chùa A Dục Vương là người rất chất phác. Thầy Hương Đăng trông nom đèn đuốc, thắp hương. Mùa Hạ, khí trời nóng bức, người khác nói đùa:

- Thầy Hương Đăng! Người ta phơi sách, phơi y phục, thầy cũng nên đem nến ra phơi đi, nếu không chẳng giữ được lâu đâu!

Thầy đem nển ra phơi thật, nển chảy tan hết. Lão hòa thượng dặn thầy một ngày lễ Phật ba ngàn lạy để tu tâm thanh tịnh. Thầy lễ ba năm bèn ngộ.

“Sức oai thần hạnh nguyện Phổ Hiền”: Chỉ cần chiếu theo phương pháp lý luận trong kinh này mà tu hành, quý vị sẽ là Phổ Hiền Bồ Tát, là Phổ Hiền Bồ Tát tối sơ phát tâm. Trong thế giới Hoa Nghiêm có vị Đẳng Giác Phổ Hiền Bồ Tát, nhưng vị Phổ Hiền ấy cũng đã ở Tây Phương Cực Lạc thế giới. Quý vị tu theo pháp môn này, tương ứng với Ngài, trong vô hình thân lực của Ngài sẽ gia trì quý vị, đạt được cảm ứng đạo giao. Sức lực ấy chẳng thể nghĩ bàn, là chỗ dựa cho chúng ta tu hành.

“Hiện trước khắp hết thầy Như Lai”: Mười phương ba đời vô lượng vô biên thế giới, vô lượng vô biên chư Phật, trước mỗi đức Phật đều có thân tướng chúng ta hiện diện lễ Phật.

“Mỗi thân lại hiện sát trần thân, mỗi mỗi lễ khắp sát trần Phật”: Mỗi một thân đều lễ vô lượng vô biên đức Phật, vô lượng vô biên thân, mỗi thân lại lễ vô lượng vô biên Phật. Đây toàn là cảnh giới Hoa Nghiêm, trùng trùng vô tận, tuyệt đối chẳng phải là thần thoại, mà đều là sự thật. Nguyên lý là tâm hiện, thức biến, công năng của tâm thức chẳng thể nghĩ bàn, vô lượng vô biên, bởi thế có thể hiện các tướng như vậy. Hiểu theo một tầng ý nghĩa sâu rộng hơn thì do tâm thanh tịnh, chúng ta sẽ cùng thế giới này, mười phương ba đời hữu tình, vô tình, thế gian, xuất thế gian hòa nhập thành một thể.

Trong mười đại nguyện vương, nguyện thứ nhất là căn bản. Không có lễ kính sẽ chẳng có xưng tán. Chẳng có tâm cung kính, người xưng tán chỉ là miệng nói một đàng, tâm đi một nẻo. Toàn bộ kinh Hoa Nghiêm chỉ là học lễ kính đó thôi! Chỉ cần thực hiện được lễ kính thì chín điều sau thầy đều viên mãn. Một lời mình nói ra nhất định là khen ngợi, đãi người tiếp vật nhất định là cúng dường. Bởi thế, chúng ta học Phật là học lễ kính. Lễ kính là tánh đức, là cái chúng ta vốn sẵn có. Hiện tại, ta mê hoặc điên đảo, khởi lòng kiêu căng ngã mạn, đánh mất tánh đức. Học Phật chẳng qua là khôi phục tánh đức mà thôi.

1.2. Kệ tụng xưng tán Như Lai

Chánh kính:

Ư nhất trần trung trần số Phật,

*Các xử Bồ Tát chúng hội trung,
Vô tận pháp giới trần diệc nhiên,
Thâm tín chư Phật giai sung mãn,
Các dĩ nhất thiết âm thanh hải,
Phổ xuất vô tận diệu ngôn từ,
Tận u vị lai nhất thiết kiếp,
Tán Phật thậm thâm công đức hải.*
(Nơi trần số Phật trong một trần,
Đều ở giữa chúng hội Bồ Tát,
Pháp giới vô tận trần cũng thế,
Tin sâu chư Phật thấy sung mãn,
Đều dùng hết thấy biển âm thanh,
Thốt trọn vô tận lời nói hay,
Tột cùng hết thấy kiếp vị lai,
Khen biển công đức Phật sâu thẳm)

Bài tụng thứ hai xưng tán Như Lai. Bài kệ thứ nhất nói lên đối tượng để xưng tán. Đối tượng ấy rộng lớn, giống như phần trên đã nói chẳng khác gì, ngôn từ bất đồng cho thấy văn chương bóng bẩy.

“*U nhất trần trung trần số Phật*”: Trần đây là vi trần. Vi trần được nói trong kinh Phật, mắt thịt không thấy được; kinh Phật dùng rất nhiều ví dụ để giảng chữ “trần”. Trước hết là “ngưu mao trần”, lông bò khá thô, trên đầu sợi lông có một hạt bụi có thể dính vào đó mà không bị rớt mất [thì hạt bụi đó gọi là “ngưu mao trần”]. Chia hạt bụi đó thành bảy phần, mỗi một phần là “dương mao trần”, lông dê so ra nhuyễn hơn lông bò rất nhiều. Lại chia

dương mao trần thành bảy phần, mỗi một phần là “thổ mao trần” (bụi trên đầu sợi lông con thỏ). Thổ mao trần lại chia thành bảy phần, thì mỗi một phần gọi là “thủy trần”, có thể xuyên qua nước không trở ngại gì. Nước có mật độ, nhưng giữa các phân tử nước vẫn có khoảng trống, hạt thủy trần có thể trôi qua những khoảng trống ấy. Lại chia thủy trần thành bảy phần, mỗi một phần là “kim trần”. Mật độ (density) của kim loại rất lớn, nhìn dưới kính hiển vi vẫn có khoảng trống, kim trần có thể vượt qua những khoảng trống ấy không bị chướng ngại. Kim trần lại chia thành bảy phần thì mỗi một phần gọi là “vi trần”. Thiên nhãn của A La Hán mới thấy được vi trần. Vi trần chưa phải là nhỏ nhất, lại chia thành bảy phần nữa thì gọi là “sắc tụ vi”; lại chia thành bảy phần nữa thì gọi là “cực vi vi”, không thể chia nhỏ hơn được nữa. Phật nhãn thấy được cực vi vi.

Trần số: đem tam thiên đại thiên thế giới (Ngân Hà hệ) nghiền thành vi trần, số đến vô lượng vô biên, trong mỗi một trần lại có vi trần số chư Phật.

“*Đều ở giữa chúng hội Bồ Tát*”: Mỗi một đức Phật lại có hải hội Bồ Tát vây quanh, Bồ Tát rất nhiều.

“*Pháp giới vô tận trần cũng thế*”: Vô tận pháp giới, trong mỗi một vi trần đều có số lượng các thế giới như thế, đây là cảnh giới đích thân Phật chứng nhập. Cảnh giới ấy chẳng thể nghĩ bàn, còn gọi là Nhất Chân Pháp Giới, tức là Thật Báo Trang Nghiêm Tịnh Độ của A Di Đà Phật.

“*Tin sâu chư Phật thấy sung mãn*”: Chẳng phải là cảnh giới chúng ta, dựa vào đâu để tin chẳng nghi ngờ đây? Căn cứ vào nhân cách của Phật Thích Ca Mâu Ni, Phật chẳng nói dối. Cảnh giới đúng thật như thế, kinh Kim Cang gọi cảnh giới ấy là “*chư pháp Thật Tướng*”, chỉ có Phật và các đại Bồ Tát mới chứng được.

“*Đều dùng hết thấy biến âm thanh, thốt trọn vô tận lời nói hay*”: Tán thán đương nhiên phải sử dụng ngôn từ, dùng âm thanh. Chúng ta chỉ nghĩ dùng âm thanh để ca tụng, dùng ngôn từ khen ngợi Phật; tướng nói như thế thật ra rất thô, có vậy hàng sơ học mới có thể lãnh hội được. Nếu nói sâu hơn, chúng ta không cách chi hiểu được.

Nói đúng ra, mọi âm thanh trong thế giới đều là khen Phật, hết thấy ngôn từ không chi chẳng diệu, kể cả tiếng người chửi nhau, cãi cọ cũng thế, chúng ta không cách gì hiểu được. Có tâm đặc phẩm Quán Thế Âm Nhĩ Căn Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm mới hòng lãnh hội được! Hiện tại, chúng ta nghe có âm thanh đẹp dạ, có âm thanh thô tháo đáng chán ghét là vì chúng ta

dùng cái tâm phân biệt để nghe, dùng Ý Thức để nghe, chúng ta chỉ nghe Thanh Trần. Bồ Tát lia tâm ý thức mà nghe, nên trong hết thấy biến âm thanh, hết thấy biến ngôn từ, Ngài chẳng có tâm phân biệt, chẳng có tâm chấp trước, chẳng có tâm vọng tưởng, hoàn toàn dùng tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh nơi Nhĩ Căn gọi là Tánh Nghe. Cái được nghe bởi Tánh Nghe là Thanh Tánh, chẳng phải là Thanh Trần. Đó gọi là chân chánh tán thán đấy!

Bởi vậy, chữ người, cái cọng cũng là tán thán, điều này kỳ diệu chẳng thể diễn tả nổi, chúng ta phải tu điều này. Tu xung tán phải tu từ đây thì chúng ta mới có thể nhập cảnh giới giải thoát chẳng thể nghĩ bàn. Nếu không, suốt ngày từ sáng đến tối ca xướng, tán thán Phật, Bồ Tát, nhưng Phật, Bồ Tát vẫn là Phật, Bồ Tát, phàm phu vẫn là phàm phu. Tán thán rồi quý vị cũng biến thành Phật, Bồ Tát, như thế mới là đúng! Bởi thế, Ngài đối với thanh âm chẳng hề chọn lựa, chẳng có phân biệt, đối với ngôn từ cũng chẳng có chọn lựa. Vì thế mới là diệu ngôn, hề có chọn lựa thì chẳng còn diệu nữa! Hết thấy âm thanh ngôn từ đều lưu xuất từ pháp tánh, lại quy vào pháp tánh. Người bình phàm vừa nghe liền khai ngộ kiến tánh là vì họ dùng cái Tánh Nghe để nghe Thanh Tánh, dùng Tánh Thấy để thấy Sắc Tánh.

Dù nói đến sáu tánh nơi sáu căn, cũng như sáu tánh nơi sáu trần; thật ra, tánh chỉ là một, nhất định chẳng có hai tánh thì mới gọi là tu cái nguyện “xung tán”. Xung tán là đào luyện tâm thanh tịnh từ nơi âm thanh, lễ kính là luyện tâm thanh tịnh từ nơi hết thấy người, vật, sự tướng. Lễ kính là thanh tịnh, tán thán cũng là thanh tịnh. Mỗi một đại nguyện điều nào cũng nói đến thanh tịnh, tu tâm thanh tịnh từ những điều đó nên pháp môn này gọi là Đại Bất Tư Nghị Pháp Môn. Chỗ nào cũng dạy chúng ta minh tâm kiến tánh, chỗ nào cũng dạy chúng ta nhất tâm bất loạn.

“*Tột cùng hết thấy kiếp vị lai*”: Thời gian tu hành chẳng gián đoạn, trong quá trình tu hành chẳng có kỳ hạn, sau khi tu hành viên mãn mới có kỳ hạn. Vì thế, Phật, Bồ Tát mới chứng viên mãn ba thứ Bất Thoái. Có kỳ hạn là có lúc kết thúc, pháp môn này vô thủ cũng vô chung. Chư vị nghĩ kỹ xem: Tu tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh có đầu có cuối chẳng? Tâm thanh tịnh chẳng có đầu lẫn cuối!

Duy Thức nói: “*Phương phân, thời phân, đều là hành pháp bất tương ưng*”. Phương phân là không gian, Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phương bàng, trên, dưới. Thời phân là thời gian, quá khứ, hiện tại, vị lai. Có những sự tình đó, dầu là có, nhưng chỉ là khái niệm trừu tượng, chẳng phải là sự thật cụ thể, nhưng đối với khái niệm trừu tượng chúng ta thường lầm lẫn, coi chúng

là thật, tựa hồ thật sự có những sự tình đó; kỳ thật, chúng nào có. Phá được cái ảo đó, tức là phá được cả không gian lẫn thời gian, thì mới là giải thoát rốt ráo. Tâm thanh tịnh chẳng có mười phương, chẳng có ba đời, cho nên mới nói: *“Tột cùng vị lai hết thấy kiếp”*. Cách nói như vậy, đối với người sơ học thật không gì cổ vũ lớn hơn nữa, chúng ta phải hiểu rõ sự thật này, phải tinh tấn nỗ lực không ngừng, chẳng nên giải đãi, chẳng được thoái chuyển.

“Khen biển công đức Phật sâu thẳm”: công đức Phật vô lượng vô biên, tán thán chẳng thể cùng tận. Nói trên mặt Sự, lễ kính bao gồm hết thấy chúng sanh, chúng sanh đều có Phật tánh, hết thấy chúng sanh vốn là Phật. Bởi thế phải lễ kính hết, chẳng được phân biệt, chấp trước, phải dùng cái tâm thanh tịnh, bình đẳng để tu. Xưng tán thì phải coi là xứng tánh hay không xứng tánh, cũng phải xét là thiện hay ác. Chư vị phải biết thiện - ác là bình đẳng, chân - vọng, tà - chánh cũng là bình đẳng, chẳng có pháp nào không bình đẳng. Vì sao xưng tán phải phân biệt? Đối với Pháp Thân đại sĩ mà nói thì là bình đẳng, nhưng đối với phàm phu chúng ta bèn có sai biệt.

Trong phần Trường Hàng nói “xưng tán Như Lai”, nhưng phần kệ tụng nói “xưng tán Phật” chứ không xưng tán Như Lai. Ở đây là cảnh giới Bồ Tát, là bình đẳng, gọi là Nhất Chân Pháp Giới. Phần Trường Hàng có phân biệt là vì nói với chúng ta. Tâm chúng ta bất bình đẳng, có chân - vọng, tà - chánh, thị - phi, thiện - ác; chúng ta chẳng tán thán ác pháp, tán thán thiện pháp. Trong Kệ Tụng là pháp bình đẳng, phần Trường Hàng là pháp sai biệt, là nhân quả sai biệt. Phật thuyết pháp thật xảo diệu thay!

1.3. Kệ Tụng Quảng Tu Cúng Dường

Chánh kinh:

Dĩ chư tối thắng diệu hoa man,

Kỹ nhạc, đồ hương, cập tán cái,

Như thị tối thắng trang nghiêm cụ,

Ngã dĩ cúng dường chư Như Lai,

Tối thắng y phục, tối thắng hương,

Mạt hương, thiêu hương, dũ đăng, chúc,

**Nhất nhất giai như Diệu Cao tu,
Ngã tất cúng dường chư Như Lai,
Ngã dĩ quảng đại thắng giải tâm,
Thâm tín nhất thiết tam thế Phật,
Tất dĩ Phổ Hiền hạnh nguyện lực,
Phổ biến cúng dường chư Như Lai.**

*(Dùng các tràng hoa đẹp tối thắng,
Âm nhạc, hương bôi, và tàn, lọng,
Đồ trang nghiêm tối thắng như thế,
Tôi dùng cúng dường các Như Lai.
Y phục tối thắng, hương tối thắng,
Hương bột, hương đốt, và đèn đuốc,
Mỗi thứ chất như núi Tu Di,
Tôi đều cúng dường các Như Lai.
Tôi dùng tâm thắng giải rộng lớn,
Tin sâu hết thấy ba đời Phật,
Đều dùng sức hạnh nguyện Phổ Hiền,
Cúng dường trọn khắp các Như Lai)*

Bài tụng thứ ba là Quảng Tu Cúng Dường. Cúng dường là bố thí, bố thí là dạy chúng ta tu Xả, dạy chúng ta buông xuống. Nhất định phải tu cúng dường, buông hết thấy thân tâm thế giới xuống. Cúng dường chư Phật, cúng dường chúng sanh, cúng dường pháp giới, hết thấy đều cúng dường. Đem trí huệ, sức lực, của cải, kỹ năng của mình cống hiến cho xã hội, vì hết thấy chúng sanh phục vụ, chẳng cần báo đáp. Công đức của cúng dường bố thí là

đoạn trừ phiền não; tâm keo kiệt tham ái, tâm ưu lự, tâm vương mắc đều chẳng còn nữa, rất tự tại! Hiện thời quý vị có tiền nhưng chẳng tự tại, có địa vị nhưng chẳng tự tại, là do trong tâm quý vị còn vương mắc, ưu lự, phiền não. Đức Phật dạy chúng ta bố thí tức là dạy cho chúng ta cách đạt đại tự tại.

Đại tự tại là chân khoái lạc, chân hạnh phúc. Có lẽ có người sợ rằng hết thầy thân tâm thế giới đều buông bỏ hết, thì còn được cái gì nữa? Làm sao sống nữa đây? Đúng vậy! Đời người chẳng cần phải sống nữa, đời sống lục đạo chẳng cần trải qua nữa, mà là sống đời của Phật, của Bồ Tát. Sống đời của Phật, của Bồ Tát thì như người trong thế giới Cực Lạc nghĩ đến ăn món gì, vừa mới nghĩ thì thứ mình nghĩ tưởng đã hiện ra trước mắt, chẳng cần phải nấu nướng, muốn mặc y phục gì, chẳng cần phải may vá, trong tâm vừa tưởng, y phục liền khoác trên thân, đó là cuộc sống của Phật, Bồ Tát. Nghĩ muốn ở trong nhà cửa theo cách thức nào, mình đã ở trong nhà như thế rồi. Muốn nhà lớn thêm một chút, nhà liền lớn thêm một chút. Nghĩ muốn nhỏ đi chút, nó liền nhỏ lại. Không điều gì chẳng vừa ý người. Vì sao cuộc sống được tự tại như thế? Là vì họ chẳng có ưu lự, vương mắc, phiền não. Tin tưởng nhân duyên quả báo, tu bố thí cúng dường, trong một đời này sẽ được phước báo vô lượng, có thể tu đến mức hữu cầu tất ứng, ngay cả thọ mạng còn có thể kéo dài, huống chi là bệnh khổ?

Hai bài kệ này nói về các thứ đề cúng dường. “*Tối thắng*” nghĩa là tốt đẹp nhất. “*Man*” là tràng hoa. “*Diệu hoa*”: chẳng phải loại hoa tầm thường mà còn hàm chứa pháp nghĩa trong ấy, đây là diệu. Tu hành giống như nở hoa, tương lai nhất định chứng quả. Trông thấy hoa bèn nghĩ ta phải tu hành. Hoa tượng trưng Lục Độ Vạn Hạnh; trong kinh này Hoa tượng trưng cho mười Ba La Mật, mười đại nguyện vương. Trông thấy hoa, phải nghĩ tu mười độ, hạnh nguyện Phổ Hiền. Diệu hoa nghĩa là từ nơi hoa ấy, quý vị bèn khởi giác quán.

“*Kỹ nhạc*” là âm nhạc ca vũ. Người Tiểu Thừa phiền não nặng nên pháp Tiểu Thừa cấm ngặt âm nhạc ca múa; pháp Đại Thừa xướng ca, nhảy múa cúng dường Phật. Tuy dùng kỹ nhạc cúng dường, tâm Phật, Bồ Tát quyết định thanh tịnh. Dùng tâm thanh tịnh để diễn tấu, để lắng nghe, không gì chẳng phải là minh tâm kiến tánh. “*Đồ hương*” (hương bôi): hương bôi trên thân, giống như nước hoa. “*Tán cái*” (tàn lọng): Tán để che mát, lọng để ngăn bụi. Tâm địa phải thanh lương, phải chẳng nhiễm mảy trần, tàn lọng thể hiện ý nghĩa đó.

“Đồ trang nghiêm tối thắng như thế, tôi dùng cúng dường các Như Lai”: Các vật cúng dường như trên vừa nói, số lượng thật rất nhiều. Những vật cúng dường ấy, Phật chớ hề cần đến. Ở đây dùng chữ *“Như Lai”* chứ không dùng chữ *“Phật”*. Nói Phật là từ sự tướng, nói Như Lai là từ Tánh (bản tánh) mà nói. Tôi cúng dường Như Lai tức là cúng dường Chân Như Bản Tánh của chính mình.

Vì sao cúng dường tự tánh chính là cúng dường Như Lai? Kinh dạy: *“Mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân”*. Như Lai là Pháp Thân. Trong tâm thanh tịnh chẳng hề có cách ngăn, chẳng có chướng ngại, tột cùng pháp giới khắp hư không giới đều là một Như Lai, Chân Như Bản Tánh mà thôi! Xứng tánh lẽ đâu chẳng cúng trọn khắp?

“Y phục tối thắng, hương tối thắng”: Y phục che đậy, biểu thị Nhẫn Nhục Ba La Mật. Khi có lễ lạc thì mặc lễ phục, nên y phục cũng biểu thị cho lễ. *“Tối thắng hương”*: hương biểu thị tánh hương, hương biểu thị Giới Định. Hương có rất nhiều chủng loại, *“mạt hương”* là hương bột, *“thieu hương”* là hương đốt. *“Đèn đuốc”* tượng trưng cho quang minh, trí huệ. Ánh sáng mặt trời, mặt trăng, tinh tú, ánh sáng đèn đều biểu thị Bát Nhã quang minh của tự tánh. Trông thấy quang minh, cảnh tỉnh mình phải tu cho tâm địa quang minh, thanh tịnh, hợp nhất cùng ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, đèn đuốc.

“Mỗi thứ chất như núi Tu Di”: những thứ vật cúng dường chất cao như núi Diệu Cao (Tu Di sơn), tôi đều dùng để cúng dường Như Lai.

Chúng ta cần phải hiểu ý nghĩa về mặt pháp của vật cúng dường. Quy nạp lại mà nói, *“hạnh nguyện”* là năng cúng dường, Pháp là sở cúng dường. Nhất định phải hiểu được ý nghĩa thù thắng nơi kinh thì sau đây chính mình mới có thể tương ứng với cảnh giới được, mới hòng tu được công đức lợi ích chân thật nơi mười đại nguyện vương.

1.4. Kệ tụng sám hối nghiệp chướng

Chánh kinh:

Ngã tích sở tạo chư ác nghiệp,

Giai do vô thử tham sân si,

Tùng thân ngữ ý chi sở sanh,

Nhất thiết ngã kim giai sám hối.

(Tôi xưa trót tạo các ác nghiệp,

Đều do vô thi tham - sân - si,

Từ thân ngữ ý phát sanh ra,

Hết thấy tôi nay đều sám hối)

Bài tụng thứ tư: sám hối nghiệp chướng.

“*Ngã tích sở tạo chư ác nghiệp*” (Tôi xưa trót tạo các ác nghiệp): “*Tích*” là quá khứ, từ vô thi kiếp đến nay đời đời kiếp kiếp tạo tác ác nghiệp vô lượng vô biên. Đời người khô rất nhiều, chướng ngại nhiều, mười chuyện hết tám chín chuyện chẳng như ý; chuyện xứng tâm vừa ý rất khó gặp được. Những chướng ngại như vậy là hậu quả của những ác nghiệp đã tạo trong đời quá khứ, chỉ mình đức Phật mới sám trừ sạch được hết thấy nghiệp chướng. Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn một phần sanh tướng vô minh chưa phá, đó là ác nghiệp của họ. Phạm phu chúng ta gây nghiệp chướng giết, trộm, dâm, dối, tham, sân, si, mạn rất nặng. Những nghiệp chướng ấy chướng tâm thanh tịnh của ta; nghiệp chướng nếu chẳng tiêu trừ, không cách chi tu học thành tựu.

Chưa ra khỏi tam giới thì thiện nghiệp vẫn là một thứ ác nghiệp; nhà Phật gọi là “*tam thế oán*”. Đời thứ nhất làm được rất nhiều việc tốt, đời thứ hai hưởng thiện quả, hưởng thọ đại phước báo trong trời người, trong xã hội có địa vị rất cao, làm quan to, trở thành giàu có lớn. Nhưng trong lúc hưởng thụ quả báo một đời, quên mất tu thiện, dẫu có tu thiện cũng chẳng làm được mấy. Vì thế, quả báo lành hưởng hết, đời thứ ba do thiện ít ác nhiều, ác nghiệp hiện tiền, vào trong tam đồ. Ví như: người giàu ngày ngày ăn cá, ăn thịt, cả mấy mươi năm tạo biết bao sát nghiệp? Người có thể lực lắm phen làm lỡ, gây rất nhiều bất lợi cho người khác!

Thế nào là sự lành chân chánh? Ngoại trừ niệm Phật ra, những thứ khác đều chẳng phải là sự lành chân chánh. Sự lành chân chánh phải là ngay trong một đời này quyết định vượt thoát luân hồi lục đạo. Tu các pháp môn khác, không pháp nào có thể khiến quý vị ngay trong một đời vượt thoát tam giới, vẫn ở trong luân hồi, nên chúng chẳng phải là thiện nghiệp.

A Di Đà Phật đại từ đại bi, giúp cho bọn chúng sanh nghiệp chướng sâu nặng chúng ta, mở cho chúng ta một con đường lớn để thành Phật. Chúng ta tin được, nguyện được, hành được thì thành tựu ngay trong một đời, đời nghiệp vãng sanh. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, nghiệp chướng từ vô thủy kiếp đến nay của chúng ta tiêu trừ hết. Công đức niệm Phật rất lớn, tiêu trừ được hết thấy nghiệp.

“*Đều do vô thủy tham - sân - si*”: Câu này nêu lên cái nhân tạo nghiệp. Ác nghiệp sanh khởi từ tham - sân - si. Người tu hành phải tu từ căn bản, phải trực tiếp đoạn tham - sân - si.

Chẳng những hết thấy pháp thế gian, ngũ dục, lục trần đều buông xuống, chẳng được tham, mà thậm chí hết thấy Phật pháp xuất thế gian, Bồ Đề, Niết Bàn cũng chẳng được tham. Chỉ cần có một ý niệm tham liền tạo ác nghiệp. Lục đạo chúng sanh tham ngũ dục, lục trần, hàng Nhị Thừa tham thiên chân Niết Bàn, tham Thiên Định, Đại Thừa Bồ Tát tham độ chúng sanh, đều là tâm tham. Chẳng tham mới có thể thành tựu. Sân là sân khuê, chướng ngại đạo nghiệp, chướng ngại tâm tánh, chướng ngại tâm thanh tịnh, nên phải đoạn trừ. Ngu si: chân - vọng, tà - chánh, thị - phi, thiện - ác, lợi - hại chẳng thể phân biệt, cứ điên đảo thì gọi là ngu si. Chẳng hạn như: Chẳng thể phân biệt những loại giả danh Phật giáo chỉ mang hình thức Phật giáo bên ngoài là ngu si, chẳng biết chọn lựa pháp môn thích hợp hoàn cảnh tu học và trình độ của chính mình thì cũng là ngu si.

Tâm tham nặng đọa trong đường ngã quý, tâm sân nặng đọa trong đường địa ngục, ngu si đọa trong đường súc sanh. Không tham, không sân, không si là ba thiện căn, thế gian, trời, người, hết thấy pháp lành do đầy mà sanh. Chúng ta muốn được phước báo trời người thì tối khẩn là phải chuyển tham - sân - si (ba độc phiền não) thành ba thiện căn, đầy mới là chân chánh sám hối. Sám hối là sửa lỗi đổi mới vậy!

“*Từ thân - ngữ - ý phát sanh ra*”: Câu này nói đến công cụ tạo nghiệp. Thân là thân thể tạo giết, trộm, dâm; ngữ là ngữ ngôn, tạo khẩu nghiệp: nói dối, nói đôi chiều, nói ác, thêu dệt; ý là ý niệm, khởi tham - sân - si, chẳng tin lời Phật, Bồ Tát giáo huấn, chẳng thể tu hành đúng như lời dạy. Thân ngữ ý nghiệp ngày ngày bất tri bất giác tạo nghiệp, đóng vai trò chủ chốt tạo nghiệp là tham - sân - si. Đa số người đời chẳng biết căn bệnh, làm lỗi của chính mình, nhưng thấy rõ lỗi lầm, tật xấu của người khác. Biết lỗi lầm của chính mình bèn giác ngộ. Sau khi giác ngộ, liền có thể sửa đổi tật xấu, tập khí của chính mình. Đó là tu hành, là chân chánh sám hối.

“*Hết thấy tôi nay đều sám hối*”: Sám hối là đổi lỗi tự sửa, về sau chẳng tái phạm, chứ chẳng phải là đem tội lỗi của chính mình đối trước Phật đọc một lượt, dập đầu mấy lượt, cầu Phật, Bồ Tát tha thứ. Phật, Bồ Tát chẳng quan tâm đến chuyện của quý vị, sám hối là chuyện của quý vị. Phật, Bồ Tát chỉ cảnh tỉnh chúng ta, chỉ dạy chúng ta. Chân chánh sám hối là hiểu được lỗi lầm của chính mình, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, một câu A Di Đà Phật niệm đến cùng cực, liền có thể sám trừ tội nghiệp của chính mình, hết thấy tội lỗi trước đây chẳng nghĩ đến nữa, chỉ nghĩ đến A Di Đà Phật, chỉ niệm A Di Đà Phật, tội nghiệp của quý vị sẽ sám trừ sạch.

1.5. Kệ tụng tùy hỷ công đức

Chánh kinh:

Thập phương nhất thiết chư chúng sanh,

Nhi thừa hữu học cập vô học,

Nhất thiết Như Lai dữ Bồ Tát,

Sở hữu công đức giai tùy hỷ.

(Mười phương hết thấy các chúng sanh,

Nhi Thừa hữu học và vô học,

Hết thấy Như Lai và Bồ Tát,

Bao nhiêu công đức đều tùy hỷ)

Bài tụng thứ năm là tùy hỷ công đức. Công là công phu. Công phu như thế nào được quả báo như thế ấy, đó gọi là công đức. Công đức do tự mình tu, người khác chẳng đoạt được, quý vị cũng chẳng có cách nào đem cho người khác được. Phước đức do tự mình tu có thể đem cho người khác được; người khác tu có thể cho chúng ta được. Phước báo của họ lớn, ta cũng hưởng ké, hưởng được chút phước. Chúng ta phước báo lớn, thích giúp đỡ người khác, người khác được hưởng phước báo của ta. Phước báo có thể dời chuyển, công đức chẳng thể dời chuyển được. Công đức do mình tự tu tự được, người khác không cách gì làm thay được.

Ở đây, tùy hỷ công đức lấy công đức làm chủ, phước đức được tính gộp trong ấy. Trong công đức nhất định phải có phước đức, trong phước đức không nhất định có công đức. Công đức là Định - Huệ, Giới là phước đức. Trì giới đắc Định thì Giới cũng biến thành công đức.

Cảnh giới nói trong bài kệ rất lớn. “*Mười phương hết thấy các chúng sanh*”, chữ “*chúng sanh*” chỉ lục đạo chúng sanh (phàm phu). Lục đạo chúng sanh ác nhiều, thiện ít. Nếu những chúng sanh ấy khởi thiện niệm, làm được thiện hành (việc lợi ích cho chúng sanh), chúng ta đều tận tâm tận lực giúp đỡ họ, thành toàn cho họ trong việc tạo phước cho hết thấy chúng sanh. Công đức tùy hỷ của chúng ta cũng to như công đức của họ vậy.

“*Nhị Thừa hữu học và vô học*”: Nhị Thừa chỉ Thanh Văn, Duyên Giác, là Tiểu Thừa. Thanh Văn có tứ quả: Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả đều gọi là “*hữu học*”. Tứ Quả A La Hán là Vô Học. Người tu học pháp Tiểu Thừa từ Sơ Học cho đến chứng quả, chúng ta đều phải tùy hỷ, tán thán cả.

Có lẽ có đồng tu hỏi: “Chúng ta hiện tại tu pháp môn Niệm Phật, sao có thể tùy hỷ người tu học Tiểu Thừa cho được, chẳng phải là xen tạp đó ư?” Đúng, chẳng sai! Pháp môn Niệm Phật bao gồm hết thấy pháp môn. Ở đây, Phổ Hiền Bồ Tát nói với bậc Pháp Thân đại sĩ thuộc thế giới Hoa Tạng, đương nhiên họ phải tùy hỷ Tiểu Thừa. Chẳng hạn như Tiểu Thừa tu Tứ Niệm Xứ: quán thân bất tịnh, quán Thọ là khổ, quán pháp vô ngã, quán tâm vô thường. Nếu thường quán như vậy sẽ giúp cho tâm địa chúng ta thanh tịnh. Ba mươi bảy đạo phẩm có thể giúp chúng ta công phu thành phiền, nhất tâm bất loạn. Những gì Tiểu Thừa tu học đều là những phương pháp để đối trị một chứng bệnh. Nếu chúng ta mắc bệnh giống như thế thì có thể dùng phương pháp ấy để đối trị, để trợ tu, niệm Phật là chủ tu. Như Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Chánh Đạo đều có thể chọn dùng. Nếu tâm địa thanh tịnh, chắc thật niệm Phật, ắt chẳng cần đến những phương pháp đó, những phương pháp đó gộp trong một câu Phật hiệu, một câu Phật hiệu công đức vô lượng vô biên.

“*Hết thấy Như Lai và Bồ Tát*”: Đây là Đại Thừa. Bồ Tát viên mãn năm mươi một địa vị từ địa vị Sơ Tín cho đến Đẳng Giác bèn thành Phật. Bồ Tát từ sơ phát tâm cho đến khi tu hành chứng quả, ta cũng phải học tập theo gương ấy, ta cũng phải nghiêm túc nỗ lực học theo quý Ngài.

“*Tất cả công đức đều tùy hỷ*”: Ở đây, tùy hỷ đặt nặng vấn đề học tập theo họ, tận tâm tận lực giúp đỡ họ. Đa số người niệm mười đại nguyện

vương, miệng niệm tùy hỷ, nhưng chẳng thật sự tùy hỷ. Rất thích một bộ kinh thì phải tùy hỷ. Phát tâm y giáo tu hành, phát tâm giảng bộ kinh đó, khiến nó được hoằng dương quang đại, đấy mới là tùy hỷ. Cứ nghĩ mình chẳng có năng lực, chẳng có biện tài thì quý vị tự xem nhẹ mình quá đấy! Cứ chân chánh phát tâm, Tam Bảo bèn gia trì.

Đại sư Vĩnh Minh Diên Thọ đời Tống, lúc chưa xuất gia làm một chức quan nhỏ, làm quan coi kho, thường lấy tiền trong kho mua các loài thủy tộc: tôm, cá v.v... để phóng sanh. Vì thế, mắc phải tội danh trộm đạo của công, theo pháp phải chịu tử hình. Ngô Việt Vương tín ngưỡng Phật pháp, biết Sư trộm dùng tiền kho toàn là để phóng sanh, truyền giám trăm quan chú ý thái độ của Sư trước lúc thọ hình. Trước lúc bị xử chém, Sư cười khúc khích, vui vẻ mừng rỡ, chẳng chút sợ hãi gì. Giám trăm quan hỏi:

- Sao ông không sợ chết?

Sư đáp:

- Tôi chỉ có một cái mạng, cứu được ngàn ngàn vạn vạn cái mạng, rất đáng giá!

Về sau, quốc vương chẳng giết Sư, thả Sư đi, Sư bèn xuất gia. Sư không có tài ăn nói, mộng thấy Quán Âm Bồ Tát dùng cam lộ nhỏ vào họng Sư, ngày hôm sau biện tài vô ngại. Sư phát tâm lên đài giảng kinh, hoằng dương Phật pháp lợi ích chúng sanh. Chẳng hề có mảy may ý niệm tự tư, tự lợi, Tam Bảo nhất định gia trì, cảm ứng đạo giao, đó gọi là “chân chánh tùy hỷ”.

1.6. Kệ tụng thỉnh chuyển pháp luân

Chánh kinh:

Thập phương sở hữu Thế Gian Đấng,

Tôi sơ thành tựu Bồ Đề giả,

Ngã kim nhất thiết giai khuyến thỉnh,

Chuyển u vô thượng diệu pháp luân.

(Mười phương tất cả Thế Gian Đẳng,

Lúc mới thành tựu quả Bồ Đề,

Nay tôi đều khuyên thỉnh hết thầy,

Chuyển pháp luân vi diệu vô thượng)

Bài tụng thứ sáu là “*thỉnh chuyển pháp luân*”. Chuyển pháp luân là hoằng pháp lợi sanh, đem Phật pháp giới thiệu với người khác.

“*Mười phương tất cả Thế Gian Đẳng*”: Đẳng (đèn) tượng trưng cho trí huệ, quang minh. Thế Gian Đẳng là cách nói ví von: Nếu thế gian không có Phật pháp bèn là thời đại tối tăm, giáo học của Phật pháp là dạy hết thầy chúng sanh phá mê khai ngộ, khai ngộ là phóng quang minh. Phật pháp giúp cho tự tánh của chúng ta phóng quang, đây chính là quang minh giáo học. Bởi thế Phật là Thế Gian Đẳng (đèn soi thế gian).

“*Lúc mới thành tựu quả Bồ Đề*”: Câu này sử dụng thể loại song quan: Một là lúc mới thành Chánh Giác, thị hiện mới thành Phật đạo; hai là bậc Bồ Tát Sơ Trụ thuộc Viên Giác. Trong Thiên Tông, “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật” chỉ bậc Bồ Tát từ Sơ Trụ trở lên. Trong Tịnh Độ Tông, niệm Phật niệm đến Lý Nhất Tâm Bất Loạn cũng là “*mới thành tựu Bồ Đề*”.

Hai câu trên có thể hiểu là: Trên từ Phật Như Lai, dưới đến bậc đại thiện tri thức chân chánh hữu tu hữu chứng, thầy đều bao gồm hết, “*nay tôi đều khuyên thỉnh hết thầy, chuyển pháp luân vi diệu vô thượng*”: dùng tâm chân thành cầu học, lễ thỉnh thiện tri thức hoằng pháp lợi sanh.

1.7. Kệ tụng thỉnh Phật trụ thế

Chánh kinh:

Chư Phật nhược dục thị Niết Bàn,

Ngã tất chí thành nhi khuyên thỉnh,

Duy nguyện cứu trụ sát trần kiếp,

Lợi lạc nhất thiết chư chúng sanh.

(Nếu chư Phật toan hiện nhập diệt,

Tôi đều chí thành mà khuyên mời:

Kính mong ở lâu sát trần kiếp,

Lợi lạc hết thảy các chúng sanh)

Bài tụng thứ bảy là “*thỉnh chuyển pháp luân*”. Hiện tại, dù Phật chẳng tại thế, vẫn có thiện tri thức (người sanh tử tự tại) hiện hữu, chúng ta phải khuyên họ chớ nhập diệt; khuyên họ thường trụ thế gian, đây là nguyện vọng của chúng ta. Chư Phật, Bồ Tát trụ thế liên quan đến pháp duyên, hữu duyên các Ngài bèn xuất hiện; duyên hết, các Ngài bèn đi. Chân chánh học theo quý Ngài, một trăm phần trăm y giáo phụng hành mới lưu các Ngài trụ thế được. Nếu chẳng thành tâm thành ý học theo các Ngài, các Ngài bèn tùy duyên. Người khai thỉnh thiện tri thức giảng kinh, phước báo vô cùng lớn, thật sự là rộng lợi chúng sanh.

Chánh kinh:

Sở hữu lễ tán, cúng dường phước,

Thỉnh Phật trụ thế chuyển pháp luân,

Tùy hỷ, sám hối, chư thiện căn,

Hồi hướng chúng sanh cập Phật đạo.

(Bao nhiêu phước lễ, tán, cúng dường,

Thỉnh Phật ở đời chuyển pháp luân,

Các thiện căn tùy hỷ, sám hối,

Hồi hướng chúng sanh và Phật đạo)

Bài kệ này hợp tụng ba nguyện: thường tùy Phật học, hằng thuận chúng sanh và phổ giai hồi hướng. Ba nguyện này đều thuộc về hồi hướng. Bài kệ này nói chung; ba câu đầu lược nói bảy nguyện trước, đem hết thầy công đức đã tu ở trên hồi hướng cho chúng sanh và Phật đạo. Hồi hướng chúng sanh: Nếu chịu vì hết thầy chúng sanh khổ nạn mà tu học, ắt quý vị dừng mãnh, tinh tấn, chẳng biếng nhác. Hồi hướng Phật đạo tức là hồi hướng Bồ Đề, chúng ta tu học chẳng cầu giác ngộ, mà là vì hết thầy chúng sanh cầu sự viên mãn giác ngộ nơi chính mình.

1.8. Kệ tụng thường tùy Phật học

Chánh kinh:

Ngã tùy nhất thiết Như Lai học,

Tu tập Phổ Hiền viên mãn hạnh,

Cúng dường quá khứ chư Như Lai,

Cập dữ hiện tại thập phương Phật.

Vị lai nhất thiết Thiên Nhân Sư,

Nhất thiết ý nhạo giai viên mãn,

Ngã nguyện phổ tùy tam thế học,

Tốc đắc thành tựu đại Bồ Đề.

(Tôi học theo hết thầy Như Lai,

Tu thập hạnh Phổ Hiền viên mãn,

Cúng dường quá khứ chư Như Lai,

Và cúng hiện tại mười phương Phật.

Hết thầy Thầy Trời Người tương lai,

Hết thầy ưa thích đều viên mãn,

Tôi nguyện học khắp cả ba đời,

Mau được thành tựu đại Bồ Đề)

Trùng tụng nguyện thứ tám “*thường tùy Phật học*”. Phải học theo tam thể chư Phật: quá khứ Phật, hiện tại Phật, vị lai Phật. Trong kinh văn đặc biệt nói “*tu tập hạnh Phổ Hiền viên mãn*”. Phổ Hiền hạnh: toàn bộ đạo lý được nói trong kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm đều là hạnh Phổ Hiền cả. Mở đầu kinh, ta đã gặp ngay Phổ Hiền Bồ Tát, đến khi viên mãn tối hậu cũng là Phổ Hiền Bồ Tát. Phổ Hiền đại biểu cho viên mãn, kinh này có lý luận viên mãn, có phương pháp tu hành viên mãn, cũng như cảnh giới tối viên mãn. Chiếu theo kinh này tu hành đều là người đại căn tánh viên đôn cả.

“*Cúng dường quá khứ chư Như Lai, và cúng hiện tại mười phương Phật*”: Cúng dường tối trọng yếu là cúng dường bằng cách tu hành. Chiếu theo phương pháp mà tu hành, chính là cúng dường chân chánh. Nếu có thể tuyên dương, lưu thông kinh này thì chính là cúng dường thù thắng.

“*Hết thấy Thầy Trời Người tương lai*”: Thiên Nhân Sư là Phật, câu này nói đến các vị Phật tương lai. Phật tương lai chính là hết thấy chúng sanh. Hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật. Học theo các đức Phật tương lai như thế nào? Hết thấy chúng sanh hễ có chút điểm lành nhỏ nhoi nào, chúng ta đều phải tùy hỷ, học theo, hướng hồ là phát tâm Bồ Đề, tu Bồ Tát đạo! Người khéo học thì bất luận cảnh giới nào cũng đều có thể tạo thành tựu cho chính mình. Mặt thiện của hết thấy chúng sanh chúng ta phải học theo, nếu là mặt ác, chúng ta nghe thấy, trông thấy phải phản tỉnh sâu xa, tự mình chẳng làm ác, đó là “tùy học” vậy. Nói cách khác, thuận hay nghịch đều là tăng thượng duyên. Người học Phật trong hết thấy hoàn cảnh đều tu thành kính, bình đẳng, thanh tịnh, từ bi, đó là Phổ Hiền hạnh.

“*Hết thấy ưa thích đều viên mãn*”: Hạnh có xứng tánh thì mới gọi là hạnh viên mãn. Nếu đánh mất cái tâm thành kính thì dù có tu hạnh gì đi nữa, cũng chẳng thể coi là xứng tánh được!

“*Tôi nguyện học khắp cả ba đời, mau được thành tựu đại Bồ Đề*”: Câu cuối cùng chính là quả báo, mà cũng là mục tiêu của việc tùy học. Tác phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm Biệt Hành Sớ Sao ghi: “*Trong các chúng sanh, chỉ có trời và người là có thể phát tâm Bồ Đề*”. Tam ác đạo mê rất nặng, nghiệp chướng quá nặng, chẳng dễ phát tâm Bồ Đề. Chỉ có hai đường trời và người là có thể phát tâm Bồ Đề, có thể tu hành mười thiện nghiệp, có thể đắc Tứ Quả, có thể đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Phương

pháp để đăc Vô Thượng Chánh Đăng Chánh Giác là mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Bởi thế, Vô Thượng Chánh Đăng Chánh Giác nhất định phải hoàn thành nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới. Ý nghĩa thù thắng của kinh này nằm ở đây.

1.9. Kệ tụng hằng thuận chúng sanh

Chánh kinh:

Sở hữu thập phương nhất thiết sát,

Quảng đại thanh tịnh diệu trang nghiêm,

Chúng hội vi nhiều chư Như Lai,

Tất tại Bồ Đề thọ vương hạ,

Thập phương sở hữu chư chúng sanh,

Nguyện ly ưu hoạn thường an lạc,

Hoạch đăc thậm thâm chánh pháp lợi,

Diệt trừ phiền não tận vô dư.

(Tất cả cõi nước khắp mười phương,

Rộng lớn thanh tịnh, trang nghiêm đẹp,

Chúng hội vây quanh các Như Lai,

Đều ở dưới cội cây Bồ Đề,

Mười phương tất cả các chúng sanh,

Nguyện lìa buồn khổ thường an lạc,

Đạt lợi rất sâu nơi chánh pháp,

Diệt trừ phiền não chẳng còn sót)

Bài tụng thứ chín là nguyện “hằng thuận chúng sanh”.

“*Tất cả cõi nước khắp mười phương*” ý nói cõi nước để nương vào (thế giới) rất lớn. Tất cả các chúng sanh trong mười phương hết thấy cõi Phật, chúng ta phải tùy thuận.

“*Rộng lớn thanh tịnh, trang nghiêm đẹp*”: Phạm có tu học pháp môn Phổ Hiền thì mới có thể thật sự thấy các cõi Phật thanh tịnh trang nghiêm vi diệu trong mười phương, vì tâm Phổ Hiền là tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh thì thân thanh tịnh. Thân lẫn tâm thanh tịnh thì cảnh giới bên ngoài không gì chẳng thanh tịnh. Tất cả những cảnh giới Thiệu Tài đồng tử đã trải qua, toàn là những tịnh độ thanh tịnh trang nghiêm vi diệu của chư Phật, không một chỗ nào chẳng phải là tịnh độ. Chúng ta thấy có thiện, có ác, chứ Thiệu Tài chỉ thấy thuần thiện không ác; cách thấy, cách cảm nhận của Ngài khác với chúng ta. Chúng ta trông thấy hết thấy cảnh giới đâm ra phiền não, sanh lòng mừng, giận, buồn, vui. Thiệu Tài đồng tử tiếp xúc cảnh giới bên ngoài chẳng sanh phiền não, mà sanh trí huệ, sanh tâm thanh tịnh. Bởi thế, trong tầm mắt Ngài toàn là cõi nước thanh tịnh vi diệu trang nghiêm. Chúng ta niệm Phật đến mức Nhất Tâm Bất Loạn sẽ chứng nhập cảnh giới đó, cảnh giới ấy chính là cảnh giới của Lý Nhất Tâm Bất Loạn.

“*Chúng hội vây quanh các Như Lai, đều ở dưới cội cây Bồ Đề*”: Chúng hội chính là các nơi đại chúng tụ hội, ở đây chỉ các đại Bồ Tát chúng, Bồ Tát vây quanh đức Phật, chúng ta phải tùy thuận Bồ Tát.

Bài kệ thứ hai nói đến việc tùy thuận chúng sanh. “*Mười phương tất cả các chúng sanh*”: phạm vi rộng lớn, Thanh Văn, Duyên Giác, lục đạo chúng sanh.

“*Nguyện lia buồn khổ thường an lạc*”: câu này nói lên ý nguyện tu học của Bồ Tát. Vì sao chúng ta học Phật? Là vì có thể lia khổ được vui. Nói cách khác: Chúng ta tu hành đừng chỉ vì mình, đó là hạnh Phổ Hiền. Ta tu học vì đại chúng, chính mình phải chịu nhiều phần khổ sở, đại chúng chịu ít phần khổ sở, thay thế chúng sanh chịu khổ mà! Dầu chúng sanh ai nấy đều có nghiệp báo, chúng ta chẳng chịu thay được, nhưng tâm chúng ta viên mãn, thật sự có lòng muốn chịu khổ thay cho họ thì niệm niệm viên mãn công đức. Nhờ đó, trong quá trình tu học, đối với hết thấy khổ nạn phải chịu đựng, bản thân mình cũng có thể chịu đựng được. Tự mình chẳng oán trời trách người, vì đó [cũng như là] chịu khổ thay cho hết thấy chúng sanh, đó là ý nguyện của Bồ Tát, là ý nguyện của chính mình.

“*Đạt lợi rất sâu nơi chánh pháp*”: Lợi là ích lợi. Chỉ có tín nguyện viên mãn thì mới hòng đạt lợi ích chân thật nơi Phật pháp. Hiện thời, muốn đạt được chánh pháp rất sâu rất khó. Trong đời Mạt Pháp, tà sư thuyết pháp như cát sông Hằng, tà và chánh rất khó phân biệt. Đi theo đường tà, làm tướng là chánh, tu trì một đời chẳng những mất trắng, còn e chuốc lấy rất nhiều tội nghiệp, rất nhiều quả báo chẳng như ý. Trong lúc chúng ta chẳng có năng lực phân biệt tà chánh thì phải thường đọc tụng kinh điển Đại Thừa, đãi người tiếp vật lấy kinh điển làm tiêu chuẩn, dùng tiêu chuẩn đó để tiếp cận chánh pháp, lấy tiêu chuẩn đó để ngoảnh mặt cùng tà pháp. Tham cầu danh văn lợi dưỡng là tà pháp, lợi ích hết thảy chúng sanh là chánh pháp; trong quá trình phát nguyện tu học, ắt có thể đạt được lợi ích nơi chánh pháp rất sâu. Chánh pháp rất sâu chính là thành kính, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi.

“*Diệt trừ phiền não chẳng còn sót*”: tham, sân, si, mạn, thân kiến, biên kiến, kiến thủ kiến, giới thủ kiến, thành kiến rất sâu, đều là cội nguồn phiền não. Chỉ cần đạt được chánh pháp, tâm địa thanh tịnh, bình đẳng, từ bi thì mới dẹp trừ được tất cả phiền não từ cội rễ.

Học tập hằng thuận giúp ta phá được chấp trước. Nếu phá được Ngã Chấp, niệm Phật sẽ đạt Sự Nhất Tâm Bất Loạn. Niệm niệm đều vì lợi ích chúng sanh; niệm niệm đều nhằm tạo phước cho xã hội, đấy chính là hạnh Bồ Tát.

1.10. Kệ tụng phổ giai hồi hướng

Dưới đây là hai mươi lăm bài kệ tụng về nguyện thứ mười “phổ giai hồi hướng”. Trong nguyện thứ mười có phân phát đại nguyện, tổng cộng là mười mục nhỏ: nguyện thọ trì, nguyện tu hành được hai thứ lợi ích, nguyện thành thực chúng sanh, nguyện chẳng lìa, nguyện cúng dường, nguyện lợi ích, nguyện chuyển pháp luân, nguyện Tịnh Độ, nguyện thừa sự, nguyện thành Chánh Giác. Mười mục nhỏ này đều được triển khai từ một đại nguyện “*phổ giai hồi hướng*” của Bồ Tát Phổ Hiền, dùng thể tài kệ tụng khiến cho ý nghĩa “phổ giai hồi hướng” được viên mãn hoàn bị.

1.10.1. Nguyện thọ trì

Chánh kinh:

Ngã vị Bồ Đề tu hành thời,

Nhất thiết thú trung thành Túc Mạng,

Thường đắc xuất gia tu tịnh giới,

Vô cầu, vô phá, vô xuyên lậu,

Thiên, Long, Dạ-xoa, Cửu Bàn Trà,

Nãi chí nhân dữ phi nhân đẳng,

Sở hữu nhất thiết chúng sanh ngữ,

Tất giai chư âm nhi thuyết pháp.

(Lúc tôi vì Bồ Đề tu hành,

Trong hết thấy loài đắc Túc Mạng,

Thường được xuất gia, tu tịnh giới,

Không nhờ, không phá, không rò rỉ,

Trời, Rồng, Dạ Xoa, Cửu Bàn Trà,

Cho đến nhân cùng phi nhân thấy,

Tất cả hết thấy tiếng chúng sanh,

Đều dùng các âm để thuyết pháp)

“Lúc tôi vì Bồ Đề tu hành, trong hết thấy loài đắc Túc Mạng”: Tu hành nhằm để chính mình thật sự giác ngộ. Người giác ngộ biết “*phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”. Thân là hư vọng, có sanh, có diệt; linh tánh là chân, bất sanh bất diệt. Chúng ta phải nhờ vào giả để tu chân, thân là giả, nhờ vào cái thân thể hư giả để tu tánh linh của chính mình, tu cái chân tâm của chính mình, tu bản tánh của chính mình. Tu đến mức độ tương đương sẽ được Thiên Nhân, Thiên Nhĩ, Túc Mạng (biết những việc trong các đời quá khứ), đối với hết thấy sự lý thế gian, xuất thế gian đều thấy rõ ràng, minh bạch. Đạt thần thông chớ nên khoe khoang. Vì muốn chánh pháp tồn tại lâu dài trong thế gian, đức Phật chẳng dùng thần thông để giáo hóa. Yêu ma, quỷ quái đều có thần thông, nhưng chẳng có chánh tri chánh kiến. Phật, Bồ

Tát giảng kinh thuyết pháp giáo hóa chúng sanh, dùng chánh tri kiến giáo hóa chúng sanh.

“Thường được xuất gia tu tịnh giới”: Ở đây *“xuất gia”* không phải là thoát ly gia đình mình mà là tâm thoát khỏi nhà vô minh, ra khỏi nhà phiền não, còn thân thì thị hiện hoặc xuất gia hoặc tại gia. Đối với thế gian này tâm địa chẳng nhiễm mảy trần, đó là *“xuất gia tu tịnh giới”*. Trong năm mươi ba lần tham học của kinh Hoa Nghiêm, trong năm mươi ba vị Bồ Tát, thân lẫn tâm cùng xuất gia chỉ có năm người; ngoài ra đều là tâm xuất gia, thân chẳng xuất gia, là tại gia cư sĩ, nam, nữ, già, trẻ, các hạnh, các nghiệp đều hành Bồ Tát đạo.

“Không nhớ, không phá, không rò rỉ”: Giới luật thanh tịnh, không phá giới. Hai câu này cũng có nghĩa là hộ pháp, giữ cho thân tâm của chính mình thanh tịnh chính là hộ trì Phật pháp. Thân tâm chẳng thanh tịnh chẳng thể thành Phật được. Để cầu vô thượng Bồ Đề thì phải giữ cho thân tâm thanh tịnh.

“Trời, Rồng, Dạ Xoa, Cưu Bàn Trà, cho đến nhân cùng phi nhân thấy, tất cả hết thấy tiếng chúng sanh, đều dùng các âm để thuyết pháp”: Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, lục trần thuyết pháp, tinh và vô tinh cùng tuyên diệu pháp. Cõi này, tinh và vô tinh không gì chẳng thuyết pháp, đều dùng các âm thanh để thuyết pháp. Chúng ta thấy sắc nghe hương đều có thể khai ngộ vậy! Tâm thanh tịnh bèn khai ngộ.

Lục trần xác thực có thuyết pháp, tiếc rằng tâm chúng ta chẳng thanh tịnh, tiếp xúc suốt ngày từ sáng đến tối chẳng những không thể khai ngộ, trái lại còn tăng trưởng phiền não. Người tâm địa thanh tịnh gặp cảnh giới bèn tăng trưởng Bồ Đề.

Bài kệ này còn có nghĩa là: Tự mình phát tâm đại từ bi, vì hết thấy chúng sanh thuyết pháp, cố vũ chúng ta bắt chước Bồ Tát, học được một mảy một giọt pháp gì đều xoay vần lưu thông, nhất là khuyên người niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, phước báo rất lớn.

1.10.2. Nguyên tu hành được hai thứ lợi ích

Chánh kinh:

Cần tu thanh tịnh Ba La Mật,

**Hàng bát vong thất Bồ Đề tâm,
Diệt trừ chướng cấu vô hữu dư,
Nhất thiết diệu hạnh giai thành tựu.
Ư chư hoặc nghiệp cập ma cảnh,
Thế gian đạo trung đắc giải thoát,
Do như liên hoa bất trước thủy,
Diệc như nhật nguyệt bất trụ không.**

*(Siêng tu Ba La Mật thanh tịnh,
Thường chẳng quên mất tâm Bồ Đề.
Diệt trừ chướng cấu không còn sót,
Hết thấy diệu hạnh đều thành tựu.
Với các hoặc nghiệp và cảnh ma,
Được giải thoát nơi đường thế gian,
Ví như hoa sen chẳng dính nước,
Cũng như nhật, nguyệt chẳng dừng không)*

“*Siêng tu Ba La Mật thanh tịnh*”: Ba La Mật là tiếng Phạn, dịch nghĩa sang tiếng Hán là Đáo Bỉ Ngạn, rốt ráo viên mãn. Thanh tịnh Ba La Mật tức là Lục Độ của Bồ Tát vừa viên mãn rốt ráo vừa thanh tịnh, hoàn toàn chẳng chấp trước.

Kinh Bát Nhã nói “*tam luân thế không*” tức là dạy chúng ta phải lià hết thấy tướng. Ví như tu bố thí, chớ nghĩ rằng: hôm nay tôi tu bao nhiêu bố thí, làm được bấy nhiêu việc tốt! Có Ngã, chấp vào Ngã Tướng thì dù có tu bố thí vẫn chẳng thanh tịnh. Ta bố thí cúng dường cho ai đó, tướng người cũng quên mất, trong tâm chẳng nhớ ai là đối tượng nhận bố thí. Tiền tài, vật phẩm dùng để bố thí cũng chẳng ghi trong lòng. Có làm cũng như không làm, từ đầu đến cuối gìn giữ cái tâm thanh tịnh, một niệm chẳng sanh. Đây

chính là như Lục Tổ đại sư đã nói: “*Vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuộm bụi trần!*” Đây mới là chân chánh đạt đến thanh tịnh. Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta phải nỗ lực tinh tấn tu học thanh tịnh Ba La Mật.

“*Thường chẳng quên mất tâm Bồ Đề*”: Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát giảng Bồ Đề tâm là trực tâm, thâm tâm, đại bi tâm. Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, đức Thế Tôn cũng giảng Bồ Đề tâm là chí thành tâm, thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm. Tổng hợp lại, chí thành là trực tâm, hồi hướng phát nguyện tâm là đại bi tâm. Trực là chánh trực, chánh: chẳng tà, trực: chẳng cong queo. Tâm chúng ta phải chánh, phải trực. Tâm vốn là chánh trực. Chí thành nghĩa là chân thành đạt đến mức cùng cực, đó là Trực Tâm. Trong tâm có cong queo, trong tâm chẳng chân thành thì chẳng phải là Bồ Đề tâm.

Bồ Đề là tiếng Phạn, dịch nghĩa sang tiếng Tàu là Giác. Tâm chúng ta vốn là giác. Giác chẳng cần phải học mà vốn sẵn có. Mã Minh Bồ Tát nói: “*Bốn Giác vốn sẵn có*”. Bốn Giác tức là tâm Bồ Đề, mỗi một chúng sanh chúng ta đều sẵn có. Dẫu là có, nhưng hiện tại ta chưa có là vì chẳng giác. Mã Minh Bồ Tát lại nói: “*Bất giác vốn là không*”. Bất Giác vốn chẳng có. Do đây biết rằng, Bồ Đề tâm chính là chân tâm của chúng ta, chân tâm vốn sẵn có; Bất Giác là vọng tâm, vọng tâm vốn là không. Vốn sẵn có thì đương nhiên có thể khôi phục, vốn là không thì đương nhiên có thể đoạn trừ.

Ba tâm thật ra chỉ là một tâm, tức là chân tâm. Trực tâm, chí thành tâm là bản thể của chân tâm. Chân tâm khởi tác dụng, tác dụng chia làm hai loại: Đối với chính mình thì gọi là thâm tâm; đối với người khác thì gọi là bi tâm. Thâm tâm thanh tịnh, từ bi, thanh tịnh đến cùng cực, từ bi đến cùng cực. Tâm như thế tự nhiên hiếu đức, hiếu thiện. Hiếu đức và hiếu thiện chẳng cần phải học mà là công đức của tự tánh. Chân tâm (Bồ Đề tâm) chính là tự tánh. Tự tánh đối với chính mình khởi tác dụng, chẳng cần người khác dạy, tự nhiên hiếu đức, hiếu thiện.

Đức và thiện đạt đến mức cùng cực chính là Phật pháp, do đây biết rằng: người ấy tự nhiên yêu thích Phật pháp, tự nhiên quy hướng, chẳng cần người khác dạy, cũng chẳng cần ai khuyến khích, cái tâm ấy gọi là thâm tâm. Đối với người khác cũng tự nhiên sanh khởi bi tâm: Trông thấy chúng sanh sung sướng, tự mình thật vui sướng, trông thấy người khác đau khổ tự mình rất buồn khổ. Bởi vậy, nhất định phải giúp đỡ chúng sanh lìa khổ được vui. Chúng sanh lìa khổ là chính mình lìa khổ, chúng sanh được vui cũng như

chính mình được vui. Chúng sanh và bản thân mình là một thể, chẳng phải hai thể.

Phật pháp Đại Thừa lấy Bồ Đề tâm làm cơ sở. Người Tiểu Thừa chẳng có tâm Bồ Đề, bởi lẽ họ chẳng đại từ đại bi, chúng sanh tìm cầu họ, họ chịu dạy, chúng sanh chẳng tìm cầu họ, họ chẳng quan tâm đến. Đại Thừa Bồ Tát đại từ đại bi, không phân biệt, giới hạn, làm bạn chẳng thỉnh của hết thầy chúng sanh, chỉ cần thấy chúng sanh đau khổ là Ngài bèn đến.

Nho Giáo cũng kiến lập trên cơ sở Bồ Đề tâm. Trung tâm sự dạy dỗ của Nho Giáo là thành ý, chánh tâm, chẳng ngờ rất phù hợp với lời dạy của nhà Phật. Thành ý là Thể, chánh tâm là Dụng. Nho giáo nói mỗi cá nhân nếu chẳng thành thật, trọn chẳng thể trở thành thánh, thành hiền. Mỗi một cá nhân đều phải vận dụng cái tâm chân thành, sau đấy mới tu thân (tu dưỡng thành tựu phẩm đức, học vấn của chính mình), tề gia (gia đình mỹ mãn), trị quốc (quốc gia, chính trị đi vào quy củ), bình thiên hạ (người trong thiên hạ đều được công bình, chẳng có tranh chấp, thiên hạ thái bình). Đây chính là cơ sở giáo học, lý tưởng giáo học của Nho gia.

Làm thế nào để tâm chân thành (Bồ Đề tâm) hiện tiền? Phải đoạn hai Chướng: Phiền Não Chướng và Sở Tri Chướng chướng ngại thân tâm khiến chân tâm chẳng thể hiện tiền. Người Tiểu Thừa phá được Phiền Não Chướng, nhưng chưa phá Sở Tri Chướng. Sở Tri Chướng chướng ngại Bồ Đề tâm, Bồ Đề tâm chẳng thể hiện tiền. Nho gia nói “*cách vật trí tri*”, “*cách vật*” là như nhà Phật nói “đoạn phiền não”, “*trí tri*” là phá Sở Tri Chướng. Vật là vật dục (danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần), Cách là phải chống cự lại chúng, phải chiến thắng ý niệm vật dục. Chiến thắng được vật dục, chẳng để vật dục lay động, sẽ chẳng còn phiền não nữa. Buông xuống là đoạn Phiền Não Chướng, thấy thấu suốt là phá Sở Tri Chướng. Sau khi cách vật lại phải trí tri. Cách vật là đoạn phiền não, trí tri là học pháp môn. Đột phá hai Chướng, thành ý hiện tiền, Bồ Đề tâm mới có thể chân chánh phát khởi.

Đối với Bồ Đề tâm, Ngẫu Ích đại sư có một cách giải thích rất đặc biệt, đơn giản dễ hiểu. Ngài nói: “*Nhất tâm nhất ý cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, cái tâm ấy chính là Vô Thượng Bồ Đề tâm*”. Nhất tâm cầu sanh Tịnh Độ, đương nhiên buông bỏ danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần thế gian, phiền não không còn nữa. Nhất tâm xưng niệm A Di Đà Phật là phá Sở Tri Chướng, là phá vô minh, đây là Trí Tri như Nho Gia đã nói. Những bà già niệm Phật, không biết chữ, cũng chưa từng nghe kinh, vì sao họ vãng

sanh: đứng mà mất, ngồi mà mất, trông thấy Phật đến tiếp dẫn vậy? Các bà cụ đó chẳng biết Bồ Đề tâm là cái gì, có sao được vãng sanh? Là vì các bà cụ ấy nhất tâm nhất ý cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ. Cái tâm ấy chính là Vô Thượng Bồ Đề tâm, cho nên thành ý, hiểu đức, hiểu thiện, đại từ đại bi thấy đều đầy đủ. Bồ Đề tâm, trực tâm, thâm tâm, đại bi tâm nghe đến chẳng hiểu rõ cũng không quan trọng, chẳng cần phải hiểu, cốt sao nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh Độ là được!

Ở đây, Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta pháp môn sau: “*Hằng chẳng quên mất Bồ Đề tâm*”. Hằng là thường hằng, thời thời khắc khắc chẳng quên “tôi muốn cầu sanh Tịnh Độ”. Thời thời khắc khắc chẳng quên “tôi muốn thấy A Di Đà Phật”. Người như vậy là chân chánh giác ngộ. Bồ Đề tâm là đại giác, chân chánh giác ngộ, triệt để giác ngộ. Trong tâm chúng ta thời thời khắc khắc niệm niệm chẳng quên Tịnh Độ, niệm niệm chẳng quên A Di Đà Phật, đây đúng thật là đại Bồ Đề tâm, ở đây gọi là “*hằng chẳng quên mất Bồ Đề tâm*”. Chỉ cần có cái tâm này thì sẽ có thể tiêu nạn diệt tội, “*diệt trừ chướng cấu không còn sót*”. Đó là vì tâm quý vị thanh tịnh, trong tâm thanh tịnh chẳng thể chứa đựng tội nghiệp. Chướng là nghiệp chướng, Cấu là phiền não, tập khí, nhiễm ô. “*Vô hữu dư*” (không còn sót): diệt trừ sạch sành sanh hết thấy chướng ngại, phiền não, thấy đều đoạn hết. Bởi thế, một câu Phật hiệu công đức chẳng thể nghĩ bàn. Một câu Phật hiệu ấy phải từ cái tâm thanh tịnh niệm ra, phải từ cái tâm chánh giác niệm ra, phải từ tâm chân thành niệm ra mới diệt được tội.

“*Hết thấy diệu hạnh đều thành tựu*”: Một tức là hết thấy. Một câu Phật hiệu có đủ tám vạn bốn ngàn pháp môn Bồ Tát tu, vô lượng hạnh môn. Tu một pháp môn tức là tu hết thấy pháp môn, hết thấy diệu hạnh đều thành tựu. Phương pháp tu hành này rất thù thắng!

“*Với các hoặc nghiệp và cảnh ma*”: Hoặc nghiệp chính là cái bản thân chúng ta có đủ, mê hoặc tạo nghiệp! Bây giờ tâm chúng ta thanh tịnh, tâm chân thành, chẳng còn mê hoặc nữa, chẳng tạo nghiệp nữa, thì chẳng có mê hoặc tạo nghiệp nữa! Ma cảnh là cảnh giới bên ngoài. Ma là chướng ngại, là rắc rối, khiến chúng ta làm bất cứ chuyện gì cũng chẳng thuận lợi, đều bị trở ngại, đó là ma cảnh. Phải có các Hoặc (nội ma) thì ngoại ma mới có cách xâm nhập, nhiễu loạn mình được!

Theo kinh Bát Đại Nhân Giác, có bốn loại Ma:

1) **Ngũ Âm ma:**

Ai nấy đều có cả. Thân chúng ta là thân Ngũ Âm. Ngũ Âm: Sắc (vật chất, nhục thể), Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Thọ, Tưởng, Hành, Thức là Tâm. Thức là tâm, Thọ, Tưởng, Hành là tác dụng của Tâm. Ngũ Âm là ma, chúng ta không có cách gì thoát được. Niệm Phật niệm đến Lý Nhất Tâm Bất Loạn, tham thiền đến mức minh tâm kiến tánh mới có thể thoát được. Tâm kinh chép: “*Quán Tự Tại Bồ Đề lúc thực hành sâu xa Bát Nhã Ba La Mật, chiếu kiến (soi thấy) Ngũ Uẩn đều không*”; Ngài đã thoát được Ngũ Âm. Hiện thời chúng ta Ngũ Âm chẳng không; công phu nhà Thiền chia thành ba bậc:

a. Thấp nhất là Quán Chiếu. Quán chiếu có đặc lực thì công phu mới vào khuôn khổ. Nếu quán chiếu chẳng đặc lực, công tu vô ích.

b. Sâu hơn một tầng là Chiếu Trụ, tức là đặc Thiền Định. Thiền Định có mức độ sâu cạn khác nhau, chia thành chín đẳng cấp. Trong tam giới, Tứ Thiên Thiên thuộc Sắc Giới có bốn đẳng cấp, Tứ Định thiên thuộc Vô Sắc Giới có bốn đẳng cấp, đẳng cấp thứ chín vượt ngoài Tam Giới. A La Hán, Bích Chi Phật chứng được Định thứ chín, tuy chứng được Định thứ chín, nhưng công phu chiếu trụ chưa đạt đến mức “chiếu kiến”.

c. Lên một tầng nữa là Chiếu Kiến: Chiếu kiến tức là thấy Tánh, chân tâm hiển lộ, Bồ Đề tâm tự nhiên hiện tiền.

Công phu thấp nhất của người niệm Phật là “công phu thành phiền”, tương đương với mức Quán Chiếu đặc lực của nhà Thiền. Cao hơn là Sự Nhất Tâm Bất Loạn, tương đương với Chiếu Trụ. Cao hơn nữa là Lý Nhất Tâm Bất Loạn tương đương với Chiếu Kiến. Thiền tông tu học rất khó, Tịnh Độ Tông dùng một câu Phật hiệu, một câu Phật hiệu niệm đến rốt ráo, công phu thành phiền, Sự Nhất Tâm Bất Loạn, Lý Nhất Tâm Bất Loạn đều dùng phương pháp này. Thậm chí tương lai thành Phật cũng vẫn cứ dùng phương pháp này, một câu Phật hiệu vĩnh viễn chẳng biến cải.

Trong chương Viên Thông, Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta: “*Chẳng nhọc phương tiện, tự được tâm khai*”. Chẳng cần nhờ vào bất cứ phương pháp nào khác, cứ một câu Phật hiệu niệm đến cùng cực, niệm đến Lý Nhất Tâm Bất Loạn, tâm khai kiến giải, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Đến lúc đó, liền chiếu kiến Ngũ Uẩn đều không, phá Ngũ Âm ma.

2) **Phiền não ma:**

Phiền não là ma. Phiền não do tham, sân, si mà khởi. Bởi thế, tham - sân - si gọi là ba độc phiền não. Tu hành phải tu từ cội rễ. Đã biết tham - sân - si

là cội rễ của tất cả hết thảy phiền não thì chúng ta phải đoạn phiền não, rễ bị nhổ bứng thì cành lá tự nhiên chẳng còn. Làm thế nào để nhổ bứng rễ?

Đoạn Tham phải dùng bố thí, bố thí độ keo tham. Độ là độ chính mình, chẳng độ người khác. Công đức của bố thí là đoạn trừ cái tâm tham của chính mình. Chẳng có tâm tham, tâm địa thanh lương tự tại. Bố thí là tự mình được lợi, người khác được lợi ích rất hữu hạn. Nhổ trừ tham - sân - si vĩnh viễn thoát luân hồi. Đoạn Sân phải dùng Nhẫn Nhục, Nhẫn Nhục độ sân khuể. Ngu si là vô minh, Bát Nhã độ ngu si.

Bồ Tát tu lục độ vạn hạnh để độ chính mình, độ chính mình thì trước hết phải đoạn phiền não ma. Phương pháp Bồ Tát Phổ Hiền dạy chúng ta ở đây so ra cao hơn phương pháp tu hành của Đại Thừa Bồ Tát rất nhiều. Ngài Phổ Hiền dạy chúng ta thanh tịnh Ba La Mật. Có tham ái, sân khuể, ngu si là tâm chẳng thanh tịnh. Nếu tâm thanh tịnh, tự nhiên chẳng có tham, sân, si, phiền não ma. Niệm A Di Đà Phật, nhất tâm cầu sanh Tịnh Độ, tâm bèn thanh tịnh thì mới có thể phá phiền não ma.

3) Tử ma:

Cũng là đối với người tu hành mà nói. Dù quý vị rất dụng công tu hành, tinh tấn chẳng biếng nhác, nhưng phiền não khó đoạn, phá Sở Tri Chương cũng khó, công phu vẫn chưa đắc lực, kinh điển vẫn chưa niệm xong, thọ mạng đã hết. Chết đi, lại phải luân hồi. Dù quý vị làm toàn việc tốt, chẳng phạm tội, đời sau được làm người, do mê nơi cách âm nên phải học Phật pháp lại từ đầu.

Tử ma rất đáng sợ, chỉ có niệm Phật mới có thể đối phó tử ma. Nhất tâm xưng niệm, nhất tâm cầu sanh, tương lai vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, là đi ngay trong lúc sống, chẳng phải chết rồi mới đi. Lúc đi, mắt được thấy, tai được nghe, mũi vẫn thở, miệng còn nói năng được, bảo với mọi người: “A Di Đà Phật đến đón rồi, tôi theo Ngài đi đây, tạ từ già biệt mọi người”. Đi trong lúc sống là vậy đó. Vãng sanh thế giới Cực Lạc chẳng chết, tử ma tránh xa.

4) Thiên ma:

Ba thứ ma kể trên đều là ma nơi bản thân, chỉ có thiên ma là ở ngoài. Yêu ma, quỷ quái bên ngoài đến chướng ngại ta, gây phiền não cho ta. Nếu chúng tìm đến ta tức là trong tâm ta ắt có nội gian lôi kéo chúng nó nên chúng nó mới có sức. Trong tâm ta chẳng có nội gian, dù thiên ma sức lớn

đến đâu cũng không cách gì xâm nhập được, chúng chẳng làm gì được hết. Nội gian chính là phiền não của chúng ta! Tôi gặp rất nhiều người bị ma dựa, yêu ma quỷ quái nhập thân, đau khổ vô cùng, tinh thần suy sụp, thường nghe có tiếng người nói, hoặc thấy hình tướng hiện ra, cả ngày lẫn đêm đều chẳng yên ổn.

Ở Cựu Kim Sơn (San Francisco) có một nam đồng tu đến bảo tôi ông ta bị ma dựa đã hơn một năm, thỉnh rất nhiều pháp sư đến đuổi ma, đều không làm gì được. Tôi hỏi:

- Có phải anh rất thích thần thông hay chẳng?

Anh ta nói:

- Thưa đúng, con thích lắm.

Tôi nói:

- Có gì lạ đâu! Ưa thích thần thông chính là nội gian dẫn ma đến. Chính anh dẫn ma đến, người khác không cách gì đuổi nổi! Từ giờ trở đi, phải trừ sạch ý niệm thần thông cảm ứng đi, đừng nghĩ đến nó nữa, thành tâm thành ý niệm Phật, ma ắt phải đi. Vì anh chẳng yêu mến chúng nó nữa, chẳng thích chúng nó nữa, tự nhiên chúng phải đi.

Phàm ai bị ma dựa, tâm nhất định chẳng thanh tịnh. Quý vị tu cái tâm thanh tịnh, ma không cách gì bén mảng được, tự nhiên phải bỏ đi. Tâm thanh tịnh được chư Phật, Bồ Tát hộ niệm, được thiện thần hộ pháp bảo vệ, ma phải bỏ đi; thiên ma chẳng thể xâm phạm.

“*Được giải thoát nơi đường thế gian*”: Trong thế gian này tu tâm, tu nhân, chúng quả, thuận gió căng buồm, chẳng có chướng ngại, đạt đến tự tại.

“*Ví như hoa sen chẳng dính nước, cũng như nhật, nguyệt chẳng dùng không*”: Hai câu này là hai câu nổi tiếng của kinh Hoa Nghiêm, cổ đại đức khi chú giải kinh điển thường trích dẫn. Hai câu này là nói tỷ dụ nhằm dạy chúng ta cách tu tâm thanh tịnh. Ví như hoa sen chẳng dính nước: hãy xem hoa sen, nghĩ đến hoa sen, tâm chúng ta cũng phải thanh tịnh giống như hoa sen. Rễ hoa sen sanh trưởng trong bùn như nơi đáy ao, cọng ngập trong nước, hoa vươn lên khỏi mặt nước.

Phật ví bần như lục đạo (lục phàm), là nhiễm ô. Nước ví như bốn pháp giới (tứ thánh: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật), là thanh tịnh. Hoa nở trên mặt nước tức là chẳng nhiễm lục phàm, tứ thánh cũng chẳng nhiễm. Nói cách khác, pháp thế gian chẳng nhiễm, Phật pháp cũng chẳng nhiễm. Kinh Kim Cang nói: “*Pháp còn nên bỏ, huống là phi pháp?*” Phật pháp chúng ta tạm thời dùng, thành tựu rồi Phật pháp cũng bỏ luôn. Giống như mắc bệnh uống thuốc, bệnh lành, uống thuốc làm chi nữa?

Dùng hoa sen để diễn tả pháp, phải vượt khỏi lục phàm tứ thánh. Lục phàm tứ thánh đều phải vượt thoát hết, đó là cảnh giới nào vậy? Bất đắc dĩ phải gọi là Nhất Chân Pháp Giới. Mười pháp giới là giả, chỉ có Nhất Chân Pháp Giới là thật. Nhất là nhất tâm. Tịnh Độ Tông hay ở chỗ trực tiếp tu nhất tâm bất loạn, dùng một câu Phật hiệu, đây là phương pháp, đây là thủ đoạn, mục đích nhằm đạt đến Nhất Tâm Bất Loạn. Đạt đến Nhất Tâm tức là Nhất Chân Pháp Giới, là siêu việt lục phàm tứ thánh vậy.

Cũng như mặt trời, mặt trăng chẳng dùng trên hư không: Nhật, nguyệt vận hành trên không trung, nó chẳng ngưng lại! Chẳng ngưng thì chẳng bị trở ngại. Đây là điều đức Phật dạy chúng ta: Đối với hết thảy pháp thế gian hay xuất thế gian đều chẳng nên chấp trước. Trụ là chấp trước, tức là trong tâm quý vị có cái gì đó, quý vị nghĩ đến nó chính là “trước” (dính mắc).

Trong Thiền Tông, nếu trong tâm có mảy may chấp trước nào bèn là sai, bởi thế, Thiền Tông khó tu. Tịnh tông dạy quý vị chấp trước vào A Di Đà Phật, buông bỏ những chấp trước khác, dùng chấp trước này thay thế cho tất cả hết thảy chấp trước khác. Tâm chẳng chấp trước rất khó, bởi thế dạy quý vị chấp trước A Di Đà Phật (Phật hiệu). Niệm đến khi đại khai viên giải, niệm đến lúc đại triệt đại ngộ, A Di Đà Phật cũng chẳng cần đến nữa, bởi lẽ bệnh lành rồi, cần chi đến thuốc nữa!

Bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo dùng phương pháp Niệm Phật phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, bèn đại khai viên giải, đại triệt đại ngộ, đạt được Lý Nhất Tâm Bất Loạn. Vô minh có bốn mươi một phẩm, quý vị chỉ mới phá được một phẩm, bệnh tuy lành nhưng bệnh căn (gốc bệnh) chưa trừ. Nói cách khác, tuy không cần uống thuốc nhưng vẫn cần điều dưỡng. Để điều dưỡng thì vẫn dùng một câu Phật hiệu! Câu Phật hiệu ấy lại phá những phần vô minh kế tiếp, mãi cho đến khi thành Phật. Lúc đó, hoàn toàn dứt sạch gốc bệnh rồi, khôi phục sức khỏe rồi, đương nhiên chẳng cần đến Phật hiệu nữa; nhưng vẫn chẳng vứt bỏ Phật hiệu, vẫn tiếp tục niệm Phật, đó là đại từ đại bi niệm cho chúng sanh thấy.

Phật nào cũng niệm A Di Đà Phật, nên chúng ta phải niệm A Di Đà Phật. Phật niệm A Di Đà Phật để hóa độ chúng sanh, làm gương cho chúng sanh thấy. Trong Di Đà Yếu Giải, đại sư Ngẫu Ích viết: “*Thích Ca Mâu Ni Phật do niệm A Di Đà Phật mà thành Phật*”. Đối với hết thầy pháp, người học Phật chẳng nên chấp trước; nhưng chúng ta nghiệp chướng tập khí rất nặng, chẳng chấp trước mọi thứ thì chúng ta chưa làm được. Bởi thế, phương pháp của Tịnh tông hay ở chỗ dạy quý vị chấp trì danh hiệu, quý vị chấp trước vào một câu Phật hiệu, dốc tâm vào một chỗ, ngoại trừ danh hiệu ra, hết thầy thứ gì khác đều chẳng chấp trước.

1.10.3. Nguyên thành thực chúng sanh

Chánh kinh:

Tất trừ nhất thiết ác đạo khổ,

Đẳng dữ nhất thiết quần sanh lạc,

Như thị kinh u sát trần kiếp,

Thập phương lợi ích hằng vô tận,

Ngã thường tùy thuận chư chúng sanh,

Tận u vị lai nhất thiết kiếp,

Hằng tu Phổ Hiền quảng đại hạnh,

Viên mãn vô thượng đại Bồ Đề.

(Thầy trừ hết thầy khổ ác đạo,

Bình đẳng ban vui hết thầy loài,

Trải qua sát trần kiếp như thế,

Luôn lợi ích mười phương vô tận,

Tôi thường tùy thuận các chúng sanh,

Đến tận hết thầy kiếp vị lai,

Luôn tu hạnh Phổ Hiền rộng lớn,

Viên mãn đại Bồ Đề vô thượng)

Sau khi chính mình đã thành tựu, nhất định phải tận tâm tận lực giúp đỡ người khác, lợi ích hết thấy chúng sanh. Giúp đỡ người khác chính là công đức chân chánh, là phước báo chân chánh. Đem tiền của giúp đỡ người khác, của cải chúng ta cuộn cuộn kéo đến, vĩnh viễn dùng chẳng hết. Bồ thí pháp được thông minh trí huệ, bồ thí Vô Úy được mạnh khỏe trường thọ. Tu nhân nhất định phải được quả báo. Thiện có thiện báo, ác có ác báo. Thế gian chỉ là một cuộc nhân quả tuần hoàn lớn lao mà thôi.

Tu phước đức chẳng bằng tu công đức, trong công đức tự nhiên có phước đức, trong phước đức chưa chắc có công đức. Chỉ tu quả báo phước đức, đa số thường rất ngu si, có phước nhưng chẳng có trí huệ chân chánh. Hưởng hết phước rồi, vì kẻ đó không có trí huệ chân chánh, làm việc gì cũng bị thiếu sót, cũng lầm lỗi, chẳng khỏi bị luân hồi, chẳng khỏi đọa tam đồ, đó là chuyện rất đáng sợ. Những nơi lạc hậu trong thế gian này, đời sống vật chất khổ sở phi thường, như nhiều nơi ở Phi Châu không có cơm ăn, không có áo mặc, thật đáng cho người ta thương xót bi cảm. Chúng ta có nhiều tiền dư hãy lấy ra chút ít giúp đỡ họ. Trong hết thấy công đức, công đức dạy dỗ rất lớn. Chẳng hạn như Thích Ca Mâu Ni Phật và Không Tử, không ai chẳng tôn kính.

1.10.4. Nguyện chẳng lừa

Chánh kinh:

Sở hữu dữ ngã đồng hạnh giả,

Ư nhất thiết xứ đồng tập hội,

Thân, khẩu, ý nghiệp giai đồng đẳng,

Nhất thiết hạnh nguyện đồng tu học.

Sở hữu ích ngã thiện tri thức,

Vị ngã hiển thị Phổ Hiền hạnh,

Thường nguyện dữ ngã đồng tập hội,

Ưngã thường sanh hoan hỷ tâm.

(Tất cả ai đồng hạnh với tôi,

Trong hết thảy nơi cùng nhóm họp,

Nghiệp thân, miệng, ý đều giống nhau,

Cùng chung tu học mọi hạnh nguyện.

Mọi thiện tri thức lợi ích tôi,

Vì tôi chỉ bày hạnh Phổ Hiền,

Thường nguyện cùng tôi chung nhóm họp,

Thường sanh tâm hoan hỷ với tôi)

Chẳng lia chư Phật, chẳng lia thiện tri thức. Thiện tri thức là những người cùng tu hành với mình. Đại chúng cùng tu một nơi, nhất định phải nhờ vào Lục Hòa Kính. Lục Hòa Kính:

1) Kiến hòa đồng giải:

Kiến giải tương đồng. Cùng ưa thích một bộ kinh, cùng thích một bản chú giải, cùng thích một phương pháp tu hành như nhau; chí đồng đạo hợp. Đó là cơ sở để cùng chung tu hành.

2) Giới hòa đồng tu:

Tuân thủ phép tắc, cùng nhau tuân thủ những quy định, quy củ đã đặt ra.

3) Thân hòa đồng trụ:

Cùng sống chung một đạo tràng, cùng nghỉ ngủ một nơi, sửa đổi những tập quán xấu; cùng nhau nghiên cứu thảo luận những vấn đề đã học.

4) Khẩu hòa vô tránh:

Mọi người cùng tu dưỡng tinh thần nhường nhịn, chẳng cần phải tranh chấp. Có ý kiến bất đồng bèn từ từ giải quyết.

5) Ý hòa đồng duyệt:

Những người ở chung một chỗ, mỗi một cá nhân pháp hỷ sung mãn, nhân vì học vấn, đức hạnh ngày càng tiến bộ, tập khí phiền não ngày một giảm thiểu.

6) Lợi hòa đồng quân:

Bình đẳng thọ hưởng cuộc sống vật chất, của cải, lợi ích đều chia đều.

Gia đình tu Lục Hòa Kính nhất định hưng vượng. Công ty, cửa tiệm, tiệm buôn, những nhà chế tạo nổi tiếng nếu đối xử với nhân viên bằng Lục Hòa Kính thì sự nghiệp nhất định phát triển, khuếch trương.

1.10.5. Nguyện cúng dường

Chánh kinh:

Nguyện thường diện kiến chư Như Lai,

Cập chư Phật tử chúng vi nhiều,

Ư bỉ giai hưng quang đại cúng,

Tận vị lai kiếp vô bì yếm,

Nguyện trì chư Phật vi diệu pháp,

Quang hiển nhất thiết Bồ Tát hạnh,

Cứu cánh thanh tịnh Phổ Hiền đạo,

Tận vị lai kiếp thường tu tập.

(Nguyện thường gặp gỡ các Như Lai,

Cùng chúng Phật tử vây quanh Phật,

Thấy đều khởi cúng dường rộng lớn (9),

Hết kiếp vị lai chẳng chán mệt.

Nguyện trì diệu pháp của chư Phật,

Rạng rỡ hết thấy hạnh Bồ Tát,

Rốt ráo thanh tịnh đạo Phổ Hiền,

Hết vị lai kiếp thường tu tập)

“*Nguyện thường gặp gỡ các Như Lai, cùng chúng Phật tử vây quanh Phật*”: Phật tử là Bồ Tát. Chư Phật, Bồ Tát thời thời khắc khắc hiện diện trước chúng ta, vây quanh chúng ta. Quý vị phải biết như thế! Biết rồi, phải gieo phước.

“*Thầy đều khởi cúng dường rộng lớn*”: Câu này là trọng tâm của bài kệ. Rộng tu cúng dường là gieo phước. Trong các cách cúng dường, tối khẩn yếu là pháp cúng dường. Hết thấy các sự cúng dường bằng tài vật chẳng bằng được pháp cúng dường. Trong các pháp cúng dường, trọng yếu nhất là cúng dường bằng cách tu hành. Thấy người lành, bắt chước họ học pháp lành, thấy kẻ ác bèn tự cảnh tỉnh, đó gọi là cúng dường, là chân chánh cúng dường. Trong cảnh giới tu tâm thanh tịnh, trong cảnh giới đoạn ác tu thiện.

Thật ra, toàn bộ pháp tu hành nói gọn lại chỉ có tám chữ: thành kính, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi. Đối với người lành, chân thành cung kính, đối với người ác cũng chân thành cung kính. Nếu cung kính người thiện, chán ghét người ác thì quý vị chẳng cúng dường, chẳng tu hành!

“*Hết kiếp vị lai chẳng chán mệt*”: Tâm lớn lao, không chán mệt. Tâm không giới hạn là lớn. Giới hạn là phân biệt; chẳng phân biệt tâm bèn lớn. Tận hư không giới, khắp pháp giới đều là nhất tâm. Phân biệt, chấp trước, vọng tưởng khiến cái tâm rộng lớn của chúng ta biến thành nhỏ hẹp. Hai người ở cùng một chỗ chẳng chịu đựng nổi nhau là vì tự vạch một giới hạn giữa họ. Bỏ cái giới hạn đó đi thì tận hư không trọn pháp giới vốn chỉ là chính ta đó thôi. Kinh dạy: “*Nên quán tánh pháp giới, hết thấy chỉ là tâm tạo*”. Tận hư không trọn pháp giới, y báo, chánh báo trang nghiêm, chỉ do tâm hiện, chỉ do thức biến. Tâm tánh chính là bản lai diện mục của chính mình, là bản thể tự ta sẵn có, bởi thế tốt cùng kiếp vị lai chẳng hề chán mệt.

“*Nguyện trì diệu pháp của chư Phật*”: Tỉnh và vô tình đều là chư Phật. Mỗi một đức Phật đều thị hiện vi diệu pháp. Đèn cày tỏa sáng, dần dần cháy

hết từng chút một, đó là vi diệu pháp của nó. Bàn, ghế sắp xếp ở đây hết sức tề chỉnh để quý vị thư thả ngồi nghe kinh, đó là vi diệu pháp của nó. Hết thấy chúng sanh ngồi ở đây, tỏ vẻ mừng giận, buồn vui sai khác, đây là vi diệu pháp của họ. Làm thế nào dùng pháp môn vi diệu của chư Phật để mở bày vô lượng trí huệ của chúng ta, biến thành thiền định rất sâu của chúng ta, đây là “*nguyện trì*”. Trong lúc lục căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần, thành tựu vô lượng trí huệ, thành tựu thiền định rất sâu.

“*Quang hiển nhất thiết Bồ Tát hạnh (rạng rỡ hết thấy hạnh Bồ Tát)*”: Quang là trí quang Bát Nhã. Hiển là sáng rõ thấu lộ ra ngoài, chẳng ẩn giấu. Nói cách khác là khởi tác dụng. Bồ Tát hạnh: Thân, ngữ, ý, hành vi ba nghiệp đều là giác chẳng mê.

“*Rốt ráo thanh tịnh đạo Phổ Hiền*”: Đạo Phổ Hiền rốt ráo là công đức thù thắng. Phổ Hiền có các địa vị: Vị tiền Phổ Hiền, đương vị Phổ Hiền, và đạo hậu Phổ Hiền. Ở đây là đương vị Phổ Hiền, tức Đẳng Giác Bồ Tát. Nhà Phật tu học chỉ là tu cái tâm thanh tịnh đó thôi. Tâm thanh tịnh là nhất tâm bất loạn, tâm thanh tịnh là Thiền. Tâm thanh tịnh, thân bèn thanh tịnh, thân thanh tịnh thì cảnh giới bên ngoài không gì chẳng thanh tịnh, đó là tịnh độ. Kinh dạy: “*Tâm tịnh thì cõi nước tịnh*” và “*cảnh theo tâm chuyển*” chẳng sai! Muốn tâm được thanh tịnh thì ngoài chí thành ra còn phải bình đẳng; chẳng bình đẳng nhất định chẳng thể thanh tịnh được. Chẳng phân biệt, chấp trước là bình đẳng. Muốn tu tâm bình đẳng thì phải tu tâm từ bi; tâm từ bi dùng để khảo nghiệm sự thanh tịnh bình đẳng của quý vị. Quý vị có từ bi thì mới có thể tiếp xúc hết thấy mọi người, sự vật. Trong hết thấy người, hết thấy sự, hết thấy vật, tu tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, dùng mọi sự để luyện tâm; nếu thật sự thanh tịnh, công phu thành tựu thì gọi là Phổ Hiền Bồ Tát. Lại bỏ sạch một niệm sanh tướng vô minh đi thì gọi là “*rốt ráo thanh tịnh*”. Đây là mục tiêu tu hành cùng cực của chúng ta, đó cũng là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

“*Hết vị lai kiếp thường tu tập*”: Câu này nói sau cùng, ý nghĩa rất rộng sâu. Đã đạt đến rốt ráo, rốt ráo là viên mãn. Đã viên mãn rồi sao lại phải thường tu tập? Viên mãn rồi lại phải phát tâm thường tu tập; đó gọi là đại từ đại bi, làm gương cho người khác, giúp người chưa viên mãn; đó gọi là đạo hậu Phổ Hiền.

Đã thành Phật, trở lại địa vị Bồ Tát thì gọi là “*thả chiếc bè từ*”, cũng có những vị Bồ Tát hiện diện quanh các vị. Bồ Tát không có tướng nhất định, tùy loại hóa thân. Quý vị dùng tâm thanh tịnh nhìn hết thấy chúng sanh thì

mỗi một chúng sanh đều như Phật, Bồ Tát. Bởi vậy, Phật, Bồ Tát ở quanh chúng ta, Phật, Bồ Tát vốn chẳng lìa chúng ta, nhưng chính chúng ta chẳng nhận biết. Chư Phật, Bồ Tát thị hiện, tu học Giác - Chánh - Tịnh.

Lược Giảng Giáo Nghĩa Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên, phần 3 hết

(1) Bảy báu thượng diệu: tức là vàng, bạc, san hô (một thứ báu màu hồng, lấy từ biển), xa cừ (một thứ báu giống như bạch ngọc, có nhiều vân, giống như cằm xe tỏa ra), mã não (một thứ báu màu hồng nhạt, hình dạng giống như óc con ngựa), xích châu (ngọc trai màu đỏ), ma-ni (còn dịch là Như Ý Châu, một loại ngọc quý sáng chói, trong suốt, tương truyền có tác dụng lắng trong nước đục, lấy từ Long Cung hoặc từ khối mỡ trên đầu cá Ma Kiệt. Theo truyền thuyết, Như Ý Châu có thể mưa ra các thứ báu tùy lòng mong muốn. Ma Kiệt là một loại cá rất lớn, có con dài đến mười bảy do-tuần). Nói thất bảo cũng chỉ là ước lệ, nêu lên những thứ được coi là quý nhất, chứ các bảo vật dùng để cúng dường không chỉ hạn lượng trong mấy món này.

(2) Nhìn vào sách mà niệm là Đọc, không nhìn vào sách mà niệm là Tụng.

(3) Vô Gian có nghĩa là không dừng nghỉ, không gián đoạn. Ngũ Vô Gian tức là A Tỳ Địa Ngục, một loại địa ngục dành cho người phạm tội cực nặng. Gọi là năm thứ vô gián vì:

1) Thời vô gián: Chúng sanh trong địa ngục ấy suốt ngày suốt đêm chịu đựng hình phạt trải qua không biết bao nhiêu kiếp số, không lúc nào tạm ngừng.

2) Hình vô gián: Hình tức là thân hình. Trong địa ngục này bốn phía có tường bằng sắt vây quanh, dài một vạn tám ngàn dặm, cao một ngàn dặm, khoảng giữa lửa bốc cháy hùng hực, chỉ có một cái giường sắt, kích thước mỗi bề một vạn dặm, một người thọ phạt thấy thân mình nằm chật giường ấy, ngàn vạn người thọ tội ai nấy thấy thân mình đầy chật giường ấy, không khác gì nhau.

3) Thọ khổ vô gián: trong địa ngục, các tên gọi hình phạt, các thứ khí cụ để trừng phạt, như núi đao, rừng gươm, vạc than, chảo dầu mỗi thứ mình đều phải lần lượt nếm mùi, liên tiếp không gián đoạn.

4) Thú quả vô gián (“thú” có nghĩa là tiền đến, “thú quả” nghĩa là lúc sống tạo nghiệp gì, lúc chết sẽ chịu quả đó). Bất luận nam nữ già trẻ, giàu

nghèo, sang hèn, cũng chẳng cần biết là thiên thần hay địa quỷ, hễ vào địa ngục đều phải chịu mọi thứ khổ báo.

5) Mạng vô gián: tội nhân sa vào địa ngục này, phải thọ tội cả trăm kiếp, ngàn kiếp, vạn kiếp, mỗi một ngày sống đi chết lại vạn lần.

(4) Cưu Bàn Trà, dịch là Thủ Cung Thần (thần giữ cung điện), hình dáng xấu ác. Tỳ Xá Xà là quỷ ăn tinh khí, chuyên hút lấy tinh khí nơi thân người, là một trong những loài nga quỷ. Bộ Đa (dịch là Đại Thân hay Tụ Sanh), cũng là một loài quỷ thích ăn thịt, uống máu người, là loại quỷ độc ác nhất.

(5) Phụ tướng: phụ là giúp đỡ, hộ trì, Phụ Tướng là các quan thân cận giúp nhà vua cai trị, xử lý sự vụ triều chính.

(6) Bồ Đề Đạo Tràng: nơi đức Phật thành Phật, như đức Phật Thích Ca ngồi dưới gốc cây Tất Bát La (Pipala) thiên định chứng đạo, nên cây ấy có tên là cây Bồ Đề.

(7) Kệ gọi đủ là kệ tụng. Tụng có nghĩa là ca ngợi, xưng tụng. Có tám loại kệ tụng:

1) Cô Khởi: bài kệ độc lập, không nhắc lại ý nghĩa đã giảng trong kinh văn.

2) Trùng Tụng: nhắc lại những ý nghĩa đã giảng trong phần trước hàng.

3) Phức Tụng: Trước khi giảng, hoặc khi giảng khá sâu rồi, có những thính chúng chưa thể hiểu rõ, bèn dùng kệ tụng nói nghĩa hơi cạn một chút để người nghe lãnh hội.

4) Quảng Tụng: Dùng kệ tụng để giảng rộng thêm ý nghĩa đã nói trong phần Trước Hàng.

5) Lược Tụng: Nhắc sơ lược lại những ý đã giảng thật chi tiết trong phần Trước Hàng.

6) Kết Tụng: Dùng kệ tụng kết thúc lại một đoạn kinh văn để người nghe dễ ghi nhớ.

7) Siêu Tụng: phần kệ tụng được nói trước khi giảng.

8) Truy Tụng: phần kệ tụng tiếp theo ngay phần Trường Hàng. Ý nghĩa có thể liên quan hay không liên quan đến phần Trường Hàng. Nếu nói rộng, các loại tụng kê trên ngoại trừ Cô Khởi và Siêu Tụng đều là Truy Tụng cả.

(8) Sát trần: bụi trong một cõi Phật, tức là đem một cõi Phật nghiền nát thành bụi, số bụi đó gọi là “sát trần”.

(9) Cúng dường rộng lớn: Cúng dường rộng lớn vì gồm đủ sáu điều:

1) Tâm lớn: Người cúng dường chư Phật, phát nguyện tâm cúng dường chư Phật rất lớn, thường cúng dường chẳng gián đoạn, tâm vĩnh viễn chẳng mệt mỏi, chán nản.

2) Vật phẩm cúng dường lớn: Tài cúng dường, pháp cúng dường, hết thảy đều rất hoàn bị.

3) Phước điền lớn

4) Nhiếp thủ công đức thù thắng của mười nguyện vương Phổ Hiền rất to lớn.

5) Nhân lớn: Nhân tu hành của Bồ Tát thanh tịnh vì cúng dường đễ tu Phật đạo. Bởi thế kết thành quả Bồ Đề cũng rất thanh tịnh.

6) Thời lớn: Luôn cúng dường chẳng ngừng nghỉ, đến tận vị lai kiếp không ngừng nghỉ.

1.10.6. Nguyện lợi ích:

Chánh kinh:

Ngã w nhất thiết chư hữu trung,

Sở tu phước trí hằng vô tận,

Định, huệ, phương tiện cập giải thoát,

Hoạch chư vô tận công đức tạng,

Nhất trần trung hữu trần số sát,

Nhất nhất sát hữu nan tư Phật,

Nhất nhất Phật xử chúng hội trung,

Ngã kiến hàng diển Bồ Đề hạnh.

(Tôi ở trong hết thấy các cõi (1),

Tu tập phước trí hằng vô tận,

Định, huệ, phương tiện và giải thoát,

Được vô tận các kho công đức,

Trong mỗi trần có trần số cõi,

Mỗi một cõi có nan tư Phật,

Mỗi một đức Phật ngự chúng hội,

Tôi thấy thường diển hạnh Bồ Đề)

Năm đoạn đầu thiên trọng tự học, thành tựu chính mình. Trong nguyện này, mình đã thành tựu rồi thì phải giúp đỡ người khác giống như chư Phật, Bồ Tát. Tự mình đã tu thành, không còn việc gì nữa thì phải giúp đỡ người khác sao cho họ cũng không còn có việc gì nữa. Phật, Bồ Tát một ngày từ sáng đến tối bận suốt, nhưng cũng chẳng vui lắm ư! Vô sự mà bận, bận nhưng vô sự, tự tại thay! Khoái lạc khôn sánh! Chúng sanh bận bịu vì hữu sự, vì hữu sự nên bận, bởi thế bù đầu héo mặt, chẳng được tự tại, khổ chẳng thể nói!

“*Tôi ở trong hết thấy các cõi*”: Chữ “*nhất thiết hữu*” (hết thấy cõi) chỉ tam giới lục đạo. Có nghiệp nhân đương nhiên có quả báo. Các Hữu là cảnh giới phàm phu, chẳng phải là cảnh giới của thánh nhân. Câu này ý nói: Thả bè từ trong tam giới lục đạo để độ chúng sanh. Độ là phục vụ, giúp đỡ. Giúp đỡ hết thấy chúng sanh, vì hết thấy chúng sanh phục vụ, thì gọi là “*độ chúng sanh*”.

“*Tu tập phước trí hằng vô tận*”: Câu này nói đến sự tu học trong quá khứ, luôn tu vô tận phước trí. Vô tận công đức do trí huệ sanh ra. Định là phước, do Định mà có phước. Tâm chẳng định, chẳng có phước. Người

niệm Phật tu nhất tâm bất loạn, nhất tâm bất loạn chính là phước báo lớn nhất; làm chủ được nhân sanh vũ trụ, đó là đại phước, vô lượng phước. Trên thực tế, lợi ích chúng sanh cũng chính là lợi ích chính mình, đúng là “*người dạy cùng kẻ học cùng phát triển*”. Quý vị nhất định phải phát tâm hoằng pháp lợi sanh, việc đó có vô tận công đức đối với sự tu học phước huệ của chính quý vị.

Câu “*định, huệ, phương tiện và giải thoát*”: nói đến sự phát khởi tác dụng của phước huệ. Quyền trí là ứng dụng trí huệ vào sanh hoạt thường nhật, vào sự đãi người, tiếp vật, đó gọi là “*phương tiện giải thoát*”. Giải thoát là tự tại.

“*Được vô tận các kho công đức*”: Ba câu trước nói về tu nhân, câu này luận về quả báo. Người đó tu học đúng là có thâm hoạch, cái thâm hoạch được là vô tận công đức. Tạng là tỷ dụ, giống như kho báu. Nói một cách cụ thể, “*công đức tạng*” là trí huệ vô tận, đức năng vô tận, tài nghệ vô tận, phú quý vô tận. Thứ nào cũng đều chân thật, đều là đạt được ngay trong một đời. Y báo, chánh báo trang nghiêm nơi thế giới Cực Lạc cũng hiển hiện trong vô tận công đức tạng, tuyệt đối chẳng phải giả.

“*Trong mỗi trần có trần số cõi*”: Một Phật sát là một đại thiên thế giới. Trong một hạt vi trần có vi trần số đại thiên thế giới. Kinh Hoa Nghiêm dạy: Đó là cảnh giới một và nhiều chẳng trở ngại lẫn nhau, cũng là cảnh giới sự vô ngại. Trong lớn hiện nhỏ, chúng ta hiểu được; nhưng trong nhỏ hiện lớn, chúng ta không cách gì hiểu được. Muốn dùng tỷ dụ để diễn tả tìm chẳng ra tỷ dụ, nhưng đó là sự thật.

“*Mỗi một cõi có nan tu Phật*”: “*Nan tu*” (không thể nghĩ tượng) là chẳng thể nghĩ bàn. Trong mỗi một cõi có vô lượng vô biên Phật.

“*Mỗi một đức Phật ngự chúng hội*”: Mỗi một đức Phật trong lúc thuyết pháp giáo hóa độ sanh có vô lượng vô biên hải hội Bồ Tát vây quanh. Trong mỗi một hạt vi trần đúng là màu nhiệm chẳng thể nghĩ bàn.

“*Tôi thấy thường diễn hạnh Bồ Đề*”: Ngài trông thấy, Ngài nhập cảnh giới đó, “*diễn*” là biểu diễn. Ngài cũng vào trong các chúng hội ấy, cũng thị hiện tu Phổ Hiền hạnh, giúp Phật giáo hóa. Đó là quyền trí phương tiện giải thoát hạnh, cảnh giới ấy tối thiểu phải là bậc Bồ Tát Sơ Trụ trong Viên Giáo mới có thể làm nổi. Từ bậc Sơ Trụ trở lên trong Viên Giáo chính là người niệm Phật đạt đến Lý Nhất Tâm Bất Loạn, nói nghiêm túc thì phải là Bát Địa Bồ Tát mới có thể thật sự chứng nhập cảnh giới này. Phật tuyệt đối chẳng

nói dối, chúng ta dù là sơ học, đọc đến câu này vẫn phải bắt chước. Chỉ cần thấy nơi nào có đại chúng tụ tập, chẳng cần biết quý vị hiểu được bao nhiêu, cũng phải giảng cho mọi người đôi chút để cùng tu học pháp Giác - Chánh - Tịnh, thuyết minh công đức lợi ích của lễ kính, tán thán cho đến hồi hướng, tự lợi, lợi người. Hiện thời chúng ta có thể tu học cái nguyện lợi ích này như thế đó.

1.10.7 Nguyện chuyển pháp luân

Chánh kinh:

Phổ tận thập phương chư sát hải,

Nhất nhất mao đon tam thế hải,

Phật hải cập dữ quốc độ hải,

Ngã biến tu hành kinh kiếp hải,

Nhất thiết Như Lai ngữ thanh tịnh,

Nhất ngôn cụ chúng âm thanh hải,

Tùy chư chúng sanh ý nhạo âm,

Nhất nhất lưu Phật biện tài hải,

Tam thế nhất thiết chư Như Lai,

Ư bỉ vô tận ngữ ngôn hải,

Hằng chuyển lý thú diệu pháp luân,

Ngã thâm trí lực phổ năng nhập.

(Khấp tận mười phương biến các cõi,

Mỗi đầu lông có biến ba đời,

Biển Phật và biển các cõi nước,

*Tôi tu hành khắp suốt biển kiếp,
Hết thấy Như Lai ngữ thanh tịnh,
Một lời trọn đủ biển âm thanh,
Thuận theo tiếng chúng sanh ưa thích,
Mỗi âm sanh biển Phật biện tài,
Ba đời hết thấy các Như Lai,
Trong biển ngôn ngữ vô tận kia,
Hàng chuyển lý thú diệu pháp luân,
Sức trí sâu tôi đều nhập được)*

Chuyển pháp luân là giáo học. Bài kệ thứ nhất nói về những nơi chuyển pháp luân. Những nơi để chuyển pháp luân có thể nói là vượt ngoài tận hư không trọn pháp giới.

“*Khắp tận mười phương biển các cõi*”: trước hết nói đến đại thế giới.

“*Mỗi đầu lông có biển ba đời*”: cũng có nghĩa giống như trong một vi trần bao gồm tam thiên đại thiên thế giới ở phần trên.

“*Biển Phật và biển các cõi nước*”: Phật hải tiêu biểu cho hữu tình (hữu tình thế gian), quốc độ hải tượng trưng cho vô tình (khí thế gian). Chín pháp giới là hữu tình thế gian, các vị Phật của Tạng Giáo, Thông Giáo, Biệt Giáo cũng là hữu tình thế gian, chỉ có Phật thuộc Viên Giáo mới không là hữu tình thế gian.

“*Ngã biến tu hành kinh kiếp hải*” (*tôi tu hành khắp suốt biển kiếp*): “*Ngã biến*” là “*biến nhất thiết xứ*” (trọn khắp hết thấy nơi), “*Kinh kiếp*”: thời gian dài lâu, suốt hết thấy thời; hết thấy xứ, hết thấy thời đều tu hành. Mê tà nhiễm là bệnh, là làm lạc. Tu hành là sửa đổi những hành vi sai trái. Giác - Chánh - Tịnh là tiêu chuẩn để chúng ta tu hành.

Trong bài kệ thứ hai, Phật pháp thù thắng vì nó viên dung, đúng là chẳng thể nghĩ bàn, vì mỗi cá nhân mà thiết lập cách giáo hóa, trọn chẳng dùng một phương pháp để giáo hóa hết thầy chúng sanh. Nếu dùng một phương pháp [mà có thể giáo hóa hết thầy chúng sanh], cần gì phải giảng tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn? Có thể nói: Chỉ có một nguyên tắc bất biến, tức là Giác - Chánh - Tịnh. Chỉ cần đạt được Giác - Chánh - Tịnh thì giáo học bền viên mãn, hiệu quả bền hiện tiền. Phương pháp chẳng phù hợp căn tánh thì công phu luống uổng, chẳng thể thành tựu. Phật có đủ vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng biện tài, ứng bệnh cho thuốc, Phật tiếp xúc người thuộc căn tánh nào bền giảng cho người ấy pháp đúng như thế ấy.

Trong bài kệ thứ ba, “*Ba đời hết thầy các Như Lai*”: Tam thế chư Như Lai là quá khứ Phật, hiện tại Phật, vị lai Phật. Chúng ta thấy tất cả hết thầy chúng sanh đang hiện hữu đều là vị lai Phật. Vị lai Phật là hiện tại Phật, là quá khứ Phật, ba đời như một, ba đời chẳng hai. Nếu chia ba đời thành ba phần, quý vị chẳng thể nhất tâm, chẳng thể nhập cảnh giới đó. Hiểu rõ một chính là ba, ba chính là một, tâm quý vị bền thanh tịnh vì tâm quý vị chẳng có phân biệt. Có quá khứ, hiện tại, vị lai, nhưng chẳng có phân biệt, mẫu nhiệm ở chỗ đó. Ba đời hết thầy các Như Lai hiện diện trước chúng ta.

“*Trong biển ngôn ngữ vô tận kia*”: Mỗi một ngày từ sáng đến tối, quý vị nghe vô tận ngôn ngữ, nếu nghe hiểu được, quý vị sẽ giống như Phổ Hiền Bồ Tát.

“*Hằng chuyển lý thú diệu pháp luân*”: Họ đều thuyết pháp cho quý vị nghe đây. Thuyết những pháp nào? Dạy cho tâm địa quý vị thanh tịnh. Tất cả hết thầy chúng sanh thầy đều nói kinh Hoa Nghiêm. Một ngày từ sáng đến tối, toàn là nghe kinh Hoa Nghiêm, toàn là dạy chúng ta lễ kính chư Phật, xưng tán Như Lai, rộng tu cúng dường cho đến hồi hướng khắp tất cả, thành kính, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, nhưng quý vị nghe chẳng hiểu gì cả! Bất cứ ai đang cãi cọ, ta cũng đều nghe như kẻ đó đang giảng kinh Hoa Nghiêm. Nếu được như vậy, quý vị thật sự lãnh hội được lý thú diệu pháp luân nơi đó.

“*Sức trí sâu tôi đều nhập được*”: Phải có trí huệ sâu mới có thể nhập được cảnh giới ấy.

1.10.8. Nguyên Tịnh Độ

Chánh kinh:

*Ngã năng thâm nhập u vị lai,
Tận nhất thiết kiếp vi nhất niệm,
Tam thế sở hữu nhất thiết kiếp,
Vi nhất niệm tế ngã giai nhập.
Ngã u nhất niệm kiến tam thế,
Sở hữu nhất thiết Nhân Sư Tử,
Diệc thường nhập Phật cảnh giới trung,
Như huyễn giải thoát cập oai lực.
(Tôi có thể thâm nhập vị lai,
Tột hết thấy kiếp làm một niệm,
Tất cả hết thấy kiếp ba đời,
Làm thành một niệm, tôi đều nhập.
Trong một niệm tôi thấy ba đời,
Tất cả hết thấy Nhân Sư Tử,
Cũng thường nhập trong cảnh giới Phật,
Như huyễn giải thoát và oai lực)*

Hai bài kệ này xem ra chẳng ngoài ý nguyện Tịnh Độ, phải quan sát kỹ mới hiểu được thế nào là Tịnh Độ; điều này liên quan mật thiết đến việc niệm Phật cầu vãng sanh Tây Phương của chúng ta; kinh văn quả thật gồm chứa những ý nghĩa thanh tịnh. Bài kệ thứ nhất nói về pháp giới tánh. Kinh Đại Thừa dạy: “*Nên quán tánh pháp giới, hết thấy chỉ do tâm tạo*”. Tánh tức là bản thể; pháp giới tánh tức là bản thể của pháp giới. Phạm vi bao quát của pháp giới vô cùng rộng lớn; hết thấy pháp bao hàm trong không gian và thời gian đều gọi là pháp giới. Bài kệ thứ nhất giống như phần trên: Cảnh giới được niệm là cảnh giới lý sự vô ngại, sự sự vô ngại.

“*Tôi có thể thâm nhập vị lai*”: Vị lai còn chưa đến, do một câu này, cho thấy đương nhiên Bồ Tát cũng có thể thâm nhập quá khứ. Nói cách khác, quá khứ, hiện tại, vị lai vốn là một, chẳng phải là ba. Mê thì tựa hồ có ba giai đoạn, ngộ thì chỉ một, nhất chân mà! Kinh Kim Cang nói: “*Ba tâm bất khả đắc*”. Quá khứ tâm, hiện tại tâm, vị lai tâm, ba tâm ấy bất khả đắc, tìm lấy ba đời cũng chẳng thể được. Về tướng thì có, nhưng về Lý thì không. Mê thì có, ngộ rồi chẳng còn có nữa. Tiếp đó, Ngài nói thâm nhập bằng cách nào?

“*Tốt hết thầy kiếp làm một niệm*”: Vừa mới mở đầu kinh đã giảng về Nhất Chân pháp giới, toàn là nói về một: nhất chân, nhất âm, nhất niệm. Nhưng pháp môn Niệm Phật đây dạy trực tiếp phải tu một thứ, tức là tu nhất tâm bất loạn đây! Toàn thể pháp giới gọi là Nhất Chân, Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới là Sở Nhập (đối tượng để được chứng nhập), Nhất Tâm Bất Loạn là Năng Nhập (chủ thể thực hiện sự chứng nhập đó). Nhất Tâm Bất Loạn là Phổ Hiền hạnh nguyện. Phương pháp thuận tiện nhất để tu học Phổ Hiền hạnh nguyện là niệm A Di Đà Phật. Nếu thật sự niệm cho tốt một câu A Di Đà Phật, thì trong một câu A Di Đà Phật đã bao gồm trọn vẹn mười đại nguyện vương, không sót một điều nào của hạnh nguyện Phổ Hiền. Bởi lẽ, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, Nhất Tâm Bất Loạn cũng là vắng sanh Cực Lạc, chẳng khác gì nhau.

Muốn nghĩ đến vị lai, hoặc muốn trở về quá khứ, phải dùng phương pháp nào đây? Chỉ một niệm là được. Hễ “một” thì chẳng có giới hạn, chứ hai niệm bèn có giới hạn. Hễ có giới hạn thì không cách gì đạt được quá khứ, vị lai cả. Tiêu trừ giới hạn thì quá khứ, vị lai, hiện tại đều hiện tiền. Nói “*thâm nhập*” vốn là dư thừa, bởi lẽ chúng đã hiện tiền rồi.

Đại Kinh nói: “*Mười pháp giới một hiện chín ẩn*”. Chúng ta hiện đang sống trong nhân pháp giới (pháp giới loài người), nhân pháp giới hiện tiền chúng ta trông thấy rất rõ ràng, còn chín pháp giới kia chẳng thấy. Chín pháp giới vẫn tồn tại, vì sao lại ẩn? Là vì quý vị có giới hạn! Tiêu trừ được giới hạn thì mười pháp giới thấy đều hiện tiền, ấy là Nhất Chân pháp giới.

Làm thế nào mới chúng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác? Nhất niệm bèn chứng đắc, nhị niệm là trật rồi. Những ai tam tâm nhị ý chính là phàm phu. Tiểu Thừa, Thanh Văn, Duyên Giác, Quyền Giáo Bồ Tát đều dùng tam tâm nhị ý. Tam tâm là tâm ý thức, tâm là A Lại Da thức, Ý là Mạt Na thức, Thức là thức thứ sáu. Thanh Văn, Duyên Giác, lục đạo phàm phu thấy đều dùng cái tâm ấy, tâm đó gọi là vọng tâm. Nhất niệm là chân tâm.

Ai sử dụng nhất niệm? Chính là Thật Giáo Bồ Tát, cũng như hàng Pháp Thân đại sĩ được nói trong kinh này: trong Viên giáo thì từ Sơ Trụ trở lên, trong Biệt Giáo thì từ Sơ Địa trở lên đều dùng Nhất Tâm này. Dùng được chân tâm thì là chân tu hành. Tột cùng hết thấy kiếp làm thành một niệm, hiểu theo mặt văn tự nghĩa là kiếp và niệm viên dung. Một kiếp thời gian dài lâu, một niệm thời gian ngắn ngủi. Thời gian dài và thời gian ngắn là một chứ không phải là hai, bởi thế Ngài mới có thể nhập được quá khứ, đến được vị lai. Trên mặt thời gian chẳng có chương ngại, sự sự vô ngại.

“Tất cả hết thấy kiếp ba đời, làm thành một niệm, tôi đều nhập”: hết thấy kiếp quá khứ, hết thấy kiếp hiện tại, hết thấy kiếp vị lai. Kinh Thiên Phật Danh nói đến ba ngàn vị Phật, quá khứ một ngàn vị Phật, hiện tại một ngàn vị Phật, vị lai một ngàn vị Phật. Phật thuyết pháp như vậy đều là tùy thuận chúng sanh mà phương tiện nói, bởi lẽ trong cảnh giới của chúng sanh đúng thật là như thế. Phật thuyết pháp chia thành hai loại lớn, Phật dùng Nhị Đế để thuyết pháp: Chân Đế và Tục Đế. Tục Đế là tùy thuận sự thấy biết của chúng sanh mà nói, Chân Đế là thuận theo cảnh giới chính Ngài đã chứng để nói. Chân, Tục chẳng hai. Ở đây hoàn toàn giảng pháp môn Bất Nhị, cảnh giới giải thoát chẳng thể nghĩ bàn, chúng ta chẳng để gì lãnh hội nổi.

Một và nhiều tương tức (một tức là nhiều, nhiều tức là một), niệm và kiếp viên dung, sự lý vô ngại, sự sự vô ngại. Đây vốn là cảnh giới của chúng ta. Hôm nay chúng ta trông thấy thần thông rộng lớn chẳng thể nghĩ bàn, nhờ đó chúng ta hiểu được mình vốn là như thế. Hiện tại đâu đâu ta cũng gặp chướng ngại, gặp phải cảnh đáng thương như thế, rất phải nên hổ thẹn. Sa chân đến nông nổi này là vì chúng ta chẳng biết dụng tâm, dùng nhầm cái tâm, dùng nhầm vọng tâm. Chúng ta càng phân biệt nhiều, càng chấp trước nhiều, vọng tưởng càng nhiều, đau khổ càng nhiều. Phân biệt, chấp trước, vọng niệm càng ít thì tinh thần càng sung sướng, càng ít phiền não.

Phiền não do tự quý vị sanh, chẳng phải người ngoài tạo ra. Người khác chửi quý vị, quý vị có nhận lấy thì quý vị mới phiền não; giống như người ta tặng quà cho mình, mình nhận lấy vậy. Nếu quý vị chẳng tiếp nhận, làm sao phiền não sanh? Vì sao người ta chửi người khác, quý vị chẳng sanh phiền não? Là vì người khác bị chửi, chính mình chẳng sanh phân biệt, chấp trước. Danh tự là giả danh. Nương vào danh tự để chửi thì chửi không được, nương vào thân thể để chửi thì thân thể là giả tướng Tứ Đại Ngũ Âm hòa hợp, thân cũng chẳng phải là Ta. Người ta chửi quý vị, quý vị chẳng nhận lấy bèn được đại tự tại. Quý vị dùng vọng tâm bèn tiếp nhận; quý vị dùng chân tâm thì trong chân tâm một pháp chẳng lập. Vốn chẳng có một vật, chỗ nào

nhuộm bụi trần? Đó là chân tâm, trong chân tâm vốn chẳng có một vật, không gì dính vào được, bởi thế tự tại. Người học Phật phải biết dùng tâm.

“Trong một niệm tôi thấy ba đời, tất cả hết thấy Nhân Sư Tử”: Hiện tại chúng ta dùng pháp môn Niệm Phật, niệm A Di Đà Phật tức là huấn luyện “nhất niệm” của chúng ta. Muốn khôi phục “nhất niệm” chẳng dễ dàng gì, bởi lẽ phiền não tập khí từ vô lượng kiếp đến nay sức chúng quá lớn. Đi, đứng, nằm, ngồi đều khởi vọng niệm. Dùng phương pháp nào để khôi phục “nhất niệm”? Dùng một câu Phật hiệu. Một câu Phật hiệu này là thủ đoạn, là phương pháp. Trong lúc chúng ta khởi vọng niệm, chẳng cần phải quán sát ý niệm ấy là thiện niệm hay ác niệm, đáng khởi hay không nên khởi, niệm nào cũng mặc kệ, cứ một niệm vừa khởi lên bèn thay bằng A Di Đà Phật, dùng một câu A Di Đà Phật để thay thế cái niệm đó, sao cho không khởi niệm thì thôi, hễ khởi niệm bèn thành A Di Đà Phật. Đó cũng là “nhất niệm”.

Nhưng đây chẳng phải là “nhất niệm” thật sự, chỉ là tương tự “nhất niệm”, từ quá trình tương tự mới có thể chứng đắc nhất niệm chân thật. Nhất niệm chân thật là vô niệm. Nếu chúng ta nghĩ đến vô niệm thì cái vô niệm đó cũng là một ý niệm lầm lạc, chẳng phải là “nhất niệm” chân chánh. Nhất niệm chân chánh là hữu niệm lẫn vô niệm đều chẳng có, chẳng những lìa hết thấy hữu niệm mà cũng lìa vô niệm luôn, đây mới là nhất niệm.

“Nhân Sư Tử”: Sư tử trong loài người, là ví dụ dùng để chỉ Phật. Lúc niệm đến nhất niệm, tất cả hết thấy các Như Lai trong ba đời quý vị đều thấy hết. Nhất niệm là thanh tịnh, nhị niệm chẳng thanh tịnh. Tâm tịnh cõi nước tịnh, tịnh độ vốn từ đó mà có. Câu nào cũng bao gồm ý nghĩa thanh tịnh. Công phu, cương lĩnh tu hành đều nằm trong “nhất niệm”. Thời thời khắc khắc chẳng quên mất nhất niệm là tốt. Trong giai đoạn hiện tại thì thời thời khắc khắc chẳng quên A Di Đà Phật, hết thấy mọi niệm đều quy về A Di Đà Phật.

“Cũng thường nhập trong cảnh giới Phật”: Tâm tịnh, thân bèn thanh tịnh. Thân thanh tịnh, trong tâm chẳng có phiền não, thân chẳng có bệnh khổ. Thân tâm thanh tịnh thì ngoại cảnh chẳng có gì không thanh tịnh, ngay khi đó, Tịnh Độ lập tức hiện tiền. Đây là nguyên tắc, nguyên lý được giảng bởi Hoa Nghiêm, cảnh chuyển theo tâm. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật nói: *“Nếu chuyển được cảnh thì giống hết Như Lai”*. Bởi thế chúng ta phải chuyển cảnh, chớ để cảnh chuyển mình.

Chuyển cảnh bằng cách nào? Cảnh giới có hai thứ thuận và nghịch, cũng tức là thuận duyên và nghịch duyên. Hai thứ cảnh giới hiện tiền, sáu căn của chúng ta tiếp xúc, hiểu rành rẽ phân minh cảnh giới (thật sự thấy tướng rõ ráo, tướng viên mãn); như thế thì trí huệ tăng trưởng, như như bất động, đó là Nhất Niệm. Rèn luyện Nhất Tâm Bất Loạn từ nơi đó, ấy là chuyển cảnh giới. Trong thuận cảnh, đối với thể, tướng, dụng, nhân duyên, quả báo, sự lý của thuận cảnh, quý vị hoàn toàn thấy rõ ràng, thì gọi là rành rẽ phân minh. Rành rẽ phân minh, tự mình như như bất động, quyết định chẳng khởi tâm động niệm phân biệt nơi tướng cảnh giới. Chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, lại càng rành rẽ phân minh thì cảnh giới trở thành Phật, Bồ Tát, càng làm cho chúng ta thành tựu vô lượng trí huệ, thiên định rất sâu. Tu hành chỉ là có biết dụng tâm nơi cảnh giới hay không!

Phật pháp sơ quý vị chấp tướng, nên từ đầu đến cuối Đại Thừa Phật pháp chỉ phá chấp trước mà thôi. Lià hết thấy phân biệt, chấp trước, chân tướng bèn sáng tỏ. Có như vậy mới thường nhập trong cảnh giới Phật, cảnh giới ấy là cảnh giới của chư Phật Như Lai. Quý vị nhập được cảnh giới Phật mà quý vị không là Phật, thì còn ai là Phật nữa đây? Khéo dụng tâm thì cảnh giới nhân tiên, cuộc sống thực tế đều thành kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm hết. Thấy sắc, nghe tiếng, không gì chẳng phải [là kinh Hoa Nghiêm]. Trong mỗi một vi trần có trăm số Phật đều vì chúng ta giảng kinh Hoa Nghiêm, đều vì chúng ta chuyển diệu pháp luân. Do trong tâm ta khởi tâm động niệm nên tự mình bèn sanh chướng ngại, gây chướng ngại cho diệu pháp của hết thầy Như Lai, tự mình chẳng thấy, chẳng nghe, như điếc, như ngậy. Phải nhập cảnh giới, phải giữ được nhất niệm thì mới nên.

“*Như huyễn giải thoát*”: Cảnh giới được chứng bởi bậc địa thượng Bồ Tát (2) đều có một chữ Huyễn, ý nói y báo, chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới có Tướng, nhưng không có Thể.

Thể là không, bởi vậy cái Hữu ấy là Huyễn Hữu, chẳng phải là Chân Hữu. Hiểu được hết thầy pháp đều là huyễn hữu, quý vị sẽ thọ dụng tự tại, bởi quý vị chẳng chấp trước. Chẳng chấp trước thì đối với hết thầy pháp, quý vị chẳng chấp trước được mất, nên chẳng mê hoặc, chẳng tạo nghiệp, chẳng sanh phiền não, chẳng thọ quả báo. Trong hết thầy pháp, quý vị du hí thân thông, tự tại lắm! Có thể hưởng thọ hết thầy pháp, nhưng chớ có chấp trước, hễ chấp trước bèn sanh phiền não. Phải hiểu hết thầy pháp trọn chẳng thể được. Cũng giống như nằm mộng, mộng là giả, thời gian nằm mộng ngắn, lúc tỉnh bèn biết mộng là giả.

Nếu trong mộng, quý vị nhận biết mình đang mộng, thì trong mộng quý vị sẽ có thể tận hưởng hết mức. Trong mộng được vàng, quý vị chẳng sanh hoan hỷ; quý vị biết đó là giả. Trong mộng thấy cạp ăn quý vị, quý vị cũng rất khảng khái, phát tâm từ bi đem thân nuôi nó, bởi quý vị hiểu đây là giả, chính mình không có chết, chỉ là du hí thần thông. Cuộc sống hiện tại của chúng ta thật sự là mộng cảnh, thời gian dài hơn một chút đó thôi, sao quý vị còn chưa biết mình đang nằm mộng? Nếu quý vị giác ngộ thế gian giống như mộng cảnh, đối với danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần thế gian, quý vị cũng có thể tận tình hưởng thọ, nhưng trọn chẳng có ý niệm chấp trước.

Trong thế gian này, hết thấy vạn vật, chúng ta có quyền sử dụng, nhưng chẳng có quyền sở hữu. Chẳng có một thứ gì là sở hữu của quý vị cả! Nếu nói có sở hữu thì chỉ là một ý niệm hư vọng, lầm lạc; ngay đến thân thể còn chẳng sở hữu được, huống gì vật ngoài thân? Vì quyền sở hữu mà tranh giành đến đầu rơi máu chảy, một ngày từ sáng đến tối tạo phiền não, thật chẳng đáng gì! Lầm lạc quá lớn, đó gọi là mê hoặc điên đảo. Nếu đẹp được cái tâm được - mất là đẹp được tám mươi phần trăm phiền não. Đẹp được tám mươi phần trăm phiền não thì tội nghiệp cũng tiêu trừ quá nửa.

Chẳng phải là con người đến chết mới biết “mọi sự là không”, thật ra, mỗi ngày chúng ta đều chết một lần. Lúc quý vị ngủ, chẳng giống như đã chết rồi sao? Lúc ngủ say, còn cái gì là quý vị? Những thứ quý vị sở hữu đâu cả rồi? Một khi quý vị đã mộng say rồi, quý vị hoàn toàn ly khai thế giới hiện thực này. Thế giới này chẳng có một thứ là quý vị cả. Quý vị phải thường suy nghĩ đạo lý này thì mới có thể chân chánh lãnh hội sự giải thoát như huyền của Bồ Tát: Ngài thọ dụng hết thấy đại tự tại, Ngài tuyệt đối chẳng chiếm hữu cái gì, ngay cả thân thể của chính Ngài. Thân thể cũng chẳng phải là mình thì cái gì là mình vậy? Tận hư không khắp pháp giới chẳng có một pháp nào chẳng là mình cả!

Nếu một ngày nào đó, quý vị nhận ra mình đang nằm mộng, tất cả cảnh giới trong mộng đúng hay sai đều là chính mình cả thôi! Mộng do tâm chính mình biến ra, vậy thì trong mộng cảnh chẳng có pháp nào chẳng phải là mình. Trong mộng có mình, có người khác, có sơn hà đại địa, không gì chẳng phải là mình. Toàn tâm tức mộng, toàn mộng tức là tâm. Tâm là Thể, là Năng Biến, mộng cảnh là Sở Biến, là tướng phần, là hiện tượng.

Phật pháp nói: “*Toàn vọng tức là chân, toàn chân tức là vọng*”. Nói Chân là nói về Tâm. Tâm Năng Biến là chân, mộng cảnh Sở Biến là vọng. Chân - vọng chẳng hai, chân - vọng nhất như. Nhập cảnh giới này thì gọi là

chứng đắc Pháp Thân thanh tịnh. Một pháp là vạn pháp, vạn pháp chính là tự mình. Bởi vậy, đạt đến nhất niệm nhất tâm (Lý Nhất Tâm Bất Loạn) thì tận hư không khắp pháp giới chỉ là chính mình mà thôi, đó là Pháp Thân, Pháp Thân chẳng sanh chẳng diệt.

Mỗi một cá nhân chúng ta đều có Pháp Thân, tiếc là ta mê mất Pháp Thân. Người ngộ là ngộ Pháp Thân, người mê là mê Pháp Thân, mê ngộ chẳng hai. Mê là mê điều này, mà ngộ cũng là ngộ điều này. Lúc mê, cái chi cũng chẳng ít, lúc ngộ cái gì cũng chẳng nhiều, chẳng tăng giảm chút nào, mê - ngộ bất nhị. Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm chỉ giảng một sự việc này; nhập cảnh giới này được đại tự tại. Giải thoát là tự tại.

“*Oai lực*”: Oai là oai đức, mà cũng là năng lực. năng lực chẳng thể nghĩ bàn, quý vị có năng lực đến nỗi trong vũ trụ vạn hữu chẳng có một sự nào quý vị chẳng làm được. Năng lực ấy là đức năng của tự tánh. Chẳng hạn như: Người sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, ăn mặc tự nhiên, nghĩ muốn ăn thứ gì, thứ đó liền biến hiện ra ngay trước mặt. Đó là oai lực. Nhìn thấy liền no, những thứ ấy tự động biến mất. Khoa học gia giải thích đạo lý này như sau: Đó là sự chuyển biến giữa năng lượng và vật chất. Khoa học gia hiểu được lý luận, nhưng chẳng biết cách biến như thế nào.

Đức Phật dạy chúng ta: Nhất tâm là Năng Biến. Hiện thời chúng ta dùng vọng tâm nên chẳng biến được, hễ nhất tâm bèn khôi phục được năng lực ấy. Bây giờ đến nơi xa xôi chúng ta phải ngồi máy bay, phải mất mấy tiếng đồng hồ mới đến nơi. Nếu dùng nhất niệm thì tận hư không, trọn pháp giới, chẳng cần phải dựa vào bất cứ máy móc nào, trong khoảng một niệm liền đến ngay. Ở chỗ này chẳng thấy thân thể, ở chỗ kia thân thể hiện hữu, thật quá nhiệm mầu, tốc độ vượt xa tốc độ ánh sáng. Đó chính là oai lực.

1.10.9. Nguyện thừa sự

Chánh kinh:

Ư nhất mao đoan cực vi trung,

Xuất hiện tam thế trang nghiêm sát,

Thập phương trần sát chư mao đoan,

Ngã giai thâm nhập nhi nghiêm tịnh,

*Sở hữu vị lai Chiếu Thế Đăng,
Thành đạo chuyển pháp ngộ quần hữu,
Cứu cánh Phật sự thị Niết Bàn,
Ngã giai vãng nghệ nhi thân cận.*
(Trong một cực vi đầu sợi lông,
Xuất hiện ba đời cõi trang nghiêm,
Mười phương đầu lông trần số cõi,
Tôi đều thâm nhập để nghiêm tịnh,
Tất cả Đấng Soi Đời vị lai,
Thành đạo chuyển pháp giác quần sanh,
Phật sự rốt ráo hiện Niết Bàn,
Tôi đều đi đến hòng thân cận)

Bài tụng này nói về nguyện Thừa Sự, tức là thân cận chư Phật Như Lai, hoặc có thể hiểu là thân cận hết thầy thiện tri thức cũng được. Bài kệ thứ nhất hoàn toàn nói về cảnh giới.

“*Trong một cực vi đầu sợi lông*”: rất vi là nhỏ bé. Vi trần đã rất nhỏ, cực vi so với vi trần càng nhỏ hơn nữa, gọi là “lâm hư trần”, không có gì nhỏ bằng. Dem vi trần chẻ ra thì gọi là “sắc tụ vi”, sắc tụ vi lại chia nhỏ ra gọi là cực vi vi. “Vi” nói ở đây là cực vi vi, gần với hư không (quá nhỏ, hầu như không có gì), chẳng thể chia nhỏ hơn nữa. Chia nhỏ ra là không có gì hết, biến thành hư không.

Trong cực vi lại: “*Xuất hiện ba đời cõi trang nghiêm*” (*xuất hiện tam thế trang nghiêm sát*): Sát là sát-độ (ksetu), tức tam thiên đại thiên thế giới, là khu vực giáo hóa của một đức Phật. Tam thiên đại thiên thế giới thanh tịnh trang nghiêm nằm trong một cực vi vi. Vi trần “cực vi vi” chẳng phóng đại, tam thiên đại thiên thế giới chẳng rút nhỏ, lớn - nhỏ chẳng hai. Đó là cảnh

giới chẳng thể nghĩ bàn, là cảnh giới hiện lượng của Phật, chẳng thể dùng lý luận để suy lường được nổi.

“*Mười phương đầu lông trần số côi*”: Trong mười phương có vô lượng vô biên các cực vi trần nơi những đầu sợi lông như thế, trong mỗi một cực vi nơi đầu một sợi lông ấy, các côi Phật ba đời được hiện ra đương nhiên là vô lượng vô biên.

“*Tôi đều thâm nhập để nghiêm tịnh*”: Phổ Hiền Bồ Tát nói Ngài đều có thể thâm nhập [những côi ấy], đều có thể tham dự vào việc trang nghiêm các côi Phật. Tịnh độ của mỗi một đức Phật, Ngài đều đến được, không sót một côi nào. Những điều đó đều từ nhất tâm hiển hiện. Nhất tâm là quý báu, hết thấy của cái thế gian đều là giả, nhất tâm mới là của báu chân chánh, hãy nên tu nhất tâm.

“*Tất cả Đấng Soi Đời vị lai*”: Chiếu Thế Đăng là biệt hiệu của Phật.

“*Thành đạo chuyên pháp giác quần sanh*”: Chư Phật sau khi thị hiện thành Phật, nhất định chuyên pháp luân giáo hóa chúng sanh. Mục đích của việc giáo hóa là giác ngộ quần hữu. Chữ “*hữu*” chỉ chúng sanh. Có nghiệp nhân Dục Giới bèn thọ sanh trong Dục Giới. Có nghiệp nhân Sắc Giới bèn thọ sanh trong Sắc Giới. Phật thuyết pháp khiến cho ba cõi sáu đường hết thấy chúng sanh khai ngộ.

“*Phật sự rốt ráo hiện Niết Bàn*”: Phật sự là sự nghiệp giáo hóa chúng sanh; rốt ráo là viên mãn. Giáo hóa viên mãn rồi, tối hậu bèn thị hiện nhập Niết Bàn. Thích Ca Mâu Ni Phật trụ thế tám mươi năm, những chúng sanh căn cơ chín muồi được độ không còn sót một ai, đã độ hết cả rồi. Dầu Phật chẳng tại thế, cứ tu học đúng theo kinh điển Phật cũng được thành tựu giống như thế. Tín nguyện trọn vẹn trăm phần trăm là kẻ “căn cơ chín muồi”.

Sau khi Phật diệt độ, pháp môn thật sự có thể tiếp dẫn kẻ căn cơ thuần thực chỉ có mỗi mình pháp môn Tịnh Độ. Đối với pháp môn Tịnh Độ tin tưởng sâu xa chẳng nghi ngờ, phát nguyện cầu sanh, không ai không sanh về. Chỉ cần vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn được độ thoát, chẳng khác gì thành tựu của hàng đệ tử được Phật Thích Ca Mâu Ni độ khi Ngài còn tại thế, thậm chí còn thù thắng hơn. Tướng căn cơ chín muồi là: chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn. Nếu tu hành tin tưởng sâu, nguyện thiết tha, chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp, người ấy là căn tánh thượng thượng, trong vòng ba năm nhất định có thành tựu lớn.

“Tôi đều đi đến hòng thân cận” là câu nói tổng kết. Phổ Hiền Bồ Tát thân cận thừa sự chư Phật Như Lai, chẳng bỏ sót một vị Phật nào.

1.10.10. Nguyện thành Chánh Giác

Chánh kinh:

*Tốc tạt châu biến thân thông lực,
Phổ môn biến nhập Đại Thừa lực,
Trí hạnh phổ tu công đức lực,
Oai thần phổ phú đại từ lực,
Biến tịnh trang nghiêm thắng phước lực,
Vô trước vô y trí huệ lực,
Định huệ phương tiện oai thần lực,
Phổ năng tích tập Bồ Đề lực,
Thanh tịnh nhất thiết thiện nghiệp lực,
Tồi diệt nhất thiết phiền não lực,
Hàng phục nhất thiết chư ma lực,
Viên mãn Phổ Hiền chư hạnh lực.*

*(Sức thần thông trọn khắp mau chóng,
Sức phổ môn nhập khắp Đại Thừa,
Sức trí hạnh tu mọi công đức,
Sức đại từ oai thần che khắp,
Sức trang nghiêm khắp tịnh thắng phước,
Sức trí huệ không vương, không nương,*

Sức định huệ phương tiện oai thần,

Sức tích tập Bồ Đề rộng khắp,

Sức thanh tịnh hết thảy thiện nghiệp,

Sức dẹp tan hết thảy phiền não,

Sức hàng phục hết thảy các ma,

Sức viên mãn các hạnh Phổ Hiền)

Bài tụng nói về nguyện thành Chánh Giác. Kinh văn nêu lên mười hai sức, chín loại đầu nói về nghiệp dụng, ba loại sau nói về “kết nhân thành quả”. Nghiệp là sự nghiệp, hành động, hoạt động. Trong hết thảy hoạt động đều được đại tự tại.

Thứ nhất, Ngài có “*sức thần thông trọn khắp mau chóng*”: “*Tốc tạt*” là mau chóng. Các cõi Phật trong mười phương, Ngài vừa nghĩ đến liền đến, còn có thể trở về quá khứ, đi đến vị lai, mười phương ba đời thông đạt vô ngại, cứ nghĩ đến bèn đến được, đủ thấy sức hoạt động của Ngài thật chẳng thể nghĩ bàn. Nhất niệm nhất tâm chẳng có chướng ngại, tam tâm nhị ý bèn có chướng ngại.

“*Sức phổ môn nhập khắp Đại Thừa*”: Giảng về pháp môn. Pháp môn vô lượng vô biên, bởi thế gọi là “*phổ môn*”. Vô lượng vô biên pháp môn Ngài đều có thể thông đạt. Vô lượng pháp môn đều lưu xuất từ nhất tâm. Bây giờ, chúng ta từ bất cứ pháp môn nào mà nhập, hễ nhập được thì cái mà ta chứng đắc chính là nhất tâm; bởi thế mới nói: “*Thông một môn, hết thảy môn đều thông*” (thông đạt). Môn nào cũng thông với nhất tâm, nhất chân, bởi thế gọi là “*bất nhị pháp môn*”. Mở ra nhiều môn như thế là vì phương tiện tiếp dẫn. Phật đại từ đại bi chẳng ép buộc quý vị học một môn nào, nếu miễn cưỡng học, sẽ học chẳng giỏi. Vô lượng pháp môn khiến cho mỗi cá nhân tu học đều sung sướng, thoải mái. Nếu thấy học Phật rất khổ thì phải phản tỉnh, nhất định là mình đã đi theo con đường chưa đúng.

“*Sức trí hạnh tu mọi công đức*”: Tu hành nhất định phải dựa vào trí huệ. Trí hạnh là Bát Nhã Ba La Mật, nếu hành vi ba nghiệp thân - khẩu - ý là hành vi mê lầm thì phải sửa đổi, giác chứ không mê thì gọi là “*trí hạnh*”. Hết thảy hành vi đều chiếu theo lý trí, chẳng bị mê hoặc, gọi là “*phổ tu*” (tu

khắp cả). Có vậy mới thành tựu công đức. Công đức chỉ định huệ. Định là tâm thanh tịnh, tức là nhất tâm. Huệ là điều gì cũng đều hiểu rõ.

“*Sức đại từ oai thần che khắp*”: Đặt nặng từ bi, phải dùng tâm đại từ bi đối đãi hết thấy chúng sanh. Trông thấy người ác, hay nói tổng quát là thấy những chuyện trái mắt, đó đều là những cảnh giới dạy ta tu tâm đại từ bi. Nếu trong những hoàn cảnh ấy, quý vị tu thành tựu tâm đại từ bi thì kẻ ác trở thành thiện tri thức của quý vị, là Bồ Tát. Không có họ, quý vị chẳng thể tu thành tâm từ bi.

“*Biến tịnh trang nghiêm thắng phước lực*” (sức trang nghiêm khắp tịnh thắng phước): Phước báo lớn nhất, thù thắng nhất là thân tâm thanh tịnh. Tâm địa thanh tịnh mới là sự hưởng thọ chí cao vô thượng. “*Biến tịnh*”: thân thanh tịnh, tâm thanh tịnh, hết thấy cảnh giới thanh tịnh, chẳng có một pháp nào không thanh tịnh, chẳng có một chỗ nào không thanh tịnh.

“*Sức trí huệ không vương, không nương*”: Tự hành, dạy người đều phải không vương mắc, dựa dẫm thì mới có thể thành tựu trí huệ viên mãn. Tự mình tu hành tâm thanh tịnh, giáo hóa chúng sanh tâm địa thanh tịnh, quyết định chẳng chấp trước. Tam Quy Y là quy y Giác - Chánh - Tịnh nơi tự tánh.

“*Sức định huệ phương tiện oai thần*”: Câu này thiên trọng vấn đề giáo hóa chúng sanh. Không có định huệ thì phương tiện trở thành có vấn đề. Nhà Phật thường nói: “*Từ bi lắm họa hại, phương tiện thành hạ lưu*”. Phải có định và huệ thì Phật mới có thể nhiếp thọ hết thấy chúng sanh. Định huệ khởi tác dụng chính là phương tiện từ bi. “*Sức oai thần*”: Oai là chữ để hình dung, Thần là chẳng thể nghĩ bàn, chỉ phương pháp giáo học. Thân giáo, ngôn giáo, pháp phương tiện chẳng thể nghĩ bàn.

“*Sức tích tập Bồ Đề rộng khắp*” (*Phổ năng tích tập Bồ Đề lực*): Phổ là phổ biến, tùy thời tùy chỗ tu tập vô thượng Bồ Đề.

“*Sức hàng phục hết thấy các ma*” (3)

a) Ngũ Âm Ma: là bản thân chúng ta. Thân thể ta do ngũ âm, tứ đại tụ tập thành. Hàng phục được Ngũ Âm Ma thì sanh tử tự tại.

b) Phiền Não Ma: Dẹp yên được ma phiền não thì xa lìa được bệnh khổ nơi thân tâm.

c) Tử Ma.

d) Thiên ma: Là oán thân trái chủ từ vô thủy kiếp đến nay. Quý vị muốn vượt thoát tam giới, chúng bèn đến quấy rối. Lúc lâm chung thấy thân quyến đã chết của mình, thật ra là oán gia trái chủ biến hiện thành thân quyến, người nhà của mình đến lôi kéo người chết đi theo để trả thù. Lúc lâm chung bệnh ngặt nghèo cho thấy mình chưa hàng phục được ma. Người niệm Phật công phu giỏi, biết trước lúc chết, không bệnh mà mất. Phải dùng cái tâm thanh tịnh để hàng phục ma. Tâm thanh tịnh ma chẳng dám quấy quý vị.

“*Sức viên mãn các hạnh Phổ Hiền*”: Nhân hạnh thù thắng của Phổ Hiền đều tu được, Phổ Hiền hạnh vô lượng vô biên, vậy thì phải một ngày hay một kiếp mới có thể tu được viên mãn? Niệm và kiếp viên dung, một niệm cũng như vô lượng kiếp, vô lượng kiếp cũng như một niệm. Tâm thanh tịnh bèn tu viên mãn, tâm chẳng thanh tịnh bèn tu vô lượng kiếp.

Chánh kinh:

Phổ năng nghiêm tịnh chư sát hải,

Giải thoát nhất thiết chúng sanh hải,

Thiện năng phân biệt chư pháp hải,

Năng thâm thâm nhập trí huệ hải,

Phổ năng thanh tịnh chư hạnh hải,

Viên mãn nhất thiết chư nguyện hải,

Thân cận cúng dường chư Phật hải,

Tu hành vô quyện kinh kiếp hải,

Tam thế nhất thiết chư Như Lai,

Tối thắng Bồ Đề chư hạnh nguyện,

Ngã giai cúng dường viên mãn tu,

Dĩ Phổ Hiền hạnh ngộ Bồ Đề.

*(Nghiêm tịnh trọn khắp các biển cõi,
Giải thoát hết thấy biển chúng sanh,
Khéo hay phân biệt các biển pháp,
Thâm nhập biển trí huệ rất sâu,
Thanh tịnh trọn khắp các biển hạnh,
Viên mãn hết thấy các biển nguyện,
Thân cận cúng dường các biển Phật,
Tu hành không mệt trải biển kiếp,
Ba đời hết thấy các Như Lai,
Các hạnh nguyện Bồ Đề tối thắng,
Tôi đều cúng dường, tu viên mãn,
Dùng Phổ Hiền hạnh ngộ Bồ Đề)*

Ba bài kệ này tổng kết mười khoa mục nhỏ trong phần “*phổ giai hồi hướng*”. Chữ “*hải*” biểu thị rộng sâu chẳng có ngăn mé. Phổ Hiền hạnh nguyện phải dùng tâm thanh tịnh mà tu, dùng cái tâm chân thành mà tu. Chân thành, thanh tịnh chẳng có chướng ngại, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước; bởi thế tâm lượng rộng sâu vô biên. Dùng tâm như thế để tu hành thì bất cứ hạnh nào cũng đều tương ứng tự tánh, bởi thế hạnh nào cũng sâu rộng không ngăn mé.

“*Nghiêm tịnh trọn khắp các biển cõi*”: Nghiêm là trang nghiêm, Tịnh là thanh tịnh. “*Chư sát*” là các cõi nước Phật. Câu này ý nói trang nghiêm cõi Phật. Các cõi Phật vô lượng vô biên, bởi thế dùng chữ “*hải*” để làm tỷ dụ hình dung. Câu này mang ý nghĩa rất sâu, rất rộng. Trong một lỗ chân lông có vô lượng vô biên các cõi nước Phật; mỗi một lỗ chân lông đều giống như thế. Đó là “*đại tiểu tương dung*” (lớn nhỏ chứa đựng lẫn nhau), “*đại tiểu vô ngại*”. Đại thế giới trang nghiêm và tiểu thế giới trang nghiêm chỉ là một việc. Có thể trang nghiêm tiểu thế giới sẽ có thể trang nghiêm đại thế giới; trang nghiêm được đại thế giới nhất định trang nghiêm được tiểu thế giới.

Đại thế giới và tiểu thế giới cái nào khó, cái nào dễ? Thừa cùng quý vị, không có khó dễ gì cả! Nếu đại thế giới là khó, tiểu thế giới là dễ, tức là có sai biệt, làm sao bình đẳng được? Xứng tánh chẳng có sai biệt. Vì thế nói “*hết thấy vạn pháp bình đẳng nhất vị*”. Sát (cõi nước) là hoàn cảnh sanh sống của chúng ta. Lớn thì cũng là hoàn cảnh sanh sống, mà nhỏ thì cũng là hoàn cảnh sanh sống. Phải từ đây mà hiểu câu này thì mới được thọ dụng.

Hoàn cảnh sanh sống phải tính từ tâm áo lót mình của chúng ta trở đi. Áo lót mình thuộc hoàn cảnh sanh sống. Những gì ngoài thân thể ra đều là hoàn cảnh sanh sống cả. Trang nghiêm cõi Phật phải bắt đầu từ hoàn cảnh sanh sống. Hoàn cảnh sanh sống của chúng ta chưa tốt làm sao trang nghiêm cõi Phật cho được? Y phục là hoàn cảnh sanh sống của chúng ta; mặc áo thì y phục phải sạch sẽ, tề chỉnh, thay giặt quần áo cho sạch sẽ, khô ráo, xếp gọn ghẽ cất vào tủ, đó là trang nghiêm. Ăn cơm, lau bàn cho sạch, chớ để dính dầu mỡ, tro bụi; bát đĩa phải rửa sạch, úp ngay ngắn. Đối người, đối sự, đối vật, chẳng những tâm phải thanh tịnh, mà còn phải chân thành. Với sự cũng phải làm cho đến thật viên mãn. Chẳng tận tâm tận lực làm là tâm ta chẳng thành, chẳng kính.

Bồ Tát nói Ngài có năng lực trang nghiêm khắp các biển cõi, chúng ta phải học theo. Trong sanh hoạt, mọi sự mọi vật phải cẩn thận lưu ý, điều gì cũng rất viên mãn là đã thực hiện được việc trang nghiêm cõi Phật vậy. Kinh Hoa Nghiêm dạy rất rõ: “*Một là hết thấy, hết thấy tức là một*”. Trong cuộc sống, ta đạt được thanh tịnh trang nghiêm thì mười phương các cõi Phật đương nhiên thanh tịnh trang nghiêm. Nói từ căn bản thì trang nghiêm chỉ là cái tâm thanh tịnh. Tâm tịnh, thân bèn thanh tịnh. Thân tâm thanh tịnh, lẽ nào hoàn cảnh sống của chúng ta chẳng thanh tịnh? Tự nhiên nó phải thanh tịnh theo. Đối người, đối vật đều thanh tịnh. Đó là “*phổ năng*” (khắp có thể), chúng ta phải nên tu học. Học Phật là học ở chỗ này.

“*Giải thoát hết thấy biển chúng sanh*”: Hết thấy chúng sanh, đặc biệt là phàm phu lục đạo, cuộc sống chẳng tự tại, quý vị phải giúp họ được giải thoát. Vì sao họ chẳng được tự tại? Là vì có rất nhiều ràng buộc, giống như bị dây rợ chẳng trói, chẳng cử động được, chẳng tự do. Cái gì ràng buộc vậy? Phiền não, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, ưu lự, vương víu... đều là dây trói. Những dây trói đó đều do mê mất tự tánh mà sanh khởi. Bồ Tát là người đã chân chánh giác ngộ, bởi thế phải giúp những chúng sanh ấy khai ngộ.

Trước hết, phải hiểu vì sao chúng sanh chẳng khai ngộ? Giống như thầy thuốc chữa bệnh, trước hết phải tìm ra gốc bệnh. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Thế Tôn đã nêu ra cái gốc bệnh, Ngài giảng rất minh bạch. Đức Phật nói: *“Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ, đức tướng của Như Lai, đều vì vọng tưởng, chấp trước, mà chẳng thể chứng đắc”*. Nói cách khác, mỗi cá nhân đều là Phật. Đức Phật có trí huệ nhiều và lớn, mỗi cá nhân chúng ta ai nấy đều có.

Đức tướng là thân tướng khỏe mạnh nhất, viên mãn nhất, chúng ta ai nấy đều có, toàn là thân kim cương bất hoại cả! Có những đồng tu thân thể hư nhược, tinh thần chẳng phấn chấn, quanh năm bệnh tật, gốc bệnh là do vọng tưởng, chấp trước. Bỏ được vọng tưởng, chấp trước, trí huệ bèn khôi phục, sức khỏe khôi phục, vô lượng công đức nơi tự tánh, vô lượng đức năng thấy đều khôi phục hết. Phật pháp chỉ là dạy chúng ta đoạn trừ vọng tưởng, chấp trước mà thôi.

Bồ Tát giúp hết thấy chúng sanh được đại tự tại như thế nào? Phải dẹp trừ gốc bệnh của chúng sanh, dạy chúng sanh hiểu rõ tình trạng sự thật. Vọng tưởng, chấp trước do chính mình khởi thì phải do chính mình đoạn. Chúng ta chẳng biết gốc bệnh là vọng tưởng, chấp trước; Phật, Bồ Tát một lời vạch trần, đây là các ngài gia trì chúng ta, giúp đỡ chúng ta. Từ nay trở đi, chúng ta dẹp được vọng tưởng là thành công. Vọng chẳng phải là chân, phàm là có tướng đều là vọng, chân tâm chẳng có tướng.

Ngày ngày niệm A Di Đà Phật thì câu Phật hiệu này là chân hay là vọng? Ở đây, tôi thưa thật cùng quý vị, chỉ có một câu Phật hiệu này chẳng vọng; vì nếu vọng tưởng những cái khác, quý vị phải luân hồi lục đạo. Lục đạo luân hồi lẫn mười pháp giới đều chẳng phải là chân, Nhất Chân Pháp Giới mới là chân. Thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà là Nhất Chân Pháp Giới.

Chúng ta nghĩ đến Phật A Di Đà, niệm Phật A Di Đà, tuyệt đối chẳng phải là khởi vọng tưởng; ngoài ra tất thấy đều là vọng tưởng. Tự mình đắc độ, từ nay trở đi chẳng khởi vọng tưởng. Quá khứ đã qua rồi, chẳng cần phải nghĩ đến nữa, hết như một giấc mộng. Vị lai vẫn chưa tới, nghĩ đến để làm gì? Nói đến hiện tại thì hiện tại đã chẳng có, đã qua mất rồi.

Kinh Kim Cang dạy: *“Tâm quá khứ, tâm hiện tại, tâm vị lai, ba tâm bất khả đắc”*. Nghĩ đến quá khứ, nghĩ đến hiện tại, nghĩ đến vị lai đều là vọng tưởng. Quá khứ, hiện tại, vị lai đều chẳng nghĩ đến, tự tại thay! Việc gì

chẳng liên quan đến cuộc sống của mình, ta chẳng cần biết đến. Chẳng phải là nhân vật ta phải nhận biết, ta chẳng cần biết đến, tâm bèn thanh tịnh. Cổ nhân nói: “*Càng biết nhiều việc, phiền não càng lắm*”.

Tôi khuyên các đồng tu: chẳng cần phải xem truyền hình, đừng nghe radio, chớ xem báo chí. Nghe kinh là để đoạn nghi sanh tín, tín tâm thanh tịnh bèn sanh Thật Tướng. Dùng tín tâm thanh tịnh chấp trì danh hiệu bèn có thể giúp cho hết thấy chúng sanh phá mê khai ngộ, lia khổ được vui. Nói chung, phải nhận thức rõ ràng chính mình và hoàn cảnh sanh sống của chính mình, ngàn kinh muôn luận chỉ nói một chuyện này, đó chính là luận đề trung tâm của Phật pháp vậy.

“*Khéo hay phân biệt các biến pháp*”: Pháp là hết thấy pháp. Trong hết thấy pháp, có pháp chân thật, có pháp sai biệt; chân thật là Thể. Phật nói vạn pháp đều không, nói Không là nói về Thể, đó là chân thật. Hết thấy vạn pháp đều chẳng phải thật tồn tại. Kinh Kim Cang nói: “*Phàm những gì có tướng đều là hư vọng... Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*” đều là nói về thể tánh của các pháp. Đó là chỗ giống nhau. Nếu từ Tướng và tác dụng của hết thấy pháp mà nói thì có sai biệt.

Trong vũ trụ, vạn pháp sai biệt vô lượng, vô biên, có nhiễm - tịnh, chân - vọng, tà - chánh, thị - phi, thiện - ác, quý vị phải có năng lực phân biệt. Chỉ có giáo dục mới có thể làm cho quảng đại chúng sanh phân biệt các pháp sai biệt là đúng hay sai, thiện hay ác, lợi hay hại. Phân biệt được thiện - ác, nhất định có thể đoạn ác tu thiện; phân biệt được lợi - hại, tự nhiên sẽ hướng đến cái tốt, tránh cái xấu. Chẳng nhận thức pháp sai biệt, sẽ thường coi xấu là tốt, coi ác là lành, lúc quả báo hiện tiền, có hối chẳng kịp nữa. Người niệm Phật nhiều, người vãng sanh ít là do chính mình tạo nghiệp chướng mà thôi. Vì sao tạo nghiệp? Vì chẳng hiểu rõ sự tướng chân thật. Bởi thế, chúng ta phải thường coi trọng giáo dục.

“*Thâm nhập biến trí huệ rất sâu*”: Mục đích của việc thọ trì Phật pháp là khai trí huệ, nhưng trí huệ vốn sẵn có, chớ chẳng phải từ bên ngoài đưa đến. Đọc nhuần kinh điển, đọc nhuần cổ văn, tu Căn Bản Trí là bước khởi đầu để “*thâm nhập biến trí huệ rất sâu*”; từ Vô Lượng Thọ kinh, Tứ Thư, Ngũ Kinh mà khởi sự. Chỉ có khôi phục nền giáo học Khổng Mạnh và Đại Thừa, chúng ta mới đạt được hạnh phúc chân chánh. Lợi ích công đức thù thắng nói đến trong kinh Phật chúng ta có thể đạt được, dầu chẳng đạt được viên mãn, nhưng nhất định đạt được ít phần. Gia đình mỹ mãn, sự nghiệp thành công, đều nhờ những sách giáo khoa ấy.

“Thanh tịnh trọn khắp các biển hạnh”: Có thể phân biệt tà - chánh, thị - phi, có thể thành tựu trí huệ chân thật rồi thì sau đây tự nhiên quý vị có năng lực thanh tịnh ba nghiệp thân - khẩu - ý. Tâm thanh tịnh: tư tưởng, kiến giải thanh tịnh, chẳng bị nhiễm ô, chẳng bị cảnh giới bên ngoài lay động. Ngữ thanh tịnh: nói năng câu nào, chữ nào cũng đều lợi ích chúng sanh, đều là dẫn dụ, chỉ dạy chúng sanh hướng thiện, dẫn dụ chúng sanh chứng chân; hành vi nhất định là gương mẫu cho thế gian. Đây là thanh tịnh trọn khắp các biển hạnh; có vậy rồi thì nguyện vọng của chúng ta mới hòng đạt được viên mãn.

“Viên mãn hết thấy các biển nguyện”: Bốn hoàng thế nguyện: Chúng sanh vô biên thế nguyện độ, phiền não vô tận thế nguyện đoạn, pháp môn vô lượng thế nguyện học, Phật đạo vô thượng thế nguyện thành. Mười đại nguyện Phổ Hiền, bốn mươi tám nguyện A Di Đà, chúng ta muốn chân chánh tu hành thì cũng có thể viên mãn những nguyện đó; hướng chỉ những sở nguyện sở cầu thế gian, trọn chẳng hư uổng. Trong nhà Phật, hữu cầu tất ứng, nhất định nguyện vọng sẽ được thỏa mãn. Cầu nguyện chẳng thể mãn nguyện ắt phải là do có chướng ngại. Trừ được chướng ngại rồi, có nguyện ắt thành, chuyện gì cũng xứng tâm vừa ý.

“Thân cận cúng dường các biển Phật”: Đây cũng như nói muốn chân thật tu hành thì phải nỗ lực đem những tập khí xấu, những hành vi chẳng tốt trong cuộc sống sửa đổi cho đúng, đó gọi là “tu hành”. Muốn sửa đổi cho đúng thì phải bắt đầu từ việc thân cận thiện hữu. Gần sơn thì đỏ, gần mực thì đen. Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta thân cận chư Phật (thiện tri thức) thì mới chẳng bắt chước cái xấu, đạo nghiệp quyết định thành tựu. Ngài dạy chúng ta cúng dường chư Phật, cúng dường chân chánh là y giáo phụng hành, thầy chỉ dạy sao phải nỗ lực làm như thế. Thân cận một vị giáo sư tốt chỉ đường, thân cận bạn lành thiết tha chính là mấu chốt cho việc tu hành thành công trong một đời.

“Tu hành không mệt trái biển kiếp”: Đây là Tinh Tấn. Phát tâm dài lâu, tâm thường hằng, tâm nghị lực, vĩnh viễn chẳng lùi, dũng mãnh tinh tấn, chớ sợ người khác phỉ báng. Chúng ta tu học là nhằm viên mãn thành tựu đạo nghiệp, là chân thật cống hiến cho hết thấy chúng sanh. Sự cống hiến ấy chẳng cần người khác biết, cũng chẳng cần ai tán thán. Người khác phỉ báng, lăng nhục, chửi rửa quý vị thì phải gấp cảm ơn, bởi lẽ nghiệp chướng được họ tiêu trừ giảm.

Phổ Hiền dạy cho chúng ta tấm gương như sau: Khi chưa thành Phật, tu hành trải vô lượng kiếp, thành Phật rồi, lại lui xuống làm Bồ Tát, lại phải tu hành, lại phải khởi sự từ đầu, thật là phi thường! Chẳng cần biết là trước khi thành Phật hay đã thành Phật rồi, Ngài tu hành vĩnh viễn chẳng gián đoạn. Hiện tại chúng ta tu hành vì chính mình, các Bồ Tát tu hành vì chúng sanh. Ở đây, Phổ Hiền Bồ Tát thị hiện, cũng là trì giới niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ, nêu gương tốt cho chúng ta.

“*Ba đời hết thầy các Như Lai*”: Ý nghĩa trọng yếu trong bài kệ này là ba người cùng đi, ắt có người là thầy ta, đó cũng chính là điều Thiện Tài đã hiển thị trong kinh này: Hết thầy chúng sanh đều là thiện tri thức của chúng ta, hết thầy chúng sanh trong hết thầy thời, hết thầy chỗ đều là “học xứ” (nơi để chúng ta học tập). Tam thế chư Phật: Quá khứ chư Phật và hiện tại chư Phật đều đã thành Phật, vị lai chư Phật là hết thầy chúng sanh, còn chưa thành Phật. Tất cả hết thầy chúng sanh đều là vị lai Phật. Trọng điểm của câu này là vị lai Phật. Hết thầy chúng sanh còn chưa thành Phật, có kẻ ác, có người lành, đều là học xứ của chúng ta cả. Quá khứ Phật, hiện tại Phật, trong kinh điển đức Thế Tôn đã giới thiệu, đã trần thuật những giáo huấn của hết thầy chư Phật đối với chúng sanh, chúng ta đọc đến thì phải như thuyết tu hành.

Hiện tại hết thầy đại chúng (vị lai Phật), thiện tâm, thiện nguyện, thiện hạnh của họ, ta trông thấy, nghe thấy phải sanh tâm hoan hỷ, khởi tâm cung kính, muốn học theo. Nếu chúng ta không có những thiện hạnh thì phải học theo. Những thiện nhân ấy là thiện tri thức của chúng ta. Gặp phải kẻ ác khởi ác tâm ác niệm, tạo tác hết thầy tội nghiệp, chúng ta trông thấy, nghe thấy phải phản tỉnh, chúng ta có những lỗi ấy hay chẳng? Nếu có, phải gấp sửa lỗi đổi mới. Những kẻ ác đó cũng là thầy ta (thiện tri thức). Chẳng có ai chẳng phải là thầy! Chẳng có ai chẳng phải là thiện tri thức, đều thời thời khắc khắc chỉ dạy, giúp đỡ chúng ta. Chỉ có mình ta là học trò; trừ ta ra, ai nấy đều là thầy mình hết. Bài kệ này chủ yếu dạy chúng ta đạo lý này.

“*Các hạnh nguyện Bồ Đề tối thắng*”: Tối thù thắng là quý vị biết học theo người thiện, chẳng học người ác. Gặp được người thiện phải học theo; gặp kẻ ác, phải phản tỉnh mình có những điều ác như thế chẳng, họ dạy chúng ta kiểm điểm tâm hạnh của chính mình. Con người rất thường hay chẳng thấy lỗi mình. Thấy lỗi người khác phải quay trở lại xét kỹ mình có hay không có, phải tìm cho ra. Tìm thấy lỗi mình phải sửa đổi. Những kẻ đó là ân nhân của ta, không có họ chúng ta chẳng thể phát hiện lỗi lầm của

mình. Đây là sự khai ngộ thù thắng. Tất cả hết thảy hạnh nguyện phải tu theo cách ấy.

“*Tôi đều cúng dường, tu viên mãn*”: Đối với hết thảy chúng sanh, bình đẳng cúng dường, bình đẳng lễ kính, bồi dưỡng cái tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng của chính mình. Người lành, kẻ ác, chúng ta biết phải học theo ai; thuận cảnh, nghịch cảnh, cũng phải biết nên tu như thế nào. Thuận cảnh hay nghịch cảnh đều là cảnh giới tốt, người thiện lẫn kẻ ác đều là người tốt. Người tu học như thế nhất định viên mãn thành Phật ngay trong một đời, bởi lẽ tất cả chướng ngại thảy đều chẳng có. Chướng ngại nằm trong tâm mình, tự mình tạo chướng ngại, cảnh giới bên ngoài thật sự chẳng có chướng ngại.

Chúng ta chẳng biết là tự mình chướng ngại mình, cứ sợ chướng ngại bên ngoài làm khó mình, người này chướng ngại ta, việc nọ chướng ngại ta, hoàn cảnh kia chướng ngại ta, đâu đâu cũng đều là tìm pháp ngoài tâm, chẳng biết chướng ngại thật sự phát sanh từ trong tâm! Nội tâm thanh tịnh, chân thành, sẽ đột phá tất cả hết thảy chướng ngại bên ngoài; hết thảy chướng ngại đều biến thành trợ duyên, đều giúp cho quý vị, đều thành tựu quý vị.

Sáu bài kệ tiếp theo đây quy kết Văn Thù, Phổ Hiền, nguyện đồng nhị thánh.

2. Nguyện đồng nhị thánh

Chánh kinh:

Nhất thiết Như Lai hữu trưởng tử,

Bỉ danh hiệu viết Phổ Hiền tôn,

Ngã kim hồi hướng chư thiện căn,

Nguyện chư trí hạnh tất đồng bỉ,

Nguyện thân khẩu ý hằng thanh tịnh,

Chư hạnh, sát độ diệc phục nhiên,

Như thị trí huệ hiệu Phổ Hiền,

Nguyện ngã dữ bỉ giai đồng đẳng.

(Hết thầy Như Lai có trưởng tử,

Danh hiệu Ngài là đức Phổ Hiền,

Tôi nay hồi hướng các căn lành,

Nguyện các trí hạnh đều giống Ngài,

Nguyện thân - khẩu - ý luôn thanh tịnh,

Các hạnh, cõi nước cũng giống thế.

Trí huệ như thế gọi Phổ Hiền,

Nguyện tôi cùng Ngài đều đồng đẳng)

Bài kệ này khuyên chúng ta lấy Phổ Hiền Bồ Tát làm gương, học theo Phổ Hiền Bồ Tát. Phổ Hiền Bồ Tát ở đâu? Phổ Hiền Bồ Tát chính là toàn bộ kinh Hoa Nghiêm, nhưng phẩm kinh này chính là tổng kết của kinh Hoa Nghiêm, tổng kết hết thầy những lý luận, phương pháp tu hành, cảnh giới đã giảng trong kinh Hoa Nghiêm, đúc kết thành mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Có đọc Hoa Nghiêm Sớ Sao mới thật sự hiểu rõ Phổ Hiền Bồ Tát, hiểu rõ Văn Thù Bồ Tát, biết phải học theo các ngài như thế nào.

Những tượng Phật thờ trong Phật môn đều nhằm biểu thị pháp. Chính giữa thờ Phật, Phật tượng trưng cho bản thể, tượng trưng cho Chân Như Bản Tính. Chân Như Bản Tính là thanh tịnh, trong tâm thanh tịnh một pháp chẳng lập. Bởi thế, trong hội Hoa Nghiêm, Phật chẳng thuyết pháp (Ngài là bản thể, không cách gì diễn tả được), chỉ có Bồ Tát thuyết pháp. Bồ Tát biểu thị từ Thể khởi Dụng, khởi dụng là pháp. Khởi Dụng nhất định phải dùng đến hai vị Bồ Tát làm đại biểu: Một là khởi tác dụng trí huệ (Trí), hai là khởi tác dụng hành vi (Hạnh).

Hoa Nghiêm Tam Thánh, chính giữa là Tỳ Lô Giá Na Như Lai, bên phải là Phổ Hiền Bồ Tát (biểu thị hạnh nguyện), bên trái là Văn Thù Bồ Tát (biểu thị trí huệ). Trong hội Hoa Nghiêm, Phổ Hiền là trưởng tử, Văn Thù là con thứ, nghĩa là giáo học Hoa Nghiêm lấy hạnh nguyện (thực tiễn) làm chủ,

nhưng hạnh nguyện phải kiến lập trên cơ sở trí huệ. Hạnh nguyện Phổ Hiền tối hậu là mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Chắc thật niệm Phật cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ chính là viên mãn hạnh nguyện Phổ Hiền. Kinh khuyên chúng ta phải học theo Phổ Hiền Bồ Tát.

“Nguyện thân khẩu ý luôn thanh tịnh”: Người giác không mê, chánh không tà, tịnh chẳng nhiễm thì thân - ngữ - ý của người đó đương nhiên thanh tịnh. Thân - ngữ - ý thanh tịnh là thân tâm thanh tịnh. Thân tâm thanh tịnh, cảnh giới bèn thanh tịnh.

“Các hạnh, cõi nước cũng giống thế”: Cảnh giới thanh tịnh.

“Trí huệ như thế gọi Phổ Hiền”: thân tâm, cảnh giới không gì chẳng thanh tịnh, đó gọi là Phổ Hiền.

“Nguyện tôi cùng Ngài đều đồng đẳng”: Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, là diệu pháp duy nhất được sử dụng bởi các vị Văn Thù, Phổ Hiền. Nếu chúng ta niệm Phật, tâm định nơi nhất tâm bất loạn thì sẽ chẳng khác gì Phổ Hiền cả.

Chánh kinh:

Ngã vị biến tịnh Phổ Hiền hạnh,

Văn Thù Sư Lợi chư đại nguyện,

Mãn bỉ sự nghiệp tận vô dư,

Vị lai tế kiếp hằng vô quyện,

Ngã sở tu hành vô hữu lượng,

Hoạch đắc vô lượng chư công đức,

An trụ vô lượng chư hạnh trung,

Liễu đạt nhất thiết thần thông lực,

Văn Thù Sư Lợi dũng mãnh trí,

Phổ Hiền huệ hạnh diệc phục nhiên,

Ngã kim hồi hướng chư thiện căn,

Tùy bỉ nhất thiết thường tu học.

(Tôi vì tịnh khắp hạnh Phổ Hiền,

Và các đại nguyện của Văn Thù,

Trọn sự nghiệp ấy không còn sót,

Đến tận vị lai thường chẳng mệt,

Hạnh tôi tu hành không hạn lượng,

Đạt được vô lượng các công đức,

An trụ trong vô lượng các hạnh,

Thấu rõ hết thấy sức thần thông,

Văn Thù Sư Lợi trí dũng mãnh ,

Huệ hạnh Phổ Hiền cũng giống thế,

Tôi nay hồi hướng các căn lành,

Thường tu học theo hết thấy đó)

Nguyện kiến lập trên cơ sở tín giải; hạnh lấy nguyện làm cơ sở. Phải có đại nguyện thì mới có thể tu đại hạnh.

“*Tôi vì tịnh khắp hạnh Phổ Hiền*” : Hạnh pháp Phổ Hiền thanh tịnh trang nghiêm trọn khắp. Trên thực tế, trong cuộc sống thường nhật của chúng ta, một ngày từ sáng đến tối những sự đả người, tiếp vật đều là những hạnh ấy.

“*Và các đại nguyện của Văn Thù*” : Đại nguyện của Văn Thù Sư Lợi cũng là cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ.

“*Trọn sự nghiệp ấy không còn sót*” : Sự nghiệp của Phật, Bồ Tát là giáo hóa chúng sanh, giúp đỡ người khác phá mê khai ngộ, lia khổ được vui.

“Đến tận vị lai thường chẳng mệt”: Đây là tinh thần của Phổ Hiền Bồ Tát, mười đại nguyện vương mỗi nguyện đều chẳng mệt chán.

“Hạnh tôi tu hành không hạn lượng, đạt được vô lượng các công đức”: Hai câu này nói lên thành tựu của chính mình. Trong hết thấy những gì mình hành trì, mình đã thành tựu vô lượng công đức. Công đức là định huệ, thành tựu vô lượng trí huệ cho chính mình, vô lượng thiên định (tam-muội, nhất tâm bất loạn).

“An trụ trong vô lượng các hạnh, thấu rõ hết thấy sức thần thông”: hai câu này nói đến việc giáo hóa chúng sanh. Liễu đạt là giác không mê, thị hiện năng lực lợi ích người khác.

“Văn Thù Sư Lợi trí dũng mãnh”: Bài kệ này nói lên nguyện vọng của chính mình. Chúng ta muốn được trí huệ như ngài Văn Thù, hạnh đồng Phổ Hiền. Dem hết thấy những thiện căn chính mình đã tu học hồi hướng chúng sanh, hồi hướng Bồ Đề, hồi hướng pháp giới, thường học theo Phật, thường học theo Văn Thù, Phổ Hiền.

Chánh kinh:

Tam thế chư Phật sở xưng tán,

Như thị tối thắng chư đại nguyện,

Ngã kim hồi hướng chư thiện căn,

Vị đắc Phổ Hiền thù thắng hạnh.

(Các đại nguyện tối thắng như thế,

Được tam thế chư Phật khen ngợi,

Tôi nay hồi hướng các căn lành,

Để được hạnh Phổ Hiền thù thắng)

Kết quy hồi hướng. Trước tiên nói Bồ Tát hạnh nguyện chẳng thể nghĩ bàn, là những hạnh nguyện được tam thế chư Phật khen ngợi. Tu mười đại nguyện, đem công đức hồi hướng có nghĩa là trọn chẳng chấp trước. Chẳng

hồi hướng thì công đức chỉ riêng mình có, đâu đâu cũng chấp vào chính mình, chẳng phá được Ngã Chấp. Hồi hướng là phá Ngã Chấp. Có phá Ngã Chấp thì vãng sanh Cực Lạc sẽ có thể vượt khỏi phạm vi của chính mình.

Phần kệ tụng của mười đại nguyện vương đến đây là hết, trình bày xong hết những ý nghĩa của phần Trường Hàng ở phần trước. Tiếp theo đây là phần trần thuật tánh đức thù thắng của kinh, đặc biệt là khen ngợi những công đức thù thắng của bộ kinh này.

3. Tán thán công đức thù thắng của kinh này

Chánh kinh:

Nguyện ngã lâm dục mạng chung thời,

Tận trừ nhất thiết chư chướng ngại,

Diện kiến bử Phật A Di Đà,

Tức đắc vãng sanh An Lạc sát,

Ngã ký vãng sanh bỉ quốc dĩ,

Hiện tiền thành tựu thử đại nguyện,

Nhất thiết viên mãn tận vô dư,

Lợi lạc nhất thiết chúng sanh giới,

Bử Phật chúng hội hàm thanh tịnh,

Ngã thời v thắng liên hoa sanh,

Thân đồ Như Lai Vô Lượng Quang,

Hiện tiền thọ ngã Bồ Đề ký,

Mông bử Như Lai thọ ký dĩ,

Hóa thân vô số bách câu-chi,

Trí lực quảng đại biến thập phương,

Phổ lợi nhất thiết chúng sanh giới.

(Nguyện tôi lúc mạng sắp chấm dứt,

Trừ sạch hết thấy mọi chướng ngại,

Tận mắt thấy Phật A Di Đà,

Liên được vãng sanh cõi An Lạc,

Tôi đã vãng sanh cõi ấy rồi,

Hiện tiền thành tựu đại nguyện này,

Viên mãn hết thấy không còn sót,

Lợi lạc hết thấy chúng sanh giới,

Chúng hội Phật kia đều thanh tịnh,

Khi đó tôi sanh trong sen đẹp,

Chính mắt thấy Phật Vô Lượng Quang,

Liên được Phật thọ ký Bồ Đề,

Được đức Như Lai thọ ký rồi,

Hóa thân vô số trăm câu-chi,

Trí lực rộng lớn trọn mười phương,

Lợi khắp hết thấy chúng sanh giới)

Bốn bài kệ này là phần kệ tụng trọng yếu nhất của phẩm kinh này, khái thị cho chúng ta điều trọng yếu nhất, khiến chúng ta kiên định tín tâm, học đòi Phổ Hiền Bồ Tát niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Mười sáu câu này là đại nguyện do chính Phổ Hiền Bồ Tát phát ra, Ngài cũng niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Mười sáu câu này cho thấy Phổ Hiền Bồ Tát phát nguyện vãng sanh, thọ ký thành Phật, thả chiếc bè từ phổ độ chúng sanh. Mười sáu câu này là tinh hoa của bản kinh, là phần tối tinh hoa trong những tinh hoa của

kinh Hoa Nghiêm, là đoạn văn tinh vi đẹp đẽ nhất, chúng ta phải nhớ nằm lòng.

Bài kệ thứ nhất nói lên tình hình vãng sanh và điều kiện để vãng sanh.

“*Nguyện ngã lâm dục mạng chung thời*” (*nguyện tôi lúc mạng sắp chấm dứt*): Tôi ở đây là Phổ Hiền Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Lão nhân gia phát nguyện, nguyện chính mình lúc lâm chung. “*Dục*” là sắp sửa, lúc còn chưa chết. Lúc mạng sắp chấm dứt là cửa ải khản yếu nhất. Lúc ấy, chẳng sanh Tây Phương ắt phải luân hồi; đường đi đã đến chỗ giao thoa, xem quý vị chọn lựa như thế nào, có quan hệ thiết thân đối với mỗi cá nhân đây, phải nhớ kỹ! Đây là cửa ải sanh tử; gọi là cửa ải sanh tử vì từ đó sẽ sanh về đâu, ải này tôi khản yếu.

“*Trừ sạch hết thảy mọi chướng ngại*”: Chẳng trừ khử chướng ngại, chẳng thể vãng sanh. Một đời niệm Phật, nếu lúc lâm chung chướng ngại hiện tiền, vẫn chẳng thể vãng sanh. Trừ khử chướng ngại để trong sát-na cuối cùng chẳng bị chướng ngại không thể vãng sanh là một điều kiện tối trọng yếu. Những chướng ngại nào? Vọng niệm. Trong lúc đó khởi lên một vọng niệm là hỏng rồi, chẳng đến Tây Phương được. Có đảm bảo lúc ấy chẳng khởi vọng niệm hay không? Rất khó. Bởi thế, thời khắc mấu chốt ấy phải nhờ vào bình thường dụng công, như thường nói: “*Luyện binh ngàn ngày, dùng binh một buổi*”. Niệm Phật là luyện binh, hy vọng dốc toàn bộ tinh thần chuyên chú vào một câu Phật hiệu, trừ khử ý niệm vọng tưởng, phân biệt, chấp trước.

Lúc niệm Phật chẳng khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là tâm thanh tịnh. Bình thường làm chủ được như thế, trong lúc bệnh làm chủ được như thế, làm chủ được khi bệnh sẽ làm chủ được khi sanh tử. Thấy việc vừa ý tâm bèn hoan hỷ là tâm động; thấy việc chẳng vừa lòng tâm bèn nổi nóng; mừng, giận, buồn vui, yêu ghét, ham muốn, thất tình, ngũ dục là chướng ngại.

Trong sanh hoạt thường ngày, xử sự, đãi người, tiếp vật chẳng bị ngũ dục, lục trần lay động, tâm chúng ta bèn được tự tại. Tự tại là chẳng bị hoàn cảnh mê hoặc, lay động, thì Phật hiệu quý vị niệm đó mới tính là đặc lực, công phu thành phước. Chẳng bị cảnh giới chuyên, một ngày niệm mười niệm là đủ rồi, nếu vẫn còn bị cảnh giới chuyên thì một ngày niệm mười vạn tiếng cũng chưa thấm vào đâu!

Làm sao mới chẳng bị ngoại cảnh lay chuyển? Đây là học vấn chân chánh, là công phu chân thật. Học vấn là thấy thấu suốt, công phu là buông bỏ. Buông bỏ chẳng phải là buông bỏ cảnh giới, chẳng phải là buông bỏ trên mặt Sự, mà là buông bỏ nơi tâm. Sự sự vô ngại, sự chẳng gây trở ngại. Trở ngại là do ý niệm, là tâm. Sự thì vẫn làm như cũ, nhưng lại làm càng viên mãn. Người chẳng thấy thấu suốt, buông xuống, nhìn chẳng ra thiện ác, thì phi sẽ làm chuyện lầm lạc. Thấy thấu suốt, buông xuống, tâm thanh tịnh; đối với sự vật thấy rõ ràng minh bạch, xét đoán sự việc hợp lý, chẳng lầm lỗi tí nào.

Ngàn vạn phần quý vị chớ vướng mắc vào thế sự nhân tình. Cái gì cũng buông xuống hết thì có phải là người gỗ bất nhân chăng? Có phải là biến thành kẻ ngây cuồng ư? Quý vị hiểu lầm rồi! Buông thân tâm thế giới xuống sẽ biến thành một người trí huệ nhất, đầu não là trái cầu thủy tinh, lưu ly, trong suốt lại có thể chuyển động. [Chưa buông xuống được], não chúng ta là cục gỗ vuông vức, xoay không được, phía nào cũng không hở một kẽ. Quý vị mới biết thấy thấu suốt, buông xuống là cao minh vậy! Phải nên học như thế.

Bồ Tát thấy thấu suốt, buông xuống, bởi thế trong sát-na lâm chung, trừ sạch hết thảy mọi chướng ngại. Lúc bình thường, có lúc nào Bồ Tát lại chẳng trừ sạch hết thảy mọi chướng ngại? Chướng ngại gì cũng không có, bất luận khi nào, bất luận ở đâu, tâm Ngài vĩnh viễn thanh tịnh, giống như hoa sen chẳng dính nước. Đối với thế giới ấy (Cực Lạc) có thể vãng sanh bất cứ lúc nào. Lúc nào muốn đi là đi ngay lúc đó, nghĩ không đi cũng chẳng ăn nhằm gì, không đi cũng được, sanh tử tự tại. Thân như hoa sen chẳng dính nước, sanh tử tự tại.

Muốn đến được thế giới ấy (Cực Lạc) nhất định phải buông xuống. Phải thật sự buông xuống, nhất định phải thấy thấu suốt. Thấy thấu suốt, buông xuống là công phu viên mãn thành tựu. Có những người thấy thấu suốt, nhưng buông xuống không được. Có người buông xuống được, nhưng không thấy thấu suốt. Ngày thứ nhất buông xuống được, ngày hôm sau lại hồi; ngày thứ ba lại nắm giữ lấy, buông xuống không được. Thật sự thấy thấu suốt thì lẽ đâu chẳng thể buông xuống được? Buông xuống là được đại tự tại. Buông xuống được rồi, hết thảy thọ dụng thuận theo lòng muốn.

Người chân chánh buông xuống thì mới có thể tâm tưởng sự thành, vừa khởi ý niệm sự việc liền thành tựu, rất tự tại! Ở đâu, lúc nào đều phải trừ chướng ngại, chẳng được đợi đến lúc lâm chung mới trừ. Đây thật sự là mầu

chốt thành hay bại của công phu học Phật, niệm Phật. Trong tâm thanh tịnh, chẳng có nhiệm trước, công việc vẫn làm, giống như năm mươi ba vị thiện tri thức đã nói trong kinh Hoa Nghiêm. Người kinh doanh vẫn cứ buôn bán như cũ, tâm địa thanh tịnh chẳng nhiệm trước, dù thương trường qua lại là bùn nhơ hay là nước trong, đóa sen của quý vị vẫn nở trên mặt nước, chẳng nhiệm trước; vẫn cứ làm việc như cũ, đó gọi là công phu thành tựu. Làm việc theo kiểu đó, bất luận hạnh nghiệp nào cũng không có gì chướng ngại; ấy là tu tâm.

Một câu Phật hiệu khiến thân tâm ta thanh tịnh. Có vậy mới có năng lực “*tận mắt thấy Phật A Di Đà, liền được vãng sanh cõi An Lạc*”. Cõi An Lạc tức là Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đến thế giới Cực Lạc như thế nào? Trước hết là thấy Phật, sau đó vãng sanh. Phật đến tiếp dẫn cho nên trước hết thấy Phật. Lúc thấy Phật, quang minh của Phật chiếu soi người ấy, trong quang minh người ấy thấy Phật, theo chân Phật sanh về thế giới Cực Lạc. Thật ôn hòa, thích đáng, chẳng sai chút gì! Phàm là người vãng sanh, không ai chẳng có cảnh giới như thế. Lúc dứt hơi thở bèn mỉm cười, nhất định vãng sanh, bởi họ đã thấy đức Phật. Lúc tắt thở, sắc mặt chẳng tươi, tựa hồ có gì đau khổ, có hoảng sợ, người ấy chẳng được vãng sanh. Sanh về Tây Phương rồi, tình trạng mỗi cá nhân phần lớn tương đồng.

“*Tôi đã vãng sanh cõi ấy rồi, hiện tiền thành tựu đại nguyện này*”: Phổ Hiền Bồ Tát tại cõi này phương khác tu mười đại nguyện, đều không có cách gì viên mãn được. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, được hồng nguyện oai thần của Phật A Di Đà gia trì, và được oai thần của tận hư không trọn pháp giới hết thảy chư Phật Như Lai gia trì, mười đại nguyện bèn viên mãn. Đây là xứng tánh viên mãn, là chân viên mãn.

Tuy chúng ta là phàm phu, dù chưa phá được một phẩm vô minh nào, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc bèn giống hệt như Phổ Hiền Bồ Tát, đều là tu tín nguyện trì danh, nhân đã tương đồng thì quả báo phải giống hệt. Tất cả hết thảy chúng sanh trong mười phương thế giới trên đến Đẳng Giác Bồ Tát, dưới đến chúng sanh trong địa ngục, nơi nhân địa thảy đều là tín nguyện trì danh; bởi thế, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thảy đều bình đẳng.

“*Viên mãn hết thảy không còn sót*”: Câu này chẳng thể nghĩ bàn, hết thảy viên mãn, không có gì chẳng viên mãn. “*Vô dư*” (không còn sót) là không còn mảy may nào khiếm khuyết, không mảy may gì bỏ sót, mọi thứ đều viên mãn. Chẳng hạn như: trí huệ viên mãn, đức năng viên mãn, dung

mạo viên mãn, năng lực viên mãn, nguyện vọng viên mãn, giống như chư Phật Như Lai, hết thảy đều viên mãn.

Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ khuyên những vị đồng tu nào học Mật Giáo thì nhất định phải xem ba bản kinh: Vô Lượng Thọ Kinh, A Di Đà Kinh Yếu Giải của đại sư Ngẫu Ích và Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm. Nếu chẳng chiếu theo lý luận, phương pháp trong ba kinh ấy để tu hành, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì học Mật rất khó thành tựu! Hết thảy viên mãn, có năng lực trí huệ như thế, đương nhiên là có thể “*lợi lạc hết thảy chúng sanh giới*”. Giống như chư Phật, Như Lai, cho nên có thể phổ độ hết thảy chúng sanh, ban cho chúng sanh lợi ích lớn nhất, ban cho chúng sanh khoái lạc chân chánh.

“*Chúng hội Phật kia đều thanh tịnh*”: Bài kệ này tường thuật tình hình Tây Phương Cực Lạc thế giới; đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thấy thế giới ấy thanh tịnh. Chữ “*chúng hội*” chỉ tình huống tâm trạng con người trong xã hội. Tâm địa mọi người đều thanh tịnh. Tâm thanh tịnh, thân thanh tịnh, cùng tu cùng học một chỗ. Phổ Hiền Bồ Tát thấy tướng lục hòa kính viên mãn nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới.

“*Khi đó tôi sanh trong sen đẹp*”: Khi ấy, Bồ Tát hóa sanh trong hoa sen nơi ao bảy báu trước đại giảng đường của Phật A Di Đà. Chân chánh giác ngộ, minh bạch thế giới này mọi thứ đều là hư giả. Kinh Kim Cang nói: “*Phàm cái gì có hình tướng đều là hư vọng*”. Chẳng có gì là thật cả. Kinh lại dạy: “*Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”. Pháp hữu vi là pháp có sanh, có diệt; trong thế gian này có một pháp nào chẳng sanh diệt chẳng? Con người có sanh, lão, bệnh, tử; tế bào hủy diệt, sanh mới trong từng sát-na. Đó là pháp hữu vi. Ý niệm của chúng ta suốt ngày suy bậy nghĩ bạ, vọng tưởng này dấy lên, vọng tưởng này đi mất, lại có vọng tưởng khác đến. Đó là pháp hữu vi. Tâm là pháp hữu vi, thân cũng là pháp hữu vi. Hoa, cỏ, cây cối cũng là pháp hữu vi, Xuân mọc, Hạ lớn, Thu rụng, Đông khô; sơn hà đại địa cũng là pháp sanh diệt, có thành - trụ - hoại - không. Nhờ viễn vọng kính, các nhà khoa học thấy mỗi ngày đều có tinh cầu bùng nổ hủy diệt; họ cũng phát hiện những tinh cầu mới, chứng minh điều đức Phật đã nói: Thế giới có thành - trụ - hoại - không.

Chỉ có hư không chẳng có sanh diệt, mấy ngàn năm trước hư không như thế nào, mấy ngàn năm sau hư không vẫn giống như thế. Hư không chẳng phải là pháp hữu vi mà là pháp vô vi. Trừ hư không ra, có gì chẳng phải là pháp hữu vi chẳng? Hết thảy pháp hữu vi như mộng, như huyễn, như bọt

nước, như hình bóng, đều chẳng thật, đều giả cả. Nhận thức rõ ràng là thấy thấu suốt, thấy thấu suốt nhân sanh, thấy thấu suốt thế gian. Thấy thấu suốt rồi, tự nhiên đối với chúng nó chẳng lưu luyến, chẳng vương mắc, chẳng quan tâm đến chúng nó nữa. Quan tâm đến chúng để làm gì cơ chứ? Chẳng phải là tự chuốc phiền ư?

Nếu có ai hỏi: Trong thế gian này, tôi có gia đình, vợ con, lại còn rất nhiều sự nghiệp, tôi phải làm sao đây? Thì cứ như đóng kịch, như diễn tuồng trên sân khấu vậy thôi! Đóng kịch là lên sân khấu, phân vai diễn tuồng rất thật, trong tâm biết rất rõ mình đang đóng tuồng, tất cả hết thảy chẳng ăn nhập gì đến ta cả, sao trong tâm không thanh tịnh cho được? Quý vị sống trong thế gian này là đang nhập vai đóng tuồng, rất tự tại, bởi chỉ là giả, chẳng phải thật. Lúc đóng tuồng, lúc nào phải cười bèn cười, lúc nào phải khóc bèn khóc, lúc nào phải vỗ bàn bèn vỗ bàn, chẳng phải do ý mình, mà phải theo kịch bản đã soạn, toàn là giả, hoàn toàn là không. Sống được như vậy có khác gì chư Phật, Bồ Tát đâu!

Chư Phật, Bồ Tát du hí thần thông trong thế gian này, chúng ta cũng đến du hí thần thông trong thế gian này, tự tại khoái lạc lắm! Ta đóng vở tuồng này là nhằm lợi lạc hết thảy chúng sanh giới, chúng ta giúp họ giải quyết vấn đề. Bọn họ tưởng vở tuồng ấy là thật, bèn đau khổ. Bồ Tát hóa sanh trong hoa sen, mỗi một người chúng ta đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thảy đều liên hoa hóa sanh. Thân tâm thanh tịnh, tất nhiên cảm được liên hoa hóa sanh. Nhân gian dục tình nặng nề, cảm được thai sanh; đoạn dục tình, cảm được hóa sanh. Bởi thế, nhất định phải thấy thấu suốt, buông xuống.

“Chính mắt thấy Phật Vô Lượng Quang”: Sanh về thế giới Cực Lạc, thấy được Báo Thân Phật A Di Đà. A Di Đà Phật là vô lượng đại viên mãn; trong vô lượng đại viên mãn, Phổ Hiền Bồ Tát chỉ nêu một thí dụ: quang minh, vô lượng quang minh. Phàm ai sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, mỗi mỗi đều viên mãn hết như Phật A Di Đà.

“Liên được Phật thọ ký Bồ Đề”: Ở trước đức Phật A Di Đà, được Phật thọ ký. Thọ ký là báo trước cho người ấy biết: “Lúc nào đó, ông sẽ thành Phật, trong tương lai thành Phật ở nơi đâu, danh xưng của thế giới là gì, danh hiệu lúc thành Phật, chúng sanh được độ như thế nào”.

“Được đức Như Lai thọ ký rồi”: Phổ Hiền Bồ Tát được thọ ký rồi, thấy tiền đồ rạng rỡ, thấy A Di Đà Phật được đại tự tại. Đương nhiên là chưa thành Phật, nhưng tự tại chẳng kém Phật chi mấy! Ngài bèn có thể *“hóa thân*

vô số trăm câu-chi”, có năng lực hiện vô lượng vô biên thân. Phẩm Phổ Môn nói: Nên dùng thân nào để được độ, bèn hiện thân ấy. Thật tự tại quá! Bởi thế, Phật, Bồ Tát chẳng có tướng nhất định.

Sanh về Cực Lạc, tự mình có năng lực giống như Phổ Hiền, Văn Thù, Quán Âm, Thế Chí. Chúng sanh cơ duyên chín muồi, nên dùng thân nào để độ bèn có năng lực thị hiện thân ấy. Tự mình chẳng lìa khỏi thế giới Tây Phương, mà hóa thân đến thị hiện. Tự mình theo A Di Đà Phật nghe kinh, nghe pháp, chẳng rời khỏi chỗ mình, mười phương đều có hóa thân của quý vị đến giáo hóa chúng sanh. Sanh về Cực Lạc bèn có năng lực như thế đó.

“Trí lực rộng lớn trọn mười phương”: Trí huệ Bát Nhã từ tự tánh thấu lộ, chẳng có chướng ngại, thấu xuất ra. Trí huệ ấy rộng lớn khắp trọn mười phương, tận hư không trọn pháp giới. Phật pháp từ đầu đến cuối là cầu trí huệ, từ đầu đến cuối là giảng trí huệ. Chẳng có trí huệ, chẳng thể giải quyết vấn đề. Cây vào phước báo, cây vào thân thông, giải quyết vấn đề hữu hạn; chỉ có trí huệ chân thật mới giải quyết được viên mãn hết thảy mọi vấn đề. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, được quang minh của Phật tưới rọi, nghiệp chướng tiêu trừ, đức năng trí huệ của bản tánh hiện tiền, có năng lực đến mười phương thế giới hiện đủ mọi thân, “lợi khắp hết thảy chúng sanh giới”, khiến cho hết thảy chúng sanh được lợi ích chân thật, trụ nơi trí huệ chân thật.

Chánh kinh:

Nãi chí hư không thế giới tận,

Chúng sanh cập nghiệp, phiền não tận,

Như thị nhất thiết vô tận thời,

Ngã nguyện cứu cánh hằng vô tận.

(Cho đến hư không thế giới tận,

Chúng sanh và nghiệp, phiền não tận,

Do hết thảy vô tận như thế,

Nguyện tôi rốt ráo hằng vô tận).

Trùng tuyên lời tổng kết mười đại nguyện ở phần trên, cũng là nhằm bảo chúng ta phải học theo Phổ Hiền Bồ Tát: Nguyện tâm chúng ta chẳng có lúc ngưng nghỉ. Hiện tại chúng ta cầu học, học Phật, hy vọng thành Phật, nguyện của ta chẳng có cùng tận. Thành Phật rồi, nguyện này của ta cũng chẳng ngưng dứt, giúp cho mười phương hết thấy chúng sanh. Giống như học hành ở trường, tốt nghiệp xong bèn phục vụ xã hội, đem sở học cống hiến xã hội, lợi ích đại chúng. Bồ Tát cũng giống thế, đem sở học hết thấy đại viên mãn của mình ra ứng dụng vào thân của hết thấy chúng sanh tận hư không trọn pháp giới, khiến cho hết thấy chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, tâm nguyện ấy vĩnh viễn chẳng ngưng dứt.

Chánh kinh:

Thập phương sở hữu vô biên sát,

Trang nghiêm chúng bảo cúng Như Lai,

Tôi thắng an lạc thí thiên nhân,

Kinh nhất thiết sát vi trần kiếp,

Nhược nhân u thử thắng nguyện vương,

Nhất kinh u nhĩ năng sanh tín,

Cầu thắng Bồ Đề tâm khát ngưỡng,

Hoạch thắng công đức quá u bi.

(Mười phương tất cả vô biên cõi,

Các báu trang nghiêm cúng Như Lai,

An lạc tôi thắng thí trời người,

Trải hết thấy cõi vi trần kiếp,

Nếu với nguyện vương thù thắng này,

Vừa thoảng qua tai bèn tin tưởng,

Cầu thắng Bồ Đề tâm khát ngưỡng,

Được công đức vượt hơn người trước)

Nói lên công đức lợi ích thù thắng của mười đại hạnh nguyện Phổ Hiền. Trong vô lượng vô biên tất cả thế giới chư Phật thuộc mười phương, chúng ta dùng các báu để trang nghiêm cúng dường Như Lai, dùng những sự an lạc tối thắng thí cho trời người; nào phải chỉ tu một hai ngày, mà là trải số kiếp nhiều như số vi trần của hết thủy cỗi, thời gian dài lâu không cách gì tính đếm được. Công đức bố thí cúng dường ấy rất lớn.

“Nếu với nguyện vương thù thắng này, vừa thoảng qua tai bèn tin tưởng”: Giả sử có kẻ nào đó, có thiện căn, gặp được mười đại nguyện vương thù thắng này, nghe xong hoàn toàn tin tưởng, tin rồi bèn y giáo phụng hành, *“cầu thắng Bồ Đề tâm khát ngưỡng, được công đức vượt hơn người trước”*: Bồ Đề là giác ngộ, nhất tâm nhất ý cầu đại giác thù thắng, giống như người miệng khát mong được uống nước, tâm tình khát ngưỡng giác tánh viên mãn thù thắng cũng giống như thế.

Mười đại nguyện vương là tông cương lãnh căn bản của hết thầy Như Lai giáo pháp, bởi thế nguyện vương tối thù thắng. Chẳng tu hạnh Phổ Hiền, chẳng thể thành Phật (Viên giáo Phật), chẳng thể thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nghe mười đại nguyện vương, nhất tâm nhất ý cầu Vô Thượng Bồ Đề, phát tâm tu hành như thế (cúng dường bằng cách y giáo tu hành), công đức ấy vượt xa công đức dùng trân bảo cúng dường các Như Lai trong mười phương vô lượng cõi Phật như trên đã nói.

Chánh kinh:

Tức thường viễn ly ác tri thức,

Vĩnh ly nhất thiết chư ác đạo,

Tốc kiến Như Lai Vô Lượng Quang,

Cụ thử Phổ Hiền tối thắng nguyện.

(Liên thường xa lìa ác tri thức,

Mãi lìa hết thầy các ác đạo,

Mau thấy Như Lai Vô Lượng Quang,

Đầy đủ nguyện Phổ Hiền tối thắng)

Thực hiện được mọi điều Phật giáo huấn gọi là “tin Phật”. Vĩnh viễn là ác tri thức, vĩnh viễn là các ác đạo, đây là tiêu chuẩn của việc tin Phật; chúng ta có làm được hay chăng?

“Vĩnh viễn là ác tri thức”: Người ác, việc ác, hoàn cảnh ác, chúng ta phải tách rời, phải tránh xa, chẳng được thân cận, sợ tự mình bị nhiễm do (kẻ sơ học phải lia trên mặt sự, nhưng Bồ Tát có trí huệ thì phải lia nơi tâm).

“Mãi lia hết thấy các ác đạo”: Khởi tâm động niệm đều phải thận trọng kiểm điểm: Niệm này của chúng ta là thiện hay ác? Tất cả hết thấy ác niệm phải ngưng dứt, tự nhiên chẳng đọa ác đạo.

Người tu hành phải thân cận thiện tri thức, xa lia ác tri thức. Xa lia là “kính nhi viễn chi”, tôn kính họ, nhưng chẳng học theo họ. Phải học theo thiện tri thức, lấy họ làm gương. Phải giữ tâm lòng tốt, nói lời lành, phải làm việc tốt. Tiêu chuẩn của “tốt” là lợi ích hết thấy chúng sanh, giúp hết thấy chúng sanh khai trí huệ, tu tâm thanh tịnh. Tu hành được như vậy, chẳng những được trí huệ mà còn được phước báo phú quý, mạnh khỏe, trường thọ.

Chánh kinh:

Thử nhân thiện đắc thắng thọ mạng,

Thử nhân thiện lai nhân trung sanh,

Thử nhân bất cứu đương thành tựu,

Như bỉ Phổ Hiền Bồ Tát hạnh.

(Người ấy khéo được thắng thọ mạng,

Người ấy khéo sanh trong loài người,

Người ấy chẳng lâu sẽ thành tựu,

Các hạnh như Phổ Hiền Bồ Tát)

“*Người ấy khéo được thắng thọ mạng*”: Người tu hành chiểu theo đúng phương pháp, lý luận trong kinh này, người ấy sẽ được thọ mạng thù thắng. “*Thắng thọ mạng*” là Pháp Thân thanh tịnh. Người ấy chứng đắc Pháp Thân thanh tịnh. Pháp Thân thanh tịnh là vô lượng thọ chân chánh, vô tử vô chung. Nếu căn cứ vào một đời này mà luận thì thọ mạng người ấy tối thù thắng, bởi lẽ người ấy có thể nương theo kinh này tu học, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, một đời thành tựu.

“*Người ấy khéo sanh trong loài người*”: Nương theo kinh này tu hành thì thân người quý vị có được trong đời này, thọ sanh trong loài người là khéo sanh, chứ chẳng phải là sống uổng, sống phí. Nếu quý vị chẳng hiểu giáo nghĩa Hoa Nghiêm, chẳng biết cầu sanh Tịnh Độ, một đời này thật là luống uổng, thọ mạng của cả một đời này chẳng có ý nghĩa, chẳng có giá trị gì, chẳng thể coi là thù thắng được!

“*Người ấy chẳng lâu sẽ thành tựu*”: Thành tựu là thành Phật. Nói kém hơn thì thành tựu là quyết định vãng sanh. Trong một đời này của người ấy, chẳng lâu sẽ về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân trong thế giới Sa Bà đây là thân tối hậu, đời sau là thân thượng thiện nhân trong thế giới Cực Lạc. ,

“*Các hạnh như Phổ Hiền Bồ Tát*”: Hạnh của Phổ Hiền Bồ Tát là một đời niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ, công đức viên mãn. Mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc.

Chánh kinh:

Vãng tích do vô trí huệ lực,

Sở tạo cực ác ngũ vô gián,

Tụng thử Phổ Hiền đại nguyện vương,

Nhất niệm tốc tạt giai tiêu diệt.

(Xưa kia do không sức trí huệ,

Đã tạo ngũ vô gián cực ác,

Tụng đại nguyện vương Phổ Hiền này,

Một niệm nhanh chóng tiêu diệt hết)

Trong quá khứ chẳng có trí huệ, ngu si, nên tạo rất nhiều nghiệp chướng, thậm chí ngu si đến độ đáng thương xót, chẳng hiểu rõ thiện ác. Người khác làm ác, cứ tưởng họ tạo rất nhiều sự nghiệp. Người khác làm lành, chẳng nhận ra, chẳng biết đây mới là sự nghiệp. Do chính mình ngu si, nên tư tưởng, ngôn ngữ, tạo tác bất tri bất giác gây nên rất nhiều việc ác nghiêm trọng, tạo tội nghiệp địa ngục Vô Gián, nhưng chính mình đều chẳng biết.

Nếu có kẻ hỏi: Làm thế nào phân biệt đúng sai, thiện ác? Có một phương pháp: Đọc tụng kinh điển Đại Thừa. Ở đây, Phổ Hiền Bồ Tát nói: “*Tụng đại nguyện vương Phổ Hiền này*”, đó là Ngài dạy chúng ta phương pháp. Nếu có thể thực hành theo những giáo huấn trong kinh thì là đúng; nếu chẳng làm được như thế thì sai rồi, tạo nghiệp rồi.

Chẳng hạn như: Phật dạy hiếu dưỡng phụ mẫu, chúng ta có làm được hay không, làm được đến đâu? Đối với chúng ta, cha mẹ chẳng cách ngăn, chẳng có giới hạn, ta cùng cha mẹ là một thể. Ta yêu thương, chăm sóc, quan tâm cha mẹ hoàn toàn giống như chiếu cố thân mình. Nếu nghĩ cha mẹ già cả, rồi cãi lẫy, chán ghét, khởi ý niệm đó là bất hiếu, là tạo tội nghiệp vậy. Đọc tụng Đại Thừa, đọc rồi hành theo đó thì hết thấy những tội nghiệp đã tạo trong quá khứ đều tiêu trừ.

“*Một niệm nhanh chóng tiêu diệt hết*”: Một niệm là nhất tâm. Có hai niệm tội nghiệp chẳng tiêu được! Nhất niệm tội nghiệp bèn tiêu trừ. Nhất niệm là chân tâm, nhị niệm là vọng tâm. Vọng tâm là không trí huệ, là tạo nghiệp. Nhất niệm là chân tâm, chân tâm chính là trí huệ, chân tâm chẳng tạo nghiệp. Do đây biết rằng: Kinh Di Đà thẳng thừng dạy chúng ta phải tu nhất tâm bất loạn, đó là phương pháp bậc nhất trong rất nhiều phương pháp tu hành được giảng bởi kinh Hoa Nghiêm.

Làm thế nào để đạt đến nhất niệm? Văn Thù dạy Thiện Tài, Phổ Hiền dạy Thiện Tài đều là niệm A Di Đà Phật. Chúng ta buông hết mọi ý niệm xuống, chỉ giữ mỗi một niệm A Di Đà Phật, chỉ chấp trước một niệm. Trong mười hai thời, niệm niệm đều là A Di Đà Phật, điều này chúng ta có thể làm được, chứ nhất niệm thật sự thì chúng ta chưa thể làm được. Trong mười hai thời, một câu A Di Đà Phật công phu thành phỉ, quyết định vãng sanh, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì tội nghiệp vô gián tự nhiên tiêu diệt.

Chánh kinh:

Tộc tánh chủng loại cập dung sắc,

Tướng hảo, trí huệ hàm viên mãn.

(Dòng họ, chủng loại và dung mạo,

Tướng tốt, trí huệ đều viên mãn)

“*Tộc tánh chủng loại*”: Cổ Ấn Độ có bốn giai cấp chủng tánh bất bình đẳng. Phật thuộc giai cấp Sát Đế Lợi, là dòng vua, sanh trong nhà đế vương quý tộc. Phật xuất gia rồi bèn đề xướng bốn chủng tánh bình đẳng. Bất luận trong xã hội mang thân phận địa vị nào đều chẳng quan trọng, Phật pháp bình đẳng. Thân tâm thanh tịnh, theo lời Phật răn dạy thực hành Ngũ Giới thì quý vị đúng thật là Bồ Tát. “*Dung sắc*”: dung mạo sắc tướng. Sắc thể hiện sự khỏe mạnh cường tráng. Chẳng những dung mạo đoan chánh, thân thể còn cường tráng, đó là phước báo đã tu từ đời trước.

Đệ tử Phật chân chánh y giáo phụng hành, tất nhiên “*tướng hảo, trí huệ đều viên mãn*”. Tướng chuyển theo tâm. Tâm thanh tịnh, tướng mạo thanh tịnh; tâm từ bi, tướng mạo bèn từ bi; tâm sung sướng, tướng mạo cũng sung sướng. Trong thế gian, đức Phật thị hiện ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, tướng hảo viên mãn. Chư Phật trí huệ, tướng hảo viên mãn cũng là do nhiều đời nhiều kiếp tu học hạnh Phổ Hiền nên mới được thành tựu thù thắng như thế.

Chánh kinh:

Chư ma ngoại đạo bất năng tối,

Kham vi tam giới sở ứng cúng

(Các ma ngoại đạo không khuấy được,

Đáng để ba cõi cùng cúng dường)

Người chân chánh học Phật, hết thầy yêu ma quỷ quái, hết thầy ngoại đạo, chẳng thể làm khó dễ, cũng chẳng thể chướng ngại được. Bởi lẽ, người ấy được chư Phật hộ niệm, long thiên hộ pháp thân thủ hộ, chẳng gặp phải yêu ma quỷ quái.

“*Đáng để ba cõi cùng cúng dường*”: Câu này ý nói đáng làm bậc Thiên Nhân Sư. Có thể làm gương cho trời người, có tư cách tiếp nhận sự cúng

dường của trời người, bởi lẽ người ấy là phước điền của ba cõi. Trời người cúng dường người ấy sẽ thật sự có phước báo.

Chánh kinh:

Tốc nghệ Bồ Đề đại thọ vương,

Tọa dĩ, hàng phục chư ma chúng,

Thành Đăng Chánh Giác chuyển pháp luân,

Phổ lợi nhất thiết chư hàm thức.

(Mau đến cõi Bồ Đề thọ vương,

Ngồi rồi, hàng phục các loài ma,

Thành Đăng Chánh Giác chuyển pháp luân,

Lợi khắp hết thảy các hàm thức)

Quả báo là tám tướng thành đạo. Dùng thân phận Phật xuất hiện trong thế gian giáo hóa chúng sanh.

“*Tốc nghệ*” (mau đến) ý nói tốc độ rất nhanh. Có thể thành tựu nhanh chóng như thế, cũng là do tu học hạnh nguyện Phổ Hiền đặc lực. Lấy Phổ Hiền hạnh nguyện giúp cho việc niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ thì quý vị mới có thể mau được thượng phẩm thượng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

“*Ngồi rồi*”: dưới gốc Bồ Đề, đức Phật thị hiện tướng thành đạo. Ngồi là bất động, tâm bất động chứ không phải thân bất động. Nếu thân chẳng động, làm sao giúp đỡ chúng sanh được?

“*Hàng phục các ma*”: Hàng ma phải nhờ vào định huệ, ngoài chẳng chấp tướng, trong tâm chẳng động, như như bất động, ma phải bó tay.

“*Thành Đăng Chánh Giác chuyển pháp luân*”: Thị hiện thành Phật phải giáo hóa chúng sanh, chuyển pháp luân. Chuyển pháp luân tức là triển khai nền giáo dục của đức Phật.

“*Hàm thức*” là hữu tình chúng sanh. “*Lợi khắp*”: lợi ích rộng khắp, giúp cho chúng sanh niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

Thành tựu viên mãn rồi thì phải thực hiện hồng nguyện của chính mình. Lúc mới học Phật, phát nguyện độ chúng sanh, nhưng chưa có năng lực, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, tu đến rốt ráo viên mãn mới có năng lực độ chúng sanh. Muốn thực hiện nguyện độ hết thảy chúng sanh thì nhất định phải thị hiện thành Phật trong mười phương thế giới giảng kinh, thuyết pháp phổ độ chúng sanh.

Phần đầu kệ tụng, Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta; phần sau, Ngài làm gương cho chúng ta. Trong phần sau, Ngài nói về chính ngài, khuyên chúng ta nên bắt chước, học theo ngài. Thật là từ bi đến cùng cực, so với tấm lòng yêu thương, che chở, chiếu cố của cha mẹ đối với con cái lại càng khẩn thiết, châu đáo hơn. Chúng ta không thể không cảm động!

Ba bài kệ tiếp theo đây là tổng kết, khuyên chúng ta phát tâm thọ trì, phát tâm học tập.

4. Khuyên chúc thọ trì

Chánh kinh:

Nhược nhân u thử Phổ Hiền nguyện,

Độc tụng, thọ trì cập diễn thuyết,

Quả báo duy Phật năng chứng tri,

Quyết định hoạch thắng Bồ Đề đạo.

(Nếu ai với nguyện Phổ Hiền này,

Độc tụng, thọ trì và diễn nói,

Quả báo chỉ Phật chứng biết nổi,

Quyết định đắc Bồ Đề tối thắng)

Nếu có ai đối với hạnh nguyện Phổ Hiền này mà có thể đọc tụng, thọ trì, diễn thuyết, đọc tụng thì phải dùng tâm Phật, tâm Bồ Tát, phải dùng tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm cung kính để đọc tụng. Lúc đọc tụng phải giống như đang đối trước Phật, Bồ Tát tiếp nhận lời giáo huấn, phải có ý cung kính.

“*Thọ trì*” là tiếp nhận rồi làm theo. “*Diễn thuyết*” là lợi tha. Diễn là biểu diễn, Thuyết là giải nói. Biểu diễn mười đại nguyện vương, chẳng hạn như: lễ kính chư Phật, chúng ta trông thấy bất cứ ai đều rất thành tâm thành ý cung kính, tỏ ra lễ độ, đó là biểu diễn; chứ chẳng phải là suốt ngày từ sáng đến tối đối trước tượng Phật, Bồ Tát niệm mười đại nguyện vương, nhưng đối với người khác chẳng có lấy một điểm lễ phép.

Tự mình làm rồi lại còn giải nói cho người khác, khiến người ta cũng chịu làm. Đối với những người chưa từng học Phật bèn đối xử rất tốt với họ, dần dần dẫn dụ họ học Phật. Đó là đại từ đại bi, ban cho họ lợi ích chân thật. Phải giúp đỡ chúng sanh học Phật, phá mê khai ngộ. Phải giúp đỡ cho người trong một nhà, một nhà được độ thì chòm xóm làng nước bèn được độ. Bởi lẽ nhà ấy là gia đình gương mẫu, gia đình hòa thuận, trẻ nhỏ ngoan ngoãn, chăm chỉ, lễ phép, điều hay đó mọi người đều học theo; cho nên sự học Phật của quý vị sẽ thành công. Nỗ lực đọc tụng, nỗ lực học tập. Tiếp nhận sự giáo huấn của Phật, có thực hiện được trong cuộc sống thường nhật thì sau đó mới diễn thuyết được. Quý vị chẳng thể giảng làm ý nghĩa kinh điển là vì quý vị có kinh nghiệm thực hành tâm đức, quý vị kể cho mọi người biết thì mới có thể lôi cuốn, cảm động người khác được.

“*Quả báo chỉ Phật chứng biết nổi*”: Tu học theo đúng hạnh nguyện Phổ Hiền, quả báo chẳng thể nghĩ bàn, chỉ mình đức Phật hiểu được nổi, hàng Đẳng Giác Bồ Tát đều chẳng thể biết rõ ràng, người khác càng chẳng thể hiểu được.

“*Quyết định đấng Bồ Đề tối thắng*”: Thắng Bồ Đề đạo là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, là quả vị Phật trong Viên Giáo. Công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn.

Chánh kinh:

Nhược nhân tụng thử Phổ Hiền nguyện,

Ngã thuyết thiểu phân chi thiện căn,

Nhất niệm nhất thiết tất giai viên,

Thành tựu chúng sanh thanh tịnh nguyện.

(Nếu ai tụng nguyện Phổ Hiền này,

Tôi nói chút phần căn lành ấy,

Nhất niệm hết thấy đều viên mãn,

Thành tựu chúng sanh thanh tịnh nguyện)

Nếu như có người (chỉ mọi người) đọc tụng phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện. “Ngã” là tiếng Phổ Hiền Bồ Tát tự xưng. Có chút phần thiện căn, gặp được, nghe được kinh này bèn có tâm hoan hỷ. Nếu không thiện căn, chẳng thể sanh tâm hoan hỷ. Chớ nên xem thường một điểm thiện căn. Phổ Hiền Bồ Tát nói một điểm thiện căn ngày nào đó nó sẽ thành đại thiện căn phi thường; so với ai khác thì nó nhỏ, nhưng so với lục đạo chúng sanh nó là đại thiện căn.

“*Nhất niệm hết thấy đều viên mãn*”: Nhất niệm phải tương ứng, nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật thì hết thấy đều thành tựu viên mãn. Thành tựu đó là “*thành tựu nguyện thanh tịnh hết thấy chúng sanh*”, khiến cho chúng sanh thân tâm thanh tịnh.

Chánh kinh:

Ngã thử Phổ Hiền thù thắng hạnh,

Vô biên thắng phước giai hồi hướng,

Phổ nguyện trăm nịch chư chúng sanh,

Túc vãng Vô Lượng Quang Phật sát.

(Hạnh Phổ Hiền thù thắng của tôi,

Vô biên phước quý đều hồi hướng,

Nguyện khắp mọi chúng sanh chìm đắm,

Mau sanh cõi Phật Vô Lượng Quang)

Chữ “*chúng sanh chìm đắm*” chỉ chúng sanh trong sáu đường. Phổ Hiền Bồ Tát nguyện tất cả hết thấy chúng sanh trong sáu đường đều nhanh chóng

vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Những đại hạnh Phổ Hiền Bồ Tát đã tu trong niệm niệm đều vì chúng ta hồi hướng như thế.

III. Kết Quy

Chánh kinh:

Nhĩ thời, Phổ Hiền Bồ Tát Ma Ha Tát w Như Lai tiền, thuyết thử Phổ Hiền quảng đại nguyện vương thanh tịnh kệ dĩ. Thiện Tài đồng tử dũng được vô lượng, nhất thiết Bồ Tát giai đại hoan hỷ. Như Lai tán ngôn: “Thiện tai! Thiện tai!”

Nhĩ thời, Thế Tôn dữ chư thánh giả Bồ Tát Ma Ha Tát, diễn thuyết như thị bất khả tư nghị giải thoát cảnh giới thắng pháp môn thời, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát nhi vi thượng thủ chư đại Bồ Tát cập sở thành thực lục thiên tỳ-kheo. Di Lạc Bồ Tát nhi vi thượng thủ Hiền kiếp nhất thiết chư đại Bồ Tát. Vô Cấu Phổ Hiền Bồ Tát nhi vi thượng thủ nhất sanh bồ xứ, trụ quán đảnh vị chư đại Bồ Tát, cập dư thập phương chủng chủng thế giới phổ lai tập hội nhất thiết sát hải cực vi trần số chư Bồ Tát Ma Ha Tát chúng. Đại Trí Xá Lợi Phất, Ma Ha Mục Kiền Liên đẳng nhi vi thượng thủ chư đại Thanh Văn. Tịnh chư nhân thiên, nhất thiết thế chủ, thiên, long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân đẳng, nhất thiết đại chúng, văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

(Lúc bấy giờ, Phổ Hiền Bồ Tát Ma Ha Tát nói bài kệ thanh tịnh mười nguyện vương Phổ Hiền rộng lớn này xong, Thiện Tài đồng tử hơn hớ vô lượng, hết thấy Bồ Tát đều đại hoan hỷ. Như Lai khen rằng: “Lành thay! Lành thay!”

Lúc bấy giờ, khi đức Thế Tôn cùng các thánh giả Bồ Tát Ma Ha Tát diễn thuyết pháp môn thù thắng cảnh giới giải thoát chẳng thể nghĩ bàn như thế, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát làm thượng thủ (4) của các đại Bồ Tát và sáu ngàn thầy tỳ-kheo do Ngài thành thực; Di Lạc Bồ Tát làm thượng thủ của hết thấy các đại Bồ Tát trong Hiền kiếp (5); Vô Cấu Phổ Hiền Bồ Tát làm thượng thủ của các đại Bồ Tát Nhất Sanh Bồ Xứ trụ địa vị Quán Đảnh (6), và các vị Bồ Tát Ma Ha Tát khác nhiều như số cực vi trần của hết thấy biển cõi nước trong mười phương đủ mọi thế giới khắp nhóm đến hội. Đại Trí Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên v.v... là thượng thủ của các đại Thanh Văn, và các trời người, hết thấy chúa thế gian, Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu

La, Ca Lôu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân v.v... hết thấy đại chúng nghe lời Phật dạy, đều đại hoan hỷ, tin nhận vâng làm)

Pháp hội giảng kinh lần này đến đây viên mãn, đem hạnh nguyện Phổ Hiền báo cáo đại lược. Kinh văn đem lại cho chúng ta rất nhiều chỉ dạy quý báu, hy vọng các vị đồng tu thường nhớ kỹ, tu hành đúng như lời dạy, nhất tâm xung niệm A Di Đà Phật, chẳng phụ lòng kỳ vọng của Phổ Hiền Bồ Tát đối với chúng ta.

Lược Giảng Giáo Nghĩa Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện hết

(dịch xong ngày 25 tháng 11 năm 2004)

(1) Cõi (dịch từ chữ Hữu): Hữu có nghĩa là hữu sanh tử, hữu nhân quả báo ứng. Có tam hữu, tứ hữu, thất hữu, cửu hữu, nhị thập ngũ hữu sai khác; nhưng kinh chỉ thường nói đến tam hữu (Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới) và cửu hữu. Cửu Hữu tức là từ tam hữu, phân ra thành chín cõi. Hữu chính là y báo của chúng sanh trong thế giới.

Từ A Tỳ địa ngục lên đến tầng trời Tha Hóa Tự Tại thuộc về Dục Giới, còn gọi là Ngũ Thú Tạp Cư địa; tức là gồm năm đường: trời, người, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục.

Mười tám tầng trời thuộc Sắc Giới chia làm bốn loại:

a) Ba tầng trời thuộc Sơ Thiên, gọi là Ly Sanh Hoan Hỷ Địa, bởi họ đã khỏi phải tái sanh trong Dục Giới, tâm rất vui mừng, sung sướng.

b) Ba tầng trời thuộc Nhị Thiên, gọi là Định Sanh Hoan Hỷ Địa, bởi họ do thiên định mà sanh về cõi này.

c) Ba tầng trời thuộc Tam Thiên, gọi là Ly Hỷ Diệu Lạc Địa, bởi đã lìa khỏi những tướng tâm hoan hỷ thô thấp, tâm niệm hoan hỷ rất vi diệu.

d) Chín tầng trời thuộc Tứ Thiên, gọi là Xả Niệm Thanh Tịnh Địa, đã bỏ những tâm niệm vui sướng của ba tầng Thiên Thiên ở dưới, tâm niệm rất thanh tịnh.

Bốn tầng trời thuộc Vô Sắc Giới, chia thành bốn loại:

- a) Không Vô Biên Xứ Thiên, còn gọi là Không Biên Xứ Đọa,
- b) Thức Vô Biên Xứ Thiên.
- c) Vô Sở Hữu Xứ Thiên.
- d) Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên.

Như vậy Dục Giới có một hữu, Sắc Giới có bốn hữu, Vô Sắc Giới có bốn hữu, tổng cộng là chín hữu.

(2) Địa thượng Bồ Tát: Bồ Tát từ Sơ Địa trở lên.

(3) Ở đây không rõ bản in bị thiếu hay Hòa Thượng lướt qua hai câu kệ không giảng.

(4) Thượng thủ: người cầm đầu, người lãnh đạo một nhóm người đến nghe pháp thì gọi là thượng thủ.

(5) Hiền kiếp: là tên của trung kiếp hiện tại. Trung kiếp quá khứ gọi là Trang Nghiêm Kiếp, trung kiếp tương lai gọi là Tinh Tú Kiếp. Trong Hiền kiếp có một ngàn đức Phật ra đời, vị đầu tiên là Câu Lưu Tôn Phật, vị cuối cùng là Phật Lô Lô Chí. Thích Ca Mâu Ni Phật và Di Lặc Phật đều là những vị Phật xuất thế trong Hiền kiếp.

(6) Quán đảnh: Quốc vương xứ Thiên Trúc (Ấn Độ), lúc truyền trao vương vị, dùng nước bốn biển rưới lên đầu vương tử, gọi là “quán đảnh”. Chữ Quán Đảnh ở đây chỉ hàng Pháp Vân Địa Bồ Tát, được chư Như Lai dùng trí huệ thủy tưới gội, sẽ kế tục làm Phật, giống như thái tử sẽ kế tục ngôi vua cha, nên gọi là Quán Đảnh. Mật Tông cũng có nghi lễ quán đảnh, dùng nước đã gia trì mật chú rưới lên đảnh, chia thành nhiều loại: truyền giáo quán đảnh, thọ giáo quán đảnh, diệt tội quán đảnh, thành tựu quán đảnh, cầu quả quán đảnh v.v...

HẾT